

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH KẾ TOÁN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Bình Định, tháng 06 năm 2022



**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KẾ TOÁN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**

*(Kèm theo Quyết định số 2057/QĐ-ĐHQN ngày 25 tháng 8 năm 2021 của Hiệu trưởng
Trường Đại học Quy Nhơn)*

TT	Họ và tên		Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Ông Đỗ Ngọc	Mỹ	PGS.TS, Hiệu trưởng	Chủ tịch	
2	Ông Đoàn Đức	Tùng	PGS.TS, Phó Hiệu trưởng	Phó chủ tịch	
3	Bà Trần Thị Cẩm	Thanh	PGS.TS, Trưởng khoa, Khoa Kinh tế & Kế toán	Phó chủ tịch	
4	Bà Đỗ Huyền	Trang	TS, Phó trưởng khoa, Khoa Kinh tế & Kế toán	Thư ký	
5	Ông Nguyễn Quang	Ngoạn	PGS.TS, Chủ tịch Hội đồng Trường	Thành viên	
6	Ông Lê Xuân	Vinh	TS, Trưởng phòng, Phòng Đào tạo đại học, đại diện Hội đồng Khoa học và Đào tạo	Thành viên	
7	Ông Hồ Xuân	Quang	PGS.TS, Trưởng phòng, Phòng Đào tạo sau đại học	Thành viên	
8	Ông Nguyễn Hữu	Tiến	ThS, Trưởng phòng, Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng	Thành viên	
9	Ông Hà Thanh	Hải	TS, Trưởng phòng, Phòng Tổ chức nhân sự	Thành viên	
10	Ông Lê Công	Trình	PGS.TS, Trưởng khoa, Khoa Toán - Thống kê	Thành viên	
11	Bà Nguyễn Thị Khánh	Linh	ThS, Phó Trưởng phòng, Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng	Thành viên	
12	Ông Hoàng Mạnh	Hùng	TS, Phó trưởng khoa, Khoa Kinh tế & Kế toán	Thành viên	
13	Bà Trương Thị Thanh	Phượng	TS, Trưởng bộ môn, Khoa Kinh tế & Kế toán	Thành viên	
14	Bà Lê Trần Hạnh	Phượng	TS, Trưởng bộ môn, Khoa Kinh tế & Kế toán	Thành viên	
15	Ông Nguyễn Ngọc	Tiến	PGS.TS, Giảng viên, Khoa Kinh tế & Kế toán	Thành viên	
16	Ông Đào Nhật	Minh	TS, Giảng viên, Khoa Kinh tế & Kế toán	Thành viên	
17	Bà Phạm Thị	Khoa	Học viên, Lớp cao học Kế toán K23B, Khoa Kinh tế và Kế toán	Thành viên	

(Danh sách gồm có 17 người)

MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	1
DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT	6
PHẦN I. KHÁI QUÁT.....	7
1.1. ĐẶT VẤN ĐỀ	7
1.2. TỔNG QUAN CHUNG	11
PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ.....	23
Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.....	23
Mở đầu.....	23
Tiêu chí 1.1.	23
Tiêu chí 1.2..	26
Tiêu chí 1.3.	28
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</i>	<i>30</i>
Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo.	30
Mở đầu.....	30
Tiêu chí 2.1..	31
Tiêu chí 2.2..	33
Tiêu chí 2.3.	35
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i>	<i>36</i>
Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học.....	37
Mở đầu.....	37
Tiêu chí 3.1.	37
Tiêu chí 3.2.	40
Tiêu chí 3.3.	42
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i>	<i>44</i>

Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học.	45
Mở đầu	45
Tiêu chí 4.1.	45
Tiêu chí 4.2.	47
Tiêu chí 4.3.	50
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i>	53
Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học.	54
Mở đầu	54
Tiêu chí 5.1.	55
Tiêu chí 5.2.	58
Tiêu chí 5.3.	60
Tiêu chí 5.4.	58
Tiêu chí 5.5.	67
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i>	69
Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên.	69
Mở đầu	69
Tiêu chí 6.1.	70
Tiêu chí 6.2.	73
Tiêu chí 6.3.	76
Tiêu chí 6.4.	77
Tiêu chí 6.5.	81
Tiêu chí 6.6.	83
Tiêu chí 6.7.	86
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 6</i>	88
Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên	89
Mở đầu	89
Tiêu chí 7.1.	89

Tiêu chí 7.2.	92
Tiêu chí 7.3.	94
Tiêu chí 7.4.	96
Tiêu chí 7.5.	98
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 7</i>	101
Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học	101
Mở đầu	101
Tiêu chí 8.1.	101
Tiêu chí 8.2.	104
Tiêu chí 8.3.	105
Tiêu chí 8.4.	108
Tiêu chí 8.5.	110
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 8</i>	112
Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị	114
Mở đầu	114
Tiêu chí 9.1.	114
Tiêu chí 9.2.	116
Tiêu chí 9.3.	118
Tiêu chí 9.4.	121
Tiêu chí 9.5.	123
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 9</i>	125
Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng	126
Mở đầu	126
Tiêu chí 10.1.	126
Tiêu chí 10.2.	128
Tiêu chí 10.3.	130
Tiêu chí 10.4.	133

Tiêu chí 10.5.....	136
Tiêu chí 10.6.....	138
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 10</i>	<i>141</i>
Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra.....	141
Mở đầu	141
Tiêu chí 11.1.	142
Tiêu chí 11.2..	144
Tiêu chí 11.3..	147
Tiêu chí 11.4.....	149
Tiêu chí 11.5.....	151
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 11</i>	<i>154</i>
PHẦN III. KẾT LUẬN.....	155
3.1. NHỮNG ĐIỂM MẠNH CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	155
3.1.1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	155
3.1.2. Bản mô tả chương trình đào tạo	155
3.1.3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học	156
3.1.4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học	156
3.1.5. Đánh giá kết quả học tập của người học	157
3.1.6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên	158
3.1.7. Đội ngũ nhân viên	159
3.1.8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học	160
3.1.9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị.....	161
3.1.10. Nâng cao chất lượng.....	162
3.1.11. Kết quả đầu ra	163
3.2. NHỮNG ĐIỂM TỒN TẠI CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	163
3.2.1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	163
3.2.2. Bản mô tả chương trình đào tạo	164

3.2.3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học	164
3.2.4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học	164
3.2.5. Đánh giá kết quả học tập của người học	164
3.2.6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên	165
3.2.7. Đội ngũ nhân viên	165
3.2.8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học	166
3.2.9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị.....	166
3.2.10. Nâng cao chất lượng.....	167
3.2.11. Kết quả đầu ra.....	167
3.3. KẾ HOẠCH CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	168
3.3.1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.....	168
3.3.2. Bản mô tả chương trình đào tạo	169
3.3.3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học	169
3.3.4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học	170
3.3.5. Đánh giá kết quả học tập của người học	171
3.3.6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên	172
3.3.7. Đội ngũ nhân viên	173
3.3.8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học	174
3.3.9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị.....	176
3.3.10. Nâng cao chất lượng.....	177
3.3.11. Kết quả đầu ra.....	178
3.4. TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.	179
PHẦN IV. PHỤ LỤC	183
PHỤ LỤC 1. CƠ SỞ DỮ LIỆU KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CTĐT.....	183
PHỤ LỤC 2. CÁC QUYẾT ĐỊNH VÀ VĂN BẢN LIÊN QUAN KHÁC	207

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

1	CB	Cán bộ
2	CĐR	Chuẩn đầu ra
3	CLĐT	Chất lượng đào tạo
4	CSGD	Cơ sở giáo dục
5	CTDH	Chương trình dạy học
6	CTĐT	Chương trình đào tạo
7	ĐHQN	Đại học Quy Nhơn
8	GDĐH	Giáo dục đại học
9	GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
10	GS	Giáo sư
11	GV	Giảng viên
12	HV	Học viên
13	KH&CN	Khoa học và Công nghệ
14	KT&KT	Kinh tế và Kế toán
15	NCKH	Nghiên cứu khoa học
16	NCV	Nghiên cứu viên
17	NH	Người học
18	PGS	Phó giáo sư
19	SĐH	Sau đại học
20	ThS	Thạc sĩ
21	TS	Tiến sĩ

PHẦN I. KHÁI QUÁT

1.1. ĐẶT VẤN ĐỀ

1.1.1. Tóm tắt báo cáo tự đánh giá

Chất lượng không chỉ là yêu cầu đối với các lĩnh vực kinh doanh, mà ngày nay chất lượng được dùng để đánh giá kết quả của mọi quá trình, trong đó có giáo dục, đào tạo. Yêu cầu của lao động cung cấp cho thị trường lao động ngày nay không còn đơn thuần là có bằng tốt nghiệp, mà quan trọng là phải đáp ứng được yêu cầu ”nhân lực toàn cầu”. Chính vì lý do đó, Trường ĐHQN xác định nâng cao chất lượng CSGD, cải tiến và nâng cao chất lượng CTĐT các trình độ là xu hướng tất yếu.

Năm 2016-2017 Trường ĐHQN đã tiến hành kiểm định chất lượng trường đại học và đã được Trung tâm Kiểm định CLGD - Đại học Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng CSGD (theo Quyết định số 120/QĐ-CEA.UD ngày 12/10/2017 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định CLGD - Đại học Đà Nẵng). Ngay sau kiểm định chất lượng CSGD, Nhà trường đã thực hiện tự đánh giá và đánh giá ngoài 3 CTĐT trình độ đại học ngành Sư phạm Toán học, Sư phạm Hóa học và Kỹ thuật điện vào năm 2019 (các Quyết định số 91/QĐ-CEA.UD, 92/QĐ-CEA.UD, 93/QĐ-CEA.UD ngày 02/7/2020 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định CLGD - Đại học Đà Nẵng). Tiếp đó, vào năm 2020, 9 CTĐT trình độ đại học các ngành Kế toán, Tài chính - Ngân hàng, Giáo dục mầm non, Giáo dục tiểu học, Giáo dục thể chất, Công tác xã hội, Ngôn ngữ Anh, Công nghệ thông tin, Quản lý nhà nước cũng đã thực hiện tự đánh giá và đánh giá ngoài (các Quyết định từ số 125/QĐ-CEA.UD đến số 133/QĐ-CEA.UD ngày 24/4/2021 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định CLGD - Đại học Đà Nẵng).

Với sự cam kết về CLĐT, Trường ĐHQN không chỉ dừng lại ở việc kiểm định chất lượng các CTĐT trình độ đại học, năm 2021 Nhà trường đã lập kế hoạch và tiến hành tự đánh giá 2 CTĐT trình độ ThS các ngành Kế toán và Vật lý chất rắn. Việc xúc tiến tự đánh giá tiến đến đánh giá ngoài các CTĐT trình độ ThS là minh chứng rất rõ ràng về cam kết đảm bảo CLĐT của Trường ĐHQN.

Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành Kế toán trình độ ThS đã xem xét, tự đánh giá và báo cáo thực trạng chất lượng CTĐT, đánh giá hiệu quả các hoạt động đào tạo, NCKH, nhân lực, cơ sở vật chất của CTĐT ngành Kế toán căn cứ vào các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT và các văn bản hướng dẫn. Qua đó, chỉ ra những điểm mạnh và điểm tồn tại cần khắc phục làm cơ sở

đề xuất các biện pháp điều chỉnh, kế hoạch hành động nhằm đạt được các mục tiêu đào tạo đã đề ra.

*** Cấu trúc của báo cáo tự đánh giá**

Báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành Kế toán trình độ ThS bao gồm 3 phần:

- Phần I. Khái quát

+ Tóm tắt báo cáo tự đánh giá CTĐT (mô tả cấu trúc, nội dung, cách mã hóa minh chứng...);

+ Tổng quan chung về Trường ĐHQN và Khoa KT&KT (tóm tắt sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu, các chính sách và hoạt động đảm bảo chất lượng thực hiện CTĐT...).

- Phần II. Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí

Tự đánh giá lần lượt từng tiêu chí theo các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT với cấu trúc như sau:

Tiêu chuẩn.....

Mở đầu

Tiêu chí....

+ Mô tả (mô tả và nhận định thực trạng của CTĐT theo các nội hàm của tiêu chí...)

+ Điểm mạnh (nêu những điểm mạnh nổi bật của CTĐT)

+ Điểm tồn tại (nêu những điểm tồn tại của CTĐT)

+ Kế hoạch hành động (kế hoạch phát huy điểm mạnh, khắc phục những tồn tại...)

+ Tự đánh giá

Kết luận về Tiêu chuẩn...

- Phần III. Kết luận (Tóm tắt những điểm mạnh, điểm cần phát huy; những điểm tồn tại, những vấn đề cần cải tiến chất lượng; kế hoạch cải tiến chất lượng và tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT).

Cuối Báo cáo tự đánh giá là hệ thống Phụ lục liên quan (Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT theo Thông tư 04/2016, cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT, các quyết định và văn bản liên quan khác, danh mục minh chứng).

*** Phương pháp mã hóa minh chứng**

Mã thông tin và minh chứng (Mã minh chứng) được ký hiệu bằng chuỗi có ít nhất 11 ký tự, bao gồm 1 chữ cái, 3 dấu chấm và 7 chữ số; cứ 2 chữ số có 1 dấu chấm (.) để phân cách theo công thức sau: Hn.ab.cd.ef.

TRONG ĐÓ:

- H: viết tắt “Hộp minh chứng” (Minh chứng của mỗi tiêu chuẩn được tập hợp trong 1 hộp hoặc một số hộp).
- n: số thứ tự của hộp minh chứng được đánh số từ 1 đến hết (trường hợp $n \geq 10$ thì chuỗi ký hiệu có 12 ký tự trở lên).
- ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10).
- cd: số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 01, tiêu chí 10 viết 10).
- ef: số thứ tự của minh chứng theo từng tiêu chí (thông tin và minh chứng thứ nhất viết 01, thứ 15 viết 15).

Ví dụ: H1.01.01.01: là minh chứng thứ nhất của tiêu chí 1 thuộc tiêu chuẩn 1, được đặt ở hộp 1; H10.10.05.05: là minh chứng thứ 5 của tiêu chí 5 thuộc tiêu chuẩn 10, được đặt ở hộp 10.

1.1.2. Mục đích, quy trình tự đánh giá chương trình đào tạo, phương pháp và công cụ đánh giá

*** Mục đích tự đánh giá**

Tự đánh giá CTĐT ngành Kế toán trình độ ThS là quá trình để Khoa KT&KT dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ GD&ĐT ban hành, tự rà soát, xem xét, đánh giá thực trạng của CTĐT, báo cáo về tình trạng chất lượng, hiệu quả hoạt động đào tạo, NCKH, nhân lực, cơ sở vật chất và các vấn đề liên quan khác thuộc CTĐT; từ đó tiến hành điều chỉnh CTĐT, các nguồn lực và quá trình thực hiện nhằm đạt tiêu chuẩn chất lượng CTĐT. Quá trình tự đánh giá không chỉ khẳng định CLĐT của Khoa, mà còn hướng đến mục tiêu từng bước xây dựng Khoa trở thành đơn vị đào tạo và nghiên cứu có uy tín trong nước, vươn tới tầm khu vực và quốc tế.

*** Nội dung tự đánh giá**

Nội dung tự đánh giá CTĐT ngành Kế toán trình độ ThS gồm 11 tiêu chuẩn, với 50 tiêu chí theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT và được hướng dẫn cụ thể trong Công văn 1669/QLCL-KĐCLGD thay thế Công văn số

769/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 về việc sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH của Cục Quản lý chất lượng. Nội dung cụ thể gồm: Mục tiêu và CDR của CTĐT; Bản mô tả CTĐT; Cấu trúc và nội dung CTDH; Phương pháp tiếp cận trong dạy và học; Đánh giá kết quả học tập của NH; Đội ngũ GV, NCV; Đội ngũ nhân viên; NH và hoạt động hỗ trợ NH; Cơ sở vật chất và trang thiết bị; Nâng cao chất lượng; Kết quả đầu ra.

**** Phạm vi tự đánh giá***

Đánh giá các hoạt động của Khoa KT&KT và các đơn vị phối hợp của Trường ĐHQN trong việc thực hiện CTĐT ngành Kế toán trình độ ThS theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành.

Thời gian đánh giá: giai đoạn 2017-2021.

**** Quy trình tự đánh giá chương trình đào tạo***

Quy trình tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành Kế toán trình độ ThS được thực hiện theo các bước chính sau:

Bước 1: Thành lập Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký, các nhóm công tác chuyên trách;

Bước 2: Lập kế hoạch tự đánh giá, phân công trách nhiệm cụ thể cho từng nhóm công tác chuyên trách;

Bước 3: Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng;

Bước 4: Xử lý, phân tích các thông tin và minh chứng thu được;

Bước 5: Viết báo cáo tự đánh giá;

Bước 6: Công bố báo cáo tự đánh giá trong toàn Khoa và Trường để đọc và góp ý kiến; rà soát, hoàn thiện báo cáo tự đánh giá;

Bước 7: Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành tự đánh giá.

**** Phương pháp và công cụ đánh giá***

Quá trình tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành Kế toán trình độ ThS của Khoa KT&KT được thực hiện dựa trên bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT gồm 11 tiêu chuẩn (50 tiêu chí) theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH.

Đối với mỗi tiêu chí đánh giá được tiến hành xem xét theo trình tự sau:

- Mô tả, làm rõ thực trạng của CTĐT;
- Phân tích, giải thích, so sánh, đối chiếu để đưa ra những nhận định, chỉ ra những điểm mạnh, điểm tồn tại và những biện pháp khắc phục;
- Lập kế hoạch hành động để cải tiến, nâng cao chất lượng CTĐT.

Kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016, quá trình tự đánh giá CTĐT ngành Kế toán còn dựa trên các văn bản hướng dẫn cụ thể sau:

- Văn bản hướng dẫn sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH số 1074/KTKĐGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục, Bộ GD&ĐT;
- Văn bản hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài CTĐT số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng, Bộ GD&ĐT;
- Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng về việc thay thế Tài liệu đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH ban hành kèm theo Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 về sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH.

Quá trình tự đánh giá CTĐT được tiến hành một cách khách quan, trung thực, công khai và minh bạch; các giải thích, nhận định, kết luận được đưa ra đều dựa trên các minh chứng cụ thể, rõ ràng, đủ độ tin cậy. Để đảm bảo kế hoạch tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành Kế toán trình độ ThS, Ban chủ nhiệm Khoa KT&KT đã lên kế hoạch chi tiết và tổ chức họp viên chức toàn Khoa để phổ biến kế hoạch. Trong quá trình thực hiện tự đánh giá, bên cạnh các thành viên trong Hội đồng tự đánh giá, Ban Thư ký và các nhóm công tác chuyên trách, Khoa đã huy động phần lớn GV, viên chức của Khoa và một số cá nhân, đơn vị liên quan trong Trường tham gia phối hợp, hỗ trợ các nhóm công tác chuyên trách của Hội đồng để triển khai tự đánh giá CTĐT ngành Kế toán trình độ ThS.

1.2. TỔNG QUAN CHUNG

1.2.1. Giới thiệu về Trường Đại học Quy Nhơn

Cơ sở Đại học Sư phạm Quy Nhơn được thành lập theo Quyết định số 1842/QĐ ngày 21/12/1977 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục (nay là Bộ GD&ĐT) vào năm 1977. Đến năm 1981, Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính Phủ) đã ra Quyết định số 02/HĐBT ngày 13/7/1981 thành lập Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn trực thuộc Bộ Giáo dục, “có nhiệm vụ đào tạo và bồi dưỡng giáo viên các trường trung học phổ thông”.

Năm 2003, Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn được Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 221/2003/QĐ-TTg ngày 30/10/2003 đổi tên thành Trường ĐHQN, “có nhiệm vụ: 1. Đào tạo giáo viên trình độ đại học và từng bước mở thêm các ngành nghề đào tạo phù hợp với khả năng của trường và nhu cầu nhân lực xã hội; 2. NCKH phục vụ phát triển kinh tế - xã hội”.

Gần 45 năm xây dựng và phát triển, từ một trường đào tạo ngành sư phạm, Trường ĐHQN đã trở thành một trường đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực; từng bước phát triển cả về quy mô và lĩnh vực đào tạo; trình độ, CLĐT ngày càng đảm bảo và nâng cao; đội ngũ GV, viên chức phát triển mạnh cả về số lượng và chất lượng; cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ giảng dạy, học tập và NCKH ngày càng được Nhà trường chú trọng đầu tư xây dựng hiện đại, đồng bộ, chuẩn hóa; công tác NCKH và hợp tác quốc tế không ngừng mở rộng với chất lượng tăng cao,...

Tính đến tháng 12 năm 2021, Trường ĐHQN có 12 khoa, 1 bộ môn thuộc Trường, 15 đơn vị chức năng và phục vụ đào tạo (trong đó có 10 phòng, 01 văn phòng Đảng - Đoàn thể, 02 trung tâm, 01 thư viện, 01 viện khoa học giáo dục), 05 đơn vị hạch toán độc lập (04 trung tâm, 01 viện nghiên cứu ứng dụng KH&CN) và các đoàn thể, tổ chức xã hội: Công đoàn, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội sinh viên, Hội Cựu chiến binh, Hội Cựu giáo chức. Trường ĐHQN hiện có 729 viên chức và người lao động; trong đó có 507 GV, gồm: 34 GS/PGS, 155 TS, 117 nghiên cứu sinh (81 nghiên cứu sinh trong nước và 36 nghiên cứu sinh nước ngoài), số còn lại hầu hết có trình độ ThS; tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ GS, PGS, TS chiếm 37,27%, so với quy hoạch phát triển đội ngũ GV của Nhà trường giai đoạn 2010-2020 đã vượt chỉ tiêu. Với việc ưu tiên tập trung phát triển đội ngũ giảng dạy chất lượng cao được đào tạo tại các trường đại học lớn ở trong nước và nước ngoài đã tạo nền móng vững chắc để Nhà trường hướng tới nâng cao chất lượng dạy và học; đổi mới, cải tiến chất lượng CSGD, CTĐT các trình độ theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

Nhà trường hiện đang đào tạo 47 ngành trình độ đại học thuộc các khối ngành Khoa học GD&ĐT giáo viên, nhất là giáo viên trung học phổ thông; Kinh doanh và quản lý, Pháp luật; Khoa học tự nhiên; Toán và Thống kê, Máy tính và Công nghệ thông tin, Kỹ thuật và công nghệ; Khoa học xã hội và nhân văn, Khách sạn - du lịch - thể thao, với quy mô hơn 11.000 sinh viên chính quy và hơn 5.000 sinh viên không chính quy; 24 ngành/chuyên ngành trình độ ThS, 03 chuyên ngành trình độ TS với quy mô hơn 1.000 HV, nghiên cứu sinh. Ngoài ra, Trường còn đào tạo đại học, SDH và bồi dưỡng tiếng Việt cho lưu học sinh Lào thuộc các tỉnh Attapu, Champasak, Salavan và Sekong.

Xuất phát từ một trường sư phạm, Trường ĐHQN vẫn luôn lấy đào tạo ngành sư phạm là cốt lõi và đã khẳng định vị trí và vai trò quan trọng trong việc đào tạo đội ngũ giáo viên, nhất là giáo viên trung học phổ thông cho cả nước, đặc biệt là khu vực Nam Trung Bộ - Tây Nguyên. Bên cạnh đó, uy tín của Nhà trường trong đào tạo, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho các lĩnh vực khoa học tự nhiên và xã hội, lĩnh vực kinh tế, kỹ thuật và công nghệ thông tin ngày càng được khẳng định, góp phần to lớn vào sự nghiệp GD&ĐT, phát triển kinh tế - xã hội cũng như nâng cao dân trí của khu vực Nam Trung Bộ - Tây Nguyên và cả nước.

**** Sứ mệnh, tầm nhìn và mục tiêu***

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và các nguồn lực của Nhà trường; đảm bảo phù hợp và gắn kết với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước, Nhà trường đã công bố sứ mệnh, tầm nhìn, giá trị cốt lõi theo Quyết định số 186/QĐ-ĐHQN ngày 13/02/2017 của Hiệu trưởng Trường ĐHQN và được tuyên truyền, phổ biến rộng rãi trên các văn bản, phương tiện truyền thông trong và ngoài Trường.

Sứ mệnh: “Trường ĐHQN là CSGD đại học đa ngành, đa lĩnh vực có sứ mệnh đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; bồi dưỡng nhân tài; NCKH, truyền bá tri thức và chuyển giao công nghệ; phục vụ hiệu quả sự phát triển bền vững của đất nước, đặc biệt đối với khu vực Nam Trung Bộ - Tây Nguyên; góp phần thúc đẩy tiến bộ xã hội.”

Tầm nhìn: “Đến năm 2030, Trường ĐHQN sẽ là trường đại học đa ngành, đa lĩnh vực định hướng ứng dụng có uy tín cao, đạt tiêu chuẩn chất lượng của khu vực Đông Nam Á; có vị thế quan trọng về hợp tác đào tạo, nghiên cứu, trao đổi học thuật, giao lưu văn hóa trong nước và quốc tế.”

Giá trị cốt lõi: “Trách nhiệm - Chuyên nghiệp - Chất lượng - Sáng tạo - Nhân văn.”

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch, chiến lược và giải pháp thực hiện trong từng giai đoạn cụ thể phù hợp với sứ mệnh, tầm nhìn, phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, của cả nước nhằm thực hiện hiệu quả kế hoạch, chiến lược đặt ra và đạt được mục tiêu đã xác định.

*** *Triết lý giáo dục***

Theo Quyết định số 3663/QĐ-ĐHQN ngày 28/12/2018 của Hiệu trưởng Trường ĐHQN, triết lý giáo dục của Nhà trường được công bố, với nội dung “*Toàn diện - Khai phóng - Thực nghiệp*”. Cụ thể nội dung triết lý giáo dục như sau:

Toàn diện: Nhà trường hướng tới đào tạo các thế hệ người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất, năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực; đem lại cho người học nền tảng vững chắc về kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có sức khỏe và năng lực thẩm mỹ để sống và làm việc trong môi trường luôn thay đổi của xã hội.

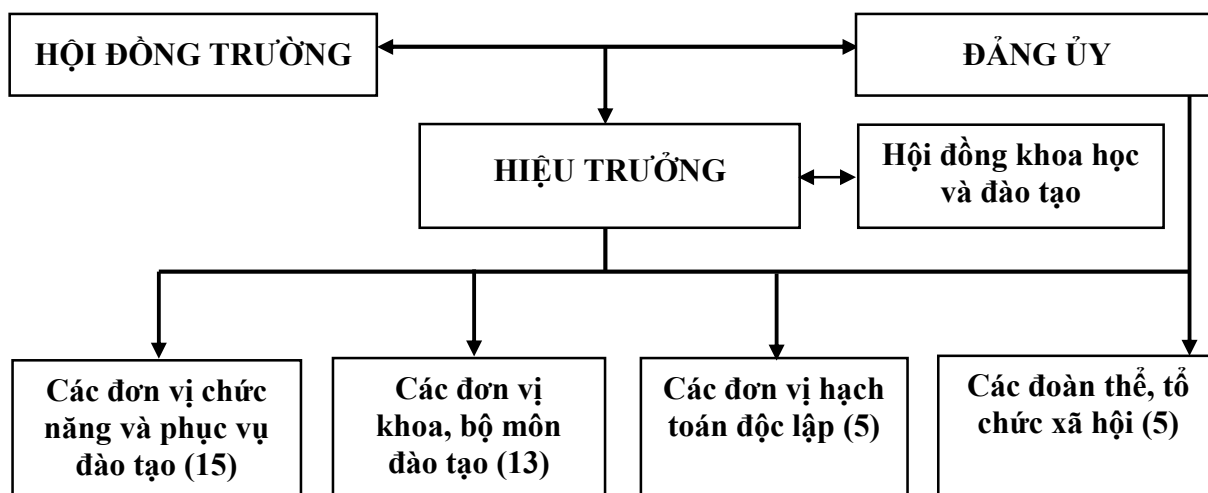
Khai phóng: Nhà trường hướng tới phát huy tối đa tiềm năng của mỗi người học; tạo môi trường học tập và rèn luyện giúp người học phát triển nền tảng kiến thức và những kỹ năng cần thiết, chủ động, sáng tạo, tự tin, có khả năng thích ứng với sự thay đổi, có ý thức học tập suốt đời, đáp ứng nhu cầu phát triển của cá nhân và đóng góp cho xã hội.

Thực nghiệp: Nhà trường hướng tới đào tạo gắn với thực tiễn, nhu cầu lao động; chú trọng thực học, thực nghiệp; trang bị những kiến thức, kỹ năng cần thiết để người học có thể thành nghề, đáp ứng yêu cầu thực tế của công việc và có khả năng phát triển từ nghề nghiệp.

*** *Cơ cấu tổ chức, quản lý***

Cơ cấu tổ chức của Trường ĐHQN được thực hiện theo Điều 14 Luật GDDH, bao gồm:

- Hội đồng trường;
- Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng;
- Hội đồng khoa học và đào tạo và các hội đồng khác;
- Các đơn vị thuộc Trường: các khoa, bộ môn, các viện nghiên cứu; các phân hiệu; các phòng chức năng, trung tâm, thư viện, tạp chí khoa học;
- Các đơn vị trực thuộc Trường: các viện nghiên cứu KH&CN; các trung tâm dịch vụ đào tạo; các doanh nghiệp; các cơ sở kinh doanh.



Sơ đồ 1.1. Cơ cấu tổ chức Trường ĐHQN

Công tác quản lý của Nhà trường được thực hiện theo quy định của Luật GDĐH, Điều lệ trường đại học, các quy định của Nhà nước, của Bộ GD&ĐT và theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHQN (ban hành theo Quyết định số 902/QĐ-ĐHQN ngày 24/6/2016 của Hiệu trưởng Trường ĐHQN). Hệ thống văn bản về tổ chức và quản lý trong Trường được phổ biến rộng rãi và triển khai thực hiện kịp thời, có hiệu quả đến toàn thể viên chức qua hệ thống E-office. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị, viên chức quản lý, GV, nhân viên trong Trường được quy định rõ ràng. Tổ chức Đảng và các đoàn thể trong Nhà trường hoạt động có hiệu quả, xây dựng khối đoàn kết nhất trí trong viên chức quản lý, GV, nhân viên và NH.

*** Chương trình và hoạt động đào tạo**

Tại Trường ĐHQN, CTĐT của tất cả các bậc học và chuyên ngành đào tạo được xây dựng theo quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT, có mục tiêu rõ ràng, cụ thể; có cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách hệ thống; đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm của từng trình độ đào tạo; đồng thời đáp ứng yêu cầu của NH và của thị trường lao động (với các CĐR cụ thể). Nhiều CTĐT đã có sự tham khảo và đối sánh với CTĐT của các trường đại học có uy tín trong và ngoài nước; được định kỳ cập nhật, bổ sung, điều chỉnh trên cơ sở khảo sát hoặc tổ chức hội nghị lấy ý kiến phản hồi của chuyên gia, nhà tuyển dụng, NH, GV về mục tiêu, CĐR của CTĐT, khung CTĐT.

Hiện nay, đối với trình độ ThS, Trường ĐHQN đã ban hành Quy định về việc rà soát, bổ sung, cập nhật và phát triển CTĐT trình độ ThS (Quyết định số 543/QĐ-ĐHQN ngày 17/3/2021 của Hiệu trưởng Trường ĐHQN). Quy định này được xây dựng căn cứ theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam và các quy định có liên quan về

khối lượng kiến thức, về quy định mở ngành, về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT,... của Bộ GD&ĐT.

Năm 2010, để đổi mới hoạt động đào tạo, Trường ĐHQN đã chuyển đổi hình thức đào tạo từ niên chế sang học chế tín chỉ và được điều chỉnh dần căn cứ theo Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. Nhà trường rất chú trọng đổi mới, đa dạng hóa phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc theo nhóm của NH. Phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá phù hợp với hình thức đào tạo, hình thức học tập và mục tiêu môn học, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng. Năm 2021, trước tình hình dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, để đảm bảo hoạt động giảng dạy, học tập, Trường đã kịp thời ban hành Quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến của Trường ĐHQN (theo Quyết định số 1931/QĐ-ĐHQN ngày 06/8/2021 của Hiệu trưởng Trường ĐHQN).

Riêng với trình độ đào tạo ThS, Nhà trường cũng đã ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ ThS, theo Quyết định số 2705/QĐ-ĐHQN, ngày 21/10/2021 của Hiệu trưởng Trường ĐHQN. Quy chế này đảm bảo hoạt động đào tạo trình độ ThS của Trường cập nhật theo các quy định mới nhất của Bộ GD&ĐT (Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT, ngày 22/6/2021 và Thông tư số 23/TT-BGDĐT, ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT).

Các quy chế đào tạo, CTĐT, quy chế kiểm tra đánh giá được phổ biến kịp thời đã giúp NH tiếp cận, nắm vững và chấp hành tốt các quy chế, quy định của Nhà trường. Định kỳ, Nhà trường triển khai lấy ý kiến phản hồi của NH về hoạt động giảng dạy của GV nhằm tạo cơ hội để NH được tham gia đánh giá chất lượng giảng dạy của GV, CTĐT của Nhà trường. Thêm vào đó, thông qua việc thành lập Trung tâm Tuyển sinh và Quan hệ doanh nghiệp (trước đây là Trung tâm Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp), các hoạt động hỗ trợ NH tốt nghiệp tìm kiếm việc làm, kết nối giữa người học với các doanh nghiệp, các nhà tuyển dụng được tổ chức thường xuyên và ngày càng thu hút được sự tham gia của nhiều doanh nghiệp, tạo cơ hội việc làm cho nhiều NH tất cả các ngành và trình độ đào tạo.

**** Đội ngũ viên chức quản lý, viên chức giảng dạy, viên chức hành chính và nhân viên***

Việc nâng cao CLĐT không thể thiếu đội ngũ viên chức quản lý, viên chức giảng dạy, viên chức hành chính và nhân viên, do đó, Trường ĐHQN rất chú trọng

việc phát triển đội ngũ cả về số lượng và chất lượng, nghiêm túc và ngày càng hoàn thiện trong quá trình đánh giá. Hiện nay Trường đã có đội ngũ viên chức quản lý, viên chức giảng dạy, viên chức hành chính và nhân viên có phẩm chất đạo đức tốt, tâm huyết với sự nghiệp xây dựng và phát triển Nhà trường, đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định, có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ và hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao. Trường đã tạo môi trường dân chủ thông qua các văn bản, quy định để viên chức quản lý, viên chức giảng dạy, viên chức hành chính và nhân viên tham gia đóng góp ý kiến đối với các chủ trương, kế hoạch của Nhà trường. Trường đã thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, đảm bảo đúng quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của CB quản lý, GV, nhân viên và người học.

Để phát triển đội ngũ, Trường ĐHQN đã thực hiện các chính sách hỗ trợ về tài chính, tăng cường các dự án đào tạo, tạo điều kiện về thời gian cho đội ngũ viên chức quản lý, viên chức giảng dạy tham gia học tập, bồi dưỡng ở trong và ngoài nước. Trình độ chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ viên chức quản lý, viên chức giảng dạy của Trường ngày càng được nâng cao. Hiện tại toàn Trường có 729 viên chức và người lao động; trong đó có 507 viên chức giảng dạy, gồm: 34 GS/PGS, 155 TS, 117 GV đang là NCS trong nước và nước ngoài; 141 viên chức hành chính, 62 lao động dài hạn và 19 lao động ngắn hạn.

**** Nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế***

Là một trường đại học định hướng ứng dụng, Trường ĐHQN chú trọng đẩy mạnh hoạt động NCKH hướng đến các đề tài có khả năng ứng dụng cao, nhờ đó ngày càng có nhiều đề tài và kết quả nghiên cứu gắn với mục tiêu, CTĐT, gắn với thực tế địa phương, được ứng dụng có hiệu quả trong công tác đào tạo và giải quyết các vấn đề phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và khu vực được phê duyệt thực hiện, nghiệm thu. Trong giai đoạn đánh giá, đội ngũ GV, NCV Nhà trường đã chủ trì và thực hiện thành công hàng chục đề tài cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp Tỉnh, Nafosted. Đồng thời, để nâng cao chất lượng các đề tài KH&CN, Nhà trường đã chủ động xây dựng quy chế, quy định hoạt động KH&CN, triển khai kế hoạch hoạt động KH&CN theo hướng dẫn của các cấp quản lý; triển khai thực hiện và đánh giá nghiệm thu các đề tài KH&CN các cấp đúng thời hạn, bảo đảm yêu cầu chất lượng.

Thêm vào đó, các kết quả nghiên cứu được công bố hàng năm trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế ngày càng tăng, trong 5 năm trở lại đây có đến 114 bài báo của đội ngũ GV, NCV được đăng trên các tạp chí SCI, SCIE, SSCI, A&HCI, ESCI. Mặt khác, Nhà trường đã tổ chức thành công nhiều hội thảo khoa học quốc gia và quốc tế về các lĩnh vực Toán, Vật lý, Hóa học, Kế toán, Kinh tế,... thu hút

đồng đảo các nhà khoa học, nhà nghiên cứu, các GV, đối tác đến từ các trường đại học, viện nghiên cứu uy tín trong nước và nước ngoài; đồng thời tạo mọi điều kiện thuận lợi để viên chức quản lý, viên chức giảng dạy tham gia thực hiện các đề tài, các dự án KH&CN, tham dự các Hội nghị, Hội thảo khoa học quốc gia và quốc tế.

Để thực hiện mục tiêu nêu rõ trong tầm nhìn đến năm 2030, hoạt động hợp tác quốc tế được coi là một trong những nhiệm vụ quan trọng, có ý nghĩa chiến lược trong quá trình xây dựng và phát triển Trường ĐHQN, góp phần nâng cao CLĐT, chất lượng các công bố, các đề tài KH&CN tiến đến hội nhập với khu vực và thế giới. Nhà trường chú trọng đẩy mạnh và phát triển hoạt động hợp tác quốc tế theo chiều sâu qua các chương trình liên kết đào tạo, NCKH, trao đổi học thuật với nhiều trường đại học, viện nghiên cứu trong khu vực và trên thế giới như: chương trình học bổng EMMA và dự án VLIR do Cộng đồng chung Châu Âu và Đại học KU. Leuven Vương quốc Bỉ tài trợ. Cùng với đó, Nhà trường còn tích cực triển khai các dự án quốc tế đã ký kết (HR4ASIA, FCB TEAM, SI 2018, TWAS, KIST, MOMA); cùng với Đại học KU. Leuven triển khai dự án IUC (Institutional University Cooperation) do VLIR-UOS tài trợ.

Nhờ những nỗ lực hợp tác quốc tế về đào tạo và NCKH, năng lực nghiên cứu, trình độ chuyên môn nghiệp vụ của GV được nâng cao và vị thế của Nhà trường đối với một số nước trên thế giới ngày càng được củng cố và phát triển. Đồng thời, đem lại cho các GV, nhà khoa học trẻ của Trường nhiều cơ hội để đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu, tiếp cận các nền khoa học và giáo dục tiên tiến trên thế giới.

**** Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác***

Nhằm đạt được mục tiêu, nhiệm vụ nâng cao CLĐT, chất lượng hoạt động NCKH, hỗ trợ tốt nhất cho NH và GV, Trường ĐHQN từ chỗ đảm bảo đủ các điều kiện về thư viện, trang thiết bị thí nghiệm, thực hành, các thiết bị hỗ trợ giảng dạy, học tập và cơ sở vật chất khác để triển khai các hoạt động đào tạo và NCKH, đang tiếp tục hoàn thiện để hướng đến đầu tư cơ sở vật chất ngày càng hiện đại hơn.

Thư viện Trường có đủ đầu sách, tài liệu, giáo trình, báo, tạp chí; có hệ thống cơ sở dữ liệu điện tử như: Cơ sở dữ liệu Proquest Central, Cơ sở dữ liệu STD (Tài liệu KH&CN Việt Nam), Cơ sở dữ liệu KQNC (Báo cáo kết quả đề tài nghiên cứu), Cơ sở dữ liệu MathSciNet; phòng đọc, phòng mượn phục vụ nhu cầu nghiên cứu, học tập của NH và GV. Hệ thống giảng đường, hội trường, phòng thực hành, thí nghiệm, phòng máy tính, phòng học ngoại ngữ khu luyện tập thể dục thể thao đủ và ngày càng được đầu tư trang bị các thiết bị hiện đại đáp ứng cả về số lượng và chất lượng phục vụ cho

việc dạy học và NCKH, cho các hoạt động vui chơi, giải trí, văn hóa, thể thao của NH; hệ thống phòng làm việc, trang thiết bị đáp ứng đủ cho các phòng, khoa, bộ môn; hiện nay đã có 4 phòng học đa phương tiện, 16 phòng học hiện đại được đưa vào sử dụng và đang tiếp tục đầu tư 52 phòng học hiện đại. Hệ thống công nghệ thông tin và truyền thông được Nhà trường chú trọng đầu tư và ngày càng hoàn thiện phù hợp với xu hướng phát triển mạnh mẽ của các công cụ quản lý số, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và đào tạo, các phần mềm đã được triển khai: Quản lý văn bản E-Office, Cổng thông tin điện tử - Portal, Quản lý nhân sự - HRM, Quản lý khảo sát ý kiến sinh viên - eSurvey, Quản lý tạp chí khoa học - JMS, Kế toán thù lao giảng dạy, thu học phí sinh viên; mở rộng kết nối mạng nội bộ, mạng Internet Wifi; triển khai dịch vụ Internet Wifi tại khu KTX; triển khai E-Learning; triển khai giảng dạy trực tuyến. Thực hiện công tác truyền thông trên cổng thông tin điện tử, mạng Internet, mạng xã hội và các kênh thông tin khác; vận hành Website tiếng Anh.

1.2.2. Giới thiệu về Khoa Kinh tế và Kế toán

**** Quá trình hình thành và phát triển***

Tháng 7 năm 1994, Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn và Trường Đại học Kinh tế Quốc dân đã ký kết hợp đồng liên kết đào tạo ngành Quản trị kinh doanh. Sự kiện này đã đặt “viên gạch” đầu tiên cho quá trình xây dựng và phát triển các ngành Quản trị kinh doanh, Kế toán, Tài chính – Ngân hàng và Kinh tế. Năm đầu tiên tuyển sinh – tháng 9 năm 1994 – Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn đã tuyển được 65 sinh viên chuyên ngành Quản trị kinh doanh du lịch và khách sạn.

Ngày 27 tháng 3 năm 2002, Bộ GD&ĐT ra Quyết định số 1247/QĐ-BGD&ĐT-TCCB về việc thành lập Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh. Đây là bước khởi đầu nhằm tạo tiền đề để phát triển Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn thành Trường ĐHQN đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực. Cũng trong năm học 2002 – 2003, Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh chính thức được Bộ GD&ĐT cho phép tuyển sinh ngành Quản trị kinh doanh do Trường ĐHQN cấp bằng. Hai sự kiện này là bước ngoặt lớn đặt nền móng cho quá trình phát triển của Khoa sau này. Những năm tiếp theo, các ngành Kế toán, Tài chính – Ngân hàng và Kinh tế lần lượt ra đời. Ngày 14 tháng 10 năm 2009, Hiệu trưởng Trường ĐHQN ký Quyết định số 1231/QĐ-ĐHQN thành lập Khoa KT&KT và Khoa Tài chính - Ngân hàng và Quản trị kinh doanh trên cơ sở tách Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh. Hòa chung vào sự phát triển của Trường ĐHQN, trong suốt 20 năm qua Khoa KT&KT đã từng bước trưởng thành và phát triển mạnh mẽ trong công tác đào tạo, NCKH và hợp tác đào tạo.

*** *Sứ mệnh và tầm nhìn***

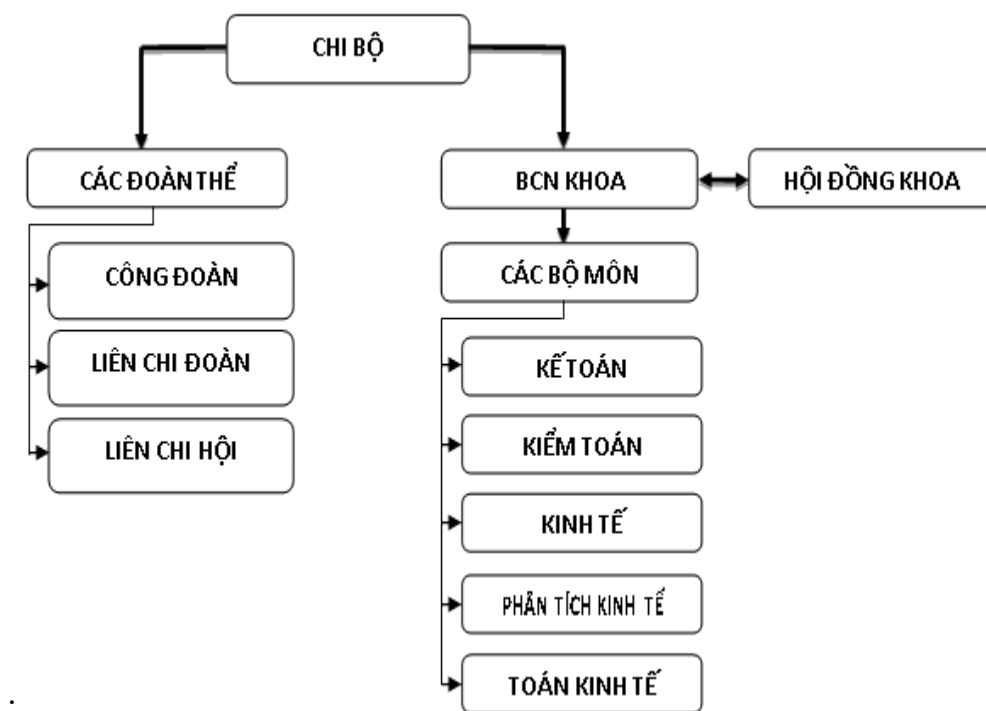
Để phát triển theo định hướng đã nêu trên, Khoa KT&KT đã lập kế hoạch chiến lược phát triển với những mục tiêu, định hướng, quy mô phát triển và quan điểm chỉ đạo, các nhiệm vụ ưu tiên... thể hiện rõ sứ mệnh và tầm nhìn đến năm 2030 của Khoa như sau:

Sứ mệnh: Khoa KT&KT là một đơn vị đào tạo thuộc Trường ĐHQN, có sứ mệnh đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán, kinh tế cho cả nước, đặc biệt là khu vực Nam Trung Bộ - Tây Nguyên; là trung tâm NCKH và chuyên gia trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán, kinh tế.

Tầm nhìn: Đến năm 2030, Khoa KT&KT Trường ĐHQN sẽ trở thành khoa có uy tín cao về đào tạo nguồn nhân lực và NCKH trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán, kinh tế phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao của xã hội trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0; đạt tiêu chuẩn chất lượng của khu vực Đông Nam Á; có vị thế quan trọng trong hợp tác đào tạo, nghiên cứu, trao đổi học thuật, giao lưu văn hóa trong nước và quốc tế.

*** *Về cơ cấu tổ chức và đội ngũ giảng viên***

Cơ cấu tổ chức của Khoa được thực hiện theo quy định tại Điều lệ trường đại học. Cơ cấu tổ chức Khoa KT&KT được cụ thể theo sơ đồ sau:



Sơ đồ 1.2. Cơ cấu tổ chức Khoa KT&KT

Đội ngũ GV của Khoa ngày càng được nâng cao trình độ, chất lượng, được đào tạo bài bản, có trình độ chuyên môn cao, có phương pháp giảng dạy tốt, nhiệt tình và tâm huyết. Hiện nay, Khoa có đội ngũ viên chức cơ hữu gồm 50 người; trong đó có 48 GV với 2 PGS, 16 TS, 21 ThS, 9 nghiên cứu sinh (trong đó có 03 nghiên cứu sinh đang học ở nước ngoài).

**** Quy mô và chương trình đào tạo***

Trong 20 năm xây dựng và phát triển, Khoa đã đào tạo hơn 4.000 cử nhân Kế toán (hiện đang đào tạo 997 sinh viên), gần 1.700 cử nhân Kinh tế (hiện đang đào tạo gần 300 sinh viên), hơn 60 cử nhân Kiểm toán đang đào tạo, 10 khóa ThS Kế toán với gần 900 HV đã tốt nghiệp (đang đào tạo hơn 50 HV).

Hiện nay Khoa đang đảm nhận đào tạo 3 ngành: ngành Kế toán đào tạo trình độ đại học và ThS; ngành Kiểm toán và ngành Kinh tế với hai chuyên ngành Kinh tế đầu tư và Kinh tế phát triển đào tạo trình độ đại học. Việc đào tạo này đã và đang đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực trong quá trình đổi mới ở khu vực Nam Trung Bộ - Tây Nguyên nói riêng và cả nước nói chung. Nhiều cựu sinh viên, cựu HV của Khoa hiện đang nắm giữ các vị trí quan trọng trong các doanh nghiệp, trong các tổ chức.

**** Công tác nghiên cứu khoa học***

GV, chuyên viên Khoa KT&KT đã chủ trì và tham gia nhiều đề tài KH&CN các cấp; nhiều bài báo khoa học đã được đăng trên các tạp chí quốc tế và trong nước có uy tín; nhiều giáo trình, sách chuyên khảo, sách tham khảo của các GV trong Khoa đã được xuất bản. Năm năm trở lại đây, GV, chuyên viên của Khoa đã thực hiện 40 đề tài KH&CN các cấp, đăng tải 139 bài báo khoa học và xuất bản 17 đầu sách.

**** Quan hệ hợp tác đào tạo***

Từ khi thành lập đến nay, Khoa KT&KT đã tạo lập được mối quan hệ với nhiều trường đại học, tổ chức trong và ngoài nước có liên quan đến đào tạo và nghiên cứu. Cụ thể, Khoa có quan hệ hợp tác với Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Học viện Tài chính, Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng, Kiểm toán Nhà nước, Hội Kế toán - Kiểm toán Việt Nam, Vụ Chế độ Kế toán - Kiểm toán, Viện kế toán công chứng Anh (ACCA), Sở Khoa học & Công nghệ Bình Định, Sở Công thương Bình Định, Viện Phát triển Kinh tế - Xã hội Bình Định,... Khoa cũng xây dựng đội ngũ cộng tác viên là những người đang công tác ở các doanh nghiệp, công ty kiểm toán, ngân hàng, cơ quan thuế, các Sở và Viện nghiên cứu,... để trao đổi kinh nghiệm làm việc cũng như hỗ trợ trong quá trình thực tập, thực tế cho sinh viên, HV của Khoa.

**** Công tác phát triển nguồn nhân lực***

Công tác phát triển nguồn nhân lực luôn được Khoa đặc biệt quan tâm vì đây là một trong những nhân tố góp phần đáng kể vào việc nâng cao CLĐT. Hiện nay, Khoa có 48 GV, trong đó có 2 PGS, 16 TS, 30 ThS (trong đó có 9 GV đang học nghiên cứu sinh). Đội ngũ GV của Khoa được đào tạo từ nước ngoài như: Mỹ, Pháp, Đức, Cộng hòa Séc, Úc, Đài Loan, Thái Lan,... và các trường uy tín trong nước như: Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, Học viện Tài chính, Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng, điều này đã góp phần đáng kể vào quá trình đổi mới đào tạo trong xu hướng hội nhập quốc tế hiện nay.

Xác định rõ CTĐT là một yếu tố cực kỳ quan trọng tác động đến CLĐT, Khoa KT&KT luôn chủ động đổi mới, cập nhật, chỉnh sửa CTĐT của tất cả các trình độ đào tạo định kỳ 1 đến 2 năm. Riêng đối với ngành Kế toán – ngành đào tạo đầu tiên của Khoa từ khi mới thành lập – Khoa luôn xác định CLĐT của ngành phải tiên phong trong các ngành đào tạo của Khoa để hướng đến đạt tiêu chuẩn chất lượng của khu vực. Chính vì vậy, việc đánh giá CTĐT ngành Kế toán nhằm cải tiến, nâng cao CLĐT là hết sức cần thiết. Ngay sau khi CTĐT ngành Kế toán trình độ đại học nhận quyết định đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng, Khoa KT&KT đã bắt đầu lập kế hoạch tự đánh giá CTĐT ngành Kế toán trình độ ThS theo kế hoạch của Nhà trường.

PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

Mở đầu

CTĐT ngành Kế toán trình độ ThS là một trong các CTĐT ThS thuộc khối ngành kinh tế đầu tiên của Trường ĐHQN, được giao cho Khoa KT&KT chủ trì đào tạo từ năm 2012 cho đến nay. CTĐT ngành Kế toán trình độ ThS được xây dựng trên cơ sở các quy định của Bộ GD&ĐT, các quy định, hướng dẫn của Trường ĐHQN. Trước khi xây dựng CTĐT ThS, Khoa đã xác định mục tiêu đào tạo và xây dựng CDR của CTĐT ThS. Đây là hai nội dung cần quan tâm nhất của toàn bộ CTĐT ThS.

Mục tiêu của CTĐT ngành Kế toán trình độ ThS hiện nay được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mệnh, tầm nhìn và triết lý giáo dục của Trường ĐHQN và phù hợp với mục tiêu của GDĐH được quy định tại luật GDĐH năm 2012 và luật GDĐH sửa đổi bổ sung năm 2018.

Trên cơ sở mục tiêu của CTĐT ThS, Khoa KT&KT xây dựng CDR một cách rõ ràng, đầy đủ, bao quát được các yêu cầu chung cũng như yêu cầu riêng biệt mà HV ngành Kế toán cần đạt được sau khi tốt nghiệp. Ngoài việc tuân thủ các quy định của Bộ GD&ĐT, của Trường ĐHQN, CDR cũng được xây dựng trên cơ sở tham khảo các ý kiến đóng góp của các bên liên quan như các chuyên gia, nhà sử dụng lao động, các GV đầu ngành và cựu HV của Khoa. Khoa tiến hành rà soát, điều chỉnh CDR theo định kỳ nhằm mục đích hoàn thiện và nâng cao CLĐT đáp ứng yêu cầu của đổi mới GDĐH. CDR được công bố công khai để NH, GV và các đơn vị tuyển dụng có thể tiếp cận dễ dàng thông qua nhiều kênh khác nhau.

Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mệnh và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật GDĐH.

1. Mô tả hiện trạng

Khoa KT&KT xác định rõ mục tiêu của CTĐT ngành Kế toán trình độ ThS không chỉ cần cụ thể, rõ ràng mà còn cần phù hợp với mục tiêu của GDĐH được quy định tại luật GDĐH năm 2012 luật GDĐH sửa đổi bổ sung năm 2018, phù hợp với sứ mệnh, tầm nhìn và triết lý giáo dục của Trường ĐHQN cũng như sứ mệnh, tầm nhìn của Khoa [H1.01.01.01], [H1.01.01.02], [H1.01.01.03].

Theo một quy trình đầy đủ và cụ thể, định kỳ, Trường ĐHQN lập kế hoạch rà soát, sửa đổi, cập nhật CTĐT ThS căn cứ vào các quy định liên quan đến đào tạo trình

độ ThS, quy định về xây dựng, phát triển CTĐT ThS của Nhà trường **[H1.01.01.04]**, **[H1.01.01.05]**, **[H1.01.01.06]**. Từ cơ sở đó, Khoa KT&KT xác định mục tiêu của CTĐT ThS căn cứ vào kết quả khảo sát hoặc tổ chức hội nghị lấy ý kiến của chuyên gia, nhà tuyển dụng, HV, cựu HV, GV **[H1.01.01.07]**, **[H1.01.01.08]**, **[H1.01.01.09]**, **[H1.01.01.10]**. Mục tiêu của CTĐT ThS sau khi được xác định sẽ được Hội đồng khoa học, góp ý và thông qua **[H1.01.01.11]**.

Mục tiêu của CTĐT ngành Kế toán trình độ ThS được xác định gồm mục tiêu chung là “đào tạo các cán bộ quản lý lãnh đạo làm việc tại các doanh nghiệp, đơn vị hành chính, sự nghiệp, ngân hàng thương mại và các định chế tài chính (gọi chung là đơn vị), có khả năng tiếp cận và phát triển khả năng nghiên cứu trong lĩnh vực nghề nghiệp, có năng lực điều hành, có kiến thức tổ chức thực thi các hoạt động liên quan đến lĩnh vực kế toán, kiểm toán, tài chính tại đơn vị”. Từ mục tiêu chung đó, mục tiêu cụ thể được xác định gồm các nhóm mục tiêu về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm **[H1.01.01.12]**. Với các mục tiêu chung và cụ thể đã xác định, có thể thấy mục tiêu của CTĐT ngành Kế toán trình độ ThS phù hợp với mục tiêu của CTĐT được quy định tại điều 4 của Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT năm 2021: “Phải thể hiện được định hướng đào tạo: định hướng nghiên cứu, định hướng ứng dụng hoặc định hướng nghề nghiệp; đáp ứng nhu cầu của giới tuyển dụng và các bên liên quan”. Đồng thời, mục tiêu của CTĐT ngành Kế toán trình độ ThS cũng hoàn toàn phù hợp với sứ mệnh, tầm nhìn của Trường ĐHQN, đó là “đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; bồi dưỡng nhân tài; NCKH, truyền bá tri thức và chuyển giao công nghệ; phục vụ hiệu quả sự phát triển bền vững của đất nước, đặc biệt đối với khu vực Nam Trung bộ - Tây Nguyên; góp phần thúc đẩy tiến bộ xã hội”.

Bên cạnh đó, mục tiêu của CTĐT ngành Kế toán trình độ ThS được Khoa KT&KT tiến hành rà soát và so sánh với mục tiêu đào tạo của các CTĐT ThS Kế toán tại một số trường đại học trong khu vực và trên thế giới cũng như so sánh với mục tiêu của CTĐT ThS trước đó thông qua đối sánh khung CTĐT ThS nhằm đánh giá được sự đổi mới về mục tiêu CTĐT ngành Kế toán trình độ ThS theo hướng tiệm cận hơn với xu hướng phát triển của ngành **[H1.01.01.13]**.

Ngoài ra, để NH và những người quan tâm có thông tin và thuận tiện hơn trong việc kiểm soát CTĐT ThS có đáp ứng mục tiêu đã xác định, Trường và Khoa đã đăng tải thông tin về mục tiêu của CTĐT ThS trên website ngay sau khi chương trình được cập nhật, sửa đổi (<http://fea.qnu.edu.vn>) **[H1.01.01.14]**, **[H1.01.01.15]**.

2. Điểm mạnh

Mục tiêu của CTĐT ngành Kế toán trình độ ThS được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mệnh, tầm nhìn của Trường ĐHQN và mục tiêu của GDĐH quy định tại Luật GDĐH. Bên cạnh mục tiêu chung là đào tạo ThS kế toán có đạo đức, chuyên môn, có năng lực thực hành nghề nghiệp kế toán, kiểm toán thành thạo, mục tiêu của CTĐT ThS đáp ứng được các yêu cầu năng lực về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm mà NH cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT ThS.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến của các bên liên quan để thay đổi, cập nhật mục tiêu của CTĐT chưa đa dạng đối tượng.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Định kỳ thực hiện lấy ý kiến từ tất cả các đối tượng GV, HV, cựu HV, nhà tuyển dụng, các chuyên gia để rà soát và điều chỉnh mục tiêu CTĐT	Phòng Đào tạo SDH, Khoa KT&KT	Từ năm học 2022 – 2023	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát và chỉnh sửa định kỳ mục tiêu của CTĐT ngành Kế toán trình độ ThS để đảm bảo luôn phù hợp với sứ mệnh, tầm nhìn của Khoa KT&KT, Trường ĐHQN và Luật GDĐH sao cho đáp ứng yêu cầu nhân lực của từng thời kỳ.	Khoa KT&KT	Từ năm học 2022 – 2023	

5. Tự đánh giá: mức đạt được của tiêu chí 5/7.

Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu riêng biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo.

1. Mô tả hiện trạng

Trên cơ sở kế hoạch chiến lược phát triển giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn đến 2030 và các sứ mệnh, tầm nhìn, giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục mà Trường ĐHQN cũng như Khoa KT&KT đã xác định, Khoa đã tổ chức lấy ý kiến phản hồi của GV, HV, cựu HV, chuyên gia và nhà sử dụng lao động về CĐR của CTĐT ThS, trên cơ sở các báo cáo kết quả khảo sát nhận được và biên bản hội nghị, CĐR của CTĐT ThS ngành Kế toán đã được xác định rõ ràng [H1.01.01.02], [H1.01.01.03], [H1.01.01.07], [H1.01.01.08], [H1.01.01.09], [H1.01.01.10].

CĐR của CTĐT ngành Kế toán trình độ ThS bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu riêng biệt bao gồm 3 phần cốt lõi mà NH cần đạt được sau khi tốt nghiệp. Cụ thể, thứ nhất là kiến thức và lập luận ngành bao gồm: kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở cốt lõi của ngành, kiến thức cơ sở nâng cao của ngành; thứ hai là kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp bao gồm: năng lực tư duy, kỹ năng cá nhân và nghề nghiệp, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp; thứ ba là kỹ năng hoạt động trong môi trường doanh nghiệp và xã hội bao gồm: kỹ năng hoạt động trong môi trường doanh nghiệp, kỹ năng hoạt động trong môi trường xã hội; cuối cùng là năng lực thực hành nghề nghiệp trong môi trường doanh nghiệp và xã hội bao gồm: hiểu bối cảnh xã hội và môi trường, hiểu bối cảnh doanh nghiệp và tổ chức, hình thành ý tưởng, xây dựng phương án, thực hiện phương án, đánh giá và cải tiến (mức tự chủ và trách nhiệm) [H1.01.02.01], [H1.01.02.02].

Đồng thời, các nội dung của CĐR cũng được thể hiện đầy đủ trong các đề cương học phần của CTĐT ngành Kế toán trình độ ThS, trong đó thể hiện rõ mức độ đóng góp của các học phần (thấp, trung bình hoặc cao) đến CĐR của CTĐT ThS, bao gồm 3 CĐR về kiến thức (PLO1 đến PLO3), 5 CĐR về kỹ năng (PLO4 và PLO5 về kỹ năng chung, PLO6 đến PLO8 về kỹ năng chuyên môn), 2 CĐR về mức tự chủ và trách nhiệm (PLO9 và PLO10). Cùng với đó, Khoa KT&KT cũng tiến hành rà soát CTĐT ngành Kế toán trình độ ThS của mình qua so sánh với CTĐT ngành Kế toán trình độ ThS các trường khác nhằm cải tiến CTĐT ThS tại Khoa hướng tới tiệm cận hơn với sự thay đổi của nhu cầu nhân lực kế toán [H1.01.01.13].

Ngoài ra, CTĐT ngành Kế toán trình độ ThS cũng được công bố công khai cho HV từ đầu năm để có thể nhận được phản hồi từ những đối tượng quan tâm đến CTĐT

ThS của Khoa, Trường cũng như minh bạch thông tin, chất lượng giảng dạy của Khoa, Trường [H1.01.01.14], [H1.01.01.15].

2. Điểm mạnh

CĐR của CTĐT ngành Kế toán trình độ ThS của Trường ĐHQN được xác định rõ ràng và bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà NH cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT ThS.

3. Điểm tồn tại

CĐR của CTĐT ngành Kế toán trình độ ThS mặc dù được xác định rõ ràng nhưng vẫn còn một số CĐR của một số ít học phần chưa rõ ràng, khó đo lường và chưa thực sự đóng góp cho CĐR của CTĐT.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Định kỳ thực hiện điều chỉnh CĐR của các học phần cho phù hợp với CĐR của ngành học.	Khoa KT&KT	Từ năm học 2022 – 2023	
2	Phát huy điểm mạnh	Tích cực, chủ động cập nhật, trau dồi kiến thức chuyên ngành, kỹ năng và kinh nghiệm nghề nghiệp để xác định các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà NH cần đạt được sau khi tốt nghiệp trong CĐR của CTĐT ngành Kế toán trình độ ThS tại Trường.	Khoa KT&KT	Từ năm học 2022 – 2023	

5. Tự đánh giá: mức đạt được của tiêu chí 5/7.

Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.

1. Mô tả hiện trạng

Dựa trên các quyết định ban hành quy chế đào tạo trình độ ThS theo hệ thống tín chỉ của Bộ GD&ĐT, Trường ĐHQN đưa ra các kế hoạch sửa đổi, cập nhật CTĐT ThS và giao nhiệm vụ cho Khoa KT&KT xây dựng CDR của ngành Kế toán mà Khoa KT&KT quản lý [H1.01.01.04], [H1.01.01.05], [H1.01.01.06]. Nội dung của CDR đã được gửi đến các bên liên quan để lấy ý kiến, bao gồm các chuyên gia, nhà tuyển dụng, các cựu HV, HV năm cuối và các GV Khoa KT&KT [H1.01.01.07], [H1.01.01.08], [H1.01.01.09], [H1.01.01.10]. Hội đồng Khoa đã tiến hành rà soát, điều chỉnh và thông qua CDR của CTĐT ngành Kế toán trình độ ThS [H1.01.01.11]. CDR của CTĐT ThS được thể hiện rõ trong bản mô tả CTĐT ThS ngành Kế toán và đề cương học phần nhằm cụ thể hóa các hoạt động có thể đạt được các CDR đã đề ra [H1.01.02.01], [H1.01.02.02]. CDR phản ánh được yêu cầu đào tạo ThS ngành Kế toán có năng lực về chuyên môn nhằm thực hiện các công tác kế toán, kiểm soát, kiểm toán, phân tích tài chính, dự toán và phân tích ngân sách trong các tổ chức một cách độc lập; có phẩm chất tốt, có ý thức tuân thủ đạo đức nghề nghiệp và được công nhận bởi các tổ chức nghề nghiệp về kế toán, kiểm toán để đáp ứng được yêu cầu của các đơn vị sử dụng lao động và cùng với các kỹ năng khác.

Khoa KT&KT đã định kỳ rà soát, điều chỉnh CDR của CTĐT ThS vào các năm 2017, năm 2019 và năm 2021 theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và của Trường ĐHQN nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng CTĐT ngành Kế toán trình độ ThS [H1.01.01.04], [H1.01.01.05], [H1.01.01.06]. Quá trình rà soát, chỉnh sửa, hoàn thiện CDR của CTĐT ThS đều dựa trên cơ sở tiếp thu ý kiến của các bên liên quan, gồm các chuyên gia, nhà tuyển dụng, các cựu HV, HV năm cuối và các GV trực tiếp giảng dạy các học phần [H1.01.01.07], [H1.01.01.08], [H1.01.01.09], [H1.01.01.10], [H1.01.01.11]. Đồng thời, Khoa cũng tham khảo, đối chiếu với CTĐT ngành Kế toán trình độ ThS của một số trường uy tín trong nước cũng như các trường đại học trên thế giới, điều này được thể hiện trong sự thay đổi của CTĐT ngành Kế toán trình độ ThS qua các năm [H1.01.01.13], [H1.01.01.14], [H1.01.01.15].

2. Điểm mạnh

CDR của CTĐT ngành Kế toán trình độ ThS được Khoa KT&KT định kỳ rà soát, điều chỉnh 2 năm một lần theo kế hoạch của Nhà trường.

CĐR của CTĐT ngành Kế toán trình độ ThS phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan và có sự tham gia ý kiến của các bên liên quan trong quá trình xây dựng.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CĐR của CTĐT ngành Kế toán trình độ ThS còn chưa rộng rãi đến các nhà tuyển dụng trong cả nước.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Định kỳ, lập kế hoạch và triển khai lấy ý kiến nhà tuyển dụng trong cả nước để rà soát, điều chỉnh CĐR của CTĐT	Phòng Đào tạo SDH, Khoa KT&KT	Từ năm học 2022 – 2023	
2	Phát huy điểm mạnh 1	Định kỳ rà soát, điều chỉnh CĐR của CTĐT theo kế hoạch của Nhà trường	Khoa KT&KT	Từ năm học 2022 – 2023	
3	Phát huy điểm mạnh 2	Định kỳ tổ chức hội nghị và khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan để thực hiện rà soát, điều chỉnh CĐR của CTĐT một cách phù hợp. Đồng thời, tiếp tục thực hiện cập nhật những thay đổi, bổ sung của CĐR trên hệ thống Email, website, trang facebook của Trường và Khoa một cách đều đặn, thường xuyên và rộng rãi.	Trường ĐHQN, Khoa KT&KT	Từ năm học 2022 – 2023	

5. Tự đánh giá: mức đạt được của tiêu chí 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 1

Mục tiêu và CĐR của CTĐT ThS là hai nội dung rất quan trọng không những đối với NH, người dạy mà còn quan trọng đối với các đơn vị tuyển dụng. Việc xây dựng mục tiêu và CĐR một cách rõ ràng, đầy đủ sẽ định hướng tốt cho cả quá trình đào tạo. Mục tiêu và CĐR của CTĐT ThS còn thể hiện cam kết của CSGD trong việc cung cấp nhân lực có chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu của đơn vị sử dụng và đáp ứng nhu cầu xã hội.

Mục tiêu của CTĐT ngành Kế toán trình độ ThS được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mệnh, tầm nhìn và triết lý giáo dục của Nhà trường và phù hợp với mục tiêu của GDDH quy định tại Luật GDDH. Mục tiêu của CTĐT ThS được cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, kế hoạch đào tạo theo từng năm học, từng học kỳ và được quán triệt đến từng GV nhằm hoàn thành tốt nhất mục tiêu đề ra. Mặc dù, mục tiêu của CTĐT ThS có thay đổi, cập nhật nhưng chưa thực sự theo kịp với các thay đổi, quy định mới về kế toán, kiểm toán, cũng như các yêu cầu mới về nghề nghiệp kế toán, kiểm toán trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

CĐR của CTĐT ngành Kế toán trình độ ThS được xác định rõ ràng và bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà NH cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT ThS. CĐR của CTĐT ngành Kế toán trình độ ThS được xem là một trong những yếu tố quan trọng để nâng cao chất lượng của CTĐT ThS. Với tầm quan trọng của CĐR, Khoa KT&KT đã đầu tư trí tuệ, tâm huyết để xây dựng và định kỳ rà soát, điều chỉnh CĐR một cách bài bản, nghiêm túc với sự đóng góp ý kiến của các chuyên gia, sự tham khảo CĐR từ một số CTĐT ngành Kế toán trình độ ThS của một số trường uy tín trong nước, ngoài nước và ý kiến đóng góp của các bên liên quan như nhà tuyển dụng, GV, cựu HV và HV của Khoa. Ngoài ra, CĐR của CTĐT ngành Kế toán trình độ ThS được công bố công khai rộng rãi qua website của Khoa, Trường và trong các buổi gặp mặt lớp đầu năm học cho HV Khoa KT&KT. Tuy nhiên việc công bố CĐR và tiếp nhận ý kiến phản hồi từ các bên liên quan vẫn chưa được rộng rãi, thường xuyên. Sắp tới, Khoa sẽ đa dạng hơn các hình thức công khai cũng như tiếp nhận ý kiến phản hồi của các bên liên quan được nhanh chóng và hiệu quả hơn.

Tự đánh giá theo 3 tiêu chí của tiêu chuẩn này, ngành Kế toán đã đạt yêu cầu 3/3 tiêu chí trong đó cả 3 tiêu chí đều đạt 5/7 điểm.

Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo.

Mở đầu

Bản mô tả CTĐT ngành Kế toán trình độ ThS được xây dựng từ năm học 2012

- 2013, được điều chỉnh và cập nhật vào các năm 2017, năm 2019 và năm 2021 để phù hợp với mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ của Nhà trường và yêu cầu của xã hội theo từng giai đoạn. Bản mô tả CTĐT ThS và đề cương chi tiết học phần cung cấp đầy đủ các thông tin về chương trình, dự kiến kết quả, cấu trúc khóa học, CDR của toàn bộ chương trình và của từng học phần cụ thể, bản tổng hợp các học phần, các tiêu chí tuyển sinh, đề cương học phần cũng như các thông tin chi tiết về kiểm tra, đánh giá học phần và phương pháp dạy, học. Nhờ vậy, NH có thể nắm bắt được các nội dung, lộ trình học tập và CDR các học phần để có thể đạt được kết quả tốt nhất trong học tập.

Bản mô tả CTĐT ThS và đề cương chi tiết học phần ngành Kế toán được công bố công khai dưới nhiều hình thức để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận, giúp NH hiểu về CTĐT ThS; giúp cho nhà tuyển dụng lao động nắm bắt được các thông tin về kiến thức chuyên môn và các kỹ năng mềm mà NH đã được trang bị để có quyết định tuyển dụng hợp lý; giúp các chuyên gia thẩm định, rà soát chương trình và đánh giá viên hiểu được mục tiêu của CTĐT ThS và các kết quả học tập dự kiến. Ngoài ra, bản mô tả CTĐT ThS luôn cập nhật những thông tin phản hồi từ phía GV, HV đang học, cựu HV và các nhà tuyển dụng để cải tiến và hoàn thiện hơn CTĐT ThS nhằm nâng cao khả năng đạt được các kết quả học tập dự kiến.

Tiêu chí 2.1. Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật.

1. Mô tả hiện trạng

Từ năm 2017, Trường ĐHQN chuyển từ hình thức đào tạo ThS định hướng nghiên cứu sang hình thức đào tạo ThS định hướng ứng dụng. Dựa trên các quyết định ban hành quy chế đào tạo trình độ ThS của Bộ GD&ĐT, Trường ĐHQN đã ra các quyết định ban hành và quy định đào tạo ThS cũng như CTĐT ThS theo định hướng ứng dụng [H1.01.01.04], [H1.01.01.05]. Trên cơ sở đó, Trường ĐHQN đã lên kế hoạch rà soát, bổ sung, cập nhật và phát triển CTĐT ThS cho phù hợp với những yêu cầu khi chuyển sang đào tạo theo định hướng ứng dụng [H1.01.01.06].

Bản mô tả CTĐT ngành Kế toán trình độ ThS có đầy đủ các nội dung và thông tin cần thiết theo quy định của Bộ GD&ĐT [H1.01.02.01]. Cụ thể, bản mô tả CTĐT có các thông tin: tên trường; trình độ đào tạo; ngành đào tạo; mã ngành; tên tiếng Anh; loại hình đào tạo; hình thức đào tạo; thời gian đào tạo; mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể; tiêu chí tuyển sinh, CDR; khối lượng kiến thức toàn khóa và mô tả các học phần. CTĐT năm 2017 được xây dựng và thiết kế theo các mẫu cũ từ những lần chỉnh sửa trước và chưa có mẫu mới được quy định từ Nhà trường, nên bản mô tả CTĐT không được tách riêng. Đến năm 2019, theo kế hoạch của Trường, các khoa cũng đã tiến

hành rà soát, cập nhật CTĐT, tuy nhiên cũng chưa có quy định cụ thể các mẫu biểu và các văn bản cần có từ Nhà trường, vì vậy, Khoa KT&KT đã sử dụng các mẫu hướng dẫn cho CTĐT trình độ đại học. Đến lần rà soát, sửa đổi, bổ sung năm 2021, Nhà trường đã có các mẫu biểu yêu cầu thực hiện, do đó CTĐT trình độ ThS của tất cả các ngành đều được thiết kế gồm CTĐT, CTDH và bản mô tả CTĐT. Việc rà soát CTĐT trình độ ThS cũng được Khoa KT&KT thực hiện qua so sánh với CTĐT ở lần cập nhật trước và so sánh với CTĐT ngành Kế toán trình độ ThS của các trường khác nhằm ngày càng nâng cao CLĐT tại Khoa **[H1.01.01.13]**.

Bản mô tả CTĐT ngành Kế toán trình độ ThS liên tục được cập nhật những vấn đề mới có liên quan. Ngoài việc tham khảo CTĐT của một số trường đại học uy tín trong nước và thế giới, Khoa KT&KT còn tổ chức Hội nghị và khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan về CTĐT để nâng cao chất lượng CTĐT ThS **[H1.01.01.07]**, **[H1.01.01.08]**, **[H1.01.01.09]**, **[H1.01.01.10]**. Điều này giúp CTĐT ngành Kế toán trình độ ThS tại Khoa phù hợp hơn nữa với những yêu cầu thực tiễn. Cùng với đó, Khoa KT&KT thường xuyên tiến hành họp Hội đồng khoa nhằm rà soát CTĐT ThS cho phù hợp với thực tiễn ngành Kế toán tại Việt Nam và sự vận động lý thuyết trên thế giới **[H1.01.01.11]**.

CTĐT ngành Kế toán trình độ ThS được in trên tài liệu quảng bá về ngành Kế toán giúp thí sinh có cái nhìn toàn diện về CTĐT ngành Kế toán trình độ ThS tại Trường ĐHQN khi lựa chọn trường đăng kí theo học. **[H1.01.01.14]**, **[H1.01.01.15]**.

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT ngành Kế toán trình độ ThS tại Trường ĐHQN có đủ các thông tin như: tên trường, tên ngành, thời gian đào tạo; mục tiêu, CDR của CTĐT; cấu trúc CTDH; đề cương các môn học/học phần; thời điểm điều chỉnh bản mô tả CTĐT ThS.

Bản mô tả CTĐT luôn được cập nhật những vấn đề mới nhất có liên quan đến ngành học về lý thuyết cũng như thực tiễn.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến đa chiều của các bên liên quan về bản mô tả CTĐT chưa được thực hiện rộng rãi và đa dạng các bên liên quan.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Định kỳ lấy ý kiến từ các bên liên quan trên phạm vi rộng và đa dạng đối tượng để bổ sung và điều chỉnh bản mô tả CTĐT	Phòng Đào tạo SDH, Khoa KT&KT	Từ năm học 2022 – 2023	
2	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục mô tả rõ ràng các nội dung liên quan đến CTĐT ThS.	Khoa KT&KT	Từ năm học 2022 – 2023	
3	Phát huy điểm mạnh 2	Tiếp tục cập nhật những vấn đề mới nhất có liên quan đến ngành Kế toán vào bản mô tả CTĐT.	Khoa KT&KT	Từ năm học 2022 – 2023	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 4/7.

Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật.

1. Mô tả hiện trạng

Đề cương chi tiết học phần là bản mô tả các nội dung giảng dạy, sự phân phối kiến thức cho từng tiết học cùng với CDR của học phần, đồng thời cũng là cơ sở để GV và NH thực hiện đúng trách nhiệm của mình. Mỗi CDR chi tiết của từng học phần luôn được gắn liền với từng hoạt động dạy và học cũng như hoạt động đánh giá tương ứng.

Trong quá trình xây dựng, điều chỉnh đề cương các học phần, Khoa KT&KT đã bám sát các quy định và hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và kế hoạch rà soát, bổ sung, cập nhật và phát triển CTĐT ThS của Trường ĐHQN [H1.01.01.04], [H1.01.01.05], [H1.01.01.06]. CTĐT ThS và đề cương chi tiết học phần được xây dựng, rà soát, bổ sung vào các năm 2017, năm 2019 và năm 2021 dựa trên góp ý của các bên liên quan [H1.01.01.07], [H1.01.01.08], [H1.01.01.09], [H1.01.01.10]. Sau đó, Khoa phân công các GV phụ trách giảng dạy học phần rà soát, bổ sung, điều chỉnh đề cương chi tiết các học phần [H2.02.02.01] và được Hội đồng khoa thông qua [H1.01.01.11].

Tất cả các đề cương chi tiết học phần đều được viết theo mẫu M4 với đầy đủ các thông tin như: tên trường; tên GV đảm nhận giảng dạy; tên học phần; số tín chỉ; mục tiêu; CDR của học phần trong ma trận liên kết nội dung, chương mục với CDR, các yêu cầu đối với GV và HV; cấu trúc học phần; kế hoạch giảng dạy chi tiết; phương pháp dạy - học; phương thức kiểm tra đánh giá; tài liệu chính và tài liệu tham khảo. Mục tiêu của CTĐT ThS được cụ thể hóa và được thể hiện ở các CDR của từng học phần. Đề cương chi tiết học phần đảm bảo thể hiện được sự tương hợp giữa ba yếu tố quan trọng: nội dung giảng dạy nhằm đạt được CDR của học phần, phương pháp giảng dạy - học tập để có thể đạt được các CDR đã nêu và phương pháp đánh giá để đánh giá hiệu quả giảng dạy [H1.01.02.01], [H1.01.02.02]. Cuối cùng, đề cương chi tiết các học phần được công bố công khai bằng các văn bản trên website của Khoa [H1.01.01.15].

2. Điểm mạnh

Đề cương các học phần trong CTĐT ngành Kế toán trình độ ThS có đầy đủ thông tin theo quy định của Bộ GD&ĐT và của Trường ĐHQN và được định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh, cập nhật theo kế hoạch của Trường ĐHQN.

3. Điểm tồn tại

Một vài đề cương chi tiết các học phần xác định một vài CDR chưa thực sự đóng góp cho CDR của CTĐT.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Điều chỉnh thông tin trên một số đề cương học phần theo đúng yêu cầu	Khoa KT&KT	Từ năm học 2022 – 2023	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát, cập nhật, đánh giá định kì đề cương các học phần một cách bài bản để đáp ứng hơn nữa nhu cầu cập nhật của xã hội.	Khoa KT&KT	Từ năm học 2022 – 2023	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 4/7.

Tiêu chí 2.3. Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

1. Mô tả hiện trạng

Nhận thấy được tầm quan trọng của việc phổ biến CTĐT ThS và đề cương chi tiết học phần một cách rộng rãi, sau khi CTĐT ngành Kế toán trình độ ThS được Trường ĐHQN ban hành, Khoa KT&KT đã công bố công khai cho các bên liên quan về bản mô tả CTĐT ThS.

Khoa KT&KT đã công bố công khai cho các bên liên quan nội dung bản mô tả CTĐT ngành Kế toán trình độ thạc sĩ bằng nhiều hình thức khác nhau: công bố công khai trên website của Khoa KT&KT; trong các thông báo của Nhà trường về nhiệm vụ HV năm 2017 và 2020; giới thiệu cho HV mới nhập học trong các buổi lễ khai giảng, lễ tốt nghiệp của Trường và các thông báo của GV khi dạy trên lớp [H1.01.01.14], [H1.01.01.15].

Ngoài ra, Khoa KT&KT đã công bố công khai cho các bên liên quan nội dung đề cương các học phần thông qua Bản mô tả CTĐT ThS [H1.01.02.01], [H1.01.02.02]. Khoa đã tổ chức buổi tọa đàm, những yêu cầu mới của các nhà sử dụng lao động để nâng cao chất lượng dạy và học. Từ đó đưa ra những điều chỉnh hợp lý trong bản mô tả CTĐT ThS và đề cương chi tiết học phần mới nhất (năm 2021). Hơn nữa, đề cương chi tiết học phần đều được các GV cung cấp cho HV ngay khi bắt đầu học phần.

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết học phần ngành Kế toán trình độ ThS được công bố công khai rộng rãi với nhiều hình thức khác nhau, tạo điều kiện cho các bên liên quan như HV, cựu HV, các đơn vị sử dụng lao động dễ dàng tiếp cận và nắm bắt thông tin; đồng thời có thể góp ý, xây dựng.

3. Điểm tồn tại

Việc công bố đề cương chi tiết trên website của Khoa vẫn chưa được thực hiện.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn	100% đề cương các học	Khoa	Từ năm học	

	tại	phần trong CTĐT sẽ được Khoa công bố thông qua các cuộc họp, công bố trên website của Trường, Khoa và được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau	KT&KT	2022 – 2023	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục công khai bản mô tả CTĐT qua các cuộc họp định kì, các website của Khoa để các cơ quan quản lý, các nhà sử dụng lao động, GV, HV, cựu HV đều có thể tiếp cận với bản mô tả CTĐT một cách dễ dàng và thuận tiện.	Khoa KT&KT	Từ năm học 2022 – 2023	

5. *Tự đánh giá:* Mức đạt được của tiêu chí 4/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 2

Việc cải tiến chất lượng CTĐT ngành Kế toán trình độ ThS toán phù hợp với nhu cầu xã hội là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Khoa. Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết học phần của ngành Kế toán trình độ ThS được xây dựng một cách bài bản theo đúng quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT. Bản mô tả CTĐT ThS và đề cương chi tiết học phần có mục tiêu rõ ràng, cụ thể, cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách có hệ thống, đảm bảo yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng, có tham khảo CTĐT ThS của các trường đại học uy tín trong nước và nước ngoài; có sự tham gia đóng góp ý kiến của GV trực tiếp giảng dạy, HV, nhà sử dụng lao động và cựu HV. Trên cơ sở tiếp nhận các ý kiến phản hồi từ các bên liên quan, Khoa đã triển khai điều chỉnh, cập nhật định kỳ CTĐT ThS và đề cương chi tiết học phần. Các thông tin trong bản mô tả CTĐT ngành Kế toán trình độ ThS được công bố rõ ràng, đầy đủ và tường minh giúp các bên liên quan dễ dàng tiếp cận. Ma trận kiến thức, ma trận kỹ năng trong bản mô tả CTĐT ThS hiển thị CDR của CTĐT ThS và được cụ thể hóa trong các đề cương chi tiết học phần. Mặc dù vậy, việc thông tin bản mô tả CTĐT ThS và các đề cương chi tiết học phần tới các bên có liên quan vẫn chưa được thực hiện một cách rộng rãi; đối tượng lấy ý kiến phản hồi về CTĐT ThS, đề cương chi tiết học phần chưa

được sâu rộng. Tuy nhiên, điều này không ảnh hưởng lớn đến tính hiệu quả của bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết học phần.

Tự đánh giá theo 3 tiêu chí của tiêu chuẩn này, ngành Kế toán đã đạt yêu cầu 3/3 tiêu chí, với số điểm cả 3 tiêu chí là 4/7 điểm.

Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học.

Mở đầu

Cấu trúc và nội dung CTDH là yếu tố quan trọng quyết định chất lượng của một ngành đào tạo. Vì vậy, khi xây dựng CTĐT ngành Kế toán trình độ ThS, cấu trúc của chương trình được phân bổ một cách hợp lý và hệ thống, đảm bảo chặt chẽ các yêu cầu về hình thức, mục tiêu, về chuẩn kiến thức, kỹ năng của trình độ ThS và đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động, tuân thủ theo các văn bản quy định về xây dựng CTĐT của Bộ GD&ĐT, phù hợp với sứ mệnh, tầm nhìn của Nhà trường.

CTDH được thiết kế có hệ thống dựa trên CĐR về năng lực chuyên môn và nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động và xã hội. Mỗi học phần trong CTDH đều có CĐR rõ ràng hướng đến đạt được CĐR của CTĐT. Nội dung và chủ đề của các học phần trong CTĐT ngành Kế toán trình độ ThS có cấu trúc, trình tự logic, hợp lý, được cập nhật và điều chỉnh thường xuyên đáp ứng yêu cầu đổi mới CTĐT. Hơn nữa, quá trình kiểm tra, đánh giá HV cao học được thực hiện nghiêm túc, công bằng nhằm đảm bảo đạt các CĐR chung của cả CTĐT và các CĐR của từng học phần. CTDH đã được triển khai đánh giá, thực hiện cải tiến, định kỳ bổ sung, điều chỉnh trên cơ sở tham khảo ý kiến của GV, HV và nhà sử dụng lao động.

Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra.

1. Mô tả hiện trạng

Cấu trúc và nội dung CTDH là yếu tố quan trọng quyết định chất lượng của một ngành đào tạo. CTDH ngành Kế toán trình độ ThS tại Trường ĐHQN được xây dựng dựa trên các quy chế của Bộ GD&ĐT, phù hợp với sứ mệnh, tầm nhìn của Nhà trường và sứ mệnh tầm nhìn của Khoa [H1.01.01.02], [H1.01.01.03], [H1.01.01.04], [H1.01.01.05]. CTDH được thiết kế có hệ thống dựa trên CĐR về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động.

Dựa trên kết quả khảo sát của các bên liên quan, để bổ sung và hoàn thiện CTDH, Khoa đã xem xét các ý kiến phản hồi của HV về hoạt động giảng dạy của GV, các ý kiến của HV, cựu HV và nhà sử dụng lao động về CTĐT ngành Kế toán trình độ ThS, ý kiến của GV trực tiếp tham gia giảng dạy các học phần trong CTDH ngành Kế

toán trình độ ThS về CĐR của CTĐT và về mối quan hệ giữa các học phần và CĐR của CTĐT với mong muốn đạt được các CĐR một cách tốt nhất **[H1.01.01.07]**, **[H1.01.01.08]**, **[H1.01.01.09]**, **[H1.01.01.10]**.

Dựa trên các yêu cầu CĐR về kiến thức, về kỹ năng, CTĐT ngành Kế toán trình độ ThS được xây dựng **[H1.01.02.01]**, **[H1.01.02.02]**. Theo đó, để đạt mục tiêu và CĐR, CTĐT ngành Kế toán trình độ ThS đã có sự kết hợp hài hòa giữa các phần kiến thức như phần kiến thức chung, kiến thức cơ sở và kiến thức ngành, và đề án tốt nghiệp.

Các học phần đều được thiết kế dựa trên CĐR của CTĐT, được thể hiện qua ma trận quan hệ giữa các học phần và CĐR trong CTĐT. Theo CTĐT năm 2021, tổng số tín chỉ của CTĐT ngành Kế toán trình độ ThS là 60 tín chỉ, trong đó: phần kiến thức chung được phân bổ 4 tín chỉ đã cung cấp các kiến thức về Triết học; phần kiến thức cơ sở và kiến thức ngành với 56 tín chỉ, bao gồm các học phần bắt buộc là 29 tín chỉ, các học phần tự chọn là 18 tín chỉ; 9 tín chỉ còn lại được phân bổ cho đề án tốt nghiệp. Để thực hiện tốt CTDH, Nhà trường đã có những kế hoạch cụ thể về nguồn lực và tiến độ trong việc thực hiện CTDH của từng năm học, mỗi GV đều có kế hoạch phân công giảng dạy, hướng dẫn Đề án tốt nghiệp và hồ sơ giảng dạy **[H3.03.01.01]**, **[H3.03.01.02]**.

Các khối kiến thức và các học phần trong CTDH được thiết kế một cách tối ưu để đạt được CĐR của CTĐT. Các học phần trong CTDH ngành Kế toán trình độ ThS được thiết kế có tính kế thừa, bổ sung và liên quan chặt chẽ với nhau. Mỗi học phần đào tạo đều có mô tả kiến thức bắt buộc, các môn tiên quyết, các kỹ năng cũng như mức tự chủ và trách nhiệm mà NH cần đạt được thông qua nghiên cứu, học tập ở một hoặc nhiều học phần trong một giai đoạn nhất định hoặc trong toàn bộ quá trình đào tạo. Ngoài việc đảm bảo kiến thức về chuyên môn nghề nghiệp, NH ngành Kế toán còn được rèn luyện các kỹ năng cần thiết khác như kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp; kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp; năng lực thực hành nghề nghiệp phù hợp với yêu cầu của CĐR.

Hầu hết các học phần trong CTDH đã xác định rõ phương pháp dạy và học, trong đó phương pháp dạy học tích cực "lấy NH làm trung tâm" như semiar, thảo luận nhóm...được thường xuyên thực hiện trong tất cả các học phần. Nhiều phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập cũng đã được đưa vào các học phần trong CTDH nhằm đo lường mức độ đạt được CĐR. Nhìn chung, các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả đã góp phần hỗ trợ hiệu quả trong việc đạt

được CĐR. Cụ thể là kết quả học tập của NH qua các năm có sự thay đổi, NH cảm thấy hứng thú với các môn học trong CTDH. NH đảm bảo việc học đúng tiến độ đề ra.

Để điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện CTDH, cũng Khoa đã xem xét các ý kiến phản hồi của HV về hoạt động giảng dạy của GV, các ý kiến của HV, cựu HV và nhà sử dụng lao động về CTĐT ngành Kế toán trình độ ThS, ý kiến của GV trực tiếp tham gia giảng dạy các học phần trong CTDH ngành Kế toán trình độ ThS về CĐR của CTĐT và về mối quan hệ giữa các học phần và CĐR của CTĐT với mong muốn đạt được các CĐR một cách tốt nhất [H1.01.01.07], [H1.01.01.08], [H1.01.01.09], [H1.01.01.10].

2. Điểm mạnh

CTDH được thiết kế dựa trên các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm của CĐR trong CTĐT ngành Kế toán trình độ ThS.

Các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của NH của tất cả học phần trong CTDH là phù hợp, góp phần đạt được CĐR của học phần và CĐR của CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Một số ít học phần chưa xác định được phương pháp đánh giá một số CĐR về kỹ năng.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Định kỳ, tiến hành rà soát, điều chỉnh tổ hợp các phương pháp đánh giá về kỹ năng của NH ở tất cả các học phần nhằm đảm bảo đạt được CĐR của học phần và CĐR của CTĐT.	Khoa KT&KT	Từ năm học 2022 – 2023	
2	Phát huy điểm mạnh	Định kỳ, tiếp tục rà soát, cập nhật CTDH dựa trên	Khoa KT&KT,	Từ năm học 2022	

		các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm của CDR trong CTĐT		– 2023	
--	--	---	--	--------	--

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7.

Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng.

1. Mô tả hiện trạng

Dựa trên Quyết định ban hành quy chế đào tạo ThS theo định hướng nghiên cứu và ứng dụng của Bộ GD&ĐT, Trường ĐHQN đã ban hành Quy định đào tạo ThS và ThS theo định hướng ứng dụng, cũng như quy định về xây dựng, phát triển CTĐT và quy trình mở ngành đào tạo trình độ ThS, cùng với các kế hoạch rà soát, đánh giá và xây dựng lại CTĐT ngành Kế toán trình độ ThS [H1.01.01.04], [H1.01.01.05], [H1.01.01.06]. Trên cơ sở đó, Khoa KT&KT triển khai thực hiện việc điều chỉnh, cập nhật nội dung các học phần trong CTDH nhằm đáp ứng CDR của CTĐT ngành Kế toán trình độ ThS dựa trên ý kiến góp ý của các bên liên quan như: nhà sử dụng lao động, cựu HV về CDR và CTĐT; ý kiến phản hồi của HV năm cuối về CLĐT; ý kiến phản hồi từ NH về hoạt động giảng dạy của GV [H1.01.01.07], [H1.01.01.08], [H1.01.01.09], [H1.01.01.10].

CTDH ngành Kế toán trình độ ThS thể hiện rõ sự đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CDR. Cụ thể, mỗi học phần đều có quy định chuẩn đầu ra, mức độ đạt được trên cả ba phương diện bao gồm: kiến thức, kỹ năng và mức tự chủ trách nhiệm. Tất cả các học phần trong CTDH đều có đề cương chi tiết học phần được biên soạn bởi các GV trực tiếp giảng dạy ở các Bộ môn của Khoa KT&KT, các khoa khác trong Nhà trường, các GV được mời từ các trường đại học khác theo yêu cầu về chuyên môn của từng học phần, phù hợp với phương thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ và CDR của CTĐT [H3.03.02.01], [H2.02.02.01], [H1.01.01.11] [H1.01.02.01], [H1.01.02.02]. 100% các học phần trong CTDH đều xác định cụ thể CDR về mức năng lực và kỹ năng cần đạt được phù hợp với CDR của CTĐT. Thêm nữa, CTDH của ngành được cấu trúc thành các khối kiến thức theo trình tự từ cơ sở đến chuyên sâu, trong đó bao gồm hai phần kiến thức là kiến thức chung, kiến thức cơ sở và kiến thức của ngành. Việc sắp xếp các học phần theo trình tự logic và khoa học đảm bảo được tính kế thừa và bổ sung, nâng cao và chuyên sâu. Điều này được thể hiện rất rõ trong CTĐT ngành Kế toán trình độ ThS [H1.01.02.01].

Tất cả các học phần trong CTDH xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học; phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau một cách tốt nhất để đảm bảo đạt được CĐR của CTĐT. Về phương pháp dạy, mỗi học phần đều được thiết kế thành các tổ hợp phương pháp cho từng nội dung theo hướng phát triển năng lực cho NH. Phương pháp thuyết giảng nhằm cung cấp cho NH hệ thống kiến thức nền tảng của môn học; phương pháp dạy học theo nhóm để đưa ra các tình huống cho nhóm người học tranh luận, tìm cách giải quyết vấn đề; nêu câu hỏi gợi mở giúp NH phát triển tư duy để nắm được nội dung cốt lõi của môn học; phần bài tập giúp NH vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết các tình huống giả định. Trong quá trình học, các phương pháp đánh giá năng lực của NH được tiến hành thường xuyên trong các buổi dạy và được thể hiện thông qua điểm quá trình (trọng số đóng góp từ 30% đến 50%), điểm kết thúc học phần (trọng số đóng góp từ 50% đến 70%) [H1.01.02.02]. Kết quả đánh giá của từng HV được Phòng Đào tạo SDH thông tin đến từng HV.

Ngoài ra, Khoa KT&KT còn xây dựng kế hoạch thể hiện đầy đủ các nguồn lực và tiến độ trong việc thực hiện CTDH nhằm đảm bảo đạt được CĐR của CTĐT một cách tốt nhất [H3.03.02.02], [H3.03.01.02]. Ngoài ra, Khoa phối hợp với Nhà trường tổ chức phổ biến đến NH nội dung và thể mạnh của CTĐT ThS, kế hoạch thực hiện CTĐT [H1.01.01.14].

2. Điểm mạnh

Hầu hết các học phần trong CTDH có sự tương thích về nội dung và thể hiện được đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được CĐR, đồng thời cũng xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra/đánh giá phù hợp nhằm đảm bảo đạt được CĐR của CTĐT. Ngoài ra, nội dung của các học phần trong CTDH đã thể hiện việc đạt được CĐR của CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Ở một số ít học phần, các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra/đánh giá chưa hỗ trợ nhau để đảm bảo việc đạt được CĐR.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Định kỳ, tiến hành rà soát, điều chỉnh tổ hợp các	Khoa KT&KT	Từ năm học 2022 –	

		phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra/đánh giá nhằm đảm bảo các phương pháp phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CDR.		2023	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát, đánh giá, cập nhật và bổ sung đề cương chi tiết cho tất cả các học phần dựa trên hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, Nhà trường và các ý kiến góp ý của các bên liên quan để phù hợp với xu hướng hội nhập của thị trường lao động.	Khoa KT&KT,	Từ năm học 2022 – 2023	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7.

Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic, có tính tích hợp và nội dung cập nhật.

1. Mô tả hiện trạng

CTDH ngành Kế toán trình độ ThS của Khoa KT&KT, Trường ĐHQN được thiết kế theo quy định đào tạo trình độ ThS theo định hướng ứng dụng của Bộ GD&ĐT và các quy định của Trường ĐHQN, đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các học phần thuộc phần kiến thức chung, kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên ngành **[H1.01.01.04]**, **[H1.01.01.05]**. Kế hoạch giảng dạy hằng năm được xây dựng theo các công văn hướng dẫn của Nhà trường **[H3.03.02.03]**. Trong tổng 60 tín chỉ được xây dựng của CTĐT ThS bao gồm phần kiến thức chung là 1 học phần; phần kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên ngành có 23 học phần, trong đó 10 học phần là bắt buộc, các học phần còn lại thuộc các nhóm tự chọn bao gồm: nhóm tự chọn 1, 2, 3, 4 thì mỗi nhóm sẽ chọn 1 trong 2 học phần, riêng nhóm tự chọn 5 sẽ chọn 2 trong 5 học phần; và học phần đề án tốt nghiệp. Các học phần được sắp xếp theo trình tự: phần kiến thức chung được trang bị đầu tiên; sau đó là các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên ngành **[H1.01.02.01]**. Ngoài ra trong CTĐT, thời gian dành cho hoạt động thực tập, thực tế đã được tăng lên, thay vì chỉ có 1 đợt thực tập cuối khóa (luận

văn tốt nghiệp), thi hiện tại NH đã có 3 đợt thực tập (2 học phần thực tập chuyên môn và 1 đề án tốt nghiệp).

Theo chủ trương chung của Nhà trường, định kì ít nhất 2 năm 1 lần, tất cả các học phần đều được rà soát, cập nhật để điều chỉnh, bổ sung các kiến thức mới phù hợp với sự thay đổi của các chuẩn mực, luật, nghị định, thông tư mới trong Kế toán, việc này luôn được lên kế hoạch rõ ràng [H1.01.01.06]. Theo đó, từ năm 2017 đến nay, Khoa đã luôn tiến hành cập nhật CTĐT ThS và đề cương chi tiết học phần theo quy định. Để có thể thay đổi nội dung cho phù hợp, Nhà trường và Khoa KT&KT đã tổ chức lấy ý kiến của các bên liên quan như các chuyên gia trong lĩnh vực kinh tế, kế toán, kiểm toán, HV năm cuối, cựu HV, các đơn vị sử dụng lao động,... về CTDH và CTĐT ngành Kế toán trình độ ThS để có thể nhận được phản hồi, góp ý từ những đối tượng này đến CTDH tại Trường ĐHQN để nâng cao tính cập nhật của CTDH cho phù hợp thực tiễn [H1.01.01.09], [H1.01.01.10].

Các môn học trong CTDH ngành Kế toán trình độ ThS tại Trường ĐHQN được bố trí hợp lý, điều này được thể hiện trong biên bản thông qua CTĐT ThS của Hội đồng Khoa KT&KT [H1.01.01.11]. Sự bố trí hợp lý này được thể hiện qua các học phần điều kiện, thời lượng cho mỗi học phần, học kỳ thực hiện,... Điều này được thể hiện rõ trong CTĐT ThS tại Khoa KT&KT, Trường ĐHQN [H1.01.02.01]. Việc cấu trúc các môn học như thế đảm bảo CTDH là một khối thống nhất.

Khoa KT&KT định kì lập các bảng đối sánh CTĐT ngành Kế toán trình độ ThS với CTĐT tiên tiến của các trường đại học trong và ngoài nước để xem mức độ phù hợp của CTDH tại Khoa với các trường đại học khác. Trên cơ sở đó, sẽ xem xét tham khảo các CTĐT tiên tiến từ các trường trong nước và quốc tế để đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp khi tiến hành điều chỉnh [H1.01.01.13].

CTDH ngành Kế toán trình độ ThS được in trên các tài liệu sinh hoạt đầu năm, sổ tay HVCH và các website của Khoa, Trường nhằm giúp các HV và người có nhu cầu học ThS ngành Kế toán thấy được cấu trúc và trình tự CTDH tại Trường ĐHQN, giúp họ xây dựng lộ trình học tập phù hợp [H1.01.01.14], [H1.01.01.15]. Khoa KT&KT và Trường ĐHQN đã lập kế hoạch thể hiện đầy đủ các nguồn lực và tiến độ trong việc thực hiện CTDH, đảm bảo CTDH ngành Kế toán trình độ ThS đạt chất lượng như cam kết trên các tài liệu quảng bá này [H3.03.02.02], [H3.03.01.02].

2. Điểm mạnh

CTDH ngành Kế toán trình độ ThS của Trường ĐHQN được cấu trúc, trình tự theo hệ thống khối kiến thức gắn kết logic theo hướng từ kiến thức chung đến kiến

thức cơ sở ngành và chuyên môn của ngành. Các học phần trong CTDH được bố trí hợp lý. Các nội dung trong CTDH định kỳ được cập nhật và có sự tham khảo từ các CTDH tiên tiến trong nước và CTĐT nước ngoài nhằm đảm bảo tính linh hoạt và tính tích hợp cao.

3. Điểm tồn tại

Các bài tập ứng dụng tình huống thực tế trong một số ít học phần chưa được phong phú.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Định kỳ, thực hiện rà soát, bổ sung tình huống thực tế cho tất cả các học phần của CTDH	Khoa KT&KT	Từ năm học 2022 – 2023	
2	Phát huy điểm mạnh	Khoa sẽ tiếp tục cập nhật thêm các CTĐT của các nước tiên tiến trên thế giới. Trên cơ sở đó so sánh, đánh giá để điều chỉnh CTDH cho phù hợp hơn.	Khoa KT&KT	Từ năm học 2022 – 2023	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 3

Mặc dù còn một số hạn chế trong phương pháp giảng dạy ở một số học phần, chưa kết hợp chặt chẽ giữa lý thuyết và thực hành, thời gian thực hành chưa nhiều, tuy nhiên CTDH ngành Kế toán trình độ ThS của Khoa KT&KT nói chung đã được thiết kế dựa trên CDR của CTĐT, có cấu trúc, trình tự logic và có sự tích hợp của các học phần nhằm đảm bảo cho NH được tiếp cận các kiến thức theo trình tự từ cơ bản đến chuyên sâu, từ đơn giản đến phức tạp và từ kiến thức chung đến kiến thức cơ sở và kiến thức của ngành, được đi thực tế, thực tập để hiểu hơn về ngành Kế toán. Các học phần trong CTDH được thiết kế linh hoạt, bổ trợ nhau, tạo điều kiện thuận lợi cho NH

tiếp cận, lĩnh hội kiến thức ngành và các kỹ năng mềm. Nội dung các học phần luôn được điều chỉnh, bổ sung, cập nhật với sự tham khảo từ các CTĐT tiên tiến trên thế giới và ý kiến của các bên liên quan nhằm đạt được kết quả theo CDR. Dựa trên đề cương chi tiết của mỗi học phần cụ thể, các học phần tiên quyết được đề ra một cách hợp lý, đầy đủ, không gây khó khăn cho NH trong việc học các môn tiếp theo. Đề cương chi tiết học phần đã mô tả được học phần, thể hiện rõ mục tiêu, CDR của học phần, các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, kế hoạch giảng dạy chi tiết và hình thức đánh giá kiểm tra đối với NH đảm bảo tính khách quan, chính xác và công bằng.

Tự đánh giá theo 3 tiêu chí của tiêu chuẩn này, ngành Kế toán trình độ ThS đã đạt yêu cầu 3/3 tiêu chí, các tiêu chí đều đạt mức 5/7.

Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học.

Mở đầu

Phương pháp tiếp cận trong dạy và học có vai trò đặc biệt quan trọng, quyết định đến CLĐT, việc lựa chọn phương pháp dạy và học thích hợp là cơ sở để đạt được mục tiêu, CDR của CTĐT. Trên cơ sở nhận thức được vai trò, tầm quan trọng của phương pháp dạy và học trong công tác cải tiến CLĐT, đồng thời dựa trên triết lý, mục tiêu giáo dục chung của Nhà trường, Khoa KT&KT đã xác định mục tiêu đào tạo của ngành Kế toán. Từ mục tiêu này, Khoa đã xây dựng CTĐT ngành Kế toán trình độ ThS tiên tiến và hiện đại, phù hợp với yêu cầu thực tiễn; các hoạt động dạy và học được thiết kế đa dạng, phù hợp và phổ biến rộng rãi đến GV, HV trong Khoa giúp cho HV chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CDR của chương trình. Ngoài ra, Khoa luôn chú trọng tổ chức các chương trình, hoạt động hỗ trợ thích hợp nhằm hướng dẫn, hỗ trợ NH hình thành ý thức học tập chủ động, tích cực cũng như năng lực tự học, tự nghiên cứu để góp phần nâng cao khả năng học tập suốt đời.

Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường đã ban hành văn bản công bố sứ mệnh, tầm nhìn và giá trị cốt lõi trong Quyết định số 186/QĐ-ĐHQN ngày 13/02/2017 của Hiệu trưởng Trường ĐHQN [H4.04.01.01]. Hơn nữa, triết lý giáo dục của Trường cũng đã được công bố rõ ràng trong Quyết định số 3663/QĐ-ĐHQN ngày 28/12/2019 của Hiệu trưởng Trường ĐHQN [H4.04.01.02], với nội dung “*Toàn diện - Khai phóng - Thực nghiệp*”. Trong đó, nội dung “Toàn diện” được xác định theo nghĩa hướng tới đào tạo các thế hệ NH phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất, năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực; đem lại cho NH nền tảng vững chắc về kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp; có phẩm

chất chính trị, đạo đức tốt; có sức khỏe và năng lực thẩm mỹ để sống và làm việc trong môi trường luôn thay đổi của xã hội; nội dung “Khai phóng” được xác định theo nghĩa hướng tới phát huy tối đa tiềm năng của mỗi NH; tạo môi trường học tập và rèn luyện giúp NH phát triển nền tảng kiến thức và những kỹ năng cần thiết, chủ động, sáng tạo, tự tin, có khả năng thích ứng với sự thay đổi, có ý thức học tập suốt đời, đáp ứng nhu cầu phát triển của cá nhân và đóng góp cho xã hội. Nội dung “Thực nghiệp” được xác định theo nghĩa hướng tới đào tạo gắn với thực tiễn, nhu cầu lao động; chú trọng thực học, thực nghiệp; trang bị cho NH những kiến thức, kỹ năng cần thiết để sau khi tốt nghiệp có thể thành nghề, đáp ứng yêu cầu thực tế của công việc và có khả năng phát triển từ nghề nghiệp.

Triết lý giáo dục đã được phổ biến rộng rãi đến toàn thể viên chức, GV, người lao động, sinh viên, HV trong toàn Trường và các bên liên quan thông qua việc đăng tải công khai trên website của Trường [**H4.04.01.03**], bảng tin điện tử trước tòa nhà 15 tầng và các lối vào giảng đường nhà A7 giúp viên chức, GV, HV dễ dàng tiếp cận.

Đồng thời, trên cơ sở triết lý giáo dục chung của Trường, Khoa KT&KT đã tiến hành xác định mục tiêu đào tạo và CDR ngành Kế toán của Khoa hướng đến việc đào tạo những ThS ngành Kế toán có năng lực về chuyên môn nhằm thực hiện các công tác kế toán, kiểm soát, kiểm toán, phân tích tài chính, dự toán và phân tích ngân sách trong các tổ chức một cách độc lập; có phẩm chất tốt, có ý thức tuân thủ đạo đức nghề nghiệp và được công nhận bởi các tổ chức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán; có kỹ năng tin học, ngoại ngữ, giao tiếp kinh doanh, làm việc nhóm nhằm thích nghi với sự thay đổi nhanh chóng của môi trường kinh doanh và khả năng cần thiết cho mục tiêu học tập suốt đời [**H1.01.02.01**]. Về mặt kiến thức, chương trình nhằm trang bị những kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội cũng như những kiến thức chuyên sâu về kế toán làm nền tảng giúp NH hiểu rõ và giải thích được bản chất các sự kiện kinh tế, tài chính phát sinh trong thực tiễn và có thể tiếp tục học tập, nghiên cứu ở trình độ cao hơn. Về kỹ năng, chương trình trang bị cho NH kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp kinh doanh, năng lực thực hành nghề nghiệp, phân tích, lập kế hoạch, tư vấn để thực hành và quản lý hiệu quả trong lĩnh vực kế toán. Đồng thời, CTĐT còn hướng đến mục tiêu đào tạo NH có đạo đức nghề nghiệp, phẩm chất tốt để sẵn sàng đáp ứng yêu cầu của xã hội trong môi trường hội nhập kinh tế quốc tế. Các mục tiêu, CDR này đã được thể hiện trong bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các học phần [**H1.01.02.01**].

Mục tiêu đào tạo và CDR về các mặt kiến thức, kỹ năng và thái độ của NH được phổ biến rộng rãi đến HV, GV, nhà tuyển dụng... thông qua nhiều kênh khác nhau. Vào buổi đón tiếp học viên đầu mỗi khóa học, Nhà trường và Khoa KT&KT tổ chức phổ biến mục tiêu đào tạo, CDR đến HV nhằm giúp cho HV hiểu rõ và thực hiện

[H4.04.01.04]. Bên cạnh đó, GV, HV, nhà tuyển dụng, cựu NH dễ dàng tiếp cận triết lý giáo dục, mục tiêu giáo dục của Nhà trường thông qua website chính thức của Nhà trường cũng như website Khoa KT&KT **[H4.04.01.05].**

2. Điểm mạnh

Triết lý giáo dục của Trường ĐHQN được công bố rõ ràng và phổ biến rộng rãi đến các bên liên quan qua nhiều kênh thông tin khác nhau.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù đã được phổ biến nhưng một số GV, HV chưa hiểu rõ về triết lý giáo dục của Nhà trường.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Nhà trường tăng cường các cách thức phổ biến triết lý giáo dục đến toàn thể cán bộ, GV, HV.	Trường ĐHQN	Từ năm học 2022 – 2023	
2	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên cập nhật thông tin trên website của Trường để GV, NH và cộng đồng được tiếp cận sâu rộng hơn nữa triết lý, mục tiêu giáo dục của Trường.	Trường ĐHQN	Từ năm học 2022 – 2023	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7

Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra.

1. Mô tả hiện trạng

Các hoạt động dạy và học trong chương trình được thiết kế phù hợp nhằm đạt được CDR và đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Các hoạt động dạy học được tổ chức đa dạng gồm dạy học trực tiếp thông qua thuyết giảng, dạy học gián tiếp thông qua các tình huống và học trải nghiệm thông qua các thực tập, thực tế tại các doanh nghiệp...

giúp NH đạt được các CDR của ngành Kế toán. Cụ thể, các hoạt động, phương pháp dạy học được thiết kế trong chương trình hướng đến việc giúp NH tích lũy kiến thức, có kiến thức tổng hợp về kinh tế, chính trị, pháp luật về lĩnh vực kế toán, kiểm toán; có kiến thức ngành, chuyên ngành ở trình độ cao để lãnh đạo, điều hành tại các đơn vị, tổ chức về công tác kế toán, kiểm toán và tài chính; áp dụng kiến thức cơ sở ngành để phân tích, đánh giá những vấn đề thực tiễn về kế toán, kiểm toán, phân tích tài chính và nghiên cứu chuyên sâu trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán; có kỹ năng đưa ra các giải pháp, kiến nghị trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán; có kỹ năng điều hành, quản trị hoạt động chuyên môn nghề nghiệp về kế toán, kiểm toán và tài chính; có kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp; có năng lực nghề nghiệp, có phẩm chất đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp; phát huy tính tích cực và chủ động trong học tập, nghiên cứu và tích lũy kinh nghiệm, phát triển nghề nghiệp bản thân **[H1.01.02.01]**, **[H4.04.02.01]**.

Đội ngũ GV của Khoa luôn tích cực, chủ động đổi mới phương pháp giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả bài giảng. Cụ thể, trong quá trình giảng dạy các GV đã sử dụng phương pháp thuyết trình kết hợp với thảo luận và làm việc nhóm. Và tùy theo từng nội dung bài giảng, các GV đưa ra những liên hệ thực tiễn sinh động, phong phú và gợi mở các tình huống, các chủ đề nghiên cứu để phân tích, làm sâu sắc thêm bài giảng, đồng thời giao thêm bài tập tại lớp và về nhà nhằm giúp NH rèn luyện kỹ năng tự học, tự nghiên cứu **[H1.01.02.01]**. Bên cạnh đó, Khoa cũng đã thiết lập Góc học tập trên website của Khoa để NH, GV có thể trao đổi, chia sẻ và tương tác giúp NH bổ sung, bồi đắp thêm kiến thức, kỹ năng **[H4.04.02.02]**.

Nhằm giúp HV có cơ hội tiếp xúc, làm quen với kỹ năng và nghiệp vụ về kế toán, CTĐT trình độ ThS ngành Kế toán có cấu trúc phù hợp giữa các học phần thuộc khối kiến thức chung, khối kiến thức cơ sở, chuyên ngành và luận văn tốt nghiệp, đặc biệt các học phần thực hành, thực tập, thực tế tại doanh nghiệp được quan tâm, chú trọng **[H4.04.02.03]**. Cụ thể, học phần Thực tập chuyên môn 1 được thực hiện vào học kỳ 2 và học phần Thực tập chuyên môn 2 được thực hiện vào học kỳ 3 trong CTĐT. Theo đó, HV được giới thiệu đến các doanh nghiệp để tìm hiểu đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc điểm tổ chức công tác kế toán, công tác lập chứng từ, ghi chép sổ sách kế toán và lập báo cáo tài chính tại doanh nghiệp, đồng thời vận dụng lý thuyết vào thực tiễn để nhận diện các hạn chế trong công tác kế toán tại các đơn vị và đề xuất các giải pháp hoàn thiện **[H1.01.02.01]**. Kết thúc mỗi đợt thực tập chuyên môn, Nhà trường và Khoa KT&KT yêu cầu đơn vị thực tập đánh giá về quá trình thực tập của HV. Thông qua các thông tin và ý kiến phản hồi của các đơn vị thực tập sẽ giúp cho Nhà trường, Khoa có những đánh giá, hoàn thiện nội dung thực tập chuyên môn phù hợp với yêu cầu thực tiễn **[H4.04.02.03]**, **[H4.04.02.04]**. Ngoài ra, định kỳ

Khoa KT&KT cũng đã phối hợp với các phòng ban chức năng liên quan của Trường tiến hành khảo sát ý kiến phản hồi từ GV, cựu HV, nhà tuyển dụng để giúp cho Khoa có thêm cơ sở đánh giá về CLĐT của ngành [H4.04.02.03], [H1.01.01.07]. Hầu hết các đối tượng được khảo sát đều hài lòng với các hoạt động dạy và học cũng như các phương pháp dạy và học được sử dụng trong CTĐT [H1.01.01.09], [H1.01.01.10].

Với mục đích đánh giá và nâng cao chất lượng giảng dạy của GV, Nhà trường tiến hành song song nhiều hình thức khác nhau như: giám sát, kiểm tra hoạt động giảng dạy và đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng GV theo định kỳ hàng tháng, đồng thời thực hiện lấy ý kiến đánh giá hoạt động giảng dạy của GV từ NH trong từng học kỳ cũng như cả năm học thông qua website đào tạo [H4.04.02.04].

2. Điểm mạnh

GV đã xây dựng được các hoạt động dạy học và phương pháp dạy học đa dạng thích hợp, tích cực đổi mới phương pháp dạy theo hướng phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo của HV nhằm đáp ứng mục tiêu đào tạo và đạt được CDR của ngành.

Phương pháp giảng dạy, học tập và các hoạt động dạy học được thiết kế trong CTĐT phù hợp và nhận được sự phản hồi tích cực từ GV, HV.

3. Điểm tồn tại

Việc liên kết với các tổ chức, hiệp hội nghề nghiệp trong nước và quốc tế như: VAA, VACPA, ACCA... còn hạn chế nên chưa kết nối được giữa NH với các tổ chức nghề nghiệp nhằm nâng cao kỹ năng nghề nghiệp cho NH.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Phối hợp với các tổ chức hiệp hội nghề nghiệp như: ACCA, VAA, VACPA... tổ chức các hoạt động ngoại khóa về nghiệp vụ, các hoạt động hỗ trợ để nâng cao kỹ năng nghề nghiệp cho NH.	Khoa KT&KT	Từ năm học 2022 – 2023	
2	Phát huy điểm mạnh 1	Đội ngũ GV của Khoa tiếp tục tích cực, chủ động cập nhật, trau dồi kiến thức, kỹ	Khoa KT&KT	Từ năm học 2022 – 2023	

		năng và kinh nghiệm, đổi mới phương pháp giảng dạy nhằm giúp HV tiếp thu, lĩnh hội các kiến thức chuyên môn cũng như kỹ năng nghề nghiệp.			
3	Phát huy điểm mạnh 2	Tiếp tục lấy ý kiến phản hồi về các phương pháp giảng dạy, học tập và các hoạt động dạy học.			

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7

Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.

1. Mô tả hiện trạng

Hoạt động dạy và học được thiết kế đều hướng đến mục tiêu thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm cho HV. Điều này được thể hiện rõ trong các đề cương chi tiết các học phần. Với CTĐT được ban hành, sửa đổi, bổ sung qua các năm thì đề cương chi tiết các học phần cũng thay đổi để đáp ứng mục tiêu nêu trên. 100% đề cương chi tiết học phần mô tả rõ việc sử dụng các phương pháp dạy học tích cực giúp HV tiếp thu nội dung hiệu quả, và thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu cho HV. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học đa dạng bao gồm: dạy học theo tình huống, bài tập nhóm, thảo luận,... Mục đích của phương pháp này là để HV có thể vận dụng kiến thức đã học vào tranh luận, tìm cách giải quyết các vấn đề thực tiễn, đáp ứng được CDR về kỹ năng gồm khả năng tham gia, tổ chức nhóm, làm việc một cách khoa học... [H1.01.01.06], [H1.01.02.01], [H1.01.02.02].

Bên cạnh đó, hoạt động dạy và học được thiết kế đều hướng đến mục tiêu thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, năng lực tự học, tự nghiên cứu và nâng cao khả năng học tập suốt đời cho NH. 100% đề cương chi tiết học phần mô tả đến hoạt động tự nghiên cứu, tự học thể hiện thông qua phương pháp, hình thức tổ chức dạy học bao gồm bài tập, câu hỏi gợi mở, tự học, ... với mục đích để học viên hiểu, suy luận và nắm được nội dung cốt lõi của học phần, vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết các đối tượng kế toán cụ thể. 100% đề cương chi tiết học phần mô tả việc sử dụng hiệu quả tổ hợp các phương pháp dạy học nhằm thúc đẩy rèn luyện kỹ năng thiết yếu, kỹ năng

mềm cho người học như bài tập nhóm, tiểu luận. Từ đó, đáp ứng được CDR về mức tự chủ và trách nhiệm [H1.01.01.06], [H1.01.02.01], [H1.01.02.02]. Đồng thời, để thúc đẩy hoạt động nghiên cứu và nâng cao năng lực học tập suốt đời của HV. Nhà trường ký các thỏa thuận hợp tác với các đối tác như Trung tâm học liệu Trường Đại học Cần Thơ, tham gia vào Liên hợp thư viện và đóng góp kinh phí mua dùng chung cơ sở dữ liệu ProQuest Central, mua quyền khai thác cơ sở dữ liệu MathSciNet, mua tài khoản Thư viện pháp luật trực tuyến nhằm cung cấp cơ sở dữ liệu, tài liệu hỗ trợ GV và HV truy cập vào hệ thống cơ sở dữ liệu khoa học uy tín phục vụ nghiên cứu học thuật. Định kỳ, Thư viện của Trường cũng cập nhật các tài liệu mới phục vụ đào tạo trong đó có nhiều tài liệu được các trường đại học danh tiếng trên thế giới sử dụng [H4.04.03.01].

Việc triển khai các luận văn ThS và hoạt động NCKH trong HV đã giúp HV phát huy năng lực tự nghiên cứu, tìm tòi tài liệu, trình bày suy nghĩ của mình, từ đó tạo ra sự say mê học hỏi, đẩy mạnh hoạt động tự học, tự nghiên cứu nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho HV. Hoạt động NCKH thông qua các tiểu luận, các bài báo khoa học đăng trên kỷ yếu hội thảo hoặc tạp chí khoa học trong nước [H4.04.03.02]. Luận văn ThS thực hiện theo đúng quy trình, quy chế, công bằng, khách quan từ việc giao đề tài và người hướng dẫn cho HV sau khi đã được khoa phê duyệt tên đề tài, đề cương đề tài theo quy định đến khâu tổ chức hội đồng đánh giá luận văn ThS [H4.04.03.03], [H4.04.03.04], [H4.04.03.05], [H4.04.03.06], [H4.04.03.07], [H4.04.03.08], [H4.04.03.09].

Hoạt động thực tập, thực tế tại doanh nghiệp là một học phần trong CTĐT, nhằm giúp HV không những vận dụng những kiến thức trên giảng đường vào trong thực tế doanh nghiệp mà còn rèn luyện cho HV các kỹ năng thiết yếu như kỹ năng giao tiếp, kỹ năng ứng xử, kỹ năng tin học văn phòng, và một số kỹ năng mềm khác, hoạt động thực tập thực tế năm 2021 bắt đầu triển khai cho HV [H1.01.02.02]. Cổng thông tin học tập trực tuyến được thiết lập thông qua đa dạng các kênh: Góc học tập trên website của khoa, các trang mạng xã hội như Facebook, Zalo,... Điều này đã tạo điều kiện thuận lợi cho HV trong việc tiếp cận các nguồn tài liệu phục vụ học từ GV ngoài giáo trình, việc trao đổi kiến thức giữa GV và HV cũng trở nên dễ dàng và thuận tiện hơn và HV cũng thuận lợi trao đổi hơn. Qua các kênh này, HV cũng có thể chia sẻ kinh nghiệm học tập cũng như các vấn đề khác với nhau. Nguồn tư liệu quan trọng giúp HV tìm hiểu nội dung bài giảng, kiến thức của môn học và giải các dạng bài tập là các giáo trình, Khoa KT&KT đã từng bước xây dựng hệ thống các giáo trình, bài

giảng, slide trình chiếu cho các học phần. Các giáo trình được thẩm định và được xuất bản ở các nhà xuất bản có uy tín. Ngoài ra, Nhà trường cũng đã tạo ra các không gian học tập, phòng tự học, phòng thực hành chuyên môn với mạng wifi và trang thiết bị hiện đại nhằm hỗ trợ và nâng cao khả năng học tập suốt đời cho NH **[H4.04.03.10]**.

Đội ngũ GV với vai trò là người truyền tải tri thức luôn tích cực nghiên cứu, học hỏi trao đổi kinh nghiệm để góp phần nâng cao hiệu quả và chất lượng bài giảng của mình, sử dụng kết hợp các phương pháp giảng dạy nhằm hỗ trợ NH rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời. Để giúp cho GV có thông tin phản hồi kịp thời từ người học, định kỳ Nhà trường và Khoa tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ NH về hoạt động giảng dạy của GV **[H1.01.01.09]**, **[H1.01.01.10]**. Kết quả khảo sát về mức độ hài lòng chung của học viên đối với hoạt động giảng dạy của giảng viên theo lớp học phân dùng làm cơ sở để đối sánh, cải tiến chất lượng hoạt động giảng dạy. Bên cạnh đó, kết quả phản hồi được sử dụng để hỗ trợ GV thay đổi, điều chỉnh phương pháp giảng dạy cũng như kiểm tra đánh giá để đạt được các yêu cầu của CDR.

2. Điểm mạnh

Đề cương chi tiết tất cả các học phần đều quy định về thời gian tự học, mô tả phương pháp giảng dạy phù hợp nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu cho HV. Bên cạnh đó, tổ chức việc tự học, tự nghiên cứu cho HV thông qua các hình thức tiểu luận, nghiên cứu tình huống, viết bài báo khoa học, ... được thực hiện thường xuyên. Nhà trường có các nguồn học liệu phong phú giúp HV có thể tiếp cận đa dạng các nguồn tài liệu khác nhau hỗ trợ cho việc tự học, tự nghiên cứu.

Các hoạt động dạy và học, các chương trình hoạt động Trường và Khoa đưa ra đã tạo động lực cho HV rèn luyện các kỹ năng, giúp HV có thói quen độc lập suy nghĩ, độc lập giải quyết vấn đề khó khăn trong học tập, trong cuộc sống, giúp cho HV tự tin hơn trong việc lựa chọn và đưa ra các quyết định hợp lý về những vấn đề trong thực tiễn.

3. Điểm tồn tại

Một bộ phận NH còn chưa có tinh thần, ý thức học tập tốt. Do đó, phần nào ảnh hưởng đến việc tổ chức và triển khai các hoạt động giảng dạy theo hướng tích cực.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Nâng cao tinh thần, ý thức của HV thông qua các hoạt động dạy và học, có kết hợp hoạt động viết báo khoa học. Tổ chức tốt các buổi hỗ trợ kỹ năng cần thiết để giúp HV chủ động trong học tập.	Khoa KT&KT	Từ năm học 2022 - 2023	
2	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục cập nhật đề cương chi tiết theo hướng đẩy mạnh hoạt động tự học, tự nghiên cứu của HV.	Khoa KT&KT	Từ năm học 2022 - 2023	
3	Phát huy điểm mạnh 2	Hoàn thiện hệ thống đào tạo trực tuyến E-learning cho phép NH tiếp cận đa chiều, phát triển nhanh hơn trong nhận thức và tư duy, góp phần nâng cao năng lực tự học, tự nghiên cứu cho HV.	Trường ĐHQN	Từ năm học 2022 - 2023	

5. Tự đánh giá: Mức độ đạt được của tiêu chí: 4/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 4

Xây dựng phương pháp tiếp cận trong dạy và học phù hợp để đạt được CDR của CTĐT là công tác trọng tâm luôn nhận được sự quan tâm đặc biệt của tập thể lãnh đạo, viên chức Khoa KT&KT. Ý thức được điều này, Khoa KT&KT đã quan tâm nghiên cứu, khảo sát, cập nhật và điều chỉnh phương pháp dạy và học để không ngừng cải tiến, nâng cao CLĐT đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

Nhìn chung, dưới sự nỗ lực của Khoa, chất lượng CTĐT ngành Kế toán trình độ ThS đã đạt được những kết quả ấn tượng. Về cơ bản, triết lý giáo dục, mục tiêu giáo dục của Trường đã được xác định rõ ràng và phổ biến rộng rãi đến các bên liên

quan (GV, NH, nhà tuyển dụng,...) thông qua nhiều kênh khác nhau: website của Trường; đón tiếp HV đầu khóa, các hội nghị, hội thảo. Bên cạnh đó, tập thể GV tích cực trau dồi kiến thức chuyên môn và tiếp cận các phương pháp giảng dạy mới, từ đó góp phần cải thiện chất lượng của công tác dạy và học. Ngoài ra, thông qua nhiều hình thức hoạt động khác nhau như: tiểu luận, bài báo khoa học, các hội thảo khoa học, cùng các hoạt động hỗ trợ HV thiết thực khác được Khoa chỉ đạo đã góp phần đáng kể thúc đẩy tinh thần tự học và học tập suốt đời của NH.

Mặc dù Khoa KT&KT đã có sự nỗ lực đáng kể, vẫn còn tồn tại những điểm cần được tiếp tục cải tiến trong thời gian đến để đáp ứng yêu cầu của thực tiễn. Công tác khảo sát thực tế, thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan cần được quan tâm và thực hiện sâu rộng hơn. Đồng thời, một số khó khăn về chất lượng HV đầu vào, về cơ sở vật chất, môi trường thực hành, thực tế và việc kết nối với các tổ chức nghề nghiệp trong nước, quốc tế còn hạn chế, công thông tin học tập trực tuyến chưa được thiết kế hoàn chỉnh đã ảnh hưởng không nhỏ đến CLĐT, do vậy Nhà trường và Khoa cần tiếp tục xem xét cải tiến phù hợp hơn với tình hình bối cảnh kinh tế - xã hội, đặc biệt trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 diễn ra mạnh mẽ hiện nay.

Tự đánh giá theo 3 tiêu chí của tiêu chuẩn này, ngành Kế toán đã đạt được 3/3 tiêu chí, có 2 tiêu chí đạt 5/7 điểm và 1 tiêu chí đạt 4/7 điểm.

Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học.

Mở đầu

Đánh giá kết quả học tập của NH là một khâu quan trọng trong quá trình dạy học ở bậc đào tạo trình độ ThS. Nó được ví như bánh lái điều khiển quá trình dạy học, đóng vai trò kiểm chứng kết quả đổi mới nội dung, phương pháp theo mục tiêu môn học đã đề ra trong những thời điểm nhất định; giúp cho việc định hướng, điều chỉnh kế hoạch dạy học tiếp theo tiến hành phù hợp và đạt hiệu quả cao hơn. Nhận thức được tầm quan trọng đó, công tác đánh giá kết quả học tập của NH đối với ngành Kế toán luôn được chú trọng, nội dung và hình thức đánh giá thường xuyên được cải tiến cho phù hợp với mục tiêu của CTĐT, phù hợp với các mức độ đạt được của CDR trong CTĐT.

Việc đánh giá kết quả học tập của NH đảm bảo được các tiêu chuẩn về tính khách quan; tính toàn diện; tính thường xuyên, có hệ thống; tính phát triển và tính công khai cùng với các quy định về đánh giá kết quả học tập của NH được xác định một cách rõ ràng và được thông báo công khai tới người học. Các phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng. Kết quả

đánh giá được phản hồi kịp thời để NH cải thiện việc học tập. Các kết quả đánh giá thu được không chỉ bao hàm mục đích tạo ra động cơ học tập và định hướng phát triển cho NH mà còn góp phần cải tiến chất lượng giảng dạy của GV trong Khoa. Việc đổi mới phương pháp giảng dạy luôn gắn liền với việc đổi mới phương pháp đánh giá kiến thức và kỹ năng của NH.

Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học phải được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được của chuẩn đầu ra.

1. Mô tả hiện trạng

Trên cơ sở các quy chế của Bộ GD&ĐT về kiểm tra đánh giá, Trường ĐHQN đã ban hành các văn bản quy định cụ thể việc đánh giá kết quả học tập của NH nhằm đảm bảo tính chính xác, công bằng, minh bạch, phù hợp với mục tiêu và CĐR của CTĐT. Các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của NH có khả năng đo lường mức độ đạt được CĐR được quy định rõ trong Quy định đào tạo ThS ở Trường ĐHQN. Nhà trường có quy định về kiểm tra và đánh giá phù hợp với hình thức học trực tuyến. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng có văn bản, tài liệu hướng dẫn xây dựng CTĐT đáp ứng các CĐR [H5.05.01.01], [H5.05.01.02]. Các quy định này được cập nhật và thông báo công khai cho NH trên website của Trường và Khoa [H5.05.01.03].

Đầu năm học, Nhà trường ban hành kế hoạch đào tạo cho từng khóa, trong đó có cả kế hoạch thi cuối kỳ và được thông báo cụ thể cho HV [H5.05.01.04], [H5.05.01.05] [H5.05.01.06]. Để công tác tổ chức thi hiệu quả, Nhà trường có quy định rõ về yêu cầu hình thức và phương pháp, tổ chức đánh giá học phần. Trước mỗi kỳ thi, Nhà trường ban hành các quyết định thành lập Ban tổ chức kỳ thi gồm các phòng ban và khoa để cùng phối hợp tổ chức thi an toàn, đúng quy chế, từ đó góp phần tạo nên cơ sở tin cậy cho việc đánh giá kết quả học tập của HV [H5.05.01.07], [H5.05.01.08], [H5.05.01.09].

Việc đánh giá kết quả học tập của NH bám sát các yêu cầu của CĐR. Kết quả học tập của NH đối với mỗi học phần được đánh giá kết hợp bằng cả hai thành phần là điểm đánh giá quá trình học tập và điểm thi kết thúc học phần. Đề cương các học phần trong CTĐT đều nêu rất rõ mục tiêu, yêu cầu đạt được về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và chịu trách nhiệm. Những yêu cầu này chính là tiêu chuẩn để đánh giá quá trình thu nhận tri thức và rèn luyện của NH theo các thang bậc (biết, hiểu, vận dụng, phân tích, tổng hợp, đánh giá). CĐR của CTĐT được đo lường qua mức độ đạt được CĐR của các học phần. Việc đánh giá CĐR của các học phần được thực hiện trong toàn bộ

quá trình học bao gồm: bài tập nhóm đối với đánh giá giữa kỳ; tự luận, vấn đáp, bài tiểu luận đối với đánh giá cuối kỳ và được quy định cụ thể cả về nội dung lẫn hình thức đánh giá trong các đề cương chi tiết học phần. Mỗi học phần sẽ đáp ứng một số CĐR của CTĐT ở những mức khác nhau (thấp, trung bình, cao), do đó tổng hợp mức đạt được CĐR CTĐT của các học phần thì có thể đo lường CĐR của CTĐT. Ngoài ra, vào đầu mỗi học kỳ, GV giảng dạy học phần cũng thông báo trực tiếp cho HV về các yêu cầu này. Từ mục tiêu và CĐR của học phần, GV xác định các nội dung cần kiểm tra, đánh giá, các cách thức kiểm tra đánh giá và những yêu cầu cụ thể nhằm đạt được mục tiêu và CĐR của học phần. Bảng tiêu chí đánh giá, mẫu phiếu đánh giá khóa học, học phần, bài thi giữa kỳ, cuối kỳ được thể hiện rõ trong mục 8 của đề cương chi tiết các học phần **[H1.01.02.02]**, **[H5.05.01.10]**. NH được phổ biến cụ thể, chi tiết các kế hoạch về thời gian, hình thức và nội dung thi cho từng học phần. Đề thi được rà soát, phê duyệt trước khi đưa vào sử dụng. Phương pháp cũng như các nội dung đánh giá luôn điều chỉnh để đạt được mục tiêu kiểm tra khả năng phân tích vấn đề của HV theo các thang điểm nhận thức của Bloom trong mỗi khóa học **[H5.05.01.07]**, **[H5.05.01.11]**.

Bộ GD&ĐT ban hành thông tư 17/2021 quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ giáo dục đại học. Theo đó, Nhà trường có văn bản ban hành CTĐT theo định hướng ứng dụng ngành Kế toán có sửa đổi. Trong CTĐT năm 2021 có hai học phần được bổ sung để phù hợp với CTĐT theo định hướng ứng dụng là Thực tập chuyên môn 1 và Thực tập chuyên môn 2 với tổng số tín chỉ là 7 tín chỉ. **[H5.05.01.12]**.

Việc giao đề tài luận văn ThS cũng được thực hiện nghiêm túc, đúng quy chế, công bằng, khách quan từ việc phê duyệt tên đề tài và đề cương luận văn cho đến khâu tổ chức hội đồng đánh giá luận văn tốt nghiệp. Khoa tổ chức cho HV đăng ký tên đề tài và đề xuất người hướng dẫn, sau đó Khoa thành lập các hội đồng phê duyệt tên đề tài, rà soát sự phù hợp về chuyên môn của người hướng dẫn và tên đề tài luận văn, tiếp đến Phòng Đào tạo SDH kiểm tra các điều kiện và hoàn thiện hồ sơ, trình Hiệu trưởng ký quyết định giao đề tài luận văn và cử người hướng dẫn luận văn. Nhà trường đã ban hành các quy định về việc tổ chức đánh giá luận văn một cách chặt chẽ, cùng với đó là các quyết định thành lập hội đồng chấm luận văn ThS bao gồm những GV, nhà khoa học trong và ngoài Trường có uy tín và phù hợp về chuyên môn. Để đảm bảo tính thống nhất, Hội đồng thực hiện quy trình chấm luận văn ThS, các mẫu phiếu chấm, mẫu nhận xét của GV phản biện đều theo quy định. Bên cạnh hình thức đánh

giá luận văn trực tiếp, Nhà trường cũng đã kịp thời ban hành Hướng dẫn về việc đánh giá luận văn ThS theo hình thức trực tuyến để phù hợp với tình hình thực tiễn [H4.04.03.03], [H4.04.03.04], [H4.04.03.05], [H4.04.03.06], [H4.04.03.07], [H4.04.03.08], [H4.04.03.09].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có hệ thống các văn bản, tài liệu hướng dẫn, quy định, kế hoạch rõ ràng về việc đánh giá và thiết kế các phương pháp đánh giá kết quả học tập của NH. Từ đó, việc đánh giá kết quả học tập của NH được thiết kế phù hợp với mục tiêu cần đánh giá tương ứng với mức độ đạt được CĐR.

Các hoạt động kiểm tra đánh giá kết quả học tập của NH được thiết kế phù hợp để đo lường mức độ đạt được CĐR.

3. Điểm tồn tại

Việc phân tích định lượng đề thi mới chỉ được thực hiện đối với một số học phần theo các cấp độ dễ, trung bình, khó, quá khó để phân loại và đánh giá kết quả học tập cũng như đánh giá mức độ đạt được CĐR của HV.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Thực hiện phân tích định lượng đề thi tất cả học phần theo cấp độ dễ, trung bình, khó, quá khó và tổ chức thống kê, phân tích định lượng các kết quả thi.	Khoa KT&KT	Từ năm học 2022 - 2023	
2	Phát huy điểm mạnh	Nhà trường tiếp tục thảo luận, góp ý và thống nhất hệ thống văn bản, quy định, quy chế rõ ràng và thông báo cho NH bằng nhiều hình thức.	Trường ĐHQN	Từ năm học 2022 - 2023	

5. Tự đánh giá: Mức độ đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học.

1. Mô tả hiện trạng

Xác định việc đánh giá NH ngay từ khâu tuyển sinh đến là những nội dung quan trọng để đảm bảo chất lượng của quá trình đào tạo. Chính vì vậy, các quy định về công tác tuyển sinh liên quan đến việc đánh giá như xác định điều kiện dự thi, môn thi, khâu ra đề thi, tổ chức thi, chấm thi, phúc khảo điểm thi đều được quy định rõ ràng, chặt chẽ trong Quy định đào tạo trình độ ThS **[H5.05.01.01]**. Các nội dung liên quan đến thí sinh dự thi được công bố công khai trên website cũng như thông báo trực tiếp cho thí sinh dự thi.

NH tốt nghiệp không đúng với ngành đào tạo nhưng thuộc ngành gần sẽ được tạo điều kiện tham gia học bổ sung các học phần theo quy định để đáp ứng điều kiện chuyên môn trước khi tham gia thi tuyển **[H5.05.02.01]**.

Nhằm giúp cho việc đánh giá kết quả học tập của NH theo các mức độ đạt được của CĐR tốt nhất, Trường ĐHQN đã xây dựng và ban hành các quy định để vận dụng cho việc đánh giá kết quả học tập của NH rất rõ ràng về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số. Học phần được đánh giá bởi điểm kiểm tra giữa kỳ và điểm thi kết thúc học phần. Trọng số của điểm kiểm tra giữa kỳ là 0,3 và điểm thi kết thúc học phần là 0,7. Điểm kiểm tra giữa kỳ và điểm thi kết thúc học phần, làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm học phần là tổng của điểm kiểm tra giữa kỳ và điểm thi kết thúc học phần nhân với trọng số tương ứng, làm tròn đến một chữ số thập phân. Có cả cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan đến đánh giá và kết quả học tập của NH; đồng thời Khoa KT&KT cũng có quy định riêng liên quan. Các quy định này sẽ cơ sở pháp lý chặt chẽ cho quá trình thực hiện việc đánh giá kết quả học tập của NH. Các quy định của Trường bao gồm: Quy định đào tạo trình độ ThS; Quyết định ban hành quy định tổ chức thi, đánh giá học phần đào tạo trình độ ThS; Thông báo về việc triển khai, thực hiện giao đề tài luận văn và phân công người hướng dẫn luận văn ThS; Quyết định về việc giao đề tài và cử người hướng dẫn luận văn ThS **[H5.05.01.01]**, **[H5.05.02.02]**, **[H4.04.03.03]**, **[H4.04.03.04]**. Tất cả những quy định này cùng với đề cương chi tiết các học phần được thông báo công khai cho NH trên website của Nhà trường, Sổ tay HV (online) **[H1.01.01.15]**, **[H5.05.02.03]**.

Thông tin về hoạt động đánh giá cũng được Nhà trường triển khai, thông báo công khai tới NH thông qua các hình thức trực tiếp và gián tiếp. Trong buổi học đầu tiên của mỗi học phần, GV có trách nhiệm giới thiệu khái quát về học phần bao gồm

cả thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số để đánh giá và cơ chế phản hồi cho NH. Các quy định về phương thức kiểm tra, đánh giá học phần, các thành phần điểm và trọng số tương ứng, thời điểm kiểm tra cũng được quy định rõ ràng trong Đề cương chi tiết học phần của CTĐT ngành Kế toán **[H1.01.01.06]**. Cụ thể, điểm đánh giá học phần bao gồm điểm kiểm tra giữa kỳ và điểm thi kết thúc học phần.

Khoảng thời gian thi kết thúc học phần do Phòng Đào tạo SDH lên kế hoạch và được Nhà trường phê duyệt sau đó được công bố cho HV ngay từ đầu năm học **[H3.03.02.03]**. Cuối mỗi học kỳ, Phòng Đào tạo SDH lập kế hoạch thi chi tiết và thông báo cho HV biết thông qua hình thức trực tiếp (bản giấy gửi cho lớp) và gián tiếp (website của Phòng) ít nhất là 2 tuần trước khi kỳ thi bắt đầu **[H5.05.02.04]**. Kết quả đánh giá học phần được thông báo đến NH chậm nhất 14 ngày sau khi kết thúc kỳ thi **[H5.05.02.05]**. NH được quyền yêu cầu kiểm tra hoặc phúc khảo kết quả kiểm tra và thi học phần nếu cảm thấy kết quả chưa được như kỳ vọng, quy trình kiểm tra, phúc khảo được Nhà trường quy định rõ ràng trong các văn bản liên quan **[H5.05.02.02]**, **[H5.05.02.06]**.

Đối với việc đánh giá luận văn, Nhà trường cũng ban hành các quy định chặt chẽ và rõ ràng về quy trình chấm luận văn, phiếu chấm luận văn, phiếu nhận xét của GV hướng dẫn, GV phản biện. Cách tính điểm cũng được quy định cụ thể và rõ ràng trước khi thực hiện **[H4.04.03.09]**. Với mục tiêu đảm bảo CLĐT, Nhà trường đã ban hành Quy định CĐR ngoại ngữ đối với HV và thông báo đến toàn bộ HV được biết **[H5.05.01.01]**. Theo đó, để được công nhận tốt nghiệp trình độ đào tạo ThS, HV phải đạt chuẩn bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

So với quy định về đào tạo năm 2015, quy định năm 2021 có nhiều điểm cải tiến hơn trong việc đào tạo, kiểm tra đánh giá NH. Một số điểm cải tiến nổi bật như cho phép NH được chuyển đổi tín chỉ của một số học phần đã học ở một chương trình đào tạo thạc sĩ khác; cho phép sinh viên được đăng ký học trước một số học phần của chương trình đào tạo thạc sĩ để có thể rút ngắn thời gian đào tạo sau này khi sinh viên tham gia học thạc sĩ tại Trường; phương thức tuyển sinh đa dạng với việc kết hợp cả xét tuyển và thi tuyển; dạy và học cũng như đánh giá NH được bổ sung thêm hình thức trực tuyến với khối lượng học tập không vượt quá 30% tổng khối lượng của học phần, điểm đánh giá trực tuyến đóng góp không quá 50% trọng số điểm học phần; trọng số đánh giá học phần được quy định linh hoạt hơn, cho phép dao động trong khoảng 30% - 50% đối với điểm đánh giá quá trình và 50% - 70% đối với điểm thi kết thúc học phần; điểm học phần được bổ sung xếp loại điểm chữ cho phù hợp với hình thức đào tạo tín chỉ,... **[H5.05.02.07]**.

2. Điểm mạnh

Các quy định về đánh giá kết quả học tập của NH khá đầy đủ, rõ ràng và được thông báo công khai tới NH qua nhiều kênh thông tin, do vậy giúp NH hiểu và nắm rõ các quy định về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập.

Quy định đào tạo trình độ ThS được xây dựng linh hoạt nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho NH tham gia học tập cũng như GV trong việc đánh giá kết quả học tập của NH.

3. Điểm tồn tại

Việc thông tin đến NH quy định về đánh giá kết quả học tập vào đầu khóa học hay đầu học kỳ bằng hình thức thông báo dẫn đến NH sẽ nhanh chóng lãng quên, không nắm rõ được các quy định cụ thể để vận dụng trong từng trường hợp.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường kênh thông tin đến HV và xây dựng cơ chế đánh giá mức độ tiếp cận và hiểu thông tin của người học.	Trường ĐHQN, Khoa KT&KT	Từ năm học 2022-2023	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện các văn bản, quy định phù hợp với thực tiễn để vận dụng cho việc đánh giá kết quả học tập của NH.	Trường ĐHQN	Từ năm học 2022-2023	

5. Tự đánh giá: Mức độ đạt được của tiêu chí 5/7.

Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.

1. Mô tả hiện trạng

Kiểm tra đánh giá là một khâu quan trọng trong quá trình dạy - học ở các cơ sở giáo dục. Mỗi phương pháp kiểm tra, đánh giá có những ưu điểm và nhược điểm riêng.

Kiểm tra, đánh giá người học có thể sử dụng một hoặc kết hợp nhiều phương pháp, hình thức kiểm tra đánh giá khác nhau trong một lần kiểm tra, đánh giá người học. Theo quy định, giảng viên đã sử dụng tổ hợp các phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học trong quá trình đào tạo và trong kỳ thi kết thúc học phần, thi cuối khóa/chấm đồ án tốt nghiệp nhằm hướng đến độ tin cậy và công bằng. Phương pháp đánh giá kết quả học tập của NH rất đa dạng, sử dụng tổng hợp các hình thức: ***phương pháp kiểm tra viết*** gồm 2 nhóm (nhóm 1: tự luận gồm bài kiểm tra cá nhân, bài tập nhóm, tiểu luận, luận văn tốt nghiệp: phương pháp này có khả năng đo lường kết quả học tập của HV ở mức độ phân tích, tổng hợp và đánh giá. Nó tạo điều kiện cho HV bộc lộ khả năng suy luận, phê phán, trình bày những ý kiến dựa trên những trải nghiệm của cá nhân, đặc biệt phương pháp kiểm tra đánh giá tự luận đối với những học phần chuyên ngành, đòi hỏi kỹ năng tư duy phân tích, tổng hợp, giải quyết vấn đề), nhóm 2: trắc nghiệm (trắc nghiệm tự luận và khách quan), ***phương pháp quan sát*** (giảng viên đã quan sát trong quá trình dạy học: thuận lợi để đánh giá thái độ, cung cấp cho giảng viên những thông tin bổ sung có giá trị mà những thông tin này khó đo được bằng các phương pháp khác; quan sát thường xuyên đã giúp cung cấp thông tin liên tục về sự tiến bộ của HV; Giảng viên đã sửa lỗi kịp thời cho HV). Ngoài ra, GV còn đánh giá kết quả học tập của HV thông qua ***phương pháp vấn đáp, thảo luận*** (việc này đã kích thích tính cực độc lập tư duy ở HV để tìm ra câu trả lời tối ưu trong thời gian nhanh nhất; tạo không khí làm việc sôi nổi, sinh động trong giờ học). Các phương pháp sử dụng hướng đến đáp ứng yêu cầu về việc đo lường mức độ đạt được CDR của học phần, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng và được quy định rõ trong đề cương chi tiết học phần, Quy định tổ chức thi kết thúc học phần đào tạo trình độ ThS [H1.01.01.06], [H5.05.03.01], [H1.01.02.01], [H1.01.02.02], [H5.05.02.02].

Nội dung của các bài kiểm tra hay thi đều phải đảm bảo đánh giá được kiến thức, kỹ năng cơ bản của từng khối kiến thức trong học phần. Sau khi biên soạn xong đề kiểm tra cũng như đề thi cuối kỳ, các GV tiến hành thảo luận nhằm đạt được sự thống nhất về nội dung và mức độ đánh giá phù hợp, hướng đến sự công bằng nhất định cho NH. Quy trình biên soạn đề thi, duyệt đề thi, nộp đề thi, in sao đề thi, bảo quản đề thi đảm bảo tính bảo mật, khách quan, chính xác, công bằng. Cuối mỗi học kỳ, Nhà trường tổ chức chung một kỳ thi kết thúc học phần. Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng xây dựng kế hoạch thi, chọn và in sao đóng gói đề thi giao cho Phòng Đào tạo SDH tổ chức công tác coi thi, làm phách, lên điểm và nhập điểm thi, GV thì được phân

công chấm thi, quy trình thực hiện theo đúng quy chế **[H5.05.01.07]**, **[H5.05.03.02]**, **[H5.05.01.08]**, **[H5.05.02.02]**.

Để đảm bảo tính khách quan, công bằng trong công tác chấm bài thi thì bài thi được chấm tại Trường và thực hiện độc lập bởi 2 GV. Sau khi chấm xong, GV lên bảng điểm mỗi học phần, ngoài hai GV chấm thi, đều có ký xác nhận của Trưởng khoa **[H5.05.02.02]**. Phòng Đào tạo SDH lên bảng điểm học phần cho các học phần thi viết. Bên cạnh đó, Ban chủ nhiệm Khoa luôn tăng cường chỉ đạo chặt chẽ, nghiêm túc khâu chấm thi đối với giáo viên tham gia chấm bài thi và yêu cầu các Bộ môn thường xuyên thực hiện việc sử dụng kết quả thi để đánh giá mức độ đạt được CDR đối với các đề thi đã sử dụng để có căn cứ đề xuất điều chỉnh đề thi **[H5.05.03.03]**. Sau mỗi kỳ thi, Nhà trường tổ chức thanh tra tất cả các khâu từ in sao, quản lý đề thi, coi thi, chấm thi, nhập điểm, kiểm tra tính chính xác của việc lên điểm thi kết thúc học phần và điểm học phần **[H5.05.03.04]**, **[H5.05.03.05]**, **[H5.05.01.09]**, **[H5.05.03.06]**. Ngoài ra, để đảm bảo nhận được phản hồi của NH, sau khi nhận được điểm thi, NH được quyền phản hồi nếu cảm thấy không thỏa mãn với kết quả đánh giá bằng việc viết đơn đề nghị kiểm tra hoặc phúc khảo bài thi theo mẫu của Phòng Đào tạo SDH **[H5.05.02.06]**.

Đối với luận văn tốt nghiệp, Khoa KT&KT thực hiện theo Quy định về việc giao đề tài và cử người hướng dẫn luận văn ThS cho HV, quy trình chấm luận văn tốt nghiệp, phiếu chấm luận văn tốt nghiệp, phiếu nhận xét của GV hướng dẫn, GV phản biện. Luận văn được chấm bởi các GV trong hội đồng chấm luận văn ThS. Việc chấm luận văn tốt nghiệp có tiêu chí rõ ràng về thái độ làm việc, khung lý thuyết, phương pháp sử dụng, kết quả thực tiễn, thể hiện qua các phiếu đánh giá luận văn. Các tiêu chí này đảm bảo độ giá trị trong đánh giá luận văn tốt nghiệp. Cách tính điểm của học phần luận tốt văn nghiệp cụ thể như sau: Điểm đánh giá luận văn tốt nghiệp là trung bình cộng điểm các thành viên hội đồng chấm luận văn tốt nghiệp **[H4.04.03.03]**, **[H4.04.03.04]**, **[H4.04.03.09]**.

Để góp phần nâng cao chất lượng của các luận văn ThS, Nhà trường đã ban hành Quy định kiểm soát và xử lý đạo văn. Với Quy định này chỉ cho phép các luận văn ThS có mức tương đồng tối đa là 30% **[H5.05.03.07]**. Tất cả các luận văn trước khi đưa ra Hội đồng đánh giá đều được kiểm tra mức độ tương đồng nhằm kiểm soát trường hợp sao chép, trích dẫn không đúng quy định. Việc thực hiện nhằm nâng cao mức độ trung thực, liêm chính học thuật và giá trị khoa học của các luận văn.

Việc kết hợp các phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của NH được xác nhận đảm bảo tính khách quan và công bằng thông qua khảo sát lấy ý kiến của NH sau mỗi năm học [H1.01.01.09].

Hằng năm, nhà trường đều tổ chức sơ kết để đánh giá về hiệu quả sử dụng tổ hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá được áp dụng trong CTĐT từ đó có kết luận nhằm rút kinh nghiệm trong kiểm tra/đánh giá cho các năm tiếp theo [H5.05.03.08], thẩm định sự tương thích và phù hợp của quá trình dạy – học, đánh giá kết quả học tập với CĐR [H5.05.03.09]. Bên cạnh đó, định kỳ Nhà trường tổ chức họp tổng kết công tác tổ chức thi kết thúc học phần, tổng hợp ý kiến phản hồi của GV, HV về CTĐT và hoạt động giảng dạy của GV. Qua đó làm cơ sở để điều chỉnh phương pháp đánh giá NH cho phù hợp và đạt hiệu quả cao nhất [H5.05.03.10], [H1.01.01.11].

2. Điểm mạnh

Phương pháp đánh giá kết quả học tập của NH được thực hiện đa dạng, việc thực hiện quy trình đánh giá đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.

Có sự đánh giá kết quả NH sau mỗi kỳ thi để làm căn cứ điều chỉnh đề thi nhằm đạt được CĐR của học phần.

3. Điểm tồn tại

Công tác thống kê, phân tích kết quả học tập của NH để đánh giá mức độ đạt được CĐR của đề thi đã được thực hiện ở hầu hết các học phần. Tuy nhiên, đối với các học phần được mời giảng từ GV ngoài Trường thì công việc này vẫn chưa được thực hiện. Do đó, một số đề thi chưa đạt được yêu cầu cao về đánh giá theo các mức năng lực, chưa đo lường được đầy đủ CĐR của học phần.

Chưa bổ sung đầy đủ các rubrics đánh giá cho các học phần để đảm bảo độ tin cậy.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Thực hiện công tác	Khoa	Từ năm	

		thống kê, phân tích kết quả học tập của NH đối với các học phần được mời giảng từ GV ngoài Trường.	KT&KT phối hợp với GV thỉnh giảng	học 2022-2023	
2	Khắc phục tồn tại 2	Bổ sung đầy đủ các rubrics đánh giá cho các học phần để đảm bảo độ tin cậy.	GV giảng dạy	Từ năm học 2022-2023	
3	Phát huy điểm mạnh 1	Định kỳ tổ chức tổng kết về hiệu quả tổ hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá được áp dụng trong các học phần của CTĐT.	Trường ĐHQN	Từ năm học 2022-2023	
4	Phát huy điểm mạnh 2	Tiếp tục định kỳ tổ chức họp tổng kết công tác tổ chức thi kết thúc học phần, tổng hợp ý kiến phản hồi của GV, HV về CTĐT và hoạt động giảng dạy của GV.	Trường ĐHQN	Từ năm học 2022-2023	

5. Tự đánh giá: Mức độ đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập.

1. Mô tả hiện trạng

Các quy định về thi, kiểm tra và đánh giá kết quả học tập của HV được Nhà trường ban hành cụ thể trong quy chế đào tạo trình độ ThS [H5.05.01.01]. Để hướng dẫn chi tiết hơn, gần đây Nhà trường đã ban hành Quyết định số 532/QĐ-ĐHQN nhằm đảm bảo việc tổ chức thi và đánh giá kết quả học tập của HV được khách quan [H5.05.02.02]. Các quy định này được công bố công khai trên Website của Trường,

Khoa đề GV và HV dễ dàng tiếp cận **[H5.05.01.03]**, **[H5.05.04.01]**. Việc tổ chức thi, đánh giá kết quả học tập từng kỳ của HV được thực hiện chặt chẽ: Nhà trường ban hành kế hoạch về việc tổ chức thi kết thúc học phần, thành lập ban tổ chức kỳ thi và sau mỗi kỳ thi Phòng Thanh tra - Pháp chế báo cáo kết quả thanh tra kỳ thi **[H5.05.01.07]**, **[H5.05.01.08]**, **[H5.05.01.09]**. Công tác tổ chức chấm thi và công bố kết quả đánh giá HV được Nhà trường quy định cụ thể và chặt chẽ đảm bảo HV nhận được phản hồi kết quả kịp thời **[H5.05.01.01]**, **[H5.05.02.02]**. Theo đó, khoa quản lý học phần hoàn thành việc nhập điểm điểm thi kết thúc học phần vào phần mềm quản lý đào tạo chậm nhất là 10 ngày sau khi thi kết thúc học phần. Ngay sau khi có kết quả, Phòng Đào tạo SDH gửi bảng điểm về cho lớp trưởng để lớp trưởng thông báo cho HV hoặc HV có thể vào xem điểm của mình bằng cách truy cập vào tài khoản cá nhân **[H5.05.02.05]**. Riêng đối với kết quả đánh giá quá trình, GV thông báo cho NH ngay khi kết thúc học phần và đối với học phần thi vấn đáp phải do hai GV hỏi thi và điểm thi được công bố công khai sau mỗi buổi thi. Hầu hết các kết quả các học phần đều được công bố kịp thời, tuy nhiên vẫn tồn tại kết quả của một số học phần bị công bố chậm so với kế hoạch. Hàng năm, nhà trường lập báo cáo tình hình đào tạo trình độ ThS, trong đó có báo cáo về trình độ GV đảm bảo chất lượng giảng dạy, thống kê số lượng HV đăng ký dự thi, trúng tuyển, nhập học, số lượng bảo lưu kéo dài thời gian học tập và số lượng tốt nghiệp từng khoá **[H5.05.04.02]**. Ngoài ra, cuối mỗi năm, Khoa KT&KT cũng có báo cáo tổng kết về tình hình năm học và đưa ra phương hướng năm học mới nhằm cải thiện chất lượng đào tạo **[H5.05.04.03]**.

Việc phản hồi kịp thời kết quả học tập cũng giúp HV chủ động trong kế hoạch học tập của mình nhằm cải thiện kết quả học tập như làm đơn xin học lại học phần để cải thiện điểm học phần và điểm trung bình chung để đạt được các mục tiêu cá nhân của NH **[H5.05.04.04]**. HV được phép nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học tối đa 1 năm nhưng phải đảm bảo đáp ứng đầy đủ các quy định về đào tạo ThS của Nhà trường với các minh chứng kèm theo **[H5.05.04.05]**. Bên cạnh đó, HV cũng được phép kéo dài thời gian đào tạo và bảo lưu kết quả học tập trong trường hợp đã hết thời gian đào tạo nhưng chưa hội đủ điều kiện tốt nghiệp **[H5.05.04.06]**. Tổng thời gian nghỉ học tạm thời và thời gian đào tạo kéo dài tối đa là 2 năm.

Kết hợp việc đánh giá mức độ hài lòng của NH về phản hồi kết quả học tập với các mục tiêu đào tạo khác, Nhà trường triển khai lấy ý kiến phản hồi của HV về hoạt động giảng dạy của GV vào cuối mỗi học kỳ theo “Quy định về việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan” **[H4.04.02.03]**. Nhằm tạo điều kiện cho tất cả HV được tham gia đánh giá chất lượng giảng dạy của GV ở tất cả các học phần, Nhà trường tổ chức khảo

sát ý kiến phản hồi của NH về hoạt động giảng dạy của GV bằng các hình thức trực tuyến hoặc phát phiếu khảo sát trực tiếp cho HV [H1.01.01.07]. Sau mỗi đợt khảo sát, Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng tổng hợp dữ liệu, xử lý và báo cáo kết quả phản hồi của NH cho lãnh đạo Nhà trường và Khoa nhằm nắm bắt tình hình giảng dạy của GV, giúp GV có những điều chỉnh, cải tiến góp phần nâng cao chất lượng dạy học [H1.01.01.09].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có những quy định chặt chẽ liên quan đến đánh giá kết quả học tập và thông báo công khai cho HV.

Kết quả học tập của NH được đánh giá chính xác, khách quan và đa số kết quả đánh giá các học phần được thông báo kịp thời cho HV.

3. Điểm tồn tại

Việc công bố kết quả học tập của một vài học phần cho HV đôi khi còn chậm.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Đôn đốc GV chấm bài thi và nộp điểm thi đúng thời gian quy định. Đồng thời, Nhà trường sẽ xử lý nghiêm minh các trường hợp GV chưa thực hiện đúng quy định về kiểm tra, đánh giá HV.	GV Khoa KT&KT.	Từ năm học 2022 - 2023	
2	Phát huy điểm mạnh 1	Thực hiện nghiêm túc việc đánh giá kết quả giữa kỳ và thi cuối kỳ. Tiếp tục công bố công khai, rộng rãi các quy định về đánh giá kết quả học tập cho GV và HV.	Khoa KT&KT. Trường ĐHQN	Từ năm học 2022 – 2023 Từ năm học 2022 – 2023	
3	Phát huy điểm	Tiếp tục nhắc nhở GV	Khoa	Từ năm	

	mạnh 2	đánh giá kết quả người học chính xác và khách quan Nâng cấp phần mềm quản lý	KT&KT. Trường ĐHQN	học 2022 – 2023 Từ năm học 2022 – 2023	
--	--------	---	---------------------------	---	--

5. *Tự đánh giá*: Mức đạt được của tiêu chí là 5/7.

Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập.

1. *Mô tả hiện trạng*

Việc khiếu nại về kết quả học tập được Nhà trường quy định cụ thể trong quy trình giải quyết công việc của Trường và được công bố cho HV dễ dàng tiếp cận, cụ thể như sau:

Các quy trình và hình thức khiếu nại được phổ biến cho HV ngay từ khi nhập học thông qua buổi đón tiếp HV đầu khoá và trong sổ tay HV được đăng trên website của Trường [H4.04.01.04], [H5.05.02.03]. Đầu khoá học, Phòng Đào tạo SDH phổ biến cho HV về CTĐT toàn khoá và từng năm học [H5.05.01.05]. Bên cạnh đó, Phòng Đào tạo SDH cũng phổ biến các quy định khác liên quan đến khoá học như việc khiếu nại kết quả học tập, đồng thời các quy định này cũng được đăng tải trên website của Trường và Khoa [H5.05.02.02], [H5.05.04.01]. Trong quá trình học tập, NH được quyền khiếu nại kết quả học tập theo quy định nếu thấy kết quả chưa tương xứng với bài thi, bài kiểm tra của mình.

Đối với điểm quá trình, HV khiếu nại trực tiếp với GV giảng dạy học phần đó khi GV công bố điểm sau khi kết thúc mỗi học phần. Kết quả thi cuối kỳ sẽ được Nhà trường thông báo kịp thời và công khai đến NH để NH có thể phản hồi và khiếu nại kết quả học tập thông qua phần mềm quản lý của Nhà trường và HV có thể truy cập vào phần mềm bằng tài khoản cá nhân của mình [H5.05.02.05]. Ngoài ra, đối với học phần thi vấn đáp phải do hai GV hỏi thi và điểm thi được công bố công khai sau mỗi buổi thi. Quy trình phúc tra điểm thi kết thúc học phần như sau: Trong vòng 10 ngày kể từ khi công bố điểm thi học phần, nếu có nhu cầu phúc tra thì HV làm đơn phúc tra và nộp cho khoa quản lý học phần [H5.05.02.02], [H5.05.02.06]. Trong vòng 5 ngày kể từ ngày nhận đơn phúc tra, khoa quản lý học phần tổ chức rút bài thi của học viên, kiểm tra, phô tô bài thi và phân công GV chấm phúc tra sau đó khoa quản lý học phần lập biên bản phúc tra bài thi và thông báo cho HV [H5.05.02.02].

Sau mỗi học kỳ, Phòng Thanh tra – Pháp chế đều thực hiện kiểm tra bài thi, khâu lên điểm, nhập điểm vào phần mềm và lập biên bản kiểm tra có xác nhận của Phòng Đào tạo SDH và Phòng Thanh tra – Pháp chế **[H5.05.03.06]**.

Nhờ quy trình chấm thi chặt chẽ, đảm bảo tính khách quan, tin cậy và công tác kiểm tra kết quả thi trước và sau khi thông báo đến HV được thực hiện tốt nên trong 5 năm gần đây, không có HV nào của ngành Kế toán nộp đơn đề nghị được phúc tra bài thi, cũng như không xảy ra trường hợp sai sót nào về kết quả đánh giá NH nói chung.

2. Điểm mạnh

Quy trình khiếu nại được công khai để NH dễ dàng tiếp cận.

Quy trình chấm thi được thực hiện chặt chẽ, đảm bảo tính khách quan và tin cậy nên không có trường hợp phúc khảo nào trong 5 năm gần đây.

3. Điểm tồn tại

Hình thức công bố các quy định khiếu nại về kết quả học tập vẫn chưa được đa dạng để cho NH có thể dễ dàng tiếp cận.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Đa dạng các hình thức công khai quy định khiếu nại về kết quả học tập như: công bố trên Website, sổ tay HV, Phòng Đào tạo SDH và Khoa KT&KT sẽ nhắc nhở HV về thời gian khiếu nại sau khi có kết quả thi.	Trường ĐHQN; Khoa KT&KT; Phòng Đào tạo SDH.	Từ năm học 2022 – 2023	
2	Phát huy điểm mạnh 1	Phòng Đào tạo SDH kịp thời nắm bắt các đơn khiếu nại của HV	GV Khoa KT&KT; Phòng Đào	Từ năm học 2022 – 2023	

		và phân công người thực hiện;	tạo SDH.		
3	Phát huy điểm mạnh 2	GV thực hiện nghiêm túc việc kiểm tra lại bài thi.	GV Khoa KT&KT; Phòng Đào tạo SDH.	Từ năm học 2022 – 2023	

5. *Tự đánh giá*: Mức đạt được của tiêu chí là 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 5

Việc đánh giá kết quả học tập NH ngành Kế toán trình độ ThS được thực hiện đúng theo quy định của Bộ GD&ĐT và Trường ĐHQN, phù hợp với CDR được ban hành và được thông báo rõ ràng, công khai tới NH với các phương pháp đánh giá đa dạng, đảm bảo tính giá trị, độ tin cậy, khách quan và hướng đến sự công bằng cho NH. Nội dung đánh giá đảm bảo được yêu cầu đánh giá đúng năng lực, trình độ kiến thức, kỹ năng thực hành và khả năng vận dụng kiến thức của NH trong phạm vi CTĐT. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để giúp cho NH cải thiện việc học tập và nâng cao thành tích của mình.

Tự đánh giá theo 5 tiêu chí của tiêu chuẩn này, ngành Kế toán đã đạt được 5/5 tiêu chí và cả 5 tiêu chí đều đạt 5/7 điểm.

Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên.

Mở đầu

Xây dựng và phát triển đội ngũ GV và viên chức quản lý đạt chuẩn tương đương các trường đại học tiên tiến trong nước và quốc tế vừa là mục tiêu, vừa là động lực quan trọng để xây dựng và phát triển các Khoa, phát triển Trường ĐHQN ngang tầm với các đại học uy tín trong nước và quốc tế.

Trường ĐHQN có sứ mệnh đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; bồi dưỡng nhân tài; NCKH, truyền bá tri thức và chuyển giao công nghệ; phục vụ hiệu quả sự phát triển bền vững của đất nước, đặc biệt đối với khu vực Nam Trung Bộ - Tây Nguyên góp phần thúc đẩy tiến bộ xã hội. Điều này cũng có nghĩa là Nhà trường cần có một lực lượng GV có trình độ và đủ năng lực để tham gia công tác giảng dạy và NCKH. Nhà trường luôn xác định công tác chuẩn hóa và nâng cao chất lượng, trình độ cho GV là nhiệm vụ trọng tâm trong công tác đào tạo và NCKH của Nhà trường. Đội ngũ GV của Khoa KT&KT khá mạnh, vừa có phẩm chất đạo đức tốt, chuyên môn sâu, phương pháp giảng dạy tốt, nhiều kinh nghiệm trong công tác giảng dạy, có năng lực quản lý và luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Đặc biệt đội ngũ để thực hiện

CTĐT ThS ngành Kế toán có trình độ và năng lực phù hợp với yêu cầu công việc được giao, đảm bảo trình độ chuẩn được đào tạo, có trình độ ngoại ngữ, tin học, nghiệp vụ sư phạm đáp ứng tốt yêu cầu của CTĐT và nhiệm vụ NCKH. Đội ngũ GV của Khoa KT&KT được quy hoạch, tuyển dụng đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Việc tuyển dụng, đề bạt cán bộ được thực hiện công khai, đúng quy định và dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm giảng dạy và thành tích học thuật. Việc phân công trách nhiệm đào tạo và mối quan hệ công tác được phân định rõ ràng, phù hợp với trình độ, kinh nghiệm, kỹ năng của GV. Việc quản lý theo kết quả công việc và ghi nhận thành tích của GV tạo động lực cho việc hoàn thành trách nhiệm giảng dạy, nghiên cứu và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Hiện nay, đội ngũ viên chức của Khoa gồm 50 người trong đó 48 GV cơ hữu được chia làm 05 bộ môn (Kế toán, Phân tích kinh tế, Kiểm toán, Kinh tế, Toán kinh tế), bao gồm 02 PGS và 15 TS. Tham gia trực tiếp giảng dạy chương trình ThS có 02 PGS và 09 TS của Khoa và 13 PGS, TS của các khoa khác trong trường. Ngoài ra, để đáp ứng yêu cầu về chuẩn GV giảng dạy trình độ ThS, Khoa đã mời GV thỉnh giảng ngoài trường là các GS, PGS, TS từ các trường ĐH lớn trong nước tham gia giảng dạy. Việc quy hoạch đội ngũ GV của Khoa KT&KT được Nhà trường và Khoa xác định là nhiệm vụ vô cùng quan trọng và cần phải làm thường xuyên để có thể luôn đáp ứng được yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng của từng năm học.

Thực hiện sứ mệnh đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; bồi dưỡng nhân tài; NCKH, truyền bá tri thức và chuyển giao công nghệ; phục vụ hiệu quả sự phát triển bền vững của đất nước, đặc biệt đối với khu vực Nam Trung Bộ - Tây Nguyên góp phần thúc đẩy tiến bộ xã hội, Nhà trường đã xây dựng Kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐHQN giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2030. Điều cốt lõi trong việc thực hiện sứ mệnh đào tạo, phát triển nói trên là xây dựng và phát triển lực lượng GV có trình độ chuyên môn cao, đủ năng lực để tham gia công tác giảng dạy và NCKH để thực hiện thành công sứ mệnh của Nhà trường **[H1.01.01.02]**. Nhằm nâng cao năng lực đội ngũ GV đáp ứng đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, Nhà trường đã có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng GV trong và ngoài nước, Hiệu trưởng đã đề nghị Trưởng khoa xây dựng kế hoạch và gửi danh sách các GV đi đào tạo trình

độ TS theo Đề án 89. Bên cạnh đó, Nhà trường còn chú trọng công tác quy hoạch viên chức quản lý thông qua kế hoạch bổ nhiệm viên chức quản lý giai đoạn từ năm 2016 đến nay [H6.06.01.01], [H6.06.01.02].

Với vai trò là đơn vị chuyên môn, đào tạo ThS Kế toán cho đất nước, căn cứ nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng, Khoa KT&KT nói riêng và Trường ĐHQN nói chung luôn chủ động xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ GV và tạo điều kiện cho GV tham gia học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Hàng năm, Khoa vạch ra phương hướng hoạt động rõ ràng, định hướng phát triển, phát huy những mặt tích cực và những thành tựu đạt được trong năm qua đồng thời rà soát lại những mặt còn hạn chế để tiếp tục xây dựng kế hoạch chiến lược của Khoa, kế hoạch, quy hoạch phát triển đội ngũ GV, NCV [H6.06.01.03], [H6.06.01.04]. Để xây dựng được đội ngũ GV có chất lượng, Khoa đã thực hiện việc quy hoạch, tuyển dụng GV đáp ứng yêu cầu về trình độ chuyên, năng lực giảng dạy, năng lực NCKH,...[H6.06.01.05]. Việc đề bạt, bổ nhiệm CB quản lý có trình độ chuyên môn và năng lực NCKH cao, kinh nghiệm giảng dạy, năng lực quản lý cùng với lòng tận tụy, yêu nghề,... cũng được Khoa chú trọng, đề nghị Nhà trường tiến hành kịp thời. Việc bổ nhiệm CB lãnh đạo Khoa được thực hiện công khai, đúng quy trình, tiêu chí bổ nhiệm rõ ràng và được thực hiện đúng quy định của Nhà trường [H6.06.01.06].

Bảng 6.1.1. Bảng thống kê về số lượng GV Khoa KT&KT được luân chuyển, bổ nhiệm giai đoạn 2016-2021

	Năm học				
	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
Bổ nhiệm	0	1	0	3	0
Bổ nhiệm lại	0	0	0	3	0
Luân chuyển	0	0	0	0	1

Bảng 6.1.2. Bảng thống kê về số lượng GV Khoa KT&KT giai đoạn 2016-2021

Học hàm/Học vị	Năm học				
	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
PGS.TS	1	1	1	1	2
TS	4	4	8	8	16
NCS	18	20	19	18	9

ThS	22	22	24	23	21
Cao học	5	3	0	0	0
Tổng	50	50	52	50	48

Trên cơ sở bảng thống kê về số lượng GV, bảng thống kê về cơ cấu độ tuổi, giới tính, trình độ chuyên môn của GV, NCV [H6.06.01.07], bảng mô tả vị trí việc làm của GV, NCV [H06.06.01.08] của Khoa cho thấy việc quy hoạch đội ngũ GV, NCV của Khoa đã đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

2. Điểm mạnh

Căn cứ nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng, Nhà trường và Khoa KT&KT đã có kế hoạch/quy hoạch phát triển đội ngũ GV cả về số lượng chất lượng, đảm bảo tính kế thừa, liên tục trong thực hiện CTĐT. Số lượng GV có học vị từ TS trở lên tăng dần qua từng năm, thích nghi nhanh với sự thay đổi tích cực, đáp ứng yêu cầu giảng dạy, NCKH và phục vụ cộng đồng.

3. Điểm tồn tại

Việc tạo nguồn quy hoạch đội ngũ GV tham gia các hoạt động NCKH phục vụ cộng đồng chưa được chú trọng đúng mức.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng kế hoạch chiến lược của Khoa và Nhà trường gắn liền với việc quy hoạch đội ngũ GV có năng lực tham gia các hoạt động NCKH phục vụ cộng đồng.	Trường ĐHQN	Từ năm học 2022 – 2023	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện tốt việc phân tích nhu cầu đào tạo/bồi dưỡng của đội ngũ GV; Có kế hoạch và kinh phí phát triển đội ngũ GV; Có các chính sách tốt về	Trường ĐHQN, Khoa KT&KT	Từ năm học 2022 – 2023	

		công tác nhân sự.			
--	--	-------------------	--	--	--

5. *Tự đánh giá:* Mức đạt được của tiêu chí 5/7.

Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. *Mô tả hiện trạng*

Số lượng HV được tuyển sinh trình độ đào tạo ThS ngành Kế toán khá lớn. Số lượng HV trong những năm đầu tuyển sinh cao và giảm dần những năm về sau. Cùng với việc lựa chọn GV của Khoa và Trường có phẩm chất, đạo đức tốt, trình độ chuyên môn đạt chuẩn tham gia giảng dạy CTĐT ngành Kế toán trình độ ThS, Nhà trường còn chú trọng mời các GV thỉnh giảng có trình độ cao của các trường đại học lớn tham gia giảng dạy CTĐT này.

Bảng 6.2.1. Số lượng GV thực hiện CTĐT ThS Kế toán giai đoạn 2016-2021

Năm học	TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là CB quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
		Hệ số quy đổi		1	1	0,3	0,2	0,2	
2016-2017	1	GS	5,0	0	0	0	4	0	4
	2	PGS	3,0	0	0	3	12	0	9,9
	3	TS	2,0	3	0	3	8	0	11
		Tổng		3	0	6	24	0	24,9
2017-2018	1	GS	5,0	0	0	0	5	0	5
	2	PGS	3,0	0	0	3	16	0	12,3
	3	TS	2,0	4	0	3	4	0	11,4

		Tổng		4	0	6	25	0	28,7
2018-2019	1	GS	5,0	0	0	0	3	0	3
	2	PGS	3,0	0	0	3	15	0	11,7
	3	TS	2,0	5	0	3	4	0	13,4
		Tổng		5	0	6	22	0	28,1
2019-2020	1	GS	5,0	0	0	0	2	0	2
	2	PGS	3,0	0	0	3	7	0	6,9
	3	TS	2,0	9	0	4	7	0	23,2
		Tổng		9	0	7	16	0	32,1
2020-2021	1	GS	5,0	0	0	0	2	0	2
	2	PGS	3,0	0	0	3	7	0	6,9
	3	TS	2,0	8	0	5	4	0	20,6
		Tổng		8	0	8	13	0	29,5

Cách tính: Cột 10 = cột 3*(cột 5 + cột 6 + 0,3*cột 7 + 0,2*cột 8 + 0,2*cột 9)

Bảng 6.2.2. Bảng thống kê số lượng NH-GV giai đoạn 2016-2021

TT	Năm học	Số lượng GV	Số lượng GV quy đổi	Số lượng HV	Tỉ lệ NH/GV quy đổi
1	2016 - 2017	33	24,9	90	3,61
2	2017 - 2018	35	28,7	100	3,50
3	2018 - 2019	33	28,1	90	3,14
4	2019 - 2020	32	32,1	35	1,09
5	2020 - 2021	29	29,5	31	1,05

(Nguồn: Tổng hợp và tính dựa trên số liệu của Phòng Đào tạo SDH)

Theo các bảng số liệu được tổng hợp ở trên thì tỷ lệ NH/GV trong năm năm học vừa qua hoàn toàn đáp ứng quy định hiện hành **[H6.06.02.01]**.

Hàng năm, căn cứ vào Quy định định mức thời gian làm việc, giờ chuẩn giảng dạy và NCKH của GV Trường ĐHQN và bản mô tả vị trí việc làm của GV, Trưởng Khoa và các Trưởng bộ môn phân công giờ giảng cho mỗi GV đủ chuẩn theo quy định, phân bổ công việc liên quan đến NCKH đồng đều, hợp lý, phù hợp với năng lực chuyên môn của từng GV theo chuyên ngành phụ trách, đảm bảo khối lượng cũng như chất lượng giảng dạy, NCKH và phục vụ cộng đồng **[H6.06.01.08]**, **[H6.06.02.02]**.

Trong 5 năm qua, các GV của Khoa đã thực hiện đúng quy định về định mức thời gian làm việc, giờ chuẩn giảng dạy và NCKH [H6.06.02.03], [H6.06.02.04]. Ngoài ra, có nhiều GV trong Khoa rất tích cực tham gia hoạt động NCKH, được thể hiện rõ qua số công trình được công bố hàng năm trên các tạp chí uy tín cùng với số đề tài cấp trường, cấp tỉnh và cấp Bộ do GV của Khoa làm chủ nhiệm, biên soạn giáo trình, sách chuyên khảo, sách tham khảo phục vụ cho công tác giảng dạy [H6.06.02.05].

Quy định về số giờ giảng/khối lượng công việc tiêu chuẩn/tối thiểu được triển khai đến từng đơn vị, mỗi GV đều nhận thức được trách nhiệm và nghĩa vụ phải thực hiện của mình. GV thực hiện không đủ khối lượng giờ dạy bị trừ phụ cấp ưu đãi, không hoàn thành nhiệm vụ NCKH trong năm sẽ không được xét chiến sĩ thi đua cơ sở, phải bù giờ NCKH còn thiếu bởi giờ giảng dạy và bị trừ thu nhập tăng thêm theo quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ hiện hành của Trường [H6.06.01.01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã ban hành các văn bản quy định định mức thời gian làm việc, giờ chuẩn giảng dạy và NCKH.

Khối lượng công việc của từng GV được xác định rõ ràng và được giám sát bởi các đơn vị chức năng trong Nhà trường, góp phần để đảm bảo và nâng cao CLĐT, NCKH và phục vụ cộng đồng.

3. Điểm tồn tại

Các hoạt động phục vụ cộng đồng của GV chưa được chú trọng để đo lường và giám sát một cách đầy đủ.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Lập bảng thống kê các hoạt động phục vụ cộng đồng hàng năm của GV. Trên cơ sở đó, tổ chức đánh giá mức độ thực hiện các hoạt động phục vụ cộng đồng	Trường ĐHQN, Khoa KT&KT	Từ năm học 2022 – 2023	

		của GV.			
2	Phát huy điểm mạnh	Cập nhật/chỉnh sửa quy định về khối lượng công việc và cơ chế giám sát đối với hoạt động đào tạo, NCKH của đội ngũ GV phù hợp với kế hoạch chiến lược phát triển của Nhà trường.	Trường ĐHQN	Từ năm học 2022 – 2023	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7.

Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả hiện trạng

Căn cứ vào các quy định được ban hành trong Luật GDĐH bởi Bộ GD&ĐT [H1.01.01.01], các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật để bổ nhiệm được thể hiện rõ ràng, chi tiết, đầy đủ trong Quy chế tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức Trường ĐHQN [H6.06.03.01], chẳng hạn như có phẩm chất đạo đức tốt, có địa chỉ thường trú tại Việt Nam, đảm bảo điều kiện về sức khỏe và trình độ học vấn. Trình độ ngoại ngữ đạt tối thiểu bậc 3 (B1) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ GD&ĐT; tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông. Ứng viên thể hiện được năng lực NCKH thông qua các công trình NCKH như đề tài, bài báo, báo cáo khoa học đăng trên Kỷ yếu hội thảo khoa học.

Ngoài ra, đối với công tác bổ nhiệm chức danh và bổ nhiệm cán bộ quản lý, Trường và Khoa phổ biến công khai trong các cuộc họp các quy định cụ thể về tiêu chuẩn bổ nhiệm chức danh của GV cũng như tiêu chuẩn bổ nhiệm các chức vụ quản lý Trường khoa, Phó Trường khoa, Trưởng bộ môn và luôn tuân thủ chặt chẽ những quy định này, trong đó nhấn mạnh đến các yếu tố thuộc về công tác giảng dạy và NCKH [H6.06.02.02], [H6.06.02.05].

2. Điểm mạnh

Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV để bổ nhiệm được xác định rõ ràng bằng văn bản và được phổ biến công khai rộng rãi đến toàn thể viên chức trong Trường.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa có quy định rõ ràng về chính sách đãi ngộ nhằm thu hút GV có trình độ chuyên môn cao về Trường công tác.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Rà soát, bổ sung các chính sách đãi ngộ nhằm thu hút/tuyển dụng các GV có trình độ chuyên môn cao về Trường công tác.	Trường ĐHQN	Từ năm học 2022 – 2023	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục hoàn thiện văn bản quy định về việc tuyển dụng, phát triển đội ngũ GV và các văn bản này được công khai trên website của Nhà trường.	Trường ĐHQN, Khoa KT&KT	Từ năm học 2022 – 2023	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7.

Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá.

1. Mô tả hiện trạng

Các tiêu chuẩn về năng lực của GV, bao gồm trình độ chuyên môn, trình độ ngoại ngữ, tin học, kỹ năng giảng dạy, năng lực NCKH,... được xác định rõ trong Quyết định về việc ban hành quy chế tổ chức & hoạt động của Trường ĐHQN, Quy chế tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, Bản mô tả vị trí việc làm của GV, Quyết định về việc ban hành quy định thời gian làm việc, giờ chuẩn giảng dạy và NCKH của GV [H6.06.04.01], [H6.06.03.01], [H6.06.01.08], [H6.06.02.02]. Việc xác

định rõ ràng tiêu chuẩn về năng lực của đội ngũ GV theo quy định hiện hành là cơ sở giúp Khoa cũng như Nhà trường đánh giá chính xác năng lực của GV.

GV tham gia đào tạo trình độ ThS bao gồm GV cơ hữu và GV thỉnh giảng. Nhà trường cũng đã ban hành các văn bản quy định rõ về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn của đội ngũ GV tham gia đào tạo trình độ ThS, trong đó GV tham gia giảng dạy các học phần lý thuyết CTĐT ThS phải có học vị TS hoặc có chức danh GS, PGS; GV giảng dạy học phần ngoại ngữ cho các chuyên ngành không chuyên ngôn ngữ nước ngoài, GV giảng dạy học phần triết học hoặc người hướng dẫn thực hành, thực tập phải có học vị ThS trở lên [H1.01.01.04], [H1.01.01.05]. Trên thực tế, qua các khóa đào tạo, Khoa đều phân công cho những GV cơ hữu có đủ các tiêu chuẩn về chuyên môn để giảng dạy, hướng dẫn và hội đồng. Bên cạnh đó, Khoa cũng mời thêm các GV thỉnh giảng là các nhà giáo có học vị, học hàm cao đến từ các trường đại học uy tín trên cả nước.

Bảng 6.4.1: Bảng thống kê số lượng GV đào tạo trình độ ThS ngành Kế toán

Khóa học	Số lượng GV	GV cơ hữu	GV thỉnh giảng	Học hàm, học vị		
				GS	PGS	TS
Khóa 18 (2015-2017)	33	9	24	4	15	14
Khóa 19 (2016-2018)	35	10	15	5	19	11
Khóa 20 (2017-2019)	33	11	22	3	18	12
Khóa 21 (5/2018-2020)	27	9	18	2	14	11
Khóa 21 (9/2018-2020)	32	16	16	2	10	20
Khóa 22 (5/2019-2021)	29	16	13	2	10	17

(Nguồn: Thống kê từ Phòng Đào tạo SDH)

Bên cạnh năng lực chuyên môn, năng lực NCKH của GV cũng được xác định rõ thông qua quy định về số giờ NCKH tối thiểu của mỗi GV [H6.06.02.02] và các bảng thống kê về NCKH hàng năm của Nhà trường [H6.06.02.05]. Tất cả các GV cơ hữu tham gia giảng dạy đều tích cực NCKH, thể hiện qua số lượng bài báo được công bố trên các tạp chí chuyên ngành uy tín trong nước và quốc tế ngày càng tăng, trong đó, có các bài báo thuộc danh mục ISI và danh mục Scopus; nhiều GV chủ trì hoặc tham gia đề tài KH&CN các cấp [H6.06.02.05], [H6.06.04.02].

Hàng năm, năng lực của GV được giám sát và đánh giá thông qua Quyết định về việc ban hành quy định về công tác thi đua, khen thưởng Trường ĐHQN, Quyết định về việc ban hành Quy chế đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức và các đơn vị trực thuộc Trường ĐHQN [H6.06.02.07]. Bên cạnh đó, Khoa KT&KT cũng ban hành Bảng tiêu chí chấm điểm thực hiện nhiệm vụ năm học của viên chức với 3 nhóm tiêu chí công tác giảng dạy, công tác NCKH, công tác hoạt động chuyên môn và nhiệm vụ khác [H6.06.04.03]. GV làm báo cáo tự đánh giá kết quả công tác theo nhiệm vụ được giao, trình bày tại cuộc họp Khoa để mọi người tham dự đóng góp ý kiến. Chi ủy Chi bộ Khoa có ý kiến bằng văn bản về viên chức lãnh đạo được đánh giá, phân loại. Sau khi tham khảo ý kiến góp ý của mọi người và Chi ủy Chi bộ trong cuộc họp Khoa, Trưởng khoa đánh giá, phân loại viên chức và người lao động của Khoa, Hiệu trưởng quyết định đánh giá, xếp loại đối với Trưởng khoa, Phó Trưởng khoa [H6.06.04.04]. Trên cơ sở hồ sơ đánh giá, xếp loại viên chức và người lao động, Nhà trường ban hành công văn thông báo đến các đơn vị kết quả đánh giá, phân loại viên chức và người lao động hàng năm [H6.06.02.07]. Kết quả đánh giá hàng năm cho thấy hầu hết các GV tham gia giảng dạy ThS của Khoa đều hoàn thành xuất sắc và hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy và NCKH. Trong đó, một số GV còn đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cơ sở, được nhận Giấy khen của Hiệu trưởng, Bằng khen của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT [H6.06.02.07].

Bảng 6.4.2. Bảng thống kê kết quả đánh giá GV cơ hữu tham gia giảng dạy ThS ngành Kế toán của Khoa KT&KT giai đoạn 2016-2021

STT	Năm	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	Hoàn thành nhiệm vụ	Không hoàn thành nhiệm vụ	Không xếp loại	Tổng
1	2016-2017	4	0	0	0	0	4
2	2017-2018	5	0	0	0	0	5
3	2018-2019	5	0	0	0	0	5
4	2019-2020	4	3	0	0	0	7
5	2020-2021	7	2	0	0	0	9

(Nguồn: Thống kê từ các quyết định thi đua, khen thưởng hàng năm)

Bảng 6.4.3. Bảng thống kê khen thưởng GV cơ hữu tham gia giảng dạy ThS ngành Kế toán của Khoa KT&KT giai đoạn 2016-2021

STT	Năm	Lao động tiên tiến	Chiến sĩ thi đua cơ sở	Giấy khen của Hiệu trưởng	Bảng khen của Bộ Trưởng Bộ GD&ĐT
1	2016-2017	2	2	1	0
2	2017-2018	1	4	1	0
3	2018-2019	1	4	0	1
4	2019-2020	4	3	1	0
5	2020-2021	6	3	1	0

(Nguồn: Thống kê từ các quyết định thi đua, khen thưởng hàng năm)

2. Điểm mạnh

Năng lực của đội ngũ GV tham gia giảng dạy ThS ngành Kế toán được xác định và đáp ứng đầy đủ các quy định hiện hành.

Công tác đánh giá, phân loại viên chức và người lao động hàng năm được Nhà trường thực hiện nghiêm túc và đánh giá chính xác năng lực của GV. Đồng thời, Khoa KT&KT đã xây dựng Bảng tiêu chí chấm điểm thực hiện nhiệm vụ năm học của viên chức góp phần đánh giá chính xác hơn năng lực của GV.

Các GV tham gia dạy ThS của Khoa có kết quả đánh giá, phân loại viên chức hàng năm ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, đa số hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

3. Điểm tồn tại

Chưa đánh giá rõ ràng về mức độ đóng góp cho cộng đồng của GV.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Ban hành tiêu chí đánh giá mức độ đóng góp cho cộng đồng của GV.	Trường ĐHQN	Năm học 2022-2023	

2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện nghiêm túc công tác đánh giá năng lực của GV theo các quy định của Nhà trường.	Trường ĐHQN, Khoa KT&KT	Năm học 2022-2023	
---	--------------------	---	-------------------------	-------------------	--

5. *Tự đánh giá*: Mức đạt được của tiêu chí là 5/7.

Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

1. *Mô tả hiện trạng*

Nhà trường có kế hoạch về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV được xây dựng dựa trên yêu cầu của CTĐT, cụ thể là Nhà trường đã ban hành Kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐHQN giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn 2030 [H1.01.01.02]. Dựa trên kế hoạch chiến lược phát triển của Nhà trường, Khoa KT&KT đã xây dựng chiến lược phát triển Khoa KT&KT đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 trên cơ sở đánh giá nhu cầu đào tạo và bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ GV [H6.06.05.01].

Nhà trường đã thực hiện những nội dung có trong kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV. Để triển khai công việc một cách hiệu quả, nhà trường đã thông báo công khai thông tin về đội ngũ GV cơ hữu của Trường ĐHQN [H6.06.05.02]; Danh sách các khóa học đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho GV hàng năm [H6.06.05.03]. Hàng năm, các chương trình tuyển sinh đào tạo trong nước và nước ngoài do Bộ GD&ĐT thông báo đều được Nhà trường triển khai đến tất cả các đơn vị trong Trường và Khoa phổ biến đến toàn thể GV của Khoa. Nhà trường và Khoa luôn tạo điều kiện thuận lợi cho các GV có nhu cầu học tập, nghiên cứu. Nhà trường đã triển khai thu thập thông tin về nhu cầu đào tạo/bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ GV. Trên cơ sở đó, Khoa KT&KT đã lập bảng đăng ký nhu cầu đào tạo bồi dưỡng của GV trong Khoa, đề xuất lên Nhà trường. Nhà trường đã phê duyệt, công bố rộng rãi và công khai danh sách các GV được tham gia học các lớp Bồi dưỡng năng lực ngoại ngữ và phương pháp giảng dạy chuyên ngành bằng tiếng Anh, các lớp Bồi dưỡng GV chính [H6.06.05.04], [H6.06.05.05]. Các GV đã được đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ theo kế hoạch của Khoa và Trường, cụ thể như sau:

Bảng 6.5.1. Bảng thống kê về số lượng GV Khoa KT&KT tham gia các chương trình đào tạo và bồi dưỡng giai đoạn 2016-2021

Chương trình	Năm học				
	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
Nghiên cứu sinh	2	5	4	1	0
Khóa học chuyên môn ngắn hạn	0	4	2	8	3
Chức danh nghề nghiệp hạng II	0	3	7	6	0
Ngoại ngữ	6	13	13	6	1
Tin học	0	3	7	29	0
Tổng	50	50	52	50	48

Nhiều GV trong Khoa KT&KT được tham gia các lớp đào tạo ngắn hạn và dài hạn trong nước và tại các nước phát triển (Mỹ, Pháp, Đức, Úc, Đài Loan ...) **[H6.06.01.04]**. Những GV sau khi được đào tạo ở nước ngoài về đã tiếp tục phát huy năng lực nghiên cứu, góp phần vào việc nâng cao uy tín của Nhà trường trong nước và quốc tế, trong đó nhiều GV đã tham gia vào Tổ xây dựng dự án Quốc tế IUC và Erasmus+ **[H6.06.05.06]**.

Căn cứ vào nội dung được ban hành trong kế hoạch cũng như các công việc được triển khai tương ứng, Nhà trường cũng đã giám sát và có đánh giá kết quả hàng năm thông qua Hội nghị viên chức **[H6.06.05.07]**; thực hiện công tác lấy ý kiến phản hồi từ NH về hoạt động giảng dạy được Nhà trường chú trọng nhằm giúp GV trau dồi kiến thức chuyên môn và các kỹ năng mềm trong quá trình đào tạo HV **[H4.04.02.06]**, **[H6.06.05.08]**.

2. Điểm mạnh

Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV được Nhà trường và Khoa xác định rõ, có kế hoạch triển khai kịp thời và phù hợp.

Kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV được Nhà trường và Khoa giám sát, đánh giá hàng năm.

3. Điểm tồn tại

Khoa chưa có kế hoạch rõ ràng để phát triển đội GV có học hàm GS, PGS nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của đào tạo bậc ThS và trong tương lai là TS ngành Kế toán.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng kế hoạch cụ thể để phát triển đội ngũ GV có học hàm GS và PGS.	Trường ĐHQN, Khoa KT&KT	Từ năm học 2022 – 2023	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục lập báo cáo tổng kết đánh giá hằng năm về việc thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV.	Trường ĐHQN	Từ năm học 2022 – 2023	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7.

Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Quản trị theo kết quả công việc của GV là việc mà Trường ĐHQN đã triển khai sâu rộng nhằm tạo động lực và hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Trường ĐHQN đã ban hành hệ thống văn bản cụ thể về công tác thi đua khen thưởng, đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức trong Trường trong những năm qua [H6.06.02.07]. Hàng năm GV luôn có các kế hoạch công tác cụ thể, bao gồm: kế hoạch giảng dạy từng đợt được phân công trước mỗi đợt hoặc học kỳ với số lượng môn học mỗi GV đảm nhận và thời gian thực hiện theo kế hoạch đào tạo SDH của Trường, danh sách đăng kí các chủ đề hội thảo khoa học hoặc seminar với tên các báo

cáo và thời gian thực hiện mà Khoa có sự đánh giá, xếp loại viên chức đúng theo các tiêu chuẩn của Nhà trường [H6.06.02.03], [H6.06.06.01].

Hàng năm, căn cứ vào kết quả đạt được từ việc GV tham gia hội đồng biên tập tạp chí, tham gia biên soạn sách, tham gia các đề tài, dự án và là tác giả hoặc đồng tác giả của các bài báo khoa học được đăng trên các tạp chí, hội thảo, hội nghị hàng năm kết hợp với mức độ hoàn thành công việc và các đóng góp của GV cho hoạt động chung của Khoa mà Khoa tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng GV theo hướng dẫn và các quy chế về khen thưởng, kỷ luật của Nhà trường đồng thời theo bảng tiêu chí chấm điểm thực hiện nhiệm vụ năm học của viên chức do Khoa KT&KT ban hành [H6.06.02.05], [H6.06.06.02], [H6.06.04.02]. Theo Quyết định về việc Ban hành bản tiêu chí chấm điểm thực hiện nhiệm vụ năm học của viên chức của Khoa KT&KT thì ngoài chấm điểm thực hiện nhiệm vụ của GV, còn có điểm cộng khuyến khích cho các GV có thành tích xuất sắc trong các lĩnh vực NCKH, có sáng kiến về các nội dung liên quan đến đổi mới phương pháp, tổ chức dạy học, sáng kiến kinh nghiệm phục vụ cho công tác chuyên môn, quản lý đơn vị, có các giải trong hoạt động của Trường nhằm khích lệ tinh thần học tập nghiên cứu, tinh thần năng động và sáng tạo trong đội ngũ GV của Khoa KT&KT một cách nghiêm túc [H6.06.04.03]. Trên cơ sở tổng kết, đánh giá của tập thể, Khoa sẽ đề nghị Nhà trường đánh giá, phân loại viên chức, đồng thời xét công nhận thi đua, khen thưởng viên chức hàng năm [H6.06.06.03], [H6.06.02.07].

GV hài lòng về kết quả đánh giá viên chức của Khoa và Nhà trường. Trong những năm qua 100% GV giảng dạy chương trình ThS của Khoa đều được xếp loại từ hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; trong đó có nhiều GV đạt danh hiệu Lao động tiên tiến, Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, Giấy khen của Hiệu trưởng, Bằng khen của Bộ trưởng, khen thưởng đột xuất vì có thành tích xuất sắc trong NCKH và các hoạt động khác (Bảng 6.4.2 và Bảng 6.4.3 trang 79, 80) [H6.06.02.07], [H6.06.06.04]. Đồng thời với thành tích đạt được GV sẽ được thưởng theo Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường [H6.06.01.01].

2. Điểm mạnh

GV có kế hoạch công tác hàng năm cụ thể, rõ ràng.

Việc quản trị theo kết quả công việc của GV được Trường ĐHQN và Khoa KT&KT triển khai sâu rộng giúp tạo động lực và hỗ trợ mạnh mẽ cho các hoạt động đào tạo, NCKH cũng như các hoạt động phục vụ cộng đồng.

GV hài lòng về kết quả đánh giá, khen thưởng.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường đã có kế hoạch triển khai quản trị theo kết quả công việc của GV bằng KPI, nhưng tiến độ còn chậm.

Nhà trường chưa có mức khen thưởng cho những GV có nhiều giờ NCKH vượt định mức chuẩn mà chỉ mới dừng lại ở việc tính giờ chuẩn NCKH hàng năm và bảo lưu số giờ NCKH cho một năm tiếp theo.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Triển khai thực hiện nhanh hơn các kế hoạch quản trị theo kết quả công việc của GV bằng KPI trong thời gian tới.	Trường ĐHQN	Từ năm học 2022-2023	
2	Khắc phục tồn tại 2	Nghiên cứu đưa ra quy định định lượng mức khen thưởng cho những GV có nhiều giờ NCKH vượt định mức chuẩn. Cân đối nguồn tài chính để có thể tăng dần mức thưởng công trình được công bố trên các tạp chí quốc tế uy tín nhằm tạo động lực lớn cho GV tham gia NCKH ở trình độ quốc tế.	Trường ĐHQN	Từ năm học 2022-2023	
3	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát, điều chỉnh chính sách khen thưởng kịp thời, đúng đối tượng, khách quan và công bằng, có hình thức khen thưởng xứng đáng với các danh hiệu.	Trường ĐHQN và các đơn vị thuộc Trường	Từ năm học 2022-2023	

5. *Tự đánh giá*: Mức đạt được của tiêu chí là 4/7.

Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Hoạt động NCKH và phát triển công nghệ được Nhà trường coi là một trong những nhiệm vụ trọng tâm để thực hiện mục tiêu và sứ mạng xây dựng Trường ĐHQN trở thành trường đại học đa ngành, đa lĩnh vực định hướng ứng dụng có uy tín cao; NCKH, truyền bá tri thức và chuyển giao công nghệ; góp phần thúc đẩy tiến bộ xã hội. Nhà trường xác định các loại hình NCKH của GV trong Quy định quản lý hoạt động KH & CN của trường ĐHQN [H6.06.07.01]. Trường cũng quy định rõ giờ chuẩn NCKH cho từng chức danh GV, do đó GV cần đảm bảo đủ giờ NCKH để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Các loại hình nghiên cứu mà GV thực hiện bao gồm: thực hiện các đề tài NCKH và công nghệ, tham gia các nhóm nghiên cứu tiên tiến của Trường, xây dựng đề cương, giáo trình, sách và tài liệu giảng dạy, đăng các bài báo trên tạp chí khoa học, tham gia hội thảo và hướng dẫn học viên NCKH. Nhà trường quy định rõ giờ chuẩn NCKH của GV cần đảm bảo tương ứng với các loại hình và số lượng hoạt động NCKH trong Quy định về định mức thời gian làm việc, giờ chuẩn giảng dạy và NCKH của GV Trường ĐHQN [H6.06.07.01], [H6.06.02.02]. Ngoài ra, Trường còn thực hiện chính sách khen thưởng của Bộ GD&ĐT cho các bài báo đăng trên tạp chí quốc tế có uy tín thuộc danh mục ISI [H6.06.07.02].

NCKH đã trở thành hoạt động vô cùng quan trọng đối với đội ngũ GV trong Khoa KT&KT, GV có thể dễ dàng tiếp cận các văn bản, biểu mẫu hướng dẫn chi tiết các hoạt động NCKH các cấp [H6.06.07.03]. Trong bảng kế hoạch hàng năm, các GV luôn đề ra những mục tiêu NCKH cụ thể (tham gia thực hiện đề tài/dự án các cấp; hướng dẫn HV làm NCKH, chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp; hướng dẫn luận văn ThS) đảm bảo số giờ nghiên cứu phải đảm nhiệm theo chức danh đã quy định, tương ứng với bản mô tả vị trí công việc của GV, NCV. Nhà trường và khoa giám sát hoạt động NCKH của GV: Phòng KHCN & HTQT là đơn vị có chức năng quản lý, giám sát các hoạt động NCKH; Khoa phân công 1 lãnh đạo phụ trách trực tiếp hoạt động này [H6.06.01.08].

Kết thúc năm học, Khoa và Nhà trường luôn có hoạt động đánh giá nhằm đảm bảo về chất lượng và số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV. Điều này thể hiện qua kết quả thống kê các công trình NCKH của đội ngũ GV của Khoa, thống kê giờ NCKH; đồng thời các công trình nghiên cứu này được đăng trên những tạp chí uy tín

trong nước và quốc tế có hội đồng phản biện chặt chẽ nhằm đảm bảo về chất lượng [H6.06.02.05], [H6.06.06.02], [H6.06.07.04], [H6.06.07.05]. Để từ đó, Khoa tiến hành đánh giá, phân loại công chức, viên chức định kỳ hằng năm và báo cáo để Nhà trường kết luận về việc đánh giá, phân loại [H6.06.07.06]. Bên cạnh đó, các GV của Khoa cũng đã đưa ra các ý kiến phản hồi về chế độ chính sách, giải pháp phát huy hoạt động NCKH của Khoa và Nhà trường.

Bảng 6.7.1. Thống kê số lượng các loại hình NCKH của GV giai đoạn 2016-2021

TT	Loại hình NCKH	Số lượng					
		2016	2017	2018	2019	2020	2021
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Đề tài KH&CN các cấp	7	8	8	7	10	19
2	Sách	1	5	2	10	7	1
3	Bài báo trên tạp chí	25	27	36	33	18	67
4	Bài viết trong kỷ yếu hội thảo	58	56	47	32	2	23
5	Seminar	5	0	13	8	11	9

(Nguồn: Thống kê từ số liệu của Phòng Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế)

Các công trình nghiên cứu của đội ngũ GV luôn được theo dõi, giám sát tiến độ thực hiện và nghiệm thu, đánh giá kết quả thực hiện thông qua các Báo cáo thống kê về hoạt động KH&CN [H6.06.07.07]. Khoa KT&KT và Nhà trường luôn khuyến khích GV phối hợp, liên kết thực hiện NCKH với các tổ chức và cá nhân từ các trường đại học có uy tín trong và ngoài nước để nâng cao trình độ NCKH và giảng dạy nhằm phục vụ cho công tác đào tạo tại Khoa [H6.06.07.08]. Khoa KT&KT đã phối hợp hoặc đăng cai tổ chức các hội thảo khoa học cấp quốc gia và cấp trường [H6.06.07.09]. Các GV trong Khoa luôn được đánh giá cao trong NCKH, GV tham gia nhiều hoạt động NCKH trong và ngoài trường như tham gia hướng dẫn NCKH, tham gia hội đồng biên tập tạp chí, tham gia biên soạn sách, tham gia các đề tài, dự án tham gia vào Tổ xây dựng dự án Quốc tế IUC và Erasmus+ [H6.06.06.02], [H6.06.07.10], [H6.06.05.06]. Thông qua thống kê lý lịch khoa học của các GV cho thấy, năng lực NCKH của GV được cải thiện rõ rệt, chất lượng các kết quả nghiên cứu ngày càng tăng cao. GV luôn cố gắng học tập, trau dồi kiến thức, kỹ năng, tích cực tham gia các đề tài, dự án, công bố các công trình nghiên cứu ở các tạp chí có uy tín trong và ngoài nước [H6.06.04.02]. Một số GV đã được các khen thưởng liên quan đến các kết quả NCKH [H6.06.07.11].

2. Điểm mạnh

Trường có văn bản quy định cụ thể về các loại hình và số lượng sản phẩm NCKH mà GV, NCV phải thực hiện. Việc đánh giá thực hiện chặt chẽ. Kết quả đánh giá cho thấy tất cả GV của khoa luôn đảm bảo, thậm chí vượt định mức số giờ NCKH hàng năm theo quy định. Hoạt động NCKH được giám sát đối sánh hàng năm góp phần nâng cao chất lượng NCKH trong GV.

3. Điểm tồn tại

Các công trình nghiên cứu mang tính liên ngành với các Khoa khác trong trường và ngoài trường.

Số lượng bài báo được công bố trong các tạp chí quốc tế thuộc danh mục ISI chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tiếp tục tạo điều kiện tốt nhất cho GV NCKH; đề nghị khen thưởng xứng đáng với GV thành tích NCKH xuất sắc. Tiếp tục xây dựng các nhóm NCKH trong GV.	Trường ĐHQN Khoa KT&KT	Năm học 2022 - 2023	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát, đề xuất điều chỉnh chính sách khen thưởng, đãi ngộ nhằm khuyến khích GV nỗ lực NCKH	Khoa KT&KT	Năm học 2022 - 2023	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 4/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 6

Trường ĐHQN đã hoàn thành tốt việc quy hoạch đội ngũ GV (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) qua đó đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Tỷ lệ GV/NH và khối

lượng công việc của đội ngũ GV được đo lường, giám sát thường xuyên làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH phục vụ cộng đồng. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai. Năng lực của đội ngũ GV được đánh giá một cách chính xác, khách quan. Thêm nữa, những nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV được Trường ĐHQN xác định rõ bằng các chiến lược, văn bản và có nhiều hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó. Việc quản trị theo kết quả công việc của GV (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai sâu rộng, nghiêm túc để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV đã được trường xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

Tiêu chuẩn 6 có 7/7 tiêu chí đạt, trong đó có 05 tiêu chí đạt mức 5/7 và 02 tiêu chí đạt mức 4/7.

Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên

Mở đầu

Trong trường đại học, bên cạnh đội ngũ GV, một bộ phận khác đóng vai trò quan trọng không thể thiếu đó là đội ngũ nhân viên, những người làm công tác tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác. Đội ngũ nhân viên có nhiệm vụ hỗ trợ, cùng với đội ngũ GV hoàn thành nhiệm vụ đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng khác. Do vậy, Trường ĐHQN và Khoa KT&KT rất coi trọng công tác quy hoạch đội ngũ nhân viên. Để tuyển dụng và sử dụng đội ngũ nhân viên một cách có hiệu quả, các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm được xác định và phổ biến công khai. Bên cạnh việc chú trọng bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, công tác kiểm tra đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ nhân viên và các dịch vụ hỗ trợ cũng được triển khai nhằm cải thiện và nâng cao chất lượng phục vụ.

Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Đội ngũ nhân viên làm việc tại Thư viện, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác đóng một vai trò không nhỏ trong việc hỗ trợ đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Chính vì vậy, Trường ĐHQN đã và đang quan tâm đến việc quy hoạch đội ngũ này nhằm đảm bảo về số lượng cũng

như chất lượng, tạo được hiệu quả cao trong công việc chung của Nhà trường.

Trong Kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐHQN giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn 2030, các phương hướng, nhiệm vụ mỗi năm học, Đề án nâng cao CLĐT và NCKH đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đào tạo giai đoạn 2015 – 2020 cũng như trong Đề án vị trí việc làm của Trường ĐHQN, Nhà trường đã có phân tích dự báo nhu cầu và đánh giá về thực trạng nhân sự nói chung và đội ngũ viên chức hành chính nói riêng, từ đó xác định mục tiêu và chiến lược phát triển đội ngũ này đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng **[H1.01.01.02]**, **[H6.06.05.07]**, **[H7.07.01.01]**, **[H6.06.01.08]**.

Tùy theo nhu cầu cụ thể của từng giai đoạn và nhu cầu của các đơn vị trong Trường, Nhà trường có chính sách thu hút, tuyển dụng, phát triển đội ngũ nhân viên đạt chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện về đào tạo của Nhà trường, chủ động tích cực thực hiện tốt nhiệm vụ được giao; đảm bảo đội ngũ nhân viên được đào tạo nghiệp vụ quản lý hành chính Nhà nước, lý luận chính trị, tin học, ngoại ngữ và 20% chuyên viên đủ tiêu chuẩn nâng hạng chuyên viên chính thông qua các khóa đào tạo, bồi dưỡng hàng năm như: cử viên chức tham gia trao đổi kinh nghiệm tại Chi cục Văn thư – Lưu trữ, tham dự các hội thảo, tập huấn sử dụng phần mềm, bồi dưỡng nghiệp vụ ngạch chuyên viên chính... **[H7.07.01.02]**.

Trên cơ sở triển khai thực hiện đổi mới cơ cấu Trường ĐHQN nói chung cùng việc xây dựng và hoàn thiện Đề án vị trí việc làm của đơn vị, Thư viện cũng có Đề án đổi mới hoạt động theo hướng hiện đại phù hợp với đội ngũ nhân viên của Thư viện. Đồng thời Thư viện cũng xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng dịch vụ thư viện, trong đó chú trọng đến việc tạo điều kiện cho đội ngũ nhân viên được học tập nâng cao trình độ đồng thời tăng cường bồi dưỡng kỹ năng xử lý tình huống, hướng dẫn, giúp đỡ và giải đáp các nhu cầu tìm kiếm tài liệu của bạn đọc **[H1.01.01.02]**, **[H4.04.03.01]**, **[H6.06.01.08]**, **[H7.07.01.03]**, **[H7.07.01.04]**.

Hiện nay, đội ngũ nhân viên Thư viện trường có 13 viên chức có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, trình độ tin học, ngoại ngữ đáp ứng tốt nhu cầu khai thác tài liệu, sách, báo, giáo trình của CB, GV và NH trong toàn Trường nói chung và Khoa KT&KT nói riêng **[H7.07.01.05]**, **[H7.07.01.06]**. Về đội ngũ nhân viên hỗ trợ trực tiếp tại Phòng Đào tạo SDH, bao gồm 04 chuyên viên có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và kinh nghiệm trong công tác, có trách nhiệm giải quyết các vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ liên quan đến các hoạt động SDH. Trong những năm qua, đội ngũ chuyên viên của Phòng Đào tạo SDH đã thực hiện tốt các công việc được phân công, đáp ứng nhu cầu giảng dạy, học tập, NCKH của GV và NCV của Khoa KT&KT **[H7.07.01.07]**.

Bên cạnh đó, Phòng Đào tạo SDH cũng như toàn Trường đã hoàn thiện Đề án vị trí việc làm để có dự báo về số lượng nhân viên cần thiết phù hợp hơn với công việc hỗ trợ, phục vụ hoạt động đào tạo chương trình ThS [H6.06.01.08]. Riêng về đội ngũ nhân viên hỗ trợ làm việc tại văn phòng Khoa KT&KT gồm có 01 thư ký và 01 trợ lý có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và kinh nghiệm trong công tác, có trách nhiệm giải quyết các vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ của Khoa. Ngoài ra, đội ngũ nhân viên của Trường đang làm việc tại các đơn vị khác như: Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông, phòng máy tính, phòng thực hành, Trung tâm Tư vấn tuyển sinh và Quan hệ doanh nghiệp và các dịch vụ hỗ trợ khác đều đủ về số lượng, đảm bảo về phẩm chất, năng lực, hoàn thành tốt nhiệm vụ, đáp ứng các yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ của vị trí công tác [H7.07.01.07]. Nhìn chung, qua kết quả khảo sát của Nhà trường cho thấy phần lớn GV và NH hài lòng với hoạt động hỗ trợ của đội ngũ nhân viên của Nhà trường [H1.01.01.09], [H7.07.01.08].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ nhân viên hỗ trợ của Trường có đủ số lượng, có kinh nghiệm công tác và đảm bảo về phẩm chất, năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ hỗ trợ, phục vụ tốt cho công tác đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

3. Điểm tồn tại

Công tác quy hoạch đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác chưa đáp ứng được yêu cầu của đề án vị trí việc làm.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tiếp tục rà soát đề án vị trí việc làm và thực hiện công tác quy hoạch đội ngũ nhân viên đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm.	Trường ĐHQN	Từ năm học 2022-2023	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục hoàn thiện và có các chính sách đãi ngộ, khen	Trường ĐHQN	Từ năm học 2022-	

		thường và bồi dưỡng chuyên môn phù hợp và xứng đáng cho đội ngũ nhân viên hỗ trợ. Thường xuyên lập kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhân viên để luôn đảm bảo phẩm chất, năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ phục vụ cho công việc.		2023	
--	--	---	--	------	--

5. *Tự đánh giá*: Tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. *Mô tả hiện trạng*

Việc tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm và điều chuyển với các tiêu chí rõ ràng, cụ thể và công khai là hết sức quan trọng để tổ chức và quản lý hoạt động của Nhà trường. Trong những năm qua, Trường ĐHQN và Khoa KT&KT rất chú trọng công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên để cho công tác đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được thực hiện tốt nhất. Trường và Khoa KT&KT luôn quan tâm về việc phân tích nhu cầu nhân lực để có cơ sở cho việc xác định chỉ tiêu và tiêu chí tuyển dụng nhân viên.

Trước khi ban hành Quyết định về Quy chế tuyển dụng, sử dụng, quản lý và bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm viên chức giữ chức vụ quản lý, Nhà trường luôn thực hiện việc lấy ý kiến đóng góp cho Dự thảo từ các đơn vị trong Trường [H7.07.02.01]. Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm nhân viên được Nhà trường xác định rõ ràng, minh bạch thông qua Quy chế tuyển dụng sử dụng và quản lý viên chức Trường ĐHQN và Quy định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm viên chức giữ chức vụ quản lý các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường dựa trên quy định chung của Bộ GD&ĐT [H6.06.02.06]. Theo đó, các ứng viên khi ứng tuyển vào vị trí viên chức hành chính cần đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ như: phải có bằng tốt nghiệp đại học chính quy từ loại khá trở lên; có trình độ ngoại ngữ tối thiểu đạt bậc 3 (B1) và có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin,... Việc lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm vào vị trí viên chức quản lý cần phải đáp ứng các tiêu chuẩn cụ thể về trình độ chuyên môn, năng lực và kinh nghiệm công tác,...

Trong những năm qua, Nhà trường đã có các văn bản đưa về các đơn vị để lấy ý kiến góp ý xây dựng, bổ sung và hoàn thiện Đề án vị trí việc làm của từng đơn vị khoa, phòng, viện, trung tâm thuộc Trường. Trên cơ sở đó, Nhà trường đã phê duyệt Đề án vị trí việc làm và ban hành danh mục vị trí việc làm của Trường nhằm làm căn cứ xác định số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức và người lao động của từng đơn vị khoa, phòng, viện, trung tâm thuộc Trường; từ đó thực hiện công tác quy hoạch đội ngũ viên chức, thực hiện công tác tuyển dụng, bố trí, sắp xếp và đánh giá viên chức hàng năm được hiệu quả hơn **[H6.06.01.08]**.

Bên cạnh đó, căn cứ theo thông báo của Nhà trường về việc tuyển dụng GV và người lao động hàng năm, Trường đơn vị sẽ tiến hành thông báo về các bộ phận. Các bộ phận tiến hành họp và căn cứ vào đề án việc làm để đề xuất về việc tuyển dụng thêm nhân sự, cụ thể về số lượng và trình độ yêu cầu đối với GV hoặc nhân viên cần tuyển dụng. Tiếp đến, Trường đơn vị tiến hành thông báo rộng rãi về cơ cấu nhân sự cần tuyển dụng để lấy ý kiến của toàn thể GV và nhân viên trong đơn vị. Sau đó, từng đơn vị sẽ tiến hành lập tờ trình gửi Phòng Tổ chức – Nhân sự để ra thông báo tuyển dụng **[H7.07.02.02]**.

Việc tuyển dụng nhân viên với các chỉ tiêu và tiêu chí cụ thể được Nhà trường xây dựng và thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng, website hay bảng tin của Nhà trường. Sau đó, nhằm đảm bảo tính chính xác và khách quan trong quá trình tuyển dụng nhân sự, Nhà trường thành lập Hội đồng tuyển dụng viên chức có sự tham gia của đại diện lãnh đạo, viên chức các đơn vị có chuyên ngành hoặc chuyên môn liên quan đến vị trí tuyển dụng. Kết quả thi tuyển, xét tuyển viên chức và danh sách ứng viên trúng tuyển và bổ nhiệm sẽ được Nhà trường công bố công khai **[H7.07.02.03]**. Đồng thời, tất cả các quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên hàng năm đều được Nhà trường phổ biến, công khai bằng văn bản đến các đơn vị phòng ban liên quan trong Trường **[H7.07.02.04]**.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có văn bản quy định các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm nhân viên rõ ràng, cụ thể và được công bố công khai.

Các kế hoạch, thông báo, kết quả và quyết định tuyển dụng được thực hiện nghiêm túc, công khai và minh bạch.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa có các tiêu chí cụ thể về điều chuyển nhân viên.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Rà soát và bổ sung các tiêu chí cụ thể về lựa chọn và điều chuyển nhân viên.	Trường ĐHQN	Từ năm học 2022-2023	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục công khai, minh bạch các văn quy định mới cũng như các kế hoạch, thông báo, kết quả và quyết định tuyển dụng đến các đối tượng liên quan.	Trường ĐHQN	Từ năm học 2022-2023	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí là 5/7.

Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá.

1. Mô tả hiện trạng

Nhân viên phục vụ cho đào tạo ThS của Trường phải có đủ năng lực và kỹ năng để phục vụ tốt nhu cầu của NH cũng như cung cấp các dịch vụ đào tạo khác. Khi tuyển dụng, ứng viên phải đáp ứng tất cả các yêu cầu tuyển dụng và tiêu chuẩn lựa chọn của Nhà trường. Các yêu cầu này được công khai và nêu rõ trong Quy chế tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức Trường ĐHQN, cũng trong quy chế này cũng đã quy định rất rõ căn cứ, quy trình, nội dung, tiêu chí và thẩm quyền đánh giá phân loại viên chức. Hàng năm, căn cứ vào Quy chế tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Quy chế đánh giá và phân loại viên chức của Trường ĐHQN và các văn bản hướng dẫn của phòng chức năng, các đơn vị trong Trường tổ chức thực hiện việc xác định và đánh giá năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kết quả thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ nhân viên trong đơn vị theo quy trình, phương pháp và các tiêu chí đánh giá được xác định rõ ràng, cụ thể [H7.07.03.01], [H7.07.03.02]. Trong mỗi năm học, trên cơ sở nhiệm vụ cụ thể được lãnh đạo đơn vị phân công và cá nhân đăng ký, việc đánh giá năng lực của nhân viên được thực hiện theo các bước: nhân viên tự đánh giá, đồng nghiệp đánh giá và ban lãnh đạo hoặc đơn vị chức năng đánh giá và xếp loại [H7.07.03.03].

Trong quá trình đánh giá năng lực đội ngũ nhân viên, Trường đơn vị xem xét kết quả khảo sát sự hài lòng của GV và HV đối với hoạt động hỗ trợ, phục vụ đào tạo

trước khi đánh giá. Bên cạnh đó, ý kiến phản hồi của NH và GV là cơ sở để các đơn vị và đội ngũ nhân viên có những biện pháp cải tiến thiết thực, nâng cao hiệu quả công tác nhằm phục vụ các yêu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng tốt hơn [H1.01.01.09], [H7.07.01.08]. Kết quả đánh giá viên chức các đơn vị là cơ sở để Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp Trường bình xét các danh hiệu thi đua, khen thưởng hàng năm [H7.07.03.04].

Riêng đối với đội ngũ nhân viên trực tiếp phục vụ đào tạo ThS, Phòng Đào tạo SDH có 04 chuyên viên hỗ trợ, phục vụ đào tạo đều có trình độ Thạc sĩ trở lên. Trong 5 năm qua, đội ngũ nhân viên của Phòng hàng năm đều hoàn thành tốt nhiệm vụ, đạt danh hiệu Lao động tiên tiến [H7.07.03.04]. Trong công tác chuyên môn, đội ngũ nhân viên của Phòng luôn cố gắng học tập, bồi dưỡng chuyên môn, trau dồi kinh nghiệm tham gia các khoá bồi dưỡng [H7.07.03.05]. Về cơ bản, đội ngũ nhân viên của Phòng đáp ứng tốt các yêu cầu nhiệm vụ đặt ra và được lãnh đạo đánh giá cao [H7.07.03.06].

2. Điểm mạnh

Trường ĐHQN đã xây dựng được quy trình, phương pháp đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên. Công cụ và tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên cũng đã được xây dựng và ngày càng hoàn thiện hơn.

3. Điểm tồn tại

Các tiêu chí đánh giá năng lực của nhân viên chưa thật cụ thể và được rà soát thường xuyên trong giai đoạn đánh giá.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Thường xuyên rà soát điều chỉnh bộ tiêu chí đánh giá năng lực của nhân viên chi tiết hơn để công tác đánh giá, xét thi đua khen thưởng chính xác hơn, hợp lý hơn, phù hợp với từng đối tượng, đồng thời có tác dụng động viên, khuyến khích đội ngũ nhân viên hoàn	Trường ĐHQN Khoa KT&KT	Năm học 2022 - 2023	

		thành tốt nhiệm vụ hỗ trợ, phục vụ công tác đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.			
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát, đề xuất hoàn thiện các chính sách quản lý nguồn nhân lực để phát triển đội ngũ nhân viên một cách toàn diện.	Khoa KT&KT	Năm học 2022 - 2023	

5. *Tự đánh giá:* Mức đạt được của tiêu chí là 4/7.

Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

1. *Mô tả hiện trạng*

Công tác đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên luôn được Nhà trường coi trọng và thực hiện nghiêm túc nhằm duy trì và nâng cao chất lượng đội ngũ nhân viên của Nhà trường đã đề ra.

Trong Quy chế tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, Trường ĐHQN đã xác định rõ các hình thức và yêu cầu đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức hành chính: đào tạo trình độ đại học, ThS, TS; bồi dưỡng kiến thức quản trị học, chuyên môn, nghiệp vụ, quản lý nhà nước, ngoại ngữ, tin học, lý luận chính trị và kiến thức hỗ trợ khác. Đồng thời, Quy chế cũng xác định rõ về các điều kiện, yêu cầu, quyền lợi và nghĩa vụ đối với viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng cũng như các quy định khác có liên quan [H7.07.03.01]. Định kỳ, Nhà trường tiến hành rà soát, xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn nghiệp vụ của nhân viên thông qua việc đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của đội ngũ nhân viên để xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, phát triển năng lực chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với nhu cầu của đội ngũ nhân viên [H6.06.05.04].

Kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐHQN giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn năm 2030 chỉ rõ kế hoạch phát triển đội ngũ nhân viên bao gồm: Xây dựng đội ngũ chuyên viên và phục vụ đào tạo đạt chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ cao đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện về đào tạo của Nhà trường; có khả năng tham mưu và chủ động, tích cực, thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. Nâng cấp đội ngũ viên chức bộ phận phục vụ đào tạo để đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ công tác trong thời kỳ mới, đảm bảo 100% đội ngũ chuyên viên được đào tạo nghiệp vụ quản lý hành chính Nhà nước, lý luận chính trị, tin học và ngoại ngữ, trong đó có 20% chuyên viên đủ tiêu

chuẩn nâng hạn chuyên viên chính [H1.01.01.02]. Trên cơ sở đó, hàng năm, Nhà trường đều có kế hoạch triển khai các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng viên chức nói chung và đội ngũ nhân viên nói riêng dựa trên các tiêu chuẩn, yêu cầu của chức danh nghề nghiệp mà viên chức đảm nhận và nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của Nhà trường [H7.07.01.01].

Trong những năm qua, đội ngũ nhân viên luôn được Nhà trường và Khoa tạo điều kiện và cử tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, học tập kinh nghiệm tại Trường hoặc tại các tỉnh, thành trên cả nước [H7.07.04.01]. Nhà trường có phân bổ ngân sách dành cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên, có các cơ chế khuyến khích, hỗ trợ và tạo điều kiện về thời gian và kinh phí cho nhân viên được đi học tập, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ [H7.07.04.02], [H6.06.01.01]. Điều này góp phần thúc đẩy, tạo động lực học tập cho đội ngũ nhân viên, từ đó nâng cao kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ để có thể hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đáp ứng nhu cầu hỗ trợ, phục vụ công tác đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã thực hiện khảo sát nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên thông qua việc đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của đội ngũ nhân viên.

Trên cơ sở đăng ký, Nhà trường có kế hoạch và triển khai thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên.

Nhà trường triển khai thường xuyên các hoạt động để đáp ứng nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên và có chính sách hỗ trợ kinh phí cho nhân viên tham gia đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

3. Điểm tồn tại

Chưa chú trọng nâng cao trình độ ngoại ngữ cho đội ngũ nhân viên. Các khóa đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ cho nhân viên chưa được tổ chức thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn	Thường xuyên tổ chức các lớp	Trường	Năm học	

	tại	đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ ngoại ngữ cho đội ngũ nhân viên nhằm phục vụ tốt nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng trong bối cảnh hiện nay.	ĐHQN	2022 - 2023	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện khảo sát nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên. Trên cơ sở đó, xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với đội ngũ nhân viên của từng đơn vị.	Trường ĐHQN	Năm học 2022 - 2023	

5. *Tự đánh giá:* Mức đạt được của tiêu chí là 5/7.

Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. *Mô tả hiện trạng*

Chất lượng, hiệu quả công việc của đội ngũ nhân sự nói chung, của viên chức hành chính nói riêng đóng vai trò rất quan trọng đối với chiến lược đào tạo và sự phát triển của Trường ĐHQN. Nhà trường đã ban hành các văn bản trong đó quy định rõ nhiệm vụ của nhân viên phục vụ đào tạo cũng như quy trình theo dõi, giám sát, đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên [H6.06.03.01], [H6.06.04.01]. Bên cạnh đó, Nhà trường đã triển khai xây dựng Đề án vị trí việc làm của Trường trên cơ sở Đề án vị trí việc làm của đơn vị, các Khoa/Phòng đã xây dựng Đề án vị trí việc làm của Khoa/Phòng, bao gồm thống kê công việc theo chức năng nhiệm vụ, phân nhóm công việc, danh mục vị trí việc làm và mô tả công việc của từng vị trí việc làm, trong đó mô tả cụ thể rõ ràng công việc chính phải làm và sản phẩm đầu ra của từng nhân viên hỗ trợ phục vụ cho đào tạo [H6.06.01.08]. Hàng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá và phân loại viên chức, Nhà trường công nhận danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng đối với các cá nhân như: Lao động tiên tiến; Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở; Chiến sĩ thi đua cấp Bộ; Chiến sĩ thi đua toàn quốc, giấy khen của Hiệu trưởng, Bằng khen của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT,... dựa trên các tiêu chuẩn cụ thể [H7.07.03.02]. Ngoài ra,

Nhà trường còn có Quy định về việc xét nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ được giao đối với các viên chức đạt được các danh hiệu thi đua (Chiến sĩ thi đua các cấp), được nhận các hình thức khen thưởng (bằng khen cấp Bộ, cấp Tỉnh,...) nhằm khuyến khích, động viên và tạo động lực cho đội ngũ viên chức phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao **[H7.07.05.01]**.

Trên cơ sở các quy định trên, Trưởng phòng chịu trách nhiệm theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của từng nhân viên dựa trên khối lượng công việc cụ thể đã xác định và phân công cho nhân viên theo kế hoạch công tác cũng như được quy định rõ trong đề án vị trí việc làm **[H6.06.01.08]**, **[H7.07.05.02]**. Kết thúc mỗi năm học, nhân viên tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của mình, đơn vị tổ chức họp lấy ý kiến đánh giá của đồng nghiệp và của cấp trên đối với nhân viên **[H7.07.05.03]**. Trên cơ sở Trưởng phòng đánh giá, phân loại viên chức và người lao động, Nhà trường ban hành công văn thông báo đến các đơn vị kết quả đánh giá, phân loại viên chức và người lao động hàng năm **[H7.07.05.04]**. Kết quả đánh giá hàng năm, đội ngũ nhân viên của Phòng đều hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, có nhân viên nhận được Bằng khen của Công đoàn Giáo dục Việt Nam trong 2 năm liên tục **[H7.07.05.04]**, **[H7.07.05.05]**.

Trong khuôn khổ xây dựng đề án vị trí việc làm, từng nhân viên đã xác định khối lượng công việc cụ thể của từng cá nhân, điều kiện đảm bảo để thực hiện công việc và các phẩm chất năng lực chuyên môn cần thiết để thực hiện tốt các nhiệm vụ của vị trí việc làm đang đảm nhận **[H6.06.01.08]**. Đây chính là cơ sở để mỗi nhân viên có trách nhiệm tự xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ đảm bảo tiến độ, thời gian hoàn thành công việc được giao.

Việc đánh giá hiệu quả công việc của viên chức được Nhà trường thực hiện công khai, minh bạch, đảm bảo khách quan, công bằng và chính xác. Các quy định về nhiệm vụ của nhân viên, cũng như các tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá viên chức, thi đua khen thưởng, nâng lương trước thời hạn đều được Nhà trường tổ chức lấy ý kiến góp ý rộng rãi bằng văn bản hoặc thông qua các Hội nghị viên chức hằng năm trước khi chính thức ban hành hoặc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung **[H7.07.05.06]**. Quy trình trên đã giúp Nhà trường đạt được sự đồng thuận và thống nhất của đội ngũ viên chức về các tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc. Tỷ lệ nhất trí cao trong các cuộc họp đánh giá, xếp loại viên chức và thi đua khen thưởng cho thấy sự hài lòng về việc đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên cũng như việc thi đua khen thưởng và công nhận của Khoa, Trường đối với nhân viên. Ngoài ra, thông qua các kỳ hội nghị đại biểu công chức, viên chức cấp Khoa, Trường, viên chức và người lao động

được tham gia phát biểu ý kiến và được giải đáp đầy đủ các thắc mắc về các chế độ, chính sách của Nhà trường [H7.07.01.01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã có quy định về nhiệm vụ cụ thể đối với nhân viên và quy định về việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên, trong đó có cả các quy định về khen thưởng và công nhận.

Công tác đánh giá, xếp loại viên chức và công tác thi đua khen thưởng đối với đội ngũ nhân viên được thực hiện công khai, minh bạch.

Đội ngũ nhân viên Nhà trường được tham gia xây dựng, góp ý trong quá trình xây dựng các quy định đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên.

Nhân viên của Trường hài lòng về công tác theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của CSGD và các cấp có thẩm quyền.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường đã có kế hoạch triển khai quản trị kết quả công việc của nhân viên bằng KPI, nhưng tiến độ thực hiện còn chậm.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Nhanh chóng hoàn thiện quy trình đánh giá kết quả công việc của nhân viên bằng KPI.	Trường ĐHQN	Năm học 2022 - 2023	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát, điều chỉnh chính sách khen thưởng kịp thời, đúng đối tượng, khách quan và công bằng, có hình thức khen thưởng xứng đáng với các danh hiệu.	Trường ĐHQN và các đơn vị thuộc Trường	Năm học 2022 - 2023	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí là 4/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 7

Đội ngũ nhân viên của Trường ĐHQN đảm bảo về chất và lượng, được tuyển dụng đúng quy trình của Nhà trường, được công bố công khai. Trường ĐHQN có cơ chế tạo điều kiện và khuyến khích đội ngũ nhân viên hỗ trợ bồi dưỡng và nâng cao công tác chuyên môn, nghiệp vụ. Chất lượng đội ngũ cán bộ hỗ trợ của Khoa KT&KT cũng như của các phòng chức năng liên quan hiện nay đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ hỗ trợ, phục vụ công tác đào tạo và NCKH của Khoa và Trường. Trong những năm vừa qua, Nhà trường và Khoa KT&KT đã xây dựng bộ tiêu chí đánh giá công việc theo từng vị trí việc làm nhằm làm căn cứ theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên khoa học và hiệu quả hơn.

Tiêu chuẩn 7 có 5/5 tiêu chí đạt, trong đó 03 tiêu chí đạt mức 5/7 và 02 tiêu chí đạt mức 4/7.

Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học.

Mở đầu

Trong các giai đoạn vừa qua, Trường ĐHQN và Khoa KT&KT luôn chú trọng đến CLĐT cũng như thực hiện nhiều hoạt động hướng đến và hỗ trợ cho HV ngành Kế toán trình độ ThS nhằm nâng cao chất lượng đầu ra đáp ứng với các yêu cầu của ngành nghề, xã hội. Nhà trường xây dựng và hoàn thiện chính sách tuyển sinh theo hướng phù hợp, rõ ràng và có các tiêu chí, phương thức tuyển sinh đa dạng, công khai, minh bạch nhằm tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các thí sinh mà vẫn đảm bảo đúng quy chế và chất lượng. Bên cạnh đó, Trường mà cụ thể là Phòng Đào tạo SDH cũng có hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của HV hợp lý. Hơn nữa, các hoạt động tư vấn và hỗ trợ HV được thực hiện một cách kịp thời và thường xuyên. Các hoạt động khuyến khích NCKH, viết báo... cũng được thực hiện thường xuyên và sôi nổi thu hút được sự tham gia của rất nhiều HV. Song song với các hoạt động trên, Nhà trường đặc biệt quan tâm cải thiện môi trường tâm lý xã hội, sức khỏe, làm cho cảnh quan trong và xung quanh Trường đẹp và tiện ích hơn cho NH.

Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, công bố công khai và cập nhật.

1. Mô tả hiện trạng

Chính sách tuyển sinh của Trường ĐHQN nói chung và Khoa KT&KT nói riêng luôn được xác định rõ ràng, được cập nhật hàng năm và đúng các quy định hiện

hành. Chính sách tuyển sinh về thời gian đào tạo, đối tượng tuyển sinh, các môn thi tuyển, quy mô tuyển sinh... đã được làm rõ trong đề án tuyển sinh và được các bên liên quan gồm Hội đồng Khoa học và Đào tạo nhà trường, Sở GD&ĐT tỉnh Bình Định, Hội đồng Thẩm định chương trình thông qua. Đồng thời, trong các năm có thay đổi về phương pháp tuyển sinh, Hội đồng Khoa học và Đào tạo Nhà trường luôn có các cuộc họp các bên liên quan để xây dựng và thông qua chính sách tuyển sinh **[H8.08.01.01]**.

Khoa KT&KT tuyển NH hàng năm theo chính sách tuyển sinh được xây dựng căn cứ vào Đề án tuyển sinh cao học của Trường ĐHQN kết hợp với biên bản họp các bên liên quan hàng năm. Qua đó, giúp chính sách tuyển sinh ThS ngành Kế toán của Trường ĐHQN phù hợp với thực tiễn nhất **[H8.08.01.02]**. Hàng năm, hình thức, chỉ tiêu, quy trình xét tuyển và các thông tin liên quan đến tuyển sinh được xác định trong kế hoạch, thông báo tuyển sinh, công bố trên website, niêm yết tại bảng tin Trường **[H8.08.01.03]**.

Từ năm 2018, Trường ĐHQN đã thực hiện tuyển sinh 2 đợt/ năm. Kết quả trúng tuyển từ kì thi tuyển sinh ThS đều được công bố rộng rãi, kịp thời và chính xác đến thí sinh. Bên cạnh đó, Nhà trường thu thập cơ sở dữ liệu về số lượng NH thực tế, thực hiện thống kê kết quả tuyển sinh để tổng kết, đánh giá công tác tuyển sinh nhằm phục vụ cho công tác tuyển sinh vào năm sau **[H8.08.01.04]**.

Chính sách tuyển sinh ThS ngành Kế toán được xây dựng theo đúng các quy định hiện hành, kết hợp cùng sự góp ý của các bên liên quan như Khoa KT &KT và các phòng chức năng, Ban giám hiệu Nhà trường. Đồng thời, có sự nghiên cứu, xem xét dựa trên báo cáo phân tích dự báo nhu cầu nhân lực của ngành Kế toán **[H8.08.01.05]**.

2. Điểm mạnh

Chính sách tuyển sinh ThS ngành Kế toán của Khoa KT&KT luôn có sự góp ý của các bên liên quan như Khoa KT&KT và các phòng chức năng, Ban giám hiệu Nhà trường. Trên cơ sở đó, giúp chính sách tuyển sinh ThS ngành Kế toán được xác định rõ ràng và đồng bộ từ trên xuống dưới. Đồng thời, chính sách tuyển sinh luôn được công khai trên website, niêm yết tại bảng tin Trường.

3. Điểm tồn tại

Thông tin tuyển sinh trên website, brochure chưa có thông tin chi tiết về ngành học mà mới chỉ giới thiệu khái quát. Vì vậy, chưa truyền tải được đầy đủ thông tin đến

người có mong muốn tìm hiểu đối với trình độ đào tạo ThS ngành Kế toán Trường ĐHQN.

Trường ĐHQN chưa tổ chức lấy ý kiến doanh nghiệp về chính sách tuyển sinh. Doanh nghiệp là đơn vị sử dụng lao động nên thiếu sự góp ý từ họ với chính sách tuyển sinh sẽ dẫn tới một số thiếu sót nhất định trong việc tuyển chọn NH.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Công bố công khai, chi tiết thông tin tuyển sinh bằng nhiều hình thức để thí sinh có cái nhìn đầy đủ về CTĐT ngành Kế toán trình độ ThS của Trường.	Trường ĐHQN, Khoa KT&KT	Từ năm học 2022 – 2023	
2	Khắc phục tồn tại 2	Khi xây dựng chính sách tuyển sinh hàng năm, thực hiện lấy ý kiến của đơn vị sử dụng lao động là doanh nghiệp.	Trường ĐHQN, Khoa KT&KT	Từ năm học 2022 – 2023	
3	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện lấy ý kiến các bên liên quan trong Trường như Khoa, Phòng Đào tạo SDH cũng như Ban giám hiệu Nhà trường về chính sách tuyển sinh hàng năm	Ban giám hiệu Trường ĐHQN, Khoa KT&KT, Phòng Đào tạo SDH	Từ năm học 2022 – 2023	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí là 4/7.

Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá.

1. Mô tả hiện trạng

Quá trình tuyển sinh trình độ đào tạo ThS ngành Kế toán Trường ĐHQN có tiêu chí và phương pháp tuyển sinh rõ ràng được quy định trong đề án tuyển sinh trình độ đào tạo ThS, cụ thể: Đối với thủ tục tuyển sinh, thí sinh có thể gửi hồ sơ qua bưu điện, hoặc nộp trực tiếp tại Trường ĐHQN. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH được Nhà trường xác định và ghi rõ trong CTĐT, chính sách tuyển sinh. Việc tuyển sinh ThS ngành Kế toán hàng năm được thực hiện thông qua hình thức thi tuyển. Hàng năm, trường tổ chức 2 đợt thi vào tháng 04 và tháng 08. Công tác ra đề, coi thi được tổ chức nghiêm ngặt theo quy định của Bộ GD&ĐT. Bên cạnh đó, để giải quyết những tồn tại trong công tác tuyển chọn NH, Phòng Đào tạo SDH và Trường ĐHQN triển khai thực hiện xét tuyển NH kết hợp với thi tuyển từ năm 2021 trở về sau. Việc xét tuyển dựa trên kết quả học tập bậc đại học của thí sinh **[H8.08.01.02], [H8.08.02.01]**.

Tiêu chí và phương pháp tuyển sinh/tuyển chọn NH được rà soát, đánh giá hằng năm, cụ thể: Nhà trường đã ban hành quy trình xây dựng tiêu chí, phương pháp tuyển chọn NH dựa trên ý kiến các bên liên quan. Tiêu chí và phương thức tuyển chọn được Hội đồng tuyển sinh trình độ đào tạo ThS của Trường ĐHQN đánh giá, rút kinh nghiệm và điều chỉnh, bổ sung kịp thời theo từng năm. Bên cạnh đó, hàng năm Khoa KT&KT cũng luôn có những ý kiến đóng góp về chỉ tiêu tuyển sinh cho ngành Kế toán, về phương pháp lựa chọn NH, cách thức tư vấn tuyển sinh hiệu quả cho đề án tuyển sinh của Trường **[H8.08.01.01]**.

Hàng năm, Nhà trường tiến hành thu thập, phân tích dữ liệu tuyển sinh của năm trước, thống kê và phân loại thông tin của thí sinh nộp hồ sơ vào Trường và các thí sinh trúng tuyển như thuộc địa phương, đối tượng ưu tiên, khối ngành học nào,... để rà soát, đánh giá và có sự điều chỉnh hàng năm về tiêu chí, phương pháp tuyển chọn NH **[H8.08.02.02], [H8.08.01.04]**.

Với các tiêu chí và phương pháp để tuyển chọn NH theo cách mới như trên, ngành ThS Kế toán đã tuyển được thí sinh đạt các chỉ tiêu đặt ra.

2. Điểm mạnh

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH của ngành Kế toán trình độ ThS được xác định rõ ràng, được công khai, cập nhật, được đánh giá khách quan và chính xác. Đồng thời các tiêu chí và phương pháp này luôn được rà soát, góp ý hàng năm nhằm nâng cao số lượng và chất lượng tuyển sinh.

3. Điểm tồn tại

Việc phân tích dữ liệu tuyển sinh hàng năm chưa được Nhà trường thực hiện thường xuyên và đầy đủ để làm căn cứ xây dựng kế hoạch quảng bá tuyển sinh cho các đợt tuyển sinh sau.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Phân tích, đánh giá đầy đủ kết quả thi tuyển sinh hàng năm làm căn cứ điều chỉnh đề thi và nội dung ôn thi. Phân tích, đánh giá thông tin đối tượng dự thi như độ tuổi, nơi cư trú, ngành nghề... làm căn cứ xây dựng kế hoạch quảng bá tuyển sinh.	Trường ĐHQN, Khoa KT&KT	Từ năm học 2022 – 2023	
2	Phát huy điểm mạnh	Mở rộng thực hiện lấy ý kiến các bên liên quan như HV, doanh nghiệp,... nhằm hoàn thiện tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH đáp ứng yêu cầu thực tiễn.	Trường ĐHQN, Khoa KT&KT	Từ năm học 2022 – 2023	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí là 4/7.

Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học.

1. Mô tả hiện trạng

Việc học tập của NH được đánh giá dựa trên các quy chế của Bộ GD&ĐT, quy định của Trường ĐHQN bao gồm: Quyết định về việc ban hành Quy định đào tạo thạc sĩ của Trường, Quy định đào tạo thạc sĩ theo định hướng ứng dụng của Trường, Quyết định về việc ban hành Quy định về việc rà soát, bổ sung, cập nhật và phát triển CTĐT

trình độ thạc sĩ và đề cương chi tiết của từng học phần. **[H1.01.01.04], [H8.08.03.01], [H8.08.03.02], [H1.01.01.05]**. Theo đó, tiến độ học tập của HV được theo dõi và giám sát dựa trên chương trình và kế hoạch đào tạo trình độ ThS do Nhà trường ban hành **[H1.01.02.01], [H1.01.02.02], [H3.03.02.03]**.

Hệ thống quản lý theo học chế tín chỉ được Nhà trường áp dụng từ năm 2015. Theo đó, việc giám sát tiến độ và kết quả học tập của NH được xem xét trên cơ sở tiến độ hoàn thành của NH với CTĐT trình độ thạc sĩ ngành Kế toán **[H1.01.02.02]**. Điểm tổng hợp đánh giá học phần gồm điểm đánh giá quá trình học tập, kiểm tra giữa kỳ có trọng số 30 - 50%, và điểm thi kết thúc học phần với các trọng số 50 - 70%. Với cách đánh giá này, NH sẽ được giám sát chặt chẽ, chính xác trong mỗi tiết học cũng như trong suốt quá trình học tập của mỗi học phần bởi GV là người trực tiếp giảng dạy học phần.

Hệ thống giám sát còn được thực hiện thông qua phần mềm quản lý đào tạo mà Nhà trường mới đầu tư trang bị năm 2021 để NH thuận tiện hơn trong việc tra cứu, cập nhật thông tin kịp thời. Nếu như trước đây, việc nhập liệu chỉ sử dụng tích hợp bằng phần mềm Excel và A – Tools (Phòng Đào tạo SDH lập, lưu trữ file mềm kết quả đánh giá theo từng học phần và thông báo cho HV) thì phần mềm quản lý này phục vụ hiệu quả hơn cho nhu cầu nhập liệu. Đồng thời, giúp cho NH tiếp cận công nghệ và theo dõi tiến độ học tập dễ dàng, cũng như kết nối tương tác với CB hỗ trợ học tập một cách nhanh chóng và đạt hiệu quả cao **[H8.08.03.02]**.

Kết quả học tập của NH được Nhà trường ra quyết định công nhận kết quả từng học kỳ, cuối khoá theo đúng quy định hiện hành của Trường ĐHQN. Hằng năm, Nhà trường đều rà soát tiến độ học tập của HV và xử lý những trường hợp chậm trễ. Nếu trường hợp bất khả kháng, HV có thể làm đơn xin bảo lưu kết quả học tập. Sau đó, Nhà trường sẽ xem xét và có quyết định cho HV được bảo lưu kết quả và gia hạn tiến độ học tập **[H8.08.03.04], [H8.08.03.05]**.

Ngoài ra, để nhằm mục đích khuyến khích, thúc đẩy NH có nhiều tiến bộ hơn trong học tập cũng như có thành tích xuất sắc tiêu biểu trong việc thực hiện nhiệm vụ HV, Trường ĐHQN đã tặng giấy khen và dành một phần kinh phí được quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ để hỗ trợ cho hoạt động này và ra quyết định về việc khen thưởng cho HV cao học **[H8.08.03.06], [H8.08.03.07]**.

Kết quả đánh giá NH còn được thể hiện một cách khách quan thông qua việc sau khi nhận được thông báo công khai kết quả, tiến độ học tập, NH có thể theo dõi và phản hồi nếu có thắc mắc cho Phòng Đào tạo SDH. Phòng Đào tạo SDH có trách

nhiệm tư vấn, hướng dẫn và tháo gỡ khó khăn cho HV trong suốt quá trình học tập [H8.08.03.08], [H8.08.03.09].

2. Điểm mạnh

Hệ thống giám sát phù hợp đã giúp cho việc giám sát, kiểm tra, đánh giá kết quả và tiến độ học tập của NH được thực hiện chặt chẽ và nghiêm túc dưới nhiều hình thức khác nhau. Điều này giúp cho Phòng Đào tạo SDH, trực tiếp là CB quản lý HV kịp thời nắm bắt được tình trạng học tập và tiến độ của HV để có thể nhắc nhở, động viên, giúp HV hoàn thành đúng tiến độ của khóa học.

3. Điểm tồn tại

Việc trang bị phần mềm giúp theo dõi một cách sát sao cơ sở dữ liệu về kết quả và tiến độ học tập của HV còn chậm.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Duy trì và phát triển phần mềm quản lý đào tạo SDH để quản lý và giám sát tiến độ học tập của HV sát sao hơn. Phần mềm cần có những cảnh báo khi HV không đạt các yêu cầu theo quy định của quy chế đào tạo.	Trường ĐHQN	Từ năm học 2022 – 2023	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục tăng cường công tác giám sát để nắm bắt kịp thời tình hình học tập của HV. Cần tăng cường công tác quản lý, phục vụ và duy trì, đảm bảo hệ thống giám sát một cách bao quát, cũng như giúp cho HV dễ dàng	Trường ĐHQN	Từ năm học 2022 – 2023	

		theo dõi tiến độ và kết quả học tập của mình.			
--	--	---	--	--	--

5. *Tự đánh giá:* Mức đạt được của tiêu chí là 4/7.

Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học.

1. *Mô tả hiện trạng*

Hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác nhằm cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của NH sau khi tốt nghiệp được tiến hành xuyên suốt, liên tục và hiệu quả trong suốt quá trình học tập của HV ở Trường ĐHQN.

Nhà trường đã ban hành Quy định chức năng và nhiệm vụ các đơn vị trực thuộc Trường ĐHQN, trong quy định đã trình bày cụ thể chức năng nhiệm vụ của Phòng Đào tạo SDH, các khoa và các phòng ban, trong đó có các chức năng và nhiệm vụ cụ thể liên quan đến hỗ trợ NH. Công tác đón tiếp NH ngay từ khi nhập học được Nhà trường phân công cho các phòng chức năng và các khoa liên quan thực hiện. NH nhập học được hướng dẫn chu đáo và cụ thể các thủ tục nhập học. CB hỗ trợ HV là những chuyên viên có kinh nghiệm hỗ trợ, tư vấn cho HV các vấn đề cần thiết liên quan đến học tập như việc lựa chọn đăng ký học phần, đổi học phần, tạm dừng học tập, bảo lưu kết quả học tập,... và các hoạt động khác thông qua kế hoạch cụ thể **[H8.08.03.08]**.

Nhà trường đã thành lập Trung tâm Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp, sau đó bổ sung thêm nhiệm vụ và đổi tên thành Trung tâm Tư vấn tuyển sinh và Quan hệ doanh nghiệp, làm cầu nối giữa NH và doanh nghiệp, tạo cơ hội tiếp cận việc làm, trao đổi cho NH sau tốt nghiệp **[H8.08.04.01]**.

Để NH hiểu sâu sắc hơn các nội dung đã được học áp dụng trong thực tiễn, CTĐT năm 2021 đã xây dựng học phần thực tập chuyên môn. Khoa KT&KT phối hợp cùng Trung tâm Tư vấn tuyển sinh và Quan hệ doanh nghiệp xây dựng kế hoạch và triển khai các hoạt động tư vấn hỗ trợ NH lựa chọn các cơ sở thực tập chuyên môn. Trong quá trình thực tập, NH được GV hướng dẫn cụ thể, chi tiết các nội dung thực tiễn nhằm nâng cao sự hiểu biết và gắn kết giữa lý thuyết và thực hành. **[H1.01.02.01]**

Nhằm mục đích tạo điều kiện thuận lợi cho HV tiếp cận với thực tế trên cơ sở những kiến thức đã được trang bị, Khoa KT&KT phối hợp cùng Nhà trường đã ký kết hợp tác với nhiều cơ sở đào tạo, các doanh nghiệp. Khoa KT&KT cũng đã chủ động

kết nối với các doanh nghiệp đặc biệt là các doanh nghiệp có cựu HV ngành Kế toán để tạo ra mối quan hệ tương hỗ giữa Nhà trường, Khoa, doanh nghiệp và HV. Bên cạnh đó, thông tin tuyển dụng của các doanh nghiệp đặc biệt là các doanh nghiệp liên kết luôn được cập nhật và thông báo kịp thời đến NH thông qua các kênh trực tiếp và trực tuyến [H8.08.04.02], [H8.08.04.03]. Các hoạt động này đã nâng cao cơ hội tiếp xúc, định hướng việc làm sau khi tốt nghiệp cho NH. Đồng thời cũng tạo ra các mối quan hệ kết nối để HV tham gia các hoạt động NCKH, công bố các công trình nghiên cứu [H8.08.04.04].

Việc đánh giá chất lượng đào tạo được thể hiện thông qua sự phản hồi của NH về chất lượng, hiệu quả các hoạt động sau khi kết thúc chương trình học tập ThS 2 năm tại Trường ĐHQN. Kết quả khảo sát cho thấy NH tốt nghiệp ThS ngành Kế toán được khảo sát hài lòng về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, [H8.08.04.05], [H8.08.04.06]. Tỷ lệ % số NH, NH tốt nghiệp được khảo sát hài lòng về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập tại Trường ĐHQN cao, trên 90%. Kết quả khảo sát cũng giúp cho Trường và Khoa từng bước cải tiến, hoàn thiện CTĐT, đáp ứng nhu cầu thực tiễn ngành nghề mà NH lựa chọn. Bảng thống kê thông tin NH đầu năm cho thấy hầu hết HV học ThS ngành Kế toán đều đã có việc làm [H8.08.04.07].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ viên chức hỗ trợ HV có kinh nghiệm, trách nhiệm sẵn sàng hỗ trợ và tư vấn kịp thời cho NH ngành Kế toán trình độ ThS trong việc lựa chọn học phần trong CTĐT, phương pháp học tập, rèn luyện, thực tập, thực tế. Việc thành lập Trung tâm Tư vấn tuyển sinh và Quan hệ doanh nghiệp cùng với kết nối với nhiều Doanh nghiệp giúp hỗ trợ HV nâng cao kinh nghiệm, cơ hội việc làm, cải thiện vị trí việc làm,...

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến phản hồi, đánh giá của NH về hoạt động tư vấn, hỗ trợ học tập của viên chức hỗ trợ HV, đội ngũ phục vụ đào tạo, GV hướng dẫn chưa thực hiện đầy đủ.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng kế hoạch, thực	Phòng	Từ năm	

		hiện khảo sát lấy ý kiến phản hồi của HV đầy đủ tất cả các năm, các khóa về hoạt động tư vấn, hỗ trợ học tập của viên chức hỗ trợ HV, đội ngũ phục vụ đào tạo, GV hướng dẫn.	Khảo thí và Bảo đảm chất lượng, Phòng Đào tạo SDH, Khoa KT&KT.	học 2022 – 2023	
2	Phát huy điểm mạnh	Thực hiện khen thưởng kịp thời các viên chức hỗ trợ NH có năng lực, kinh nghiệm và nhiệt tình. Việc hỗ trợ HV cao học cần chú ý đến đặc thù đào tạo của cấp học này. Phát huy hơn nữa vai trò Trung tâm Tư vấn tuyển sinh và Quan hệ Doanh nghiệp trong việc kết nối giữa NH và Doanh nghiệp. Trung tâm cần chú ý hơn đến việc kết nối những công việc bậc cao phù hợp với trình độ của HV cao học.	Trường ĐHQN, Khoa KT&KT	Từ năm học 2022 – 2023	

5. *Tự đánh giá:* Mức đạt được của tiêu chí là 4/7.

Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.

1. *Mô tả hiện trạng*

Trường ĐHQN được xem là một trong những ngôi trường có vị trí đẹp nhất Việt Nam, có khuôn viên rộng rãi, kiến trúc đẹp và khá hiện đại. Trường có hệ thống giảng đường, phòng máy tính, phòng lab học ngoại ngữ, phòng thí nghiệm, thực hành, thư viện và nhà luyện tập thể dục thể thao với các trang thiết bị hiện đại, đồng bộ, đủ đáp ứng cho hoạt động giảng dạy, học tập và NCKH; có hệ thống phòng làm việc đáp ứng cho các đơn vị chức năng, khoa, bộ môn [H8.08.05.01].

Trong tiến trình xây dựng Trường ĐHQN trở thành trường đại học định hướng ứng dụng, Đảng ủy và Ban Giám hiệu đã xác định triết lý khai phóng trong giáo dục là kim chỉ nam cho mọi hoạt động của nhà trường. Trường ĐHQN đã ban hành các quy tắc ứng xử của công chức, viên chức, người lao động; quan hệ ứng xử của NH nhằm tạo môi trường làm việc, học tập thân thiện, cởi mở, trung thực, văn minh trong Nhà trường. Trường cũng đã ban hành các nội quy nhà trường, nội quy giảng đường, nội quy thư viện và nội quy ký túc xá nhằm tạo ra trật tự, kỉ cương, môi trường văn hóa lành mạnh, thân thiện và thoải mái trong khuôn viên Trường. Các quy định, nội quy phòng thí nghiệm, thực hành cũng được ban hành nhằm đảm bảo an toàn cho NH và tạo môi trường làm việc nghiêm túc, tăng hiệu quả của những giờ thực hành thí nghiệm và NCKH [H1.01.01.02], [H1.01.01.03], [H8.08.05.02].

Vấn đề chăm sóc sức khỏe của NH cũng được quan tâm, phòng y tế luôn có nhân viên túc trực để hỗ trợ các vấn đề y tế dù HV học trong giờ hành chính hay cuối tuần. Y tế học đường luôn được trường quan tâm vì tầm quan trọng của nó với NH [H8.08.03.08].

Căn tin Trường ĐHQN được đầu thầu và chọn những nhà thầu uy tín, các món ăn phục vụ đa dạng, giá cả hợp lý và đảm bảo công tác vệ sinh an toàn thực phẩm. Công tác kiểm tra phòng cháy chữa cháy được kiểm tra định kỳ thường xuyên. Công tác bảo đảm an ninh trong Trường luôn được đánh giá cao bởi các cơ quan chức năng thể hiện qua các Quyết định công nhận nhà trường đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự” hàng năm. Nhà trường cũng rất tích cực trong việc phối hợp với các Cơ quan an ninh của khu vực nhằm đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn [H8.08.05.03].

Nhà trường đã tổ chức lấy ý kiến phản hồi của GV và HV về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan trong Nhà trường hàng năm, đa số GV và HV phản hồi tích cực và hài lòng về môi trường học tập, cảnh quan của Trường [H8.08.05.04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có môi trường học tập, làm việc thân thiện, không khí thoải mái góp phần thực hiện tốt các hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu cho GV, HV.

Nhà trường thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của NH về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan làm cơ sở để đáp ứng nhu cầu và đầu tư hợp lý phục vụ NH một cách tốt nhất.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa bố trí nơi ở tập trung riêng trong KTX cho HV SDH.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Sắp xếp, bố trí nơi ở riêng trong KTX nhằm tạo điều kiện thuận lợi hơn cho HV cao học. Lên kế hoạch xây dựng các khu nghiên cứu phục vụ HV cao học.	Trường ĐHQN	Từ năm học 2022 – 2023	
2	Phát huy điểm mạnh 1	Tăng cường kiểm tra việc thực hiện các quy định, nội quy trong Nhà trường. Tiếp tục thực hiện các biện pháp đẩy mạnh xây dựng môi trường học tập, làm việc an toàn, thân thiện.	Khoa KT&KT, Phòng Đào tạo SDH,	Từ năm học 2022 – 2023	
3	Phát huy điểm mạnh 2	Thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của NH về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan làm cơ sở để đáp ứng nhu cầu và đầu tư hợp lý phục vụ NH một cách tốt nhất.	Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng	Từ năm học 2022 – 2023	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí là 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 8

Trong những năm qua, NH và hoạt động hỗ trợ NH được Khoa KT&KT xác định là một trong những khâu then chốt trong hoạt động đào tạo ngành Kế toán nói riêng và các ngành học khác của Khoa nói chung. Chính sách tuyển sinh ngành Kế

toán được xác định rõ ràng, công bố công khai. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH ngành Kế toán luôn được xác định rõ ràng, được thực hiện đúng theo quy chế tuyển sinh của Trường ĐHQN và thường xuyên được đánh giá. Hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của NH ngành Kế toán phù hợp. Từ khi nhập học đến khi kết thúc quá trình học tập, NH luôn được tư vấn, hỗ trợ kịp thời để giải quyết những khó khăn trong học tập và rèn luyện. Khối lượng kiến thức học tập của ngành Kế toán được phân bổ đồng đều giữa các năm giúp NH không bị quá tải ở mỗi học kỳ. Các hoạt động hỗ trợ NCKH được Khoa và Nhà trường thực hiện linh hoạt, đa dạng, chất lượng và hợp lý nhằm cải thiện việc học tập và khả năng nghiên cứu của NH. Môi trường tâm lý xã hội tích cực, cảnh quan xung quanh Khoa và Trường xanh, sạch, đẹp đã góp phần phát huy sự sáng tạo, sự thoải mái cho NH.

Bên cạnh đó, mặc dù đã có nhiều cố gắng trong công tác tuyển sinh nhưng chính sách tuyển sinh của Khoa vẫn chưa thực sự hấp dẫn để thu hút được nhiều thí sinh ở các địa phương lân cận vào ngành Kế toán. Do đó, số lượng HV các khóa có xu hướng ngày càng giảm. Việc lấy ý kiến phản hồi, đánh giá của NH về hoạt động tư vấn, hỗ trợ học tập của viên chức quản lý lớp, đội ngũ phục vụ đào tạo, GV phụ trách hướng dẫn vẫn chưa thực hiện đầy đủ. HV vẫn còn thụ động khi tham gia các chương trình, hoạt động của Trường, Khoa mà chưa chủ động tìm kiếm, tích lũy năng lực nghiên cứu cần thiết. Ngoài ra, Khoa vẫn chưa có phòng riêng cho các hoạt động nghiên cứu, hỗ trợ NH.

Trong thời gian tới, để khắc phục những tồn tại, Khoa cần thực hiện một số công việc như luôn công khai và cập nhật các thông tin tuyển sinh trên website của Trường và Khoa; phối hợp cùng với các phòng chức năng bổ sung hình ảnh và thông tin chi tiết về ngành Kế toán; tiếp tục cập nhật CTĐT, các quy định, quy chế kiểm tra, đánh giá kết quả học tập ngành Kế toán đến NH hằng năm. Khoa cũng sẽ đề xuất Nhà trường bố trí thêm phòng tiếp đón HV nhằm nâng cao hiệu quả tư vấn, hỗ trợ HV, tạo điều kiện thuận lợi cho NH.

Tự đánh giá theo 5 tiêu chí của tiêu chuẩn này, ngành Kế toán đã đạt yêu cầu 5/5 tiêu chí, trong đó 1 tiêu chí đạt mức 5/7 và 4 tiêu chí đạt mức 4/7.

Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị.

Mở đầu

Trường ĐHQN có tổng diện tích đất là 24 ha, bao gồm 01 trụ sở chính với diện tích gần 13,2 ha tại 170 An Dương Vương, thành phố Quy Nhơn và 01 Khu thực nghiệm với diện tích gần 11 ha nằm ở xã Nhơn Tân, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định. Các điều kiện về cơ sở vật chất và trang thiết bị được Trường ĐHQN nói chung và Phòng Đào tạo SDH, Khoa KT&KT nói riêng đảm bảo để thực hiện các hoạt động đào tạo và NCKH của GV và HV. Hệ thống phòng học được trang bị đầy đủ bàn ghế, máy chiếu, hệ thống loa, quạt đảm bảo điều kiện tốt nhất cho NH. Phòng làm việc, phòng chức năng, phòng thí nghiệm, thực hành, thư viện được trang bị đầy đủ bàn ghế, máy tính, máy in, máy photocopy, máy chiếu và các thiết bị đảm bảo nhiệt độ, âm thanh và ánh sáng. Hệ thống công nghệ thông tin luôn được nâng cấp đầu tư để đáp ứng tốt nhất nhu cầu đào tạo và nghiên cứu. Thư viện của Trường có hệ thống sách giáo trình, sách tham khảo, đề cương bài giảng và các loại tạp chí và các nguồn học liệu khác đáp ứng tốt nhu cầu nghiên cứu và đào tạo ThS ngành Kế toán.

Hàng năm, Nhà trường luôn chú trọng đầu tư, cải tạo, tu bổ hệ thống cơ sở vật chất và trang thiết bị, đặc biệt là hệ thống công nghệ thông tin; thường xuyên cập nhật giáo trình, tài liệu, nguồn học liệu để đảm bảo cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu tại Trường.

Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường có 05 khu giảng đường (A1, A2, A3, A4, A8), 01 trung tâm khảo thí, 04 phòng hội thảo, 03 hội trường lớn, 02 khu thực hành (A6, A7) với đa số là phòng học hiện đại (có bảng thông minh, các công cụ hỗ trợ giảng dạy), đồng thời có 01 Thư viện có 700 chỗ ngồi với hệ thống máy tính được kết nối internet, kết nối hệ thống học liệu quốc gia, quốc tế, đáp ứng được nhu cầu khai thác dữ liệu của CB, GV và NH, [H9.09.01.01].

Văn phòng Khoa KT&KT được Nhà trường bố trí tại tầng 11 của Nhà 15 tầng với 01 văn phòng, 01 phòng họp. Văn phòng khoa và phòng họp được trang bị đầy đủ hệ thống bàn ghế, tủ đựng tài liệu, máy tính với các phần mềm quản lý, máy in, máy chiếu, internet để phục vụ các hoạt động quản lý đào tạo, nghiên cứu và trao đổi khoa học với các nhà khoa học trong nước và quốc tế. Các phòng chức năng hỗ trợ NH thì

đều nằm ở khu nhà 15 tầng, thuận tiện cho NH liên hệ các vấn đề cần hỗ trợ [H8.08.05.01].

Hệ thống cơ sở vật chất của Khoa KT&KT và các phòng chức năng luôn được Nhà trường quan tâm, lên kế hoạch mua mới và nâng cấp [H9.09.01.02]. Nhà trường luôn dành một phần lớn kinh phí để đầu tư cho trang thiết bị phục vụ đào tạo và NCKH [H9.09.01.03].

Hàng năm, Nhà trường đều thống kê diện tích phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng, ... làm căn cứ xác định tỉ lệ diện tích/NH sao cho đáp ứng yêu cầu của Bộ GD&ĐT và các yêu cầu này đều được Nhà trường đáp ứng đầy đủ [H9.09.01.04].

2. Điểm mạnh

Khoa KT&KT và các phòng chức năng có hệ thống phòng làm việc, phòng học, được trang bị đầy đủ trang thiết bị phù hợp.

Trường ĐHQN luôn đảm bảo diện tích/NH theo quy định để phục vụ hoạt động đào tạo và NCKH của GV, HV ngành Kế toán một cách tốt nhất.

3. Điểm tồn tại

Việc sửa chữa các trang thiết bị tại các phòng làm việc, phòng học, phòng chức năng khi có sự cố vẫn còn chậm.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Nhà trường có kế hoạch cụ thể nhằm đảm bảo sửa chữa kịp thời các trang thiết bị khi bị hỏng hóc, đảm bảo quá trình làm việc, học tập của GV và HV.	Trường ĐHQN	Từ năm học 2022 – 2023	
2	Phát huy điểm mạnh 1	Tăng cường kinh phí để đầu tư cho trang thiết bị phục vụ đào tạo và NCKH.	Trường ĐHQN	Từ năm học 2022 – 2023	
3	Phát huy điểm	Tiếp tục thực hiện thống kê	Trường	Từ năm	

	mạnh 2	diện tích phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng... để đảm bảo yêu cầu của Bộ GD & ĐT cũng như nhu cầu trong thực tế.	ĐHQN	học 2022 – 2023	
--	--------	---	------	-----------------	--

5. *Tự đánh giá*: Mức đạt được của tiêu chí là 5/7.

Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. *Mô tả hiện trạng*

Thư viện là đơn vị tổ chức và quản lý các hoạt động thông tin - thư viện, phục vụ công tác đào tạo, NCKH của GV, HV trong Trường. Thư viện tọa lạc trên khuôn viên phía Đông Nam của Trường ĐHQN, có tổng diện tích sàn xây dựng gần 4.500 m², bao gồm tòa nhà Thư viện trung tâm 3 tầng và 01 dãy nhà trệt nằm liền kề. Thư viện có 01 phòng giáo trình, 02 phòng đọc mở, 01 phòng mượn, 01 phòng đọc thân thiện, 02 phòng truy cập internet với 60 máy tính được nối mạng tốc độ cao, và 07 phòng tự học với tổng cộng khoảng 700 chỗ ngồi **[H9.09.02.01]**.

Thư viện mở cửa từ 7h00 sáng đến 17h00 chiều, tạo điều kiện thuận lợi cho GV và HV khai thác tài liệu phục vụ việc học tập và nghiên cứu. Nhằm định hướng cho bạn đọc, Thư viện đã gắn các bảng hướng dẫn tra cứu tài liệu tại lối đi hành lang, bên trong các phòng đọc, phòng truy cập internet, trên website của đơn vị, cập nhật nội quy sử dụng Thư viện. Bên cạnh đó, Thư viện cũng tổ chức các hoạt động nhằm xây dựng phong trào đọc sách và không gian văn hóa đọc bổ ích, thiết thực cho nhiều đối tượng bạn đọc thông qua việc tổ chức Ngày hội Sách hàng năm **[H9.09.02.02]**, **[H9.09.02.03]**, **[H9.09.02.04]**.

Từ năm 2016, Thư viện đã hợp tác với Trung tâm học liệu Trường Đại học Cần Thơ về quyền khai thác các cơ sở dữ liệu điện tử, tham gia hệ thống Liên hiệp thư viện Việt Nam, mua quyền khai thác tài liệu tại Thư viện pháp luật trực tuyến, mua dùng chung 3 cơ sở dữ liệu kèm theo hướng dẫn khai thác cơ sở dữ liệu. Thư viện số cũng đã đưa vào sử dụng với số lượng đầu sách phong phú. Phần mềm thư viện đã được trang bị giúp quản lý bạn đọc, mượn trả qua hệ thống phần mềm quản lý thư viện, số hóa được tài liệu, NH được cấp tài khoản truy cập **[H9.09.02.03]**. Trong những năm gần đây, nguồn học liệu của Thư viện không ngừng được bổ sung và đa dạng hóa. Hiện tại, Thư viện đang phục vụ gần 40.000 đầu sách (gồm sách Việt văn và Ngoại văn), gần 3.000 luận văn, luận án, đề án các loại, hơn 70 đầu báo và tạp chí trong nước

và nước ngoài,... Hàng năm, danh mục sách giáo trình, sách tiếng Anh, sách tham khảo, tập bài giảng được Thư viện gửi về cho Khoa KT&KT để rà soát và cập nhật nhằm bổ sung đầy đủ tài liệu để hỗ trợ hoạt động nghiên cứu và học tập của HV ngành Kế toán [H9.09.02.05], [H9.09.02.06].

Với sự chỉ đạo của Ban chủ nhiệm Khoa KT&KT, các GV thường xuyên cập nhật bài giảng, tích cực đăng ký biên soạn các giáo trình mới phục vụ cho học phần, đồng thời hàng năm Khoa cũng rà soát các tài liệu tại Thư viện để đăng ký bổ sung nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo của ngành Kế toán [H9.09.02.06], [H1.01.02.01], [H1.01.02.02]. Nhờ đó, nguồn học liệu của Thư viện luôn được đổi mới đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu của GV và HV ngành Kế toán.

Bên cạnh đó, Thư viện cũng đề xuất các văn bản kế hoạch và dự án đầu tư, đề án cải tiến hàng năm nhằm đổi mới hoạt động, nâng cao hiệu suất phục vụ của Thư viện. Nhiều hạng mục đã sửa chữa nâng cấp khang trang hơn. Một số đầu sách cũ đã thanh lý và thay thế bổ sung thêm sách mới, hiện nay đang triển khai sửa chữa phòng đọc tạo ra không gian mở [H9.09.02.07].

Hàng năm, Thư viện tiến hành đánh giá mức độ đáp ứng của Thư viện về tài liệu và cơ sở vật chất phục vụ nhu cầu đào tạo thông qua việc khảo sát ý kiến nhằm đánh giá mức độ hài lòng của bạn đọc [H9.09.02.08]. Nhìn chung, kết quả khảo sát cho thấy GV, HV đều đồng ý rằng các đầu sách, báo và các tài liệu đáp ứng về cơ bản nhu cầu học tập, tham khảo của người học, quy trình mượn, trả sách và tài liệu khá rõ ràng, hợp lý, 90% bạn đọc đánh giá Thư viện có đủ không gian cho học tập và tra cứu tài liệu, đáp ứng đủ tài liệu.

2. Điểm mạnh

Thư viện của Trường ĐHQN có nguồn tài liệu phong phú, được bổ sung, cập nhật hàng năm, có nội dung, quy định, hướng dẫn được trang bị các thiết bị để phục vụ công tác đào tạo và NCKH của Nhà trường và ngành Kế toán.

Phần mềm quản lý thư viện giúp quản lý tốt hơn.

Hàng năm, Thư viện cũng tiến hành lấy ý kiến đánh giá của GV, HV và các bên liên quan về mức độ phù hợp của Thư viện nhằm xây dựng dữ liệu theo dõi về hoạt động của Thư viện.

3. Điểm tồn tại

Chưa có nhiều sự hợp tác liên kết với các thư viện khác; nguồn tài liệu, học liệu nước ngoài chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Phối hợp, liên hệ, ký kết hợp tác với các thư viện khác nhằm bổ sung hệ thống tài liệu. Xây dựng và triển khai kế hoạch mua sắm nguồn tài liệu, học liệu nước ngoài bổ sung hằng năm	Thư viện	Từ năm học 2022 – 2023	
2	Phát huy điểm mạnh 1	Tăng cường kiểm tra việc thực hiện các quy định, nội quy trong Thư viện. Xây dựng văn hóa Thư viện nhằm nâng cao hình ảnh thư viện.	Thư viện	Từ năm học 2022 – 2023	
3	Phát huy điểm mạnh 2	Tập huấn cho NH sử dụng các phần mềm, nguồn học liệu của Thư viện.	Thư viện	Từ năm học 2022 – 2023	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí là 4/7.

Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

Với các phòng thí nghiệm, thực hành được thiết kế, đầu tư thiết thực đã đáp ứng được yêu cầu đào tạo và nghiên cứu cho viên chức, sinh viên, HV, nghiên cứu sinh của Trường, cụ thể:

Nhà trường xây dựng một khu thí nghiệm, thực hành A6 và A7 cho NH của các khoa thuộc khối hóa, sinh học, vật lý... Bên cạnh đó, khu này còn phục vụ công tác nghiên cứu cho GV, HV và nghiên cứu sinh với 3 phòng nghiên cứu riêng được trang bị hiện đại, có hệ thống máy lạnh, đảm bảo điện, nước và wifi miễn phí. Các phòng thí nghiệm, thực hành Khu A6, A7 tạo ra một khu khép kín đảm bảo điều kiện tốt cho việc dạy học và nghiên cứu [H9.09.03.01].

Khu nhà Trung tâm Khảo thí với 16 phòng dành cho thi trắc nghiệm, 01 phòng giám sát, 01 phòng hội đồng được trang bị máy móc hiện đại, thoáng rộng, hệ thống máy lạnh, tivi, máy tính, wifi tốc độ cao phục vụ cho dạy học. Hệ thống camera hiện đại hỗ trợ giám sát quá trình dạy và học, giúp nâng cao tương tác trên lớp và chất lượng dạy học. Ngoài ra, phòng thực hành Giảng đường A4 được trang bị 50 dàn máy vi tính với các phần mềm tin học và các thiết bị bao gồm bàn, ghế, máy chiếu, đồ dùng dạy học và hệ thống quạt, điện, điều hòa đảm bảo cung cấp ánh sáng và nhiệt độ phù hợp đáp ứng tốt nhu cầu thực hành của sinh viên, HV [H9.09.03.01]. Tuy nhiên, phòng thực hành này chỉ phục vụ đối với sinh viên ngành Kế toán cho các học phần sử dụng phần mềm Kế toán của CTĐT đại học. Riêng đặc thù của trình độ đào tạo thạc sĩ Kế toán theo định hướng ứng dụng chủ yếu là nghiên cứu tìm hiểu nên chưa sử dụng phòng thực hành này.

Bên cạnh đó, Nhà trường đã đầu tư một hệ thống mạng truyền dẫn với tốc độ cao để phục vụ việc kết nối internet của NH và GV trong học tập và nghiên cứu [H9.09.03.02]. Thông qua đó, GV có thể trực tiếp giảng dạy cho HV dưới nhiều định dạng khác nhau thông qua hình thức kết nối internet. HV thì có thể dễ dàng tiếp cận, tra cứu và chia sẻ thông tin trong quá trình học tập, nghiên cứu và thảo luận tại lớp, tại Trường.

Hàng năm, Trường ĐHQN đều tổ chức thống kê và kiểm tra đối với các trang thiết bị phòng thí nghiệm, thực hành để tiến hành bảo trì, sửa chữa và nâng cấp [H9.09.03.03], [H9.09.01.01]. Mỗi phòng đều có nhân viên chuyên trách để theo dõi và quản lý việc sử dụng thiết bị. Có tài liệu hướng dẫn cũng như quy định của phòng thí nghiệm thực hành [H9.09.03.04]. Riêng đối với việc quản lý thiết bị tại các phòng học, Nhà trường đã cử các nhân viên phụ trách quản lý và cung cấp đầy đủ các trang thiết bị phòng học (sau khi có thời khóa biểu và phân công phòng học ở mỗi kỳ) [H9.09.03.05].

Đặc biệt, Nhà trường cùng bộ phận quản lý Phòng Cơ sở vật chất định kỳ tổng hợp về việc sử dụng trang thiết bị, Phòng thí nghiệm, thực hành. Có kế hoạch bảo trì cũng như đầu tư mua sắm, sửa chữa, cập nhật trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu [H9.09.03.06], [H9.09.01.02], [H9.09.01.03], [H9.09.01.04].

Ngoài ra, Nhà trường cũng luôn quan tâm đến công tác tổ chức kiểm tra, đánh giá hiệu quả sử dụng, triển khai khảo sát mức độ đáp ứng nhu cầu của HV, GV về trang thiết bị và chất lượng phục vụ của phòng thí nghiệm, thực hành. Từ đó, đưa ra

các giải pháp kịp thời và phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài sản [H9.09.03.07].

2. Điểm mạnh

Các phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp với hoạt động nghiên cứu, giảng dạy và học tập. Các phòng này luôn có người phụ trách thường xuyên, quá trình quản lý và đánh giá hiệu quả sử dụng các trang thiết bị luôn được cập nhật hàng năm để hỗ trợ hoạt động giáo dục và nghiên cứu.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường đã có phần mềm quản lý tài sản nhưng chưa có sự phân quyền để các khoa, phòng chức năng được tham gia quản lý tài sản của đơn vị mình.

Công tác bảo dưỡng, bảo trì trang thiết bị được Nhà trường quan tâm và thực hiện, tuy nhiên ở một số thời điểm chưa được kịp thời.

4. Kế hoạch hành động

T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Có kế hoạch dài hạn trong việc phân quyền phần mềm quản lý để các đơn vị có thể dễ dàng kiểm tra, quản lý và tiện theo dõi tài sản đơn vị của mình.	Trường ĐHQN	Trong 5 năm tới	
2	Khắc phục tồn tại 2	Tăng cường công tác bảo trì – bảo dưỡng, kịp thời phát hiện và sửa chữa các trang thiết bị bị hỏng.	Phòng Cơ sở vật chất	Từ năm học 2022-2023	
3	Phát huy điểm mạnh	Duy trì công tác đánh giá, nâng cấp cơ sở vật chất, bao gồm các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thực hành.	Phòng Cơ sở vật chất	Từ năm học 2022 – 2023	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí là 4/7.

Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHQN đã cung cấp đầy đủ hệ thống máy tính để phục vụ hoạt động đào tạo NH chủ yếu để thực hành việc xử lý dữ liệu, khai thác tư liệu tại Thư viện và hoạt động của các phòng ban. Hệ thống mạng truyền dẫn, các phần cứng, phần mềm và các đường truyền Internet được đầu tư hiện đại, phù hợp và ổn định. Các GV, chuyên viên trong Nhà trường đều trang bị email công vụ riêng để đảm bảo tính bảo mật. Ngoài ra, Nhà trường sử dụng các phần mềm có bản quyền; các phòng học đều có bảng tương tác, micro, loa để phục vụ cho công tác quản lý, giảng dạy, NCKH và học tập. Toàn bộ các cổng thông tin, hệ thống email, các phần mềm ứng dụng đều được bộ phận chuyên trách kiểm tra, bảo dưỡng, gia hạn sử dụng thường xuyên, đồng thời có hệ thống an ninh mạng đảm bảo. Năm 2022, Nhà trường đã đẩy mạnh chuyển đổi số, Nhà trường đã nâng cấp, trang bị mới hàng loạt các phần mềm: quản lý đào tạo sau đại học, Elearning, chống đạo văn, phần mềm thi trắc nghiệm, phòng studio,... [H9.09.04.01], [H9.09.01.01].

Nhà trường đã thành lập Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông có trách nhiệm duy trì hoạt động website của Nhà trường, là đầu mối tiếp nhận và xử lý các vấn đề kỹ thuật về đường truyền, mạng máy tính. Các nhân viên của Trung tâm được giao chức năng và nhiệm vụ rõ ràng để phụ trách hệ thống mạng, hệ thống máy tính, phần mềm,... với trình độ chuyên môn nghiệp vụ tốt giúp hệ thống hoạt động ngày càng hiệu quả. Việc phụ trách hệ thống thông tin được phân công, phân nhiệm rõ ràng để đảm bảo sự cố được xử lý ngay nếu xảy ra [H9.09.04.02]. Các vấn đề về hệ thống mạng Internet, wifi và các phần mềm cài đặt trên hệ thống máy chủ tại trường được theo dõi thường, liên tục và ghi chép cẩn thận [H9.09.04.03].

Hàng năm, Khoa và Nhà trường tổ chức lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về hệ thống công nghệ thông tin của Trường. Nội dung khảo sát này được lồng ghép trong các khảo sát như khảo sát về chất lượng ngành học, mức độ hài lòng về hoạt động hỗ trợ đào tạo, ý kiến về CTĐT,... Kết quả cho thấy về cơ bản GV, chuyên viên và NH hài lòng với hệ thống công nghệ thông tin của Nhà trường và đánh giá hệ thống công nghệ thông tin về cơ bản đáp ứng tốt các hoạt động học tập và nghiên cứu cũng như các hoạt động khác trong Trường [H9.09.04.04]. Ngay khi xảy ra đại dịch COVID-19, Trường ĐHQN đã nhanh chóng chuyển sang hình thức dạy và thi trực tuyến nhờ vào năng lực hệ thống thông tin tốt tại Trường.

2. Điểm mạnh

Hệ thống công nghệ thông tin về cơ bản đáp ứng được yêu cầu cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu của các ngành đào tạo nói chung và ngành Kế toán nói riêng, khi có sự cố được hỗ trợ, khắc phục tương đối kịp thời. Nhà trường có các hoạt động kiểm kê, định kỳ sửa chữa, bảo dưỡng đồng thời hoạt động đầu tư mới hiện đại hóa hệ thống công nghệ thông tin cũng được chú trọng.

Nhà trường đã thực hiện hoạt động thu thập và tổng hợp kết quả về ý kiến phản hồi của NH và các bên liên quan về mức độ đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu của hệ thống công nghệ thông tin.

3. Điểm tồn tại

Toàn Trường đã được phủ sóng wifi, tuy nhiên chất lượng wifi ở một số khu vực trong trường và trong một số thời điểm còn chưa tốt.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Nâng cấp chất lượng truy cập wifi ở một số khu vực còn yếu.	Trường ĐHQN	Từ năm học 2022 – 2023	
2	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục thực hiện các hoạt động kiểm kê, định kỳ sửa chữa, bảo dưỡng, đồng thời chú trọng hoạt động đầu tư mới hiện đại hóa hệ thống công nghệ thông tin.	Trường ĐHQN	Từ năm học 2022 – 2023	
3	Phát huy điểm mạnh 2	Tiếp tục thực hiện hoạt động thu thập và tổng hợp kết quả về ý kiến phản hồi của NH và các bên liên quan.	Trường ĐHQN	Từ năm học 2022 – 2023	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí là 5/7.

Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

1. Mô tả hiện trạng

Bên cạnh các quy định chung của Chính phủ, Bộ GD&ĐT, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Trường ĐHQN cũng đã ban hành các quy định về môi trường, sức khỏe, an toàn [H9.09.05.01].

Nhà trường đặc biệt quan tâm đến công tác an ninh, trật tự, phòng chống cháy nổ như tổ chức các hoạt động tuyên truyền, thành lập ban chỉ đạo và đội phòng cháy chữa cháy của Trường. Nhà trường đã phối hợp với Phòng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an tỉnh Bình Định tổ chức tập huấn, diễn tập các biện pháp ứng phó khẩn cấp với các tai nạn lao động, cháy nổ. Các thiết bị phòng cháy chữa cháy được Nhà trường trang bị đầy đủ và chất lượng. Nhà trường thường xuyên kiểm tra điều kiện đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm của các căn tin, nhà ăn theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế [H9.09.05.01], [H9.09.05.02]. Tổ y tế đáp ứng yêu cầu về y tế cơ bản trong Trường. Từ năm học 2018-2019, Nhà trường đã đầu tư hệ thống nước lọc phục vụ nước uống tinh khiết cho HV tại khu vực giảng đường, thư viện và kí túc xá. Nhà trường cũng có các văn bản hướng dẫn để xử lý các trường hợp dịch bệnh bất thường xảy ra hàng năm để bảo đảm sức khỏe, an toàn cho NH, viên chức và GV [H9.09.05.02]. Các văn bản triển khai công tác phòng chống dịch Covid 19 được triển khai nhanh chóng và kịp thời đến HV và CB, công nhân viên. Nhà trường cũng chủ động trong việc sản xuất nước sát khuẩn, máy đo thân nhiệt và sát khuẩn tự động. Các sản phẩm này không chỉ sử dụng trong Nhà trường mà còn cung cấp, hỗ trợ cho các cơ quan, đơn vị bên ngoài [H9.09.05.02]. Môi trường, cảnh quan của Trường ĐHQN luôn xanh, sạch, đẹp, và an toàn. Cây xanh, vườn hoa, thảm cỏ được trồng và chăm sóc chu đáo nhằm tạo không gian thoáng mát, trong lành. Nhà trường hợp đồng với doanh nghiệp để thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải, nước thải sinh hoạt trước khi thải ra môi trường, đặc biệt là chất thải nguy hại ở các khu thí nghiệm, thực hành; tiến hành quan trắc môi trường trong khu vực Trường, viết báo cáo giám sát và báo cáo quản lý chất thải nguy hại. Hằng năm, Nhà trường đều hợp đồng với Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Quy Nhơn tổ chức phun hóa chất diệt côn trùng, diệt muỗi trong phạm vi toàn Trường [H9.09.05.03]. An ninh, an toàn giao thông trật tự luôn được Nhà trường chú trọng. Lực lượng bảo vệ có nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn tài sản và con người trong Trường, trực bảo vệ 24/24 giờ trong tất cả các ngày, kể cả ngày lễ, Tết. Hằng năm, lực lượng này đều được tham gia tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ. Nhà trường đã phối hợp tốt với Công an phường Nguyễn Văn Cừ và các phường

lân cận trong công tác bảo đảm an ninh, trật tự tại khu vực Trường. Nhà trường đã nhận được khen thưởng của Công An tỉnh Bình Định về đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn trong Nhà trường **[H9.09.05.03]**.

Hàng năm, Nhà trường luôn tổ chức các buổi tổng kết, báo cáo tổng kết, sơ kết việc thực hiện các hoạt động liên quan đến môi trường, sức khỏe, an toàn trên các khía cạnh như an ninh trật tự ký túc xá, an toàn giao thông, công tác sức khỏe và an toàn cho NH, viên chức và GV **[H9.09.05.03]**. Định kỳ, Trường ĐHQN tiến hành khảo sát, thu thập các thông tin phản hồi của các bên liên quan về chất lượng môi trường, sức khỏe, an toàn để có các giải pháp hoàn thiện ngày càng tốt hơn **[H9.09.05.04]**.

2. Điểm mạnh

Quy định các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn do Trường ĐHQN ban hành theo quy định hiện hành đầy đủ, rõ ràng, phù hợp.

Nhà trường luôn quan tâm đến công tác môi trường, sức khỏe, an toàn; xử lý kịp thời và an toàn các tình huống khẩn cấp.

3. Điểm tồn tại

Tập huấn, diễn tập các biện pháp ứng phó khẩn cấp với các tai nạn lao động, phòng cháy chữa cháy, ngộ độc thực phẩm cho đội phòng chống cháy nổ thường xuyên được thực hiện, nhưng đối với toàn thể viên chức của Nhà trường thì chưa được triển khai thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng và triển khai kế hoạch tập huấn, diễn tập các biện pháp ứng phó khẩn cấp với các tai nạn lao động, cháy nổ, phòng cháy chữa cháy, ngộ độc thực phẩm cho viên chức toàn Trường hằng năm.	Phòng Hành chính – Tổng hợp	Từ năm học 2022 – 2023	
2	Phát huy điểm mạnh	Xây dựng và triển khai kế hoạch giám sát, đánh giá	Phòng Hành	Từ năm học 2022 –	

		việc thực hiện các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn.	chính – Tổng hợp	2023	
--	--	---	------------------	------	--

5. *Tự đánh giá*: Mức đạt được của tiêu chí là 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 9

Khoa KT&KT, Phòng Đào tạo SDH đã được Nhà trường quan tâm tạo điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động giảng dạy và nghiên cứu của ngành Kế toán. Hệ thống phòng học, phòng làm việc, phòng chức năng của Nhà trường hoàn toàn phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của ngành Kế toán; Thư viện của Nhà trường có đủ giáo trình, tài liệu tham khảo, đặc biệt là nguồn tài liệu tiếng nước ngoài; Hệ thống công nghệ thông tin hiện đại hỗ trợ tốt các nhu cầu học tập, giảng dạy và NCKH; Các phòng thực hành tin học với các trang thiết bị phù hợp đã hỗ trợ tốt cho công tác đào tạo và nghiên cứu; Nhà trường có nhà luyện tập thể dục, thể thao và các sân bóng đá, bóng chuyền, bóng rổ, thuận lợi cho viên chức, GV và HV rèn luyện sức khỏe; Các chính sách và quy định về bảo vệ an toàn, sức khỏe và môi trường được xây dựng, triển khai tạo môi trường tốt nhất cho viên chức, GV và HV làm việc, học tập và nghiên cứu.

Tuy nhiên, bên cạnh đó Nhà trường cần khắc phục một số hạn chế về cách quản lý của Thư viện chưa được hiện đại hóa. Thư viện chưa có hệ thống mượn - trả tài liệu tự động; nguồn tài liệu nước ngoài chưa được cập nhập nhanh. Một số máy tính, thiết bị, phần mềm hỗ trợ hoạt động dạy và học đã cũ cần được bảo dưỡng, nâng cấp, thay mới kịp thời để phục vụ tốt hơn. Ngoài ra, tại một số khu vực, chất lượng wifi vẫn còn yếu; đề án dạy học trực tuyến đã được Nhà trường triển khai nhưng vẫn chưa hoàn thành. Công tác lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về môi trường, sức khỏe, cảnh quan, an toàn còn chưa đầy đủ. Cho đến nay, trong thực tế đào tạo trình độ ThS, mặc dù hầu hết HV cao học không bị khuyết tật, nhưng Nhà trường cũng chưa lưu ý để đáp ứng kịp thời nhu cầu đặc thù của người khuyết tật nếu có.

Trong thời gian tới, Khoa KT&KT phối hợp với các phòng chức năng của Nhà trường tiếp tục rà soát, bổ sung, nâng cấp và thay thế số máy tính cấu hình thấp và sửa chữa thiết bị kịp thời phục vụ tốt cho hoạt động giảng dạy và nghiên cứu. Vận dụng các biện pháp nhằm khai thác, sử dụng có hiệu quả hệ thống công nghệ thông tin trong công tác đào tạo và nghiên cứu. Đề nghị Nhà trường triển khai xây dựng dự án thư viện điện tử, phát triển kho tài nguyên số, kết hợp với thường xuyên bổ sung nguồn sách, giáo trình, tài liệu tham khảo, báo, tạp chí để đáp ứng nhu cầu đào tạo và NCKH

của Nhà trường nói chung và ngành Kế toán nói riêng. Ngoài ra, Nhà trường cần đảm bảo chất lượng wifi tại một số khu vực nhất định để tránh ảnh hưởng đến công tác dạy và học; chú ý hơn đến lấy phản hồi các bên liên quan về môi trường, an toàn, sức khỏe và các chính sách liên quan đến người khuyết tật.

Tự đánh giá theo 5 tiêu chí của tiêu chuẩn này, ngành Kế toán đã đạt yêu cầu 5/5 tiêu chí trong đó 2 tiêu chí đạt 4/7 điểm, 03 tiêu chí đạt 5/7 điểm.

Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng.

Mở đầu

Việc nâng cao chất lượng giáo dục là yếu tố quan trọng quyết định đến sự phát triển của trường đại học. Do vậy, nhiều năm qua, Trường ĐHQN nói chung và Khoa KT&KT nói riêng đều rất chú trọng đến việc nâng cao CLĐT. Công tác nâng cao chất lượng được thực hiện chặt chẽ và có hệ thống. Dựa trên các quy định do Bộ GD&ĐT và Trường ĐHQN ban hành, kết hợp với việc tiếp nhận thông tin phản hồi của các bên có liên quan (GV, HV, cựu HV, nhà tuyển dụng), Nhà trường và Khoa KT&KT đã thường xuyên rà soát, cập nhật, cải tiến, phát triển CTĐT nhằm nâng cao chất lượng dạy và học. Bên cạnh đó, Trường và Khoa còn áp dụng các kết quả NCKH để cải tiến việc dạy và học cũng như đáp ứng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích để đáp ứng tốt hơn nhu cầu của NH và xã hội.

Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học.

1. Mô tả hiện trạng

Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan bao gồm nhà sử dụng lao động, HV, cựu HV, GV, chuyên gia cùng chuyên ngành và cán bộ quản lý được Khoa KT&KT và Trường ĐHQN sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTDH ngành Kế toán trình độ ThS. CTDH ThS ngành Kế toán được thiết kế và liên tục cập nhật, điều chỉnh nhằm nâng cao CLĐT và đáp ứng nhu cầu xã hội. Việc thiết kế và phát triển CTDH dựa trên các quy định, hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và các quy định của Trường ĐHQN [H1.01.01.04] [H1.01.01.05], [H1.01.01.06]. Để quá trình thiết kế và phát triển CTDH ngành kế toán bậc ThS diễn ra thuận lợi, Nhà trường đã ban hành quy định và các kế hoạch, thông báo về việc thu thập, lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan để đảm bảo chất lượng giáo dục cũng như cải tiến chất lượng CTDH [H1.01.01.07], [H1.01.01.08].

Trước hết, Khoa KT&KT đã chủ động thu thập ý kiến phản hồi và nhu cầu của

các bên liên quan gồm các chuyên gia, nhà tuyển dụng và cựu HV thông qua khảo sát trực tiếp, khảo sát online bằng đường link Google Form kết hợp với tổ chức Hội nghị với các bên liên quan [H1.01.01.10], [H10.10.01.01]. Tiếp đó, trong quá trình dạy học, Nhà trường còn tiếp tục thực hiện việc lấy ý kiến của HV về hoạt động giảng dạy và lấy ý kiến của HV năm cuối về chất lượng ngành học, các kết quả thu thập từ phản hồi được xử lý và tổng hợp trong các báo cáo về ý kiến phản hồi [H1.01.01.09]. Ngoài ra, Khoa KT&KT cũng đã tiến hành xây dựng, điều chỉnh và phát triển CTDH dựa trên việc so sánh với các CTĐT trong nước và thế giới, so sánh CTĐT qua các năm [H1.01.01.13].

Các thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan đã được Khoa KT&KT sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTDH ngành Kế toán trình độ ThS thông qua các buổi họp Hội đồng khoa [H1.01.01.11], [H1.01.02.01], [H1.01.02.02]. Bên cạnh đó, Trường ĐHQN và Khoa KT&KT còn thường xuyên cử CB, GV tham gia các khóa học bồi dưỡng ngắn hạn và dài hạn, tham dự các chương trình tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn cho GV góp phần nâng cao chất lượng hoạt động giảng dạy [H6.06.01.04]. Hơn nữa, Khoa KT&KT cũng đã xây dựng được mạng lưới liên kết cựu HV thông qua nhiều hình thức khác nhau như: internet (website, facebook,...), các buổi lễ kỷ niệm thành lập Khoa và Trường, hay các mối quan hệ xã hội khác như ký kết các biên bản thỏa thuận hợp tác với các tổ chức khác nhằm nắm bắt thông tin và nhu cầu của các bên liên quan về CTDH [H10.10.01.02]. Vào cuối mỗi năm học, Khoa KT&KT cũng tổ chức các cuộc họp tổng kết hoạt động và xây dựng phương hướng hoạt động trong năm học kế tiếp, từ đó làm cơ sở cho việc tìm kiếm, xác định những giải pháp phát triển CTDH đáp ứng nhu cầu của xã hội hiện nay [H10.10.01.03].

2. Điểm mạnh

Hiện nay, Nhà trường đã sử dụng được nhiều hình thức thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan nên việc thu thập thông tin được thuận lợi hơn. Trên cơ sở đó, Nhà trường đã sử dụng những kết quả khảo sát của các bên liên quan để thiết kế và phát triển CTDH phù hợp hơn.

3. Điểm tồn tại

Quá trình thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan để thiết kế và phát triển CTDH chưa được đa dạng về đối tượng khảo sát.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Định kỳ thực hiện thu thập thêm thông tin phản hồi và nhu cầu từ các bên liên quan khác như các cơ quan ban hành chính sách ở địa phương và trung ương. Dựa vào các thông tin này sẽ giúp cho Khoa thiết kế và phát triển CTDH phù hợp hơn với yêu cầu thực tiễn.	Phòng Đào tạo SDH, Khoa KT&KT	Từ năm học 2022 – 2023	
2	Phát huy điểm mạnh	Định kỳ thu thập đa dạng nguồn thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan. Đồng thời, tiếp tục sử dụng những thông tin này để thiết kế và phát triển CTDH phù hợp hơn.	Trường ĐHQN	Từ năm học 2022 – 2023	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí là 5/7.

Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển CTDH được thiết lập, đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả hiện trạng

Việc thiết kế và phát triển CTDH của ngành Kế toán trình độ ThS tại Trường ĐHQN được thiết lập đảm bảo đúng theo quy trình, quy định của Bộ GD&ĐT và các quy định của Trường ĐHQN [H1.01.01.04], [H1.01.01.05]. Cụ thể, CTDH ngành Kế toán trình độ ThS được thiết kế và phát triển theo xu hướng và cách tiếp cận phát triển giáo dục hướng đến CĐR - Outcomes-based Education (OBE) với nguyên lý nhấn mạnh vai trò trung tâm của CĐR và mối liên kết giữa các thành phần của CTDH. Dạy học theo cách tiếp cận phát triển năng lực đầu ra là hướng vào hình thành ở NH hệ thống năng lực đáp ứng chuẩn nghề nghiệp theo yêu cầu của vị trí việc làm và xã hội thông qua CĐR. Đây là một giải pháp nâng cao CLĐT đáp ứng yêu cầu xã hội trên cơ

sở xác định CĐR để thiết kế chương trình và phương pháp đào tạo theo một quy trình khoa học. Trên cơ sở các văn bản hướng dẫn về quy trình thiết kế và phát triển CTĐT của Bộ GD&ĐT và Trường ĐHQN, đồng thời tiếp thu ý kiến các bên liên quan, Khoa KT&KT xác định CĐR của CTĐT ngành Kế toán trình độ ThS, thiết kế CTĐT dựa trên CĐR, từ đó, thiết kế CTDH phù hợp với mục tiêu đào tạo [H10.10.02.01].

Việc thiết kế và phát triển CTDH ngành Kế toán trình độ ThS tại Trường ĐHQN được rà soát, đánh giá định kỳ theo kế hoạch [H1.01.01.06]. Trong mỗi lần rà soát, đánh giá quy trình thiết kế và phát triển CTDH, Khoa đều mời các bên liên quan bao gồm HV, cựu HV, nhà sử dụng lao động, GV, chuyên gia tham gia vào thảo luận, góp ý nhằm đảm bảo CLĐT, đáp ứng tốt kết quả học tập mong đợi của HV và đáp ứng yêu cầu của xã hội [H1.01.01.07], [H1.01.01.08]. Kết quả khảo sát HV về hoạt động giảng dạy của GV trong những năm qua cho thấy phần lớn HV của Khoa KT&KT đều hài lòng về CTDH cũng như sự đổi mới liên tục về CTDH đã đáp ứng kịp thời với nhu cầu xã hội [H1.01.01.09], [H1.01.01.10]. Các ý kiến phản hồi của HV năm cuối về CTĐT và các học phần cũng là cơ sở quan trọng cho việc điều chỉnh và đánh giá tính hiệu quả của CTDH [H1.01.01.09], [H1.01.01.10]. Hơn nữa, việc thiết kế và phát triển CTDH luôn có sự đối sánh với các trường đại học trong và ngoài nước có uy tín, cũng như đối sánh giữa các năm [H1.01.01.13].

Như vậy, căn cứ vào kế hoạch đảm bảo chất lượng hàng năm, kết quả khảo sát ý kiến của các bên liên quan, báo cáo tự đánh giá của Trường ĐHQN, CLĐT thực tế, Hội đồng khoa học của Khoa KT&KT sẽ tiến hành họp và thảo luận để thống nhất điều chỉnh, cập nhật và cải tiến quy trình thiết kế và phát triển CTDH phù hợp hơn với yêu cầu thực tiễn [H10.10.02.02], [H1.01.01.11]. Theo văn bản hướng dẫn của Nhà trường, Khoa tiến hành biên soạn các đề cương chi tiết cụ thể từng học phần, yêu cầu các GV tham gia giảng dạy biên soạn bài giảng, sách tham khảo hoặc giáo trình đáp ứng yêu cầu CĐR của CTĐT ngành kế toán bậc ThS [H1.01.02.01], [H1.01.02.02]. Theo quy định chung và thông báo về biên soạn giáo trình phục vụ đào tạo của Nhà trường, Khoa tiến hành thông báo đến các GV. Sau khi GV đăng ký viết sách tham khảo hoặc giáo trình phù hợp với CĐR vừa cập nhật để phục vụ việc học tập của HV, Khoa lập danh sách đề nghị gửi phòng chức năng [H10.10.02.03]. Trước diễn biến phức tạp của dịch bệnh COVID-19 cũng như yêu cầu thực tiễn, theo kiến nghị từ HV và GV, Nhà trường cũng linh hoạt thay đổi hình thức giảng dạy, hình thức thi kết thúc học phần và hình thức bảo vệ cho HV từ trực tiếp sang trực tuyến [H10.10.02.04]. Đồng thời, với mong muốn ngày càng gia tăng chất lượng, uy tín đào tạo, Nhà trường đã ban hành quy định về kiểm soát đạo văn để nâng cao CLĐT hệ cao học ngành Kế toán nói riêng và các ngành khác nói chung [H10.10.02.05]. Bên cạnh đó, căn cứ nhu

cầu phát triển nguồn nhân lực ở địa phương, Nhà trường cũng đang xem xét mở ngành đào tạo Kế toán bậc TS trong thời gian tới [H10.10.02.06].

2. Điểm mạnh

CTDH ngành Kế toán bậc ThS tại Trường ĐHQN được thiết lập, thực hiện đúng quy trình, quy định, luôn được rà soát, đánh giá và cải tiến theo định kỳ dựa trên cơ sở khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan.

3. Điểm tồn tại

Quá trình khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về quy trình thiết kế, phát triển CTDH chưa được đa dạng về đối tượng khảo sát.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Định kỳ thực hiện khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ các cơ quan ban hành chính sách về quy trình thiết kế, phát triển CTDH. Dựa vào các thông tin này, sẽ giúp cho Khoa cải tiến quy trình thiết kế và phát triển CTDH phù hợp với yêu cầu thực tiễn.	Phòng Đào tạo SDH, Khoa KT&KT	Từ năm học 2022 – 2023	
2	Phát huy điểm mạnh	Định kỳ thực hiện việc rà soát, đánh giá và cải tiến quy trình thiết kế và phát triển CTDH.	Trường ĐHQN	Từ năm học 2022 – 2023	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra.

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHQN đã ban hành các quy định, hướng dẫn rà soát, đánh giá quá trình dạy học và kiểm tra đánh giá kết quả học tập của HV thông qua các quy định về đào tạo ThS [H1.01.01.05], [H5.05.02.02]. Việc dạy học tại trường được thực hiện theo kế

hoạch của từng năm học. Trường ban hành kế hoạch đào tạo bậc cao học vào đầu năm học và gửi kế hoạch đào tạo chung đến các Khoa và các HV. Trên cơ sở kế hoạch năm học, Phòng Đào tạo SDH xây dựng kế hoạch học tập cho từng lớp và gửi cho Khoa cũng như cho GV và HV **[H3.03.02.02]**. Phương pháp đánh giá kết quả học tập được quy định rất cụ thể trong từng đề cương học phần phù hợp với với CDR **[H1.01.02.01]**, **[H1.01.02.02]**. Các đề cương học phần đều được cập nhật 2 năm một lần cùng với CTĐT **[H1.01.01.12]**. Để đánh giá kết quả học tập NH, Nhà trường xây dựng kế hoạch tổ chức thi học kỳ vào cuối mỗi kỳ học. Đánh giá kết quả học tập được tiến hành nghiêm túc từ khâu ra đề, tổ chức thi, chấm thi theo biểu mẫu quy định của Trường **[H5.05.01.08]**. Kết thúc mỗi kỳ thi, Khoa KT&KT tiến hành tổng kết kết quả thi của HV, phân tích, đánh giá đề thi để điều chỉnh đề thi nhằm cải tiến chất lượng công tác đánh giá kết quả học tập phù hợp hơn với HV và tương thích với CDR của học phần và CTĐT **[H5.05.03.03]**.

Để đảm bảo sự tương thích giữa quá trình dạy học, đánh giá kết quả học tập, thi vấn đề thanh tra, kiểm tra công tác dạy và học, thi kết thúc học phần đều được quan tâm. Vào đầu mỗi năm học Nhà trường đều lên kế hoạch thanh tra năm học nêu rõ trách nhiệm giữa các phòng chức năng và Khoa. Cuối mỗi năm học, Trường thực hiện báo cáo thanh tra năm học nhằm phát hiện các vấn đề còn tồn tại, từ đó hoàn thiện các biện pháp cải tiến trong năm học tiếp theo **[H10.10.03.01]**.

Trường ĐHQN tiến hành thu thập dữ liệu phản hồi của các bên liên quan về quá trình dạy – học và kết quả học tập thông qua việc khảo sát NH. Việc khảo sát này nhằm đánh giá lại quá trình dạy và học của GV và HV để từ đó có sự điều chỉnh nhằm đảm bảo phù hợp với CDR cũng như nâng cao chất lượng giảng dạy. Nhà trường khảo sát HV thông qua google form. Tuy nhiên, bắt đầu từ năm học 2021-2022 Nhà trường đã sử dụng phần mềm khảo sát E-survey để thực hiện việc khảo sát HV được nhanh chóng và dễ dàng hơn. Dựa trên các phiếu khảo sát thu về, Nhà trường lập báo cáo kết quả phản hồi của HV **[H1.01.01.07]**, **[H1.01.01.09]**.

Nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập, toàn thể GV trong Khoa tập trung nâng cao, đổi mới phương pháp giảng dạy, học tập, NCKH,... Toàn thể GV nỗ lực học tập, đổi mới phương pháp giảng dạy, tổ chức seminar thường xuyên để cải tiến chất lượng giảng dạy **[H10.10.03.02]**. Bên cạnh đó Khoa KT&KT cũng thường xuyên cử cán bộ tham dự các hội thảo khoa học, chủ trì các đề tài khoa học các cấp cũng như chủ trì hội thảo khoa học cấp quốc gia và đồng tổ chức với nhiều đơn vị có uy tín chuyên môn trong cả nước để các GV tăng cường kiến thức chuyên môn nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy **[H10.10.03.03]**. Các hoạt động diễn ra liên quan đến quá

trình dạy học và đánh giá kết quả học tập của NH của Khoa đều gắn liền với kế hoạch đảm bảo chất lượng giáo dục do Trường ban hành [H10.10.02.02].

2. Điểm mạnh

Quy trình kiểm tra đánh giá được thiết kế và tổ chức thực hiện có hệ thống, đồng bộ, chặt chẽ, nghiêm túc và được rà soát.

Phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá được thể hiện cụ thể trong đề cương các học phần và phù hợp với CDR được quy định trong từng học phần.

Khoa KT&KT cũng thường xuyên tổ chức các sermina nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến HV về hoạt động giảng dạy của GV vẫn còn nhiều hạn chế, số lượng HV phản hồi không nhiều dẫn đến việc sử dụng ý kiến của HV để cải tiến, rà soát phương pháp giảng dạy, đánh giá của GV chưa mang lại hiệu quả

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Triển khai lấy ý kiến phản hồi của HV về hoạt động dạy và học qua nhiều kênh, đa dạng và có hệ thống hơn.	Phòng Đào tạo SDH, Khoa KT&KT, Phòng Khảo thí & Bảo đảm chất lượng	Từ năm học 2022 – 2023	
2	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên rà soát, cải tiến phương pháp giảng dạy, đánh giá. Thường xuyên cập nhật phương pháp giảng dạy, đánh giá trong đề cương các học phần đảm bảo	Trường ĐHQN, Khoa KT&KT,	Từ năm học 2022 – 2023	

		phù hợp với CDR.			
--	--	------------------	--	--	--

5. *Tự đánh giá:* Mức đạt được của tiêu chí là 5/7.

Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học.

1. *Mô tả hiện trạng*

Hoạt động giảng dạy và NCKH luôn song hành với nhau, NCKH tạo tiền đề để nâng cao hiệu quả của hoạt động dạy và học. Nhận thức được tầm quan trọng đó, Nhà Trường đã xây dựng Đề án nâng cao CLĐT và NCKH đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đào tạo 2015 - 2020, xây dựng Kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐHQN giai đoạn 2016 - 2020, tầm nhìn 2030 và đã ban hành văn bản Quy định “Thời gian làm việc, giờ chuẩn giảng dạy và NCKH của GV Trường ĐHQN” [H1.01.01.02], [H6.06.02.02], [H10.10.04.01]. Cụ thể, Nhà trường khuyến khích và tạo điều kiện cho GV đặc biệt là GV trẻ chủ trì đề tài các cấp, tham gia hợp tác NCKH. Nhiều GV là chủ nhiệm đề tài NCKH cấp Bộ, đề tài NCKH cấp Trường,... [H6.06.07.06]. Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021, Khoa đã thực hiện 2 đề tài KH&CN cấp Bộ và 23 đề tài KH&CN cấp Trường được trình bày tại Bảng 10.4.1.

Bảng 10.4.1. Thống kê số lượng các loại hình NCKH của GV giai đoạn 2016-2021

TT	Loại hình NCKH	Số lượng đề tài NCKH					
		2016	2017	2018	2019	2020	2021
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Đề tài KH&CN các cấp	7	8	8	7	10	19
2	Sách	1	5	2	10	7	1
3	Bài báo trên tạp chí	25	27	36	33	18	67
4	Bài viết trong kỷ yếu hội thảo	58	56	47	32	2	23
5	Seminar	5	0	13	8	11	9

(Nguồn: Thống kê từ số liệu của Phòng Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế)

Các đề tài NCKH cấp Bộ đều gắn liền với sản phẩm đào tạo, mỗi đề tài hỗ trợ đào tạo ít nhất 01 ThS hoặc 01 nghiên cứu sinh. Các đề tài NCKH cấp Trường được triển khai nhằm phục vụ trực tiếp cho công tác đào tạo của Nhà trường. Nội dung các đề tài NCKH đều bám sát với CTĐT của ngành Kế toán và được sử dụng làm tài liệu học tập, giảng dạy, tài liệu tham khảo học tập, NCKH cho GV và HV trong Khoa [H6.06.02.05]. Nhờ đó, các kết quả NCKH được sử dụng trong việc cải tiến việc dạy và học.

Bên cạnh việc thực hiện đề tài NCKH, GV của Khoa còn thường xuyên công bố bài báo khoa học trên các tạp chí trong nước và quốc tế, đặc biệt nhiều GV có công bố trong các tạp chí thuộc danh mục ISI và Scopus có uy tín. So với quy định chung về giờ chuẩn NCKH của Trường và của Bộ GD&ĐT thì số lượng và chất lượng công bố khoa học của GV trong Khoa khá cao. Đồng thời, hoạt động NCKH còn hỗ trợ đắc lực cho các GV trong Khoa nâng cao kiến thức, tăng cường bổ sung biên soạn bài giảng, giáo trình, sách chuyên khảo,... phục vụ cải tiến hoạt động dạy và học [H6.06.02.05], [H6.06.06.01], [H6.06.06.02].

Trong nhiều kết quả NCKH của GV, có một số kết quả NCKH được chuyển tải thành các chuyên đề giảng dạy cho HV cao học [H10.10.04.02]. Nhờ đó, kiến thức thực tiễn của HV ngày càng được cải thiện đáng kể, giúp HV đáp ứng tốt hơn các yêu cầu công việc trong lĩnh vực kế toán.

Khoa KT&KT coi trọng việc đào tạo kỹ năng nghiên cứu cho HV. Cùng với đó, GV của Khoa còn tích cực khuyến khích và tạo điều kiện để NH tham gia hoạt động NCKH thông qua việc hướng dẫn HV thực hiện NCKH. Số lượng HV tham gia hoạt động NCKH ngày càng tăng. Thống kê thành tích HV NCKH ngành Kế toán trong 5 năm học gần đây được trình bày ở Bảng 10.4.2 [H4.04.03.09].

Bảng 10.4.2. Thống kê thành tích HV NCKH ngành Kế toán trong 5 năm

Hoạt động NCKH HV		2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	Tổng
Bài báo khoa học	Tạp chí	3	1	1	4	2	11
	Hội thảo	0	0	0	0	0	0

(Nguồn: Thống kê từ số liệu của Phòng Đào tạo SDH)

Ngoài ra, Khoa đã tham gia tổ chức thành công các hội nghị, hội thảo chuyên ngành về Kế toán. Khoa cũng thực hiện ký kết các biên bản hợp tác với các đơn vị về

tăng cường trao đổi nâng cao năng lực giảng dạy cho đội ngũ GV và năng lực học, kỹ năng cho HV [H10.10.04.03] được trình bày ở bảng 10.4.3.

Bảng 10.4.3. Bảng thống kê số lượng GV đào tạo trình độ ThS ngành Kế toán

Khóa học	Số lượng GV	GV cơ hữu	GV thỉnh giảng	Trình độ, học vị, chức danh		
				Giáo sư	Phó giáo sư	Tiến sĩ
Khóa 18 (2015-2017)	33	9	24	4	15	14
Khóa 19 (2016-2018)	35	10	15	5	19	11
Khóa 20 (2017-2019)	33	11	22	3	18	12
Khóa 21 (5/2018-2020)	27	9	18	2	14	11
Khóa 21 (9/2018-2020)	32	16	16	2	10	20
Khóa 22 (5/2019-2021)	29	16	13	2	10	17

(Nguồn: Thống kê từ Phòng Đào tạo SDH)

2. Điểm mạnh

Khoa KT&KT có phong trào NCKH tương đối mạnh, huy động được sự tham gia của hầu hết GV trong Khoa và một số HV. Phần lớn các kết quả NCKH đều gắn kết chặt chẽ với công việc phục vụ đào tạo và cộng đồng.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù các NCKH của GV nhiều nhưng chỉ có một số ít kết quả NCKH được chuyển tải thành nội dung giảng dạy cho HV.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Chú trọng các nghiên cứu liên quan đến phục vụ đào tạo và chuyển tải nội dung nghiên cứu vào các chuyên đề giảng dạy cho hệ đào tạo ThS.	Khoa KT&KT	Từ năm học 2022 – 2023	
2	Phát huy điểm	Tiếp tục đăng ký đề tài	Khoa	Từ năm	

	mạnh	NCKH các cấp, duy trì số lượng và chất lượng bài báo khoa học trên các tạp chí uy tín. Tập trung phát triển một số bài giảng thành giáo trình để phục vụ nhu cầu của NH. Xây dựng kế hoạch biên dịch tài liệu nước ngoài sang tiếng Việt nhằm tăng thêm nguồn học liệu cho NH.	KT&KT	học 2022 – 2023	
--	------	--	-------	-----------------	--

5. *Tự đánh giá*: Mức đạt được của tiêu chí là 5/7.

Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.

1. *Mô tả hiện trạng*

Nhà trường có văn bản hướng dẫn cụ thể về công tác đảm bảo chất lượng trong đó có liên quan đến nâng cao chất lượng dịch vụ hỗ trợ và tiện ích cho GV và HV, **[H10.10.02.02]**.

Nhà trường ban hành quy định để các đơn vị chức năng triển khai đánh giá mức độ đáp ứng của các dịch vụ hỗ trợ bằng nhiều hình thức lấy ý kiến qua các kênh khảo sát **[H4.04.02.03]**, **[H7.07.01.08]**, **[H10.10.05.01]**. Qua đó, Nhà trường đã thu thập được thông tin đề xuất, phản ánh xác đáng liên quan đến chất lượng dịch vụ hỗ trợ và tiện ích. Kết quả lấy ý kiến trong những năm gần đây cho thấy HV, GV có xu hướng đánh giá tích cực về điều kiện cơ sở vật chất cũng như các hoạt động, dịch vụ tiện ích hỗ trợ học tập và NCKH **[H8.08.05.04]**.

Dựa trên kết quả khảo sát ý kiến, Nhà trường và các phòng chức năng thực hiện cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của Thư viện, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác. Hàng năm, Nhà trường tổ chức kiểm kê tài sản nhằm thống kê lại cơ sở vật chất của năm học trước và có định hướng sửa chữa, cải tiến cho năm học tiếp theo. Việc này được Nhà trường và Khoa tổ chức thực hiện hàng năm nhằm đánh giá một cách tổng quát chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích cho việc giảng dạy và học tập. Hàng năm Khoa đều làm tờ trình đề nghị mua trang thiết bị hỗ trợ công tác giảng dạy và học tập **[H9.09.01.03]**, **[H10.10.05.02]**. Nhà trường thường xuyên cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ, tiện ích tại Thư viện như triển khai mua phần mềm,

bổ sung giáo trình, tài liệu tham khảo, cải tiến chất lượng dịch vụ. Thư viện thường xuyên khảo sát lấy ý kiến bạn đọc để liên tục cải tiến chất lượng. Để nâng cao chất lượng giảng dạy, Khoa thường xuyên rà soát và kiến nghị Nhà trường bổ sung giáo trình, tài liệu đáp ứng CTĐT của Khoa. Nhà trường tích cực triển khai lắp đặt hệ thống wifi cho ký túc xá, ký hợp đồng với Công ty PSC nâng cấp và hoàn thiện phần mềm Cổng thông tin điện tử, phần mềm đồng bộ dữ liệu E-Learning, phần mềm Tạp chí Khoa học online, phần mềm quản trị nhân sự và phần mềm kế toán thù lao giảng dạy, triển khai việc lắp đặt thêm máy lọc nước sạch tại các giảng đường, Nhà luyện tập thể dục thể thao, Trạm y tế, Thư viện, camera an ninh [H10.10.05.03], [H10.10.05.04], [H10.10.05.05], [H10.10.05.06], [H10.10.05.07]. Nhà trường nâng cấp hệ thống giảng đường, phòng máy tính, phòng lab học ngoại ngữ, phòng thí nghiệm, thực hành, thư viện và nhà luyện tập thể dục thể thao với trang thiết bị hiện đại, đồng bộ, đủ đáp ứng cho hoạt động giảng dạy, học tập và NCKH; có hệ thống phòng làm việc đáp ứng cho các đơn vị chức năng, Khoa và Bộ môn [H8.08.05.01].

Ngoài ra, Nhà trường quan tâm chăm sóc sức khỏe của HV với phòng y tế luôn có nhân viên túc trực để hỗ trợ trong giờ hành chính và cả cuối tuần. Các văn bản triển khai công tác phòng chống dịch COVID-19 được triển khai nhanh chóng và kịp thời đến toàn bộ GV, HV, cán bộ và nhân viên [H9.09.05.02]. Nhà trường còn tổ chức đầu thầu bộ phận giữ xe có ứng dụng công nghệ thông tin trong việc theo dõi xe ra, vào nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ phục vụ cho GV và HV [H10.10.05.08].

2. Điểm mạnh

Nhà trường và Khoa thực hiện đánh giá và cải tiến liên tục nhằm nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại Thư viện, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo và nghiên cứu cho GV và HV.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa bố trí khu kí túc xá dành riêng cho HV ở xa có nhu cầu.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Nhà trường lên kế hoạch bố trí khu kí túc xá dành riêng cho HV.	Trường ĐHQN và các đơn vị thuộc	Từ năm học 2022-2023	

			Trường		
2	Phát huy điểm mạnh	Nhà trường tiếp tục nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích như: Phát triển thư viện điện tử để HV và GV có thể tiếp cận nguồn tài liệu nước ngoài, duy tu bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên cơ sở vật chất đáp ứng các nhu cầu để nâng cao CLĐT.	Trường ĐHQN và các đơn vị thuộc Trường	Từ năm học 2022-2023	

5. *Tự đánh giá*: Mức đạt được của tiêu chí là 5/7.

Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.

1. *Mô tả hiện trạng*

Tại Trường ĐHQN, cơ chế phản hồi của các bên liên quan được thực hiện mang tính hệ thống. Trong đó, Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng, Phòng Đào tạo SDH và Khoa quản lý chuyên ngành đào tạo là những đơn vị chịu trách nhiệm chính về việc tổ chức, triển khai lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan [H8.08.03.08]. Dựa vào các văn bản hướng dẫn và quyết định về việc lấy ý kiến phản hồi từ NH về hoạt động giảng dạy của GV của Bộ GD&ĐT, Nhà trường đã ban hành và bổ sung các quyết định về việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan tại Trường ĐHQN nhằm đảm bảo việc thu thập thông tin phản hồi mang tính hệ thống, đáp ứng mục tiêu, yêu cầu của đào tạo [H10.10.06.01]. Quy trình lấy ý kiến phản hồi trong các văn bản được quy định rất chặt chẽ, có hệ thống bao gồm lập kế hoạch khảo sát; phê duyệt kế hoạch khảo sát; tổ chức khảo sát; thu thập, xử lý thông tin phản hồi; báo cáo kết quả khảo sát đến các bên liên quan; lập kế hoạch và thực hiện cải tiến chất lượng; lưu trữ các văn bản và dữ liệu khảo sát. Hiện nay, việc khảo sát HV thường được thực hiện thông qua việc phát các phiếu hỏi, khảo sát online qua Google form [H10.10.06.02]. Hình thức khảo sát này giúp việc tiếp nhận ý kiến của các bên liên quan dễ dàng và có độ tin cậy cao.

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan luôn được Trường quan tâm, đánh giá, xem xét. Hằng năm, Nhà trường và Khoa KT&KT đều đưa ra các thông báo, kế hoạch

về việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan. Sau khi khảo sát, Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng, Phòng Đào tạo SDH và Khoa đều có văn bản báo cáo, đánh giá về kết quả phản hồi của các bên liên quan cùng với các đề xuất, kiến nghị đối với Nhà trường nhằm cải tiến chất lượng CTĐT trong thời gian tới. Các nội dung khảo sát mà Nhà trường và Khoa thực hiện thường tập trung vào vấn đề quan trọng là CĐR và CTĐT, bao gồm: khảo sát ý kiến phản hồi của HV về hoạt động giảng dạy của GV; khảo sát ý kiến phản hồi của HV sắp tốt nghiệp về CTĐT; khảo sát ý kiến cựu HV và nhà sử dụng lao động về CĐR và CTĐT [H1.01.01.07], [H1.01.01.08], [H1.01.01.09], [H1.01.01.10]. Ngoài ra, liên quan đến CTĐT, định kỳ Khoa KT&KT còn tổ chức các cuộc họp lấy ý kiến của các bên liên quan như chuyên gia, nhà tuyển dụng, cựu HV, GV, HV,... về CTĐT ThS ngành Kế toán theo định hướng ứng dụng để có cơ sở xây dựng, đổi mới CTĐT ThS ngành Kế toán theo hướng ứng dụng, đáp ứng được nhu cầu nhân lực cho xã hội [H1.01.01.08], [H1.01.01.10]. Bên cạnh CĐR và CTĐT, Trường và Khoa còn quan tâm khảo sát các khía cạnh khác như sự hài lòng của HV về cơ sở vật chất, trang thiết bị, các hoạt động hỗ trợ, môi trường, cảnh quan được lồng ghép trong khảo sát ý kiến phản hồi của HV sắp tốt nghiệp; khảo sát sự hài lòng của GV về cơ sở vật chất, các thiết bị phục vụ giảng dạy và NCKH cũng như hoạt động hỗ trợ đào tạo của đội ngũ nhân viên các phòng, ban, khoa, viện, trung tâm [H1.01.01.07], [H1.01.01.09], [H9.09.03.07]. Bên cạnh đó, Khoa cũng quan tâm thu thập thông tin phản hồi của HV thông qua việc trao đổi với đại diện các lớp qua các kênh như điện thoại, mạng xã hội (facebook, zalo,...) để kịp thời nắm bắt tình hình cũng như các khó khăn, vướng mắc của HV trong quá trình học tập, NCKH và thực hiện luận văn.

Sau khi tiếp nhận các ý kiến phản hồi, Nhà trường thường xuyên họp bàn, thảo luận để đưa ra các cải tiến nhằm nâng cao CLĐT và các dịch vụ hỗ trợ nhằm đáp ứng tốt nhất cho nhu cầu của NH. Mỗi năm, Trường ĐHQN đều đưa ra kế hoạch đảm bảo chất lượng cho năm học đó nhằm nâng cao CLĐT trong Nhà trường [H10.10.02.02]. Đặc biệt, việc điều chỉnh, phát triển CTĐT ThS nhằm cải tiến CLĐT luôn được chú trọng quan tâm. Theo đó, Nhà trường và Khoa định kỳ đã ra các kế hoạch và quyết định rà soát, bổ sung, cập nhật và phát triển CTĐT ThS các ngành trong Trường nói chung và ngành Kế toán nói riêng [H1.01.01.06], [H1.01.01.11], [H1.01.01.12], [H1.01.02.01], [H1.01.02.02]. Mỗi lần cập nhật CTĐT đều có sự tham gia của các chuyên gia, nhà tuyển dụng, HV, các GV và CB quản lý các cấp nhằm đảm bảo tính sư phạm, chất lượng chuyên môn, mức độ khả thi của CTĐT, đảm bảo CTĐT có sự kết nối lý thuyết với thực tiễn nhằm giúp HV đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động. Đồng thời, Khoa còn đề nghị Trường bổ sung sách chuyên ngành, kỹ yếu hội thảo khoa học, luận văn ThS,... vào Thư viện cho HV có thêm nguồn tài liệu tham

khảo phong phú trong quá trình học tập, NCKH và thực hiện luận văn tốt nghiệp [H10.10.05.03]. Bên cạnh đó, cơ sở vật chất và các dịch vụ hỗ trợ khác như phần mềm, trang thiết bị, thư viện, điện, internet, nước sạch,... cũng được nhà Trường quan tâm cải tiến nhằm đáp ứng tốt nhất cho nhu cầu của NH [H9.09.02.06], [H10.10.05.03], [H10.10.06.03].

Bên cạnh việc cải tiến, nâng cao CLĐT thì ngay chính cơ chế phản hồi của Nhà trường cũng được đánh giá và cải tiến thường xuyên. Nếu trước đây, việc khảo sát chủ yếu được thực hiện bằng hình thức phát phiếu trực tiếp thì gần đây đã chuyển sang hình thức khảo sát online qua Google form nhằm thích nghi với tình hình dịch bệnh Covid – 19 cũng như hình thức học tập trực tuyến của HV [H10.10.06.02]. Đồng thời trong thời gian tới, cơ chế khảo sát lấy ý kiến phản hồi của HV sẽ tiếp tục được cải tiến thông qua việc áp dụng phần mềm quản lý đào tạo đại học, yêu cầu HV thực hiện khảo sát trước khi xem điểm thi các học phần [H10.10.06.04]. Theo đó, việc lấy ý kiến phản hồi của HV sẽ càng có hệ thống hơn, đảm bảo tỷ lệ phản hồi cao hơn.

2. Điểm mạnh

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được Trường ĐHQN quy định bằng văn bản, có tính hệ thống.

Trường ĐHQN nói chung và Khoa KT&KT thường xuyên triển khai, lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan. Đây là cơ sở giúp các ý kiến phản hồi luôn được đánh giá, từ đó có cơ sở cải tiến CTĐT và chất lượng dịch vụ để đáp ứng tốt hơn nhu cầu của NH và các bên liên quan.

3. Điểm tồn tại

Những năm vừa qua việc khảo sát chủ yếu được thực hiện thông qua Google form chứ chưa áp dụng phần mềm lấy ý kiến phản hồi của HV, điều này cho thấy hình thức khảo sát trong thời gian qua vẫn còn chưa được hiện đại và phong phú.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Nhà trường đang xây dựng phần mềm khảo sát tích hợp với phần mềm quản lý đào tạo SDH.	Trường ĐHQN	Từ năm học 2022 – 2023	

2	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục thực hiện khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan.	Phòng Đào tạo SDH và Khoa KT&KT	Từ năm học 2022 – 2023	
3	Phát huy điểm mạnh 2	Tiếp tục cải tiến CTĐT và các dịch vụ tiện ích đáp ứng tốt hơn nữa nhu cầu của NH và xã hội.	Trường ĐHQN; Phòng Đào tạo SDH và Khoa KT&KT	Từ năm học 2022 – 2023	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí là 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 10

Trường ĐHQN và Khoa KT&KT đã thường xuyên thực hiện nhiều công việc để đảm bảo và nâng cao CLĐT. Cụ thể, việc thiết kế và phát triển CTDH của Khoa được dựa trên cơ sở thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan như GV, HV, cựu HV và nhà tuyển dụng thông qua các phiếu điều tra khảo sát và các buổi họp mặt, gặp gỡ để đáp ứng nhu cầu thực tế của NH và xã hội. Các GV trong Khoa cũng đã thực hiện nghiêm túc đề cương môn học, luôn bám sát mục tiêu của môn học và mục tiêu CTĐT. Quy trình và phương pháp kiểm tra, đánh giá cũng được đa dạng hóa, đảm bảo tính liên tục, sự nghiêm túc, khách quan theo đúng quy chế đào tạo của Bộ GD&ĐT và Trường ĐHQN; công tác coi thi, chấm thi ở tất cả các kỳ thi/kiểm tra đều được thực hiện nghiêm túc; các hình thức thi/kiểm tra đã đánh giá được kiến thức và kỹ năng của NH ở từng học phần theo CDR. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng thường xuyên ứng dụng các kết quả NCKH của các viên chức, GV, HV trong Khoa vào nội dung của các học phần trong CTĐT. Các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, nhìn chung đã đáp ứng được nhu cầu của NH, đảm bảo cho việc học tập và giảng dạy của người dùng. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, thường xuyên được thu thập và làm cơ sở để đánh giá, cải tiến CTĐT và các dịch vụ hỗ trợ giảng dạy và học tập.

Tự đánh giá theo 6 tiêu chí của tiêu chuẩn này, ngành Kế toán đã đạt yêu cầu 6/6 tiêu chí và cả 6 tiêu chí đều đạt 5/7 điểm.

Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra.

Mở đầu

Kết quả đầu ra là thước đo phản ánh chất lượng của một CSGD đại học. Do đó, Trường ĐHQN cũng như Khoa KT&KT rất coi trọng công tác đánh giá, giám sát, đổi

sánh kết quả đầu ra thông qua tỷ lệ HV tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học, số lượng HV có việc làm, loại hình và số lượng NCKH. Bên cạnh đó, Nhà trường và Khoa còn chú trọng đến việc khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan, tổng hợp và đối sánh sự hài lòng qua các năm để có cơ sở cải tiến CTĐT cũng như các dịch vụ tiện ích để ngày càng nâng cao kết quả đầu ra.

Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Hoạt động đào tạo SDH của Nhà trường được quản lý bởi Phòng Đào tạo SDH với chức năng quản lý việc đào tạo nói chung và kết quả học tập của HV nói riêng [H8.08.03.08]. Dữ liệu HV được quản lý thông qua công cụ A-tool tích hợp Excel. Tuy nhiên, trong năm học 2021-2022 phần mềm quản lý đào tạo đã được đưa vào để quản lý tất cả dữ liệu về HV nhằm đảm bảo giám sát hiệu quả, chính xác và đầy đủ [H11.11.01.01].

Từ cơ sở dữ liệu HV, tỷ lệ HV tốt nghiệp và HV kéo dài thời gian đào tạo của Nhà trường và Khoa được xác lập hàng năm. Sau khi hoàn thành CTĐT, kết quả học tập của HV được Phòng Đào tạo SDH tổng hợp. Phòng Đào tạo SDH đã thực hiện việc giám sát quá trình học tập của HV như số HV bỏ học, gia hạn, chuyển xuống khoá dưới, số HV đủ điều kiện tốt nghiệp hàng năm đưa ra Hội đồng xét tốt nghiệp của Nhà trường xem xét để ra quyết định tốt nghiệp cho HV [H8.08.03.04]. Cụ thể thông tin về số lượng HV ngành Kế toán tốt nghiệp theo từng khóa học giai đoạn 2016 - 2021 thể hiện qua bảng số liệu sau:

**Bảng 11.1.1: Thống kê HV bị cảnh báo học tập, thôi học, tốt nghiệp
giai đoạn 2016 – 2021**

Khóa	Số HV nhập học (người)	Số HV bỏ học (người)	Tỷ lệ (%)	Số HV gia hạn (người)	Tỷ lệ (%)	Số HV bảo lưu (người)	Tỷ lệ (%)	Số HV tốt nghiệp (người)	Tỷ lệ (%)
K17 (2014-2016)	50	0	0	3	6,00	0	0	47	94,00
K18 (2015-2017)	84	0	0	2	2,38	0	0	82	97,62
K19 (2016-2018)	93	0	0	1	1,08	4	4,30	88	94,62

Khóa	Số HV nhập học (người)	Số HV bỏ học (người)	Tỷ lệ (%)	Số HV gia hạn (người)	Tỷ lệ (%)	Số HV bảo lưu (người)	Tỷ lệ (%)	Số HV tốt nghề nghiệp (người)	Tỷ lệ (%)
K20 (2017-2019)	99	5	5,05	1	1,01	0	0	93	93,94
K21- đợt 1 (2018-2020)	87	1	1,15	2	2,3	0	0	84	96,55
K21- đợt 2 (2018-2020)	68	4	5,88	3	4,41	1	1,47	60	88,24
K22- đợt 1 (2019-2021)	34	0	0	0	0	0	0	34	100
K22- đợt 2 (2019-2021)	23	0	0	1	4,35	0	0	22	95,65

(Nguồn: Thống kê từ các quyết định công nhận học HV, quyết định tốt nghiệp của Phòng Đào tạo SDH)

Bảng 11.1.1 cho thấy tỷ lệ HV tốt nghiệp đúng hạn của ngành Kế toán là khá cao trên 90%, riêng K22 đợt 1 tỷ lệ tốt nghiệp đạt 100%. Các HV tốt nghiệp trễ hạn chủ yếu là do chưa hoàn thành luận văn ThS, cũng có một số HV là chưa hoàn thành CTĐT. Tỷ lệ HV gia hạn ngành Kế toán của Khoa hàng năm chiếm tỷ lệ nhỏ so với tổng số lượng HV nhưng lại có xu hướng tăng. Nguyên nhân chủ yếu là do các HV ngành Kế toán chủ yếu đều đã có việc làm và họ không sắp xếp thời gian để theo học được hết CTĐT. Số lượng HV bỏ học các khóa đều không có, các HV đều cố gắng tham gia học tập, hoàn thành CTĐT và luận văn ThS.

Những HV muốn xin nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả học tập đều được quy định rõ trong quy chế đào tạo thạc sĩ [H1.01.01.05]. Các mẫu đơn đều được đưa lên website để học viên tải về và đều có quyết định về việc nghỉ học tạm thời cho học viên [H11.11.01.02]. Tình hình HV tốt nghiệp, thôi học được giám sát, phân tích, đánh giá và đối sánh định kỳ hàng năm trong Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học và xây dựng phương hướng, nhiệm vụ năm học tới [H11.11.01.03]. Để khuyến khích các HV học tập, nâng cao số lượng HV tốt nghiệp ngành Kế toán nói riêng và các ngành khác nói chung, hàng năm Nhà trường đều ra quyết định khen thưởng HV cuối khóa có kết quả học tập tốt [H8.08.03.07]. Hơn nữa, Nhà trường đã thực hiện việc sửa đổi, cập nhật và ban hành CTĐT, cung cấp đầy đủ thông tin kịp thời cho HV, tạo điều

kiện thuận lợi cho HV theo dõi kết quả học tập và chủ động trong kế hoạch học tập [H11.11.01.04].

2. Điểm mạnh

Tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học được xác lập, giám sát và so sánh giữa các năm để đánh giá tình hình học tập của HV

Nhà trường và Khoa luôn quan tâm đến vấn đề cải tiến CTĐT, tạo điều kiện giúp đỡ các HV tốt nghiệp đúng hạn.

3. Điểm tồn tại

Việc đối sánh về tỷ lệ HV tốt nghiệp, thôi học với các trường khác chưa được thực hiện.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Thực hiện việc đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp với các trường khác	Phòng Đào tạo SDH, Khoa KT&KT	Từ năm học 2022 – 2023	
2	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục giám sát chặt chẽ tình hình học tập của HV, tìm hiểu lý do thôi học của HV	Phòng Đào tạo SDH, Khoa KT&KT	Từ năm học 2022 – 2023	
3	Phát huy điểm mạnh 2	Tiếp tục cải tiến, nâng cấp phần mềm quản lý đào tạo	Phòng Đào tạo SDH, Khoa KT&KT	Từ năm học 2022 – 2023	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí là 5/7.

Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Phòng Đào tạo SDH là bộ phận chịu trách nhiệm giám sát tỷ lệ HV tốt nghiệp và thôi học, theo dõi thời gian tốt nghiệp trung bình của HV. Sau khi lấy ý kiến góp ý

từ các bộ phận, Trường đã ban hành Quyết định về Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ ThS với thời gian đào tạo được quy định từ 02 năm tới đối đa là 04 năm. Thời gian đào tạo được thiết kế phù hợp với những HV bình thường hoàn thành chương trình học tập để được cấp bằng tốt nghiệp [H8.08.03.08], [H1.01.01.05], [H11.11.01.01]. Kết thúc mỗi học kỳ, Phòng Đào tạo SDH lên danh sách HV thôi học. Trên cơ sở này, Phòng Đào tạo SDH thực hiện báo cáo tỷ lệ HV tốt nghiệp, thôi học hằng năm [H11.11.01.02], [H11.11.02.01]. Trên cơ sở số liệu HV tốt nghiệp, thôi học, Khoa KT&KT đã thực hiện việc giám sát, đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của HV hàng năm. Số lượng thống kê và tỷ lệ NH hoàn thành CTĐT trong các năm học gần đây được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 11.2.1. Thống kê thời gian tốt nghiệp trung bình của HV ngành Kế toán giai đoạn 2016 - 2021

Khóa học	Tổng số HV	HV tốt nghiệp đúng hạn		Năm thứ 3		Năm thứ 4		Thời gian tốt nghiệp trung bình (năm)
		Số HV	Tỷ lệ (%)	Số HV	Tỷ lệ (%)	Số HV	Tỷ lệ (%)	
K18 (2015 - 2017)	50	47	94,00	03	6,00			2,06
K18 (2015 - 2017)	83	82	98,8	02	-	-	-	2,02
K19 (2016 - 2018)	93	88	94,62	01	1,08	-	-	2,01
K20 (2017 - 2019)	99	93	93,94	01	1,01	-	-	2,01
K21 (2018 - 2020)	155	144	92,9	3	1,94	-	-	2,02
K22 (2019 - 2021)	57	56	98,25					

(Nguồn: Thống kê từ các quyết định tốt nghiệp của Phòng Đào tạo SDH)

Bảng 11.2.1 cho thấy, nhìn chung HV ngành Kế toán hoàn thành CTĐT chiếm tỷ lệ cao.

Từ kết quả giám sát, đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình, đầu mỗi năm học, Nhà trường, Phòng Đào tạo SDH và Khoa chủ động phổ biến các thông tin liên quan

đến CTĐT, quy định, quy chế liên quan ngay tại buổi tổ chức đón tiếp tân HV đầu khóa [H11.11.02.02]. Trong suốt quá trình đào tạo, Phòng Đào tạo SDH và Khoa thường xuyên thông báo nội dung về các lớp để triển khai đến HV nắm rõ được nội dung hoạt động trong năm học bằng nhiều hình thức khác nhau. Đặc biệt, các HV chưa đủ điều kiện tốt nghiệp luôn được thông báo kịp thời để có kế hoạch chủ động hoàn thành chương trình học. Phòng Đào tạo SDH và Khoa luôn tìm hiểu nguyên nhân chậm tốt nghiệp của HV để đề ra một số giải pháp hỗ trợ HV tốt nghiệp đúng hạn như tạo điều kiện cho HV đăng ký học phần trong học kỳ tiếp theo để cải thiện kết quả học tập. Với CDR môn ngoại ngữ, Trung tâm ngoại ngữ trực thuộc Trường thường xuyên tổ chức ôn thi nhiều đợt trong năm cho HV nhằm làm tăng cơ hội cho HV tham gia thi đạt CDR theo đúng tiến độ [H11.11.02.03].

2. Điểm mạnh

Thời gian tốt nghiệp trung bình của HV ngành Kế toán đã được xác lập, giám sát và đối sánh giữa các khóa để làm cơ sở cải tiến chất lượng. Nhà trường, các phòng chức năng và Khoa luôn kịp thời hỗ trợ HV hoàn thành CTĐT đúng thời hạn.

3. Điểm tồn tại

Một số ít HV bị chậm tiến độ tốt nghiệp do chưa chủ động với kế hoạch học tập của cá nhân. Việc đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình với các trường trong nước chưa được thực hiện do khó khăn trong việc thu thập dữ liệu.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Nhà trường thực hiện đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình với các trường khác trong nước.	Trường ĐHQN và các đơn vị thuộc Trường	Từ năm học 2022-2023	
2	Phát huy điểm mạnh 1	Nhà trường tiếp tục rà soát, nhắc nhở HV chủ động theo dõi kế hoạch học tập và tốt nghiệp đúng hạn.	Trường ĐHQN và các đơn vị thuộc Trường	Từ năm học 2022-2023	

3	Phát huy điểm mạnh 2	Phát huy tối đa vai trò của các GV trong việc hướng dẫn và tư vấn HV trong suốt quá trình học tập, kịp thời nắm bắt thông tin để HV ra trường đúng tiến độ.	Khoa KT&KT	Từ năm học 2022-2023	
---	----------------------	---	------------	----------------------	--

5. *Tự đánh giá*: Mức đạt được của tiêu chí là 5/7.

Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. *Mô tả hiện trạng*

Tỷ lệ HV có việc làm và thay đổi vị trí việc làm (thăng tiến trong công việc) sau tốt nghiệp là một trong những kết quả đầu ra thể hiện CLĐT của Nhà trường và Khoa. Đồng thời chỉ tiêu này cũng phản ánh mức độ chủ động của HV trong việc tìm kiếm việc làm và phát triển nghề nghiệp trong quá trình học.

Đầu mỗi khóa học, Khoa phối hợp cùng với Phòng Đào tạo SDH triển khai công tác thu thập thông tin của các HV. Kết quả cho thấy hầu hết HV đang làm việc tại các đơn vị hành chính sự nghiệp, ngân hàng,... khi đăng ký nhập học (tỷ lệ đều trên 93%) **[H8.08.04.07]**.

Hàng năm, Khoa phối hợp cùng với Phòng Đào tạo SDH thu thập thông tin của HV tốt nghiệp để nắm bắt tình hình việc làm và vị trí việc làm trong vòng hai năm tốt nghiệp. Trên cơ sở này, Phòng Đào tạo SDH xử lý, thống kê, báo cáo tỷ lệ việc làm của HV tốt nghiệp qua các khóa học. Kết quả các năm cho thấy tỷ lệ việc làm của HV tốt nghiệp ngành Kế toán tương đối cao. Hầu hết các HV tốt nghiệp ngành Kế toán của Trường làm đúng chuyên ngành được đào tạo, đặc biệt một số HV đã có sự thăng tiến trong công việc sau khi tốt nghiệp **[H11.11.03.01]**.

Nhà trường và Khoa đã chủ động kết nối, tăng cường ký thỏa thuận hợp tác với các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp có cựu HV ngành Kế toán để tạo ra mối quan hệ tương hỗ giữa Nhà trường, Khoa, doanh nghiệp và HV **[H11.11.03.02]**. Bên cạnh đó, Khoa chủ động phối hợp với các đơn vị có nhu cầu sử dụng lao động đăng tải, cung cấp thông tin tuyển dụng việc làm thường xuyên qua nhiều kênh truyền thông (trực tiếp và trực tuyến) nhằm kịp thời hỗ trợ việc làm cho HV **[H11.11.03.03]**. Các hoạt động này đã nâng cao cơ hội tìm kiếm, phát triển việc làm và thăng tiến công việc của HV sau khi tốt nghiệp.

2. Điểm mạnh

Tỉ lệ HV tốt nghiệp có việc làm của ngành Kế toán được xác lập, giám sát và đối sánh giữa các khóa để làm cơ sở cải tiến chất lượng. Tỉ lệ HV có việc làm và thăng tiến trong công việc sau tốt nghiệp của ngành Kế toán khá cao.

3. Điểm tồn tại

Việc đối sánh tỷ lệ HV có việc làm và thay đổi vị trí việc làm (thăng tiến trong công việc) sau tốt nghiệp với các trường trong nước chưa được thực hiện vì khó khăn trong thu thập dữ liệu. Tỷ lệ HV đã tốt nghiệp phản hồi thông tin tình hình việc làm chưa cao.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Lập kế hoạch thu thập dữ liệu để đối sánh tỷ lệ HV có việc làm và thay đổi vị trí việc làm (thăng tiến trong công việc) sau tốt nghiệp với các trường trong nước.	Trường ĐHQN và các đơn vị thuộc Trường	Từ năm học 2022-2023	
2	Khắc phục tồn tại 2	Đẩy mạnh việc thu thập phản hồi thông tin việc làm và thay đổi vị trí việc làm (thăng tiến trong công việc) của HV tốt nghiệp.	Trường ĐHQN và các đơn vị thuộc Trường	Từ năm học 2022-2023	
3	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục đẩy mạnh hợp tác với doanh nghiệp, cựu HV để cung cấp thông tin việc làm kịp thời đến HV.	Trường ĐHQN và các đơn vị thuộc Trường	Từ năm học 2022-2023	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí là 4/7.

Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Bên cạnh các hoạt động NCKH của GV, hoạt động NCKH của HV cũng là một yếu tố quan trọng trong công tác giảng dạy của Nhà trường. Việc HV tham gia NCKH sẽ góp phần cải tiến CLĐT.

Đối với hoạt động NCKH của HV, Khoa và GV hướng dẫn đã khuyến khích, tạo mọi điều kiện thuận lợi để HV tham gia hoạt động NCKH. Tình hình NCKH của HV ngành Kế toán được thể hiện qua bảng thống kê sau:

Bảng 11.4.1. Thống kê thành tích HV NCKH ngành Kế toán trong 5 năm

Hoạt động NCKH HV		2016- 2017	2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021	Tổng
Bài báo khoa học	Tạp chí	3	1	1	4	2	11
	Hội thảo	0	0	0	0	0	0

(Nguồn: Thống kê từ số liệu của Phòng Đào tạo SDH)

Bảng 11.4.1 cho thấy số lượng bài báo khoa học của HV ngành Kế toán của Khoa KT&KT có xu hướng tăng, đặc biệt năm học 2019-2020 [**H11.11.04.01**].

Để khuyến khích tinh thần NCKH của NH, Nhà trường đã có những chính sách hiệu quả để khuyến khích HV tham gia NCKH như: cộng điểm khuyến khích HV có thành tích NCKH [**H11.11.04.02**]. Các hoạt động NCKH của HV được tổng kết, đánh giá hàng năm. Qua đó, Nhà trường khuyến khích và khen thưởng HV có thành tích xuất sắc tiêu biểu trong thực hiện nhiệm vụ HV, đồng thời chỉ ra những điểm tồn tại để có các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng NCKH HV [**H5.05.04.07**].

Ngày 15 tháng 1 năm 2019, Trung tâm Đào tạo và Tư vấn Kinh tế và Kế toán trực thuộc Trường ĐHQN được thành lập, Trưởng khoa Khoa KT&KT đảm nhiệm vai trò Giám đốc [**H11.11.04.03**]. Trung tâm ra đời với mục đích bồi dưỡng và cấp chứng nhận, chứng chỉ cho NH thuộc khối ngành kinh tế. Hiện tại, Trung tâm liên tục khai giảng các khóa đào tạo về phân tích dữ liệu, kinh tế lượng ứng dụng và các chứng chỉ thực hành kế toán, kiểm toán,... giúp NH nắm vững các công cụ phân tích định lượng và kỹ năng thực hành kế toán, kiểm toán để áp dụng vào các khóa luận tốt nghiệp, luận văn ThS, luận án TS, đề tài NCKH và các bài báo khoa học góp phần duy trì phong trào học tập và NCKH trong HV và các GV trong và ngoài Trường. Đây cũng chính là

bước đệm hữu hiệu để bồi dưỡng năng lực cho NH tham gia thực hiện các công trình NCKH các cấp với các công cụ định lượng: Phân tích dữ liệu với phần mềm SPSS, Eviews, R, Stata, thực hành kế toán, kiểm toán,... Các khóa học này được giảng dạy bởi các GV có nhiều kinh nghiệm và hướng dẫn HV tận tình trong việc thiết kế nghiên cứu, phân tích dữ liệu và công bố các nghiên cứu trên các tạp chí uy tín trong và ngoài nước [H11.11.04.04].

2. Điểm mạnh

Hàng năm, hoạt động nghiên cứu của NH luôn được xác lập và giám sát.

Thời gian gần đây Khoa có các đề xuất/đầu tư NCKH phù hợp với xu thế phát triển của thời đại, phù hợp với khả năng của NH.

3. Điểm tồn tại

Một số HV chưa nắm rõ vai trò và tầm quan trọng của NCKH nên còn rụt rè trong hoạt động này.

Khoa vẫn chưa thực hiện được việc đối sánh loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của NH giữa ngành Kế toán của Khoa với ngành Kế toán của các cơ sở đào tạo khác do khó khăn trong thu thập dữ liệu.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Tích cực tuyên truyền và định hướng ngay từ đầu khóa học cho HV về tầm quan trọng của NCKH, thông qua seminar và hội thảo khoa học, tiếp tục triển khai mạnh mẽ các hoạt động truyền thông, tư vấn cho HV vai trò của NCKH và phát huy sự ảnh hưởng của các GV trong Khoa có các công trình NCKH giá trị, tạo động lực và truyền đam mê NCKH cho HV.	Khoa KT&KT	Từ năm học 2022 – 2023	
2	Khắc phục tồn tại 2	Tích cực tìm hiểu số liệu NCKH	Khoa	Từ năm	

	tại 2	của các ngành học tương ứng ở trong nước và quốc tế để thực hiện đối sánh.	KT&KT	học 2022 – 2023	
3	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục thực hiện thống kê các loại hình NCKH của HV.	Phòng Đào tạo SDH, Khoa KT&KT	Từ năm học 2022 – 2023	
4	Phát huy điểm mạnh 2	Tiếp tục có kế hoạch tổ chức seminar khoa học với sự tham gia của các nhà khoa học đến thăm và làm việc tại Trường và bồi dưỡng các công cụ hỗ trợ làm NCKH cho HV như: SPSS, Eviews, R, Stata,... do Trung tâm Đào tạo và Tư vấn Kinh tế và Kế toán hỗ trợ nhằm khơi dậy lòng say mê NCKH trong HV.	Khoa KT&KT	Từ năm học 2022 – 2023	

5. *Tự đánh giá*: Mức đạt được của tiêu chí là 5/7.

Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. *Mô tả hiện trạng*

Sự hài lòng của các bên liên quan là căn cứ quan trọng để duy trì, cải tiến chất lượng CTĐT và cũng là yếu tố quan trọng quyết định sự tồn tại và phát triển của một trường đại học. Do đó, Trường ĐHQN nói chung và Khoa KT&KT nói riêng rất chú trọng đến việc khảo sát, đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan. Trong đó, Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng, Phòng Đào tạo SDH và Khoa chuyên môn là những đơn vị chuyên trách được giao nhiệm vụ khảo sát, đo lường và đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan đến CTĐT ThS nói chung và CTĐT ThS ngành Kế toán nói riêng [H8.08.03.08]. Việc khảo sát, đánh giá sự hài lòng của các bên liên quan được thực hiện dựa trên các công văn hướng dẫn của Bộ GD&ĐT cũng như các quy định về việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan tại Trường ĐHQN [H10.10.06.01]. Trong đó, Nhà trường sử dụng các công cụ khác nhau để thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan như khảo sát online qua Google form hoặc phiếu

khảo sát trực tiếp,... nhằm đảm bảo việc thu thập thông tin phản hồi có tính khách quan và tin cậy [H10.10.06.02].

Theo đó, những năm vừa qua, Nhà trường cũng như Khoa KT&KT đã định kỳ tiến hành khảo sát, thu thập ý kiến phản hồi để đánh giá sự hài lòng của các bên liên quan. Các nội dung khảo sát thường chú trọng đến CĐR và CTĐT, bao gồm: khảo sát ý kiến phản hồi của HV về hoạt động giảng dạy của GV; khảo sát ý kiến phản hồi của HV sắp tốt nghiệp về CTĐT; khảo sát ý kiến cựu HV và nhà sử dụng lao động về CĐR và CTĐT [H1.01.01.07], [H1.01.01.08], [H1.01.01.09], [H1.01.01.10]. Liên quan đến CĐR và CTĐT, Khoa KT&KT còn định kỳ tổ chức các cuộc họp với các nhà tuyển dụng, các chuyên gia để đánh giá CTĐT ThS ngành Kế toán, từ đó có cơ sở xây dựng CTĐT hợp lý và có tính ứng dụng cao [H1.01.01.08], [H1.01.01.10]. Bên cạnh đó, Trường và Khoa còn quan tâm tới sự hài lòng của các bên liên quan đến các nội dung khác thông qua việc khảo sát sự hài lòng của HV về cơ sở vật chất, trang thiết bị, các hoạt động hỗ trợ, môi trường, cảnh quan (được lồng ghép trong khảo sát ý kiến phản hồi của HV sắp tốt nghiệp); khảo sát sự hài lòng của GV về cơ sở vật chất, các thiết bị phục vụ giảng dạy và NCKH cũng như hoạt động hỗ trợ đào tạo của đội ngũ nhân viên các phòng, ban, Khoa, viện, trung tâm [H1.01.01.07], [H1.01.01.09], [H9.09.03.07]. Sau khi có kết quả khảo sát, Khoa KT&KT thường xuyên tổng hợp, đánh giá, đối sánh sự hài lòng của các bên liên quan để có cái nhìn tổng quát hơn về sự hài lòng của các bên liên quan đến CTĐT ThS ngành Kế toán qua các năm [H1.01.01.09]. Theo kết quả khảo sát cũng như đối sánh cho thấy, CTĐT ThS ngành Kế toán được đánh giá cao, nhận được sự hài lòng của các bên liên quan, ngày càng đáp ứng được nhu cầu của NH, nhà tuyển dụng và cả xã hội.

Dựa trên kết quả khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan, Trường ĐHQN và Khoa KT&KT đã định kỳ tiến hành cải tiến chất lượng. Cụ thể là, Nhà trường và Khoa đã nhiều lần lập kế hoạch và ra các quyết định rà soát, bổ sung, cập nhật và phát triển CTĐT ThS ngành Kế toán [H1.01.01.06], [H1.01.01.11], [H1.01.01.12], [H1.01.02.01], [H1.01.02.02]. Việc thường xuyên cập nhật, sửa đổi CTĐT ThS giúp Trường và Khoa đáp ứng được sự hài lòng của HV, đáp ứng được nhu cầu của nhà sử dụng lao động và xã hội về nguồn nhân lực chất lượng cho sự phát triển văn hóa, kinh tế, xã hội của khu vực và cả nước. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng đã tiến hành đầu tư, nâng cấp Thư viện, trang thiết bị, các dịch vụ hỗ trợ,... phục vụ cho các hoạt động dạy, học, NCKH, từ đó đáp ứng các yêu cầu của HV, GV và người

lao động trong Nhà trường và nâng cao sự hài lòng cho các bên liên quan [H10.10.05.03], [H10.10.06.03].

2. Điểm mạnh

Mức độ hài lòng của các bên liên quan luôn được xác lập thể hiện qua việc Trường ĐHQN và Khoa KT&KT thường xuyên triển khai việc khảo sát để có thể đánh giá được sự hài lòng của các bên liên quan.

Trường và Khoa thường xuyên sử dụng kết quả khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan để cải tiến chất lượng CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Mức độ hài lòng của các bên liên quan của CTĐT ngành Kế toán trình độ ThS chưa được đối sánh với CTĐT ThS các ngành khác trong Trường cũng như các đơn vị bên ngoài Trường để có thêm cơ sở cải tiến chất lượng.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Trường và Khoa sẽ mở rộng đối sánh sự hài lòng của các bên liên quan của CTĐT ThS ngành Kế toán với các ngành khác trong trường và các đơn vị bên ngoài Trường.	Phòng Đào tạo SDH và Khoa KT & KT.	Từ năm học 2022 - 2023	
2	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục thực hiện khảo sát, lấy ý kiến phản hồi để đánh giá sự hài lòng của các bên liên quan.	Phòng Đào tạo SDH và Khoa KT&KT.	Từ năm học 2022 – 2023	
3	Phát huy điểm mạnh 2	Dựa vào kết quả khảo sát, tiếp tục cải tiến chất lượng CTĐT và các dịch vụ hỗ trợ để ngày càng	Trường ĐHQN; Phòng Đào tạo	Từ năm học 2022 – 2023	

		nâng cao sự hài lòng cho các bên liên quan.	SDH và Khoa KT&KT		
--	--	---	-------------------	--	--

5. *Tự đánh giá*: Mức đạt được của tiêu chí là 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 11

Xác định được tầm quan trọng của kết quả đầu ra, Trường ĐHQN đã có hệ thống quản lý quá trình học tập của HV và thông tin HV tốt nghiệp có việc làm, vị trí việc làm. Đồng thời, ý kiến phản hồi của các bên liên quan luôn được xác lập, giám sát và đối sánh nhằm cải tiến chất lượng CTĐT.

Đánh giá chung, HV ngành Kế toán có tỷ lệ tốt nghiệp tương đối cao, tỷ lệ HV thôi học rất thấp, tỷ lệ HV tốt nghiệp có việc làm lớn. Kết quả khảo sát còn cho thấy HV khá hài lòng về hoạt động giảng dạy của GV ngành Kế toán. Ngoài ra, những năm gần đây, hoạt động NCKH của Khoa KT&KT cũng được đẩy mạnh, thể hiện qua việc ngày càng nhiều HV biết và nhiệt tình tham gia NCKH, số lượng các bài báo đăng trên các tạp chí khoa học có phản biện được công nhận tính điểm ngày càng tăng. Tuy nhiên, để có thể khắc phục một số hạn chế, Khoa cần khuyến khích HV trau dồi khả năng ngoại ngữ để có thể thăng tiến trong công việc và nghiên cứu sau khi tốt nghiệp.

Tự đánh giá theo 5 tiêu chí của tiêu chuẩn này, ngành Kế toán đã đạt yêu cầu 5/5 tiêu chí với 4 tiêu chí đạt 5/7 điểm và 1 tiêu chí đạt 4/7 điểm.

PHẦN III. KẾT LUẬN

Dựa trên hệ thống tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ GD&ĐT ban hành, Hội đồng tự đánh giá, Ban Thư ký và các nhóm công tác chuyên trách đã tự xem xét, đánh giá và báo cáo những điểm mạnh, những tồn tại của CTĐT ngành Kế toán trình độ ThS trên tất cả các phương diện hoạt động đào tạo, đội ngũ GV, NCV, hoạt động NCKH, cơ sở vật chất, thư viện và các vấn đề liên quan khác. Trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch hành động nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng CTĐT ngành Kế toán trình độ ThS bằng cách tiếp tục phát huy những điểm mạnh và khắc phục những tồn tại đã được xác định.

Sau đây là tóm tắt những điểm mạnh, những điểm tồn tại và kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT ngành Kế toán trình độ ThS.

3.1. NHỮNG ĐIỂM MẠNH CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

3.1.1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT ngành Kế toán trình độ ThS được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mệnh, tầm nhìn của Trường ĐHQN và mục tiêu của GDĐH quy định tại luật GDĐH. Bên cạnh mục tiêu chung là đào tạo ThS kế toán có đạo đức, chuyên môn, có năng lực thực hành nghề nghiệp kế toán, kiểm toán thành thạo, mục tiêu của CTĐT ThS đáp ứng được các yêu cầu năng lực về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm mà NH cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT ThS.

CĐR của CTĐT ngành Kế toán trình độ ThS Trường ĐHQN được xác định rõ ràng và bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà NH cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT ThS.

CĐR của CTĐT ngành Kế toán trình độ ThS được Khoa KT&KT định kỳ rà soát, điều chỉnh 2 năm một lần theo kế hoạch của Nhà trường.

CĐR của CTĐT ngành Kế toán trình độ ThS phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan và có sự tham gia ý kiến của các bên liên quan trong quá trình xây dựng.

3.1.2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Bản mô tả CTĐT ngành Kế toán trình độ ThS tại Trường ĐHQN có đủ các thông tin như: tên trường, tên ngành, thời gian đào tạo; mục tiêu, CĐR của CTĐT; cấu trúc CTDH; đề cương các môn học/học phần; thời điểm điều chỉnh bản mô tả CTĐT ThS.

Bản mô tả CTĐT luôn được cập nhật những vấn đề mới nhất có liên quan đến ngành học về lý thuyết cũng như thực tiễn.

Đề cương các học phần trong CTĐT ngành Kế toán trình độ ThS có đầy đủ thông tin theo quy định của Bộ GD&ĐT và của Trường ĐHQN và được định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh, cập nhật theo kế hoạch của Trường ĐHQN.

Bản mô tả CTĐT ThS và đề cương chi tiết học phần ngành Kế toán được công bố công khai rộng rãi với nhiều hình thức khác nhau, tạo điều kiện cho các bên liên quan như HV, cựu HV, các đơn vị sử dụng lao động dễ dàng tiếp cận và nắm bắt thông tin; đồng thời có thể góp ý, xây dựng.

3.1.3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

CTDH được thiết kế dựa trên các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm của CĐR trong CTĐT ngành Kế toán trình độ ThS.

Các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của NH của tất cả học phần trong CTDH là phù hợp, góp phần đạt được CĐR của học phần và CĐR của CTĐT.

Hầu hết các học phần trong CTDH có sự tương thích về nội dung và thể hiện được đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được CĐR, đồng thời cũng xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra/đánh giá phù hợp nhằm đảm bảo đạt được CĐR của CTĐT. Ngoài ra, nội dung của các học phần trong CTDH đã thể hiện việc đạt được CĐR của CTĐT.

CTDH ngành Kế toán trình độ ThS của Trường ĐHQN được cấu trúc, trình tự theo hệ thống khối kiến thức gắn kết logic theo hướng từ kiến thức chung đến kiến thức cơ sở ngành và chuyên môn của ngành. Các học phần trong CTDH được bố trí hợp lý. Các nội dung trong CTDH định kỳ được cập nhật và có sự tham khảo từ các CTDH tiên tiến trong nước và CTĐT nước ngoài nhằm đảm bảo tính linh hoạt và tính tích hợp cao.

3.1.4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Triết lý giáo dục của Trường ĐHQN được công bố rõ ràng và phổ biến rộng rãi đến các bên liên quan qua nhiều kênh thông tin khác nhau.

GV đã xây dựng được các hoạt động dạy học và phương pháp dạy học đa dạng thích hợp, tích cực đổi mới phương pháp dạy theo hướng phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo của HV nhằm đáp ứng mục tiêu đào tạo và đạt được CDR của ngành.

Phương pháp giảng dạy, học tập và các hoạt động dạy học được thiết kế trong CTĐT phù hợp và nhận được sự phản hồi tích cực từ GV, HV.

Đề cương chi tiết tất cả các học phần đều quy định về thời gian tự học, mô tả phương pháp giảng dạy phù hợp nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu cho HV. Bên cạnh đó, tổ chức việc tự học, tự nghiên cứu cho HV thông qua các hình thức tiểu luận, nghiên cứu tình huống, viết bài báo khoa học, ... được thực hiện thường xuyên. Nhà trường có các nguồn học liệu phong phú giúp HV có thể tiếp cận đa dạng các nguồn tài liệu khác nhau hỗ trợ cho việc tự học, tự nghiên cứu.

Các hoạt động dạy và học, các chương trình hoạt động Trường và Khoa đưa ra đã tạo động lực cho HV rèn luyện các kỹ năng, giúp HV có thói quen độc lập suy nghĩ, độc lập giải quyết vấn đề khó khăn trong học tập, trong cuộc sống, giúp cho HV tự tin hơn trong việc lựa chọn và đưa ra các quyết định hợp lý về những vấn đề trong thực tiễn.

3.1.5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Nhà trường có hệ thống các văn bản, tài liệu hướng dẫn, quy định, kế hoạch rõ ràng về việc đánh giá và thiết kế các phương pháp đánh giá kết quả học tập của NH. Từ đó, việc đánh giá kết quả học tập của NH được thiết kế phù hợp với mục tiêu cần đánh giá tương ứng với mức độ đạt được CDR.

Các hoạt động kiểm tra đánh giá kết quả học tập của NH được thiết kế phù hợp để đo lường mức độ đạt được CDR.

Các quy định về đánh giá kết quả học tập của NH khá đầy đủ, rõ ràng và được thông báo công khai tới NH qua nhiều kênh thông tin, do vậy giúp NH hiểu và nắm rõ các quy định về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập.

Quy định đào tạo trình độ ThS được xây dựng linh hoạt nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho NH tham gia học tập cũng như GV trong việc đánh giá kết quả học tập của NH.

Phương pháp đánh giá kết quả học tập của NH được thực hiện đa dạng, việc thực hiện quy trình đánh giá đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.

Có sự đánh giá kết quả NH sau mỗi kỳ thi để làm căn cứ điều chỉnh đề thi nhằm đạt được CDR của học phần.

Nhà trường có những quy định chặt chẽ liên quan đến đánh giá kết quả học tập và thông báo công khai cho HV.

Kết quả học tập của NH được đánh giá chính xác, khách quan và đa số kết quả đánh giá các học phần được thông báo kịp thời cho HV.

Quy trình khiếu nại được công khai để NH dễ dàng tiếp cận.

Quy trình chấm thi được thực hiện chặt chẽ, đảm bảo tính khách quan và tin cậy nên không có trường hợp phúc khảo nào trong 5 năm gần đây.

3.1.6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Căn cứ nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng, Nhà trường và Khoa KT&KT đã có kế hoạch/quy hoạch phát triển đội ngũ GV cả về số lượng chất lượng, đảm bảo tính kế thừa, liên tục trong thực hiện CTĐT. Số lượng GV có học vị từ TS trở lên đang dần tăng lên nên thích nghi nhanh được với sự thay đổi tích cực, đáp ứng yêu cầu giảng dạy, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Nhà trường đã ban hành các văn bản quy định định mức thời gian làm việc, giờ chuẩn giảng dạy và NCKH.

Khối lượng công việc của từng GV được xác định rõ ràng và được giám sát bởi các đơn vị chức năng trong Nhà trường, góp phần để đảm bảo và nâng cao CLĐT, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV để bổ nhiệm được xác định rõ ràng bằng văn bản và được phổ biến công khai rộng rãi đến toàn thể viên chức trong Trường.

Năng lực của đội ngũ GV tham gia giảng dạy ThS ngành Kế toán được xác định và đáp ứng đầy đủ các quy định hiện hành.

Công tác đánh giá, phân loại viên chức và người lao động hàng năm được Nhà trường thực hiện nghiêm túc và đánh giá chính xác năng lực của GV. Đồng thời, Khoa KT&KT đã xây dựng Bảng tiêu chí chấm điểm thực hiện nhiệm vụ năm học của viên chức góp phần đánh giá chính xác hơn năng lực của GV.

Các GV tham gia dạy ThS của Khoa có kết quả đánh giá, phân loại viên chức hàng năm ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, đa số hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV được Nhà trường và Khoa xác định rõ, có kế hoạch triển khai kịp thời và phù hợp.

Kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV được Nhà trường và Khoa giám sát, đánh giá hàng năm.

GV có kế hoạch công tác hàng năm cụ thể, rõ ràng.

Việc quản trị theo kết quả công việc của GV được Trường ĐHQN và Khoa KT&KT triển khai sâu rộng giúp tạo động lực và hỗ trợ mạnh mẽ cho các hoạt động đào tạo, NCKH cũng như các hoạt động phục vụ cộng đồng.

GV hài lòng về kết quả đánh giá, khen thưởng.

Trường có văn bản quy định cụ thể về các loại hình và số lượng sản phẩm NCKH mà GV, NCV phải thực hiện. Từ đó, quy trình giám sát được xây dựng và triển khai. Kết quả đánh giá cho thấy tất cả GV của khoa luôn đảm bảo, thậm chí vượt định mức số giờ NCKH hàng năm theo quy định. Hoạt động NCKH được giám sát đối sánh hàng năm góp phần nâng cao chất lượng NCKH trong GV.

3.1.7. Đội ngũ nhân viên

Đội ngũ nhân viên hỗ trợ của Trường có đủ số lượng, có kinh nghiệm công tác và đảm bảo về phẩm chất, năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ hỗ trợ, phục vụ tốt cho công tác đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Nhà trường có văn bản quy định các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm nhân viên rõ ràng, cụ thể và được công bố công khai.

Các kế hoạch, thông báo, kết quả và quyết định tuyển dụng được thực hiện nghiêm túc, công khai và minh bạch.

Trường ĐHQN đã xây dựng được quy trình, phương pháp đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên. Công cụ và tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên cũng đã được xây dựng và ngày càng hoàn thiện hơn.

Nhà trường đã thực hiện khảo sát nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên thông qua việc đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của đội ngũ nhân viên.

Trên cơ sở đăng ký, Nhà trường có kế hoạch và triển khai thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên.

Nhà trường triển khai thường xuyên các hoạt động để đáp ứng nhu cầu về đào

tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên và có chính sách hỗ trợ kinh phí cho nhân viên tham gia đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Nhà trường đã có quy định về nhiệm vụ cụ thể đối với nhân viên và quy định về việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên, trong đó có cả các quy định về khen thưởng và công nhận.

Công tác đánh giá, xếp loại viên chức và công tác thi đua khen thưởng đối với đội ngũ nhân viên được thực hiện công khai, minh bạch.

Đội ngũ nhân viên Nhà trường được tham gia xây dựng, góp ý trong quá trình xây dựng các quy định đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên.

Nhân viên của Trường hài lòng về công tác theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của CSGD và các cấp có thẩm quyền.

3.1.8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Chính sách tuyển sinh ThS ngành Kế toán của Khoa KT&KT luôn có sự góp ý của các bên liên quan như Khoa KT &KT và các phòng chức năng, Ban giám hiệu Nhà trường. Trên cơ sở đó, giúp chính sách tuyển sinh ThS ngành Kế toán được xác định rõ ràng và đồng bộ từ trên xuống dưới. Đồng thời, chính sách tuyển sinh luôn được công khai trên website, niêm yết tại bảng tin Trường.

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH của ngành Kế toán trình độ ThS được xác định rõ ràng, được công khai, cập nhật, được đánh giá khách quan và chính xác. Đồng thời các tiêu chí và phương pháp này luôn được rà soát, góp ý hàng năm nhằm nâng cao số lượng và chất lượng tuyển sinh.

Hệ thống giám sát phù hợp đã giúp cho việc giám sát, kiểm tra, đánh giá kết quả và tiến độ học tập của NH được thực hiện chặt chẽ và nghiêm túc dưới nhiều hình thức khác nhau. Điều này giúp cho Phòng Đào tạo SDH, trực tiếp là viên chức quản lý HV kịp thời nắm bắt được tình trạng học tập và tiến độ của HV để có thể nhắc nhở, động viên, giúp HV hoàn thành đúng tiến độ của khóa học.

Đội ngũ viên chức hỗ trợ HV có kinh nghiệm, trách nhiệm sẵn sàng hỗ trợ và tư vấn kịp thời cho NH ngành Kế toán trình độ ThS trong việc lựa chọn học phần trong CTĐT, phương pháp học tập, rèn luyện, thực tập, thực tế. Việc thành lập Trung tâm Tư vấn tuyển sinh và Quan hệ doanh nghiệp cùng với kết nối với nhiều doanh nghiệp giúp hỗ trợ HV nâng cao kinh nghiệm, cơ hội việc làm, cải thiện vị trí việc làm,...

Nhà trường có môi trường học tập, làm việc thân thiện, không khí thoải mái góp phần thực hiện tốt các hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu cho GV, HV.

Nhà trường thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của NH về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan làm cơ sở để đáp ứng nhu cầu và đầu tư hợp lý phục vụ NH một cách tốt nhất.

3.1.9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Khoa KT&KT và các phòng chức năng có hệ thống phòng làm việc, phòng học, được trang bị đầy đủ trang thiết bị phù hợp.

Trường ĐHQN luôn đảm bảo diện tích/NH theo quy định để phục vụ hoạt động đào tạo và NCKH của GV, HV ngành Kế toán một cách tốt nhất.

Thư viện của Trường ĐHQN có nguồn tài liệu phong phú, được bổ sung, cập nhật hàng năm, có nội dung, quy định, hướng dẫn được trang bị các thiết bị để phục vụ công tác đào tạo và NCKH của Nhà trường và ngành Kế toán.

Phần mềm quản lý thư viện giúp quản lý tốt hơn.

Hàng năm, Thư viện cũng tiến hành lấy ý kiến đánh giá của GV, HV và các bên liên quan về mức độ phù hợp của Thư viện nhằm xây dựng dữ liệu theo dõi về hoạt động của Thư viện.

Các phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp với hoạt động nghiên cứu, giảng dạy và học tập. Các phòng này luôn có người phụ trách thường xuyên, quá trình quản lý và đánh giá hiệu quả sử dụng các trang thiết bị luôn được cập nhật hàng năm để hỗ trợ hoạt động giáo dục và nghiên cứu.

Hệ thống công nghệ thông tin về cơ bản đáp ứng được yêu cầu cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu của các ngành đào tạo nói chung và ngành Kế toán nói riêng, khi có sự cố được hỗ trợ, khắc phục tương đối kịp thời. Nhà trường có các hoạt động kiểm kê, định kỳ sửa chữa, bảo dưỡng đồng thời hoạt động đầu tư mới hiện đại hóa hệ thống công nghệ thông tin cũng được chú trọng.

Nhà trường đã thực hiện hoạt động thu thập và tổng hợp kết quả về ý kiến phản hồi của NH và các bên liên quan về mức độ đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu của hệ thống công nghệ thông tin.

Quy định các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn do Trường ĐHQN ban hành theo quy định hiện hành đầy đủ, rõ ràng, phù hợp.

Nhà trường luôn quan tâm đến công tác môi trường, sức khỏe, an toàn; xử lý kịp thời và an toàn các tình huống khẩn cấp.

3.1.10. Nâng cao chất lượng

Hiện nay, Nhà trường đã sử dụng được nhiều hình thức thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan nên việc thu thập thông tin được thuận lợi hơn. Trên cơ sở đó, Nhà trường đã sử dụng những kết quả khảo sát của các bên liên quan để thiết kế và phát triển CTDH phù hợp hơn.

CTDH ngành Kế toán trình độ đào tạo ThS tại Trường ĐHQN được thiết lập, thực hiện đúng quy trình, quy định, luôn được rà soát, đánh giá và cải tiến theo định kỳ dựa trên cơ sở khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan.

CTDH ngành Kế toán trình độ đào tạo ThS tại Trường ĐHQN được thiết lập, thực hiện đúng quy trình, quy định, luôn được rà soát, đánh giá và cải tiến theo định kỳ dựa trên cơ sở khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan.

Quy trình kiểm tra đánh giá được thiết kế và tổ chức thực hiện có hệ thống, đồng bộ, chặt chẽ, nghiêm túc và được rà soát.

Phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá được thể hiện cụ thể trong đề cương các học phần và phù hợp với CDR được quy định trong từng học phần.

Khoa KT&KT cũng thường xuyên tổ chức các sermina nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy.

Khoa KT&KT có phong trào NCKH tương đối mạnh, huy động được sự tham gia của hầu hết GV trong Khoa và một số HV. Phần lớn các kết quả NCKH đều gắn kết chặt chẽ với công việc phục vụ đào tạo và cộng đồng.

Nhà trường và Khoa thực hiện đánh giá và cải tiến liên tục nhằm nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại Thư viện, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo và nghiên cứu cho GV và HV.

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được Trường ĐHQN quy định bằng văn bản, có tính hệ thống.

Trường ĐHQN nói chung và Khoa KT&KT thường xuyên triển khai, lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan. Đây là cơ sở giúp các ý kiến phản hồi luôn được đánh giá, từ đó có cơ sở cải tiến CTĐT và chất lượng dịch vụ để đáp ứng tốt hơn nhu cầu của NH và các bên liên quan.

3.1.11. Kết quả đầu ra

Tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học được xác lập, giám sát và so sánh giữa các năm để đánh giá tình hình học tập của HV

Nhà trường và Khoa luôn quan tâm đến vấn đề cải tiến CTĐT, tạo điều kiện giúp đỡ các HV tốt nghiệp đúng hạn.

Thời gian tốt nghiệp trung bình của HV ngành Kế toán đã được xác lập, giám sát và đối sánh giữa các khóa để làm cơ sở cải tiến chất lượng. Nhà trường, các phòng chức năng và Khoa luôn kịp thời hỗ trợ HV hoàn thành CTĐT đúng thời hạn.

Tỉ lệ HV tốt nghiệp có việc làm của ngành Kế toán được xác lập, giám sát và đối sánh giữa các khóa để làm cơ sở cải tiến chất lượng. Tỉ lệ HV có việc làm và thăng tiến trong công việc sau tốt nghiệp của ngành Kế toán khá cao.

Hàng năm, hoạt động nghiên cứu của NH luôn được xác lập và giám sát.

Thời gian gần đây Khoa có các đề xuất/đầu tư NCKH phù hợp với xu thế phát triển của thời đại, phù hợp với khả năng của NH.

Mức độ hài lòng của các bên liên quan luôn được xác lập thể hiện qua việc Trường ĐHQN và Khoa KT&KT thường xuyên triển khai việc khảo sát để có thể đánh giá được sự hài lòng của các bên liên quan.

Trường và Khoa thường xuyên sử dụng kết quả khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan để cải tiến chất lượng CTĐT.

3.2. NHỮNG ĐIỂM TỒN TẠI CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

3.2.1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Việc lấy ý kiến của các bên liên quan để thay đổi, cập nhật mục tiêu của CTĐT chưa đa dạng đối tượng.

CĐR của CTĐT ngành Kế toán trình độ ThS mặc dù được xác định rõ ràng nhưng vẫn còn một số CĐR của một số ít học phần chưa rõ ràng, khó đo lường và chưa thực sự đóng góp cho CĐR của CTĐT.

Việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CĐR của CTĐT ngành Kế toán trình độ ThS còn chưa rộng rãi đến các nhà tuyển dụng trong cả nước.

3.2.2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Việc lấy ý kiến đa chiều của các bên liên quan về bản mô tả CTĐT chưa được thực hiện rộng rãi và đa dạng các bên liên quan.

Một vài đề cương chi tiết các học phần xác định một vài CDR chưa thực sự đóng góp cho CDR của CTĐT.

Việc công bố đề cương chi tiết trên website của Khoa vẫn chưa được thực hiện.

3.2.3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Một số ít học phần chưa xác định được phương pháp đánh giá một số CDR về kỹ năng.

Ở một số ít học phần, các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra/đánh giá chưa hỗ trợ nhau để đảm bảo việc đạt được CDR.

Các bài tập ứng dụng tình huống thực tế trong một số ít học phần chưa được phong phú.

3.2.4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Mặc dù đã được phổ biến nhưng một số GV, HV chưa hiểu rõ về triết lý giáo dục của Nhà trường.

Việc liên kết với các tổ chức, hiệp hội nghề nghiệp trong nước và quốc tế như: VAA, VACPA, ACCA... còn hạn chế nên chưa kết nối được giữa NH với các tổ chức nghề nghiệp nhằm nâng cao kỹ năng nghề nghiệp cho NH.

Một bộ phận NH còn chưa có tinh thần, ý thức học tập tốt. Do đó, phần nào ảnh hưởng đến việc tổ chức và triển khai các hoạt động giảng dạy theo hướng tích cực.

3.2.5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Việc phân tích định lượng đề thi mới chỉ được thực hiện đối với một số học phần theo các cấp độ dễ, trung bình, khó, quá khó để phân loại và đánh giá kết quả học tập cũng như đánh giá mức độ đạt được CDR của HV.

Việc thông tin đến NH quy định về đánh giá kết quả học tập vào đầu khóa học hay đầu học kỳ bằng hình thức thông báo dẫn đến NH sẽ nhanh chóng lãng quên, không nắm rõ được các quy định cụ thể để vận dụng trong từng trường hợp.

Công tác thống kê, phân tích kết quả học tập của NH để đánh giá mức độ đạt được CDR của đề thi đã được thực hiện ở hầu hết các học phần. Tuy nhiên, đối với các

học phần được mời giảng từ GV ngoài Trường thì công việc này vẫn chưa được thực hiện. Do đó, một số đề thi chưa đạt được yêu cầu cao về đánh giá theo các mức năng lực, chưa đo lường được đầy đủ CDR của học phần.

Chưa bổ sung đầy đủ các rubrics đánh giá cho các học phần để đảm bảo độ tin cậy.

Việc công bố kết quả học tập của một vài học phần cho HV đôi khi còn chậm.

Hình thức công bố các quy định khiếu nại về kết quả học tập vẫn chưa được đa dạng để cho NH có thể dễ dàng tiếp cận.

3.2.6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Việc tạo nguồn quy hoạch đội ngũ GV tham gia các hoạt động NCKH phục vụ cộng đồng chưa được chú trọng đúng mức.

Các hoạt động phục vụ cộng đồng của GV chưa được chú trọng để đo lường và giám sát một cách đầy đủ.

Nhà trường chưa có quy định rõ ràng về chính sách đãi ngộ nhằm thu hút GV có trình độ chuyên môn cao về Trường công tác.

Chưa đánh giá rõ ràng về mức độ đóng góp cho cộng đồng của GV.

Khoa chưa có kế hoạch cụ thể để phát triển đội GV có học hàm GS, PGS nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của đào tạo bậc ThS và trong tương lai là TS ngành Kế toán.

Nhà trường đã có kế hoạch triển khai quản trị theo kết quả công việc của GV bằng KPI, nhưng tiến độ còn chậm.

Nhà trường chưa có mức khen thưởng cho những GV có nhiều giờ NCKH vượt định mức chuẩn mà chỉ mới dừng lại ở việc tính giờ chuẩn NCKH hàng năm và bảo lưu số giờ NCKH cho một năm tiếp theo.

Các công trình nghiên cứu mang tính liên ngành với các Khoa khác trong trường và ngoài trường.

Số lượng bài báo được công bố trong các tạp chí quốc tế thuộc danh mục ISI chưa nhiều.

3.2.7. Đội ngũ nhân viên

Công tác quy hoạch đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm,

hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác chưa đáp ứng được yêu cầu của đề án vị trí việc làm.

Nhà trường chưa có các tiêu chí cụ thể về điều chuyển nhân viên.

Các tiêu chí đánh giá năng lực của nhân viên chưa thật cụ thể và được rà soát thường xuyên trong giai đoạn đánh giá.

Chưa chú trọng nâng cao trình độ ngoại ngữ cho đội ngũ nhân viên. Các khóa đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ cho nhân viên chưa được tổ chức thường xuyên.

Nhà trường đã có kế hoạch triển khai quản trị kết quả công việc của nhân viên bằng KPI, nhưng tiến độ còn chậm.

3.2.8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Thông tin tuyển sinh trên website, brochure chưa có thông tin chi tiết về ngành học mà mới chỉ giới thiệu khái quát. Vì vậy, chưa truyền tải được đầy đủ thông tin đến người có mong muốn tìm hiểu đối với trình độ đào tạo ThS ngành Kế toán Trường ĐHQN.

Trường ĐHQN chưa tổ chức lấy ý kiến doanh nghiệp về chính sách tuyển sinh. Doanh nghiệp là đơn vị sử dụng lao động nên thiếu sự góp ý từ họ với chính sách tuyển sinh sẽ dẫn tới một số thiếu sót nhất định trong việc tuyển chọn NH.

Việc phân tích dữ liệu tuyển sinh hàng năm chưa được Nhà trường thực hiện thường xuyên và đầy đủ để làm căn cứ xây dựng kế hoạch quảng bá tuyển sinh cho các đợt tuyển sinh sau.

Việc trang bị phần mềm giúp theo dõi một cách sát sao cơ sở dữ liệu về kết quả và tiến độ học tập của HV còn chậm.

Việc lấy ý kiến phản hồi, đánh giá của NH về hoạt động tư vấn, hỗ trợ học tập của viên chức hỗ trợ HV, đội ngũ phục vụ đào tạo, GV hướng dẫn chưa thực hiện đầy đủ.

Nhà trường chưa bố trí nơi ở tập trung riêng trong KTX cho HV sau đại học.

3.2.9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Việc sửa chữa các trang thiết bị tại các phòng làm việc, phòng học, phòng chức năng khi có sự cố vẫn còn chậm.

Chưa có nhiều sự hợp tác liên kết với các thư viện khác; nguồn tài liệu, học liệu nước ngoài chưa nhiều.

Nhà trường đã có phần mềm quản lý tài sản nhưng chưa có sự phân quyền để các khoa, phòng chức năng được tham gia quản lý tài sản của đơn vị mình.

Công tác bảo dưỡng, bảo trì trang thiết bị được Nhà trường quan tâm và thực hiện, tuy nhiên ở một số thời điểm chưa được kịp thời.

Toàn Trường đã được phủ sóng wifi, tuy nhiên chất lượng wifi ở một số khu vực trong trường và trong một số thời điểm còn chưa tốt.

Tập huấn, diễn tập các biện pháp ứng phó khẩn cấp với các tai nạn lao động, phòng cháy chữa cháy, ngộ độc thực phẩm cho đội phòng chống cháy nổ thường xuyên được thực hiện, nhưng đối với toàn thể viên chức của Nhà trường thì chưa được triển khai thường xuyên.

3.2.10. Nâng cao chất lượng

Quá trình thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan để thiết kế và phát triển CTDH chưa được đa dạng về đối tượng khảo sát.

Quá trình khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về quy trình thiết kế, phát triển CTDH chưa được đa dạng về đối tượng khảo sát.

Việc lấy ý kiến HV về hoạt động giảng dạy của GV vẫn còn nhiều hạn chế, số lượng HV phản hồi không nhiều dẫn đến việc sử dụng ý kiến của HV để cải tiến, rà soát phương pháp giảng dạy, đánh giá của GV chưa mang lại hiệu quả.

Mặc dù các NCKH của GV nhiều nhưng chỉ có một số ít kết quả NCKH được chuyển tải thành nội dung giảng dạy cho HV.

Nhà trường chưa bố trí khu kí túc xá dành riêng cho HV ở xa có nhu cầu.

Những năm vừa qua việc khảo sát chủ yếu được thực hiện thông qua Google form chứ chưa áp dụng phần mềm lấy ý kiến phản hồi của HV, điều này cho thấy hình thức khảo sát trong thời gian qua vẫn còn chưa được hiện đại và phong phú.

3.2.11. Kết quả đầu ra

Việc đối sánh về tỷ lệ HV tốt nghiệp, thôi học với các trường khác chưa được thực hiện.

Một số ít HV bị chậm tiến độ tốt nghiệp do chưa chủ động với kế hoạch học tập

của cá nhân. Việc đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình với các trường trong nước chưa được thực hiện do khó khăn trong việc thu thập dữ liệu.

Việc đối sánh tỷ lệ HV có việc làm và thay đổi vị trí việc làm (thăng tiến trong công việc) sau tốt nghiệp với các trường trong nước chưa được thực hiện vì khó khăn trong thu thập dữ liệu. Tỷ lệ HV đã tốt nghiệp phản hồi thông tin tình hình việc làm chưa cao.

Một số HV chưa nắm rõ vai trò và tầm quan trọng của NCKH nên còn rụt rè trong hoạt động này.

Khoa vẫn chưa thực hiện được việc đối sánh loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của NH giữa ngành Kế toán của Khoa với ngành Kế toán của các cơ sở đào tạo khác do khó khăn trong thu thập dữ liệu.

Mức độ hài lòng của các bên liên quan của CTĐT ThS ngành Kế toán chưa được đối sánh với CTĐT ThS các ngành khác trong Trường cũng như các đơn vị bên ngoài Trường để có thêm cơ sở cải tiến chất lượng.

3.3. KẾ HOẠCH CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Để khắc phục các tồn tại trên, Khoa KT&KT và Trường ĐHQN lên kế hoạch cải tiến CTĐT ngành Kế toán trình độ ThS bắt đầu từ năm học 2022- 2023 như sau:

3.3.1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Khắc phục tồn tại

Định kỳ thực hiện lấy ý kiến từ tất cả các đối tượng GV, HV, cựu HV, nhà tuyển dụng, các chuyên gia để rà soát và điều chỉnh mục tiêu CTĐT

Định kỳ thực hiện điều chỉnh CDR của các học phần cho phù hợp với CDR của ngành học.

Định kỳ, lập kế hoạch và triển khai lấy ý kiến nhà tuyển dụng trong cả nước để rà soát, điều chỉnh CDR của CTĐT

Phát huy điểm mạnh

Tiếp tục rà soát và chỉnh sửa định kỳ mục tiêu của CTĐT ngành Kế toán trình độ ThS để đảm bảo luôn phù hợp với sứ mệnh, tầm nhìn của Khoa KT&KT, Trường ĐHQN và luật GDDH sao cho đáp ứng yêu cầu nhân lực của từng thời kỳ.

Tích cực, chủ động cập nhật, trau dồi kiến thức chuyên ngành, kỹ năng và kinh nghiệm nghề nghiệp để xác định các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà NH cần

đạt được sau khi tốt nghiệp trong CDR của CTĐT ngành Kế toán trình độ ThS tại Trường.

Định kỳ rà soát, điều chỉnh CDR của CTĐT theo kế hoạch của Nhà trường

Định kỳ tổ chức hội nghị và khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan để thực hiện rà soát, điều chỉnh CDR của CTĐT một cách phù hợp. Đồng thời, tiếp tục thực hiện cập nhật những thay đổi, bổ sung của CDR trên hệ thống thư điện tử, website, trang facebook của Trường và Khoa một cách đều đặn, thường xuyên và rộng rãi.

3.3.2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Khắc phục tồn tại

Định kỳ lấy ý kiến từ các bên liên quan trên phạm vi rộng và đa dạng đối tượng để bổ sung và điều chỉnh bản mô tả CTĐT.

Điều chỉnh thông tin trên một số đề cương học phần theo đúng yêu cầu.

100% đề cương các học phần trong CTĐT sẽ được Khoa công bố thông qua các cuộc họp, công bố trên website của Trường, Khoa và được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau.

Phát huy điểm mạnh

Tiếp tục mô tả rõ ràng các nội dung liên quan đến CTĐT ThS.

Tiếp tục cập nhật những vấn đề mới nhất có liên quan đến ngành Kế toán vào bản mô tả CTĐT.

Tiếp tục rà soát, cập nhật, đánh giá định kì đề cương các học phần một cách bài bản để đáp ứng hơn nữa nhu cầu cập nhật của xã hội.

Tiếp tục công khai bản mô tả CTĐT qua các cuộc họp định kì, các website của Khoa để các cơ quan quản lý, các nhà sử dụng lao động, GV, HV, cựu HV đều có thể tiếp cận với bản mô tả CTĐT một cách dễ dàng và thuận tiện.

3.3.3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Khắc phục tồn tại

Định kỳ, tiến hành rà soát, điều chỉnh tổ hợp các phương pháp đánh giá về kỹ năng của NH ở tất cả các học phần nhằm đảm bảo đạt được CDR của học phần và CDR của CTĐT.

Định kỳ, tiến hành rà soát, điều chỉnh tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra/đánh giá nhằm đảm bảo các phương pháp phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CĐR.

Định kỳ, thực hiện rà soát, bổ sung tình huống thực tế cho tất cả các học phần của CTDH.

Phát huy điểm mạnh

Định kỳ, tiếp tục rà soát, cập nhật CTDH dựa trên các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm của CĐR trong CTĐT

Tiếp tục rà soát, đánh giá, cập nhật và bổ sung đề cương chi tiết cho tất cả các học phần dựa trên hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, Nhà trường và các ý kiến góp ý của các bên liên quan để phù hợp với xu hướng hội nhập của thị trường lao động.

Tiếp tục cập nhật thêm các CTĐT của các nước tiên tiến trên thế giới. Trên cơ sở đó so sánh, đánh giá để điều chỉnh CTDH cho phù hợp hơn.

3.3.4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Khắc phục tồn tại

Nhà trường tăng cường các cách thức phổ biến triết lý giáo dục đến toàn thể CB, GV, HV.

Phối hợp với các tổ chức hiệp hội nghề nghiệp như: ACCA, VAA, VACPA... tổ chức các hoạt động ngoại khóa về nghiệp vụ, các hoạt động hỗ trợ để nâng cao kỹ năng nghề nghiệp cho NH.

Nâng cao tinh thần, ý thức của HV thông qua các hoạt động dạy và học, có kết hợp hoạt động viết báo khoa học. Tổ chức tốt các buổi hỗ trợ kỹ năng cần thiết để giúp HV chủ động trong học tập.

Phát huy điểm mạnh

Thường xuyên cập nhật thông tin trên website của Trường để GV, NH và cộng đồng được tiếp cận sâu rộng hơn nữa triết lý, mục tiêu giáo dục của Trường.

Đội ngũ GV của Khoa tiếp tục tích cực, chủ động cập nhật, trau dồi kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm, đổi mới phương pháp giảng dạy nhằm giúp HV tiếp thu, lĩnh hội các kiến thức chuyên môn cũng như kỹ năng nghề nghiệp.

Tiếp tục lấy ý kiến phản hồi về các phương pháp giảng dạy, học tập và các hoạt động dạy học.

Tiếp tục cập nhật đề cương chi tiết theo hướng đẩy mạnh hoạt động tự học, tự nghiên cứu của HV.

Hoàn thiện hệ thống đào tạo trực tuyến E-learning cho phép NH tiếp cận đa chiều, phát triển nhanh hơn trong nhận thức và tư duy, góp phần nâng cao năng lực tự học, tự nghiên cứu cho HV.

3.3.5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Khắc phục tồn tại

Thực hiện phân tích định lượng đề thi tất cả học phần theo cấp độ dễ, trung bình, khó, quá khó và tổ chức thống kê, phân tích định lượng các kết quả thi.

Tăng cường kênh thông tin đến HV và xây dựng cơ chế đánh giá mức độ tiếp cận và hiểu thông tin của người học.

Thực hiện công tác thống kê, phân tích kết quả học tập của NH đối với các học phần được mời giảng từ GV ngoài Trường.

Bổ sung đầy đủ các rubrics đánh giá cho các học phần để đảm bảo độ tin cậy

Đôn đốc GV chấm bài thi và nộp điểm thi đúng thời gian quy định. Đồng thời, Nhà trường sẽ xử lý nghiêm minh các trường hợp GV chưa thực hiện đúng quy định về kiểm tra, đánh giá HV.

Tiếp tục thông báo kết quả học tập đến NH một cách kịp thời.

Đa dạng các hình thức công khai quy định khiếu nại về kết quả học tập như: công bố trên Website, sổ tay HV, Phòng Đào tạo SDH sẽ nhắc nhở HV về thời gian khiếu nại sau khi có kết quả thi.

Phát huy điểm mạnh

Thảo luận, góp ý và thống nhất hệ thống văn bản, quy định, quy chế rõ ràng và thông báo cho NH bằng nhiều hình thức.

Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện các văn bản, quy định phù hợp với thực tiễn để vận dụng cho việc đánh giá kết quả học tập của NH.

Định kỳ tổ chức tổng kết về hiệu quả tổ hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá được áp dụng trong các học phần của CTĐT.

Tiếp tục định kỳ tổ chức họp tổng kết công tác tổ chức thi kết thúc học phần, tổng hợp ý kiến phản hồi của GV, HV về CTĐT và hoạt động giảng dạy của GV.

Thực hiện nghiêm túc việc đánh giá kết quả giữa kỳ và thi cuối kỳ.

Tiếp tục công bố công khai, rộng rãi các quy định về đánh giá kết quả học tập cho GV và HV.

Tiếp tục nhắc nhở GV đánh giá kết quả người học chính xác và khách quan.

Nâng cấp phần mềm quản lý.

Phòng Đào tạo SDH kịp thời nắm bắt các đơn khiếu nại của HV và phân công người thực hiện.

GV thực hiện nghiêm túc việc kiểm tra lại bài thi.

3.3.6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Khắc phục tồn tại

Xây dựng kế hoạch chiến lược của Khoa và Nhà trường gắn liền với việc quy hoạch đội ngũ GV tham gia các hoạt động NCKH phục vụ cộng đồng.

Lập bản thống kê các hoạt động NCKH phục vụ cộng đồng hàng năm của GV.

Ban hành tiêu chí đánh giá mức độ đóng góp cho cộng đồng của GV.

Xây dựng kế hoạch cụ thể để phát triển đội ngũ GV có học hàm GS và PGS.

Triển khai thực hiện nhanh hơn các kế hoạch quản trị theo kết quả công việc của GV bằng KPI trong thời gian tới.

Nghiên cứu đưa ra quy định định lượng mức khen thưởng cho những GV có nhiều giờ NCKH vượt định mức chuẩn.

Cân đối nguồn tài chính để có thể tăng dần mức thưởng công trình được công bố trên các tạp chí quốc tế uy tín nhằm tạo động lực lớn cho GV tham gia NCKH ở trình độ quốc tế.

Ban hành văn bản quy định về chính sách đãi ngộ đối với GV có trình độ chuyên môn cao.

Ban hành tiêu chí đánh giá mức độ đóng góp cho cộng đồng của GV.

Lập kế hoạch và ban hành chính sách phát triển đội ngũ GV có học hàm GS, PGS.

Các kế hoạch triển khai quản trị theo kết quả công việc của GV bằng KPI cần triển khai thực hiện nhanh hơn trong thời gian tới.

Nghiên cứu đưa ra quy định định lượng mức khen thưởng cho những GV có nhiều giờ NCKH vượt định mức chuẩn.

Cân đối nguồn tài chính để có thể tăng dần mức thưởng công trình được công bố trên các tạp chí quốc tế uy tín nhằm tạo động lực lớn cho GV tham gia NCKH ở trình độ quốc tế.

Tiếp tục tạo điều kiện tốt nhất cho GV NCKH; đề nghị khen thưởng xứng đáng với GV thành tích NCKH xuất sắc.

Tiếp tục xây dựng các nhóm NCKH trong GV.

Phát huy điểm mạnh

Tiếp tục thực hiện tốt việc phân tích nhu cầu đào tạo/bồi dưỡng của đội ngũ GV.

Có kế hoạch và kinh phí phát triển đội ngũ GV.

Có các chính sách tốt về công tác nhân sự.

Cập nhật/chỉnh sửa quy định về khối lượng công việc và cơ chế giám sát đối với hoạt động đào tạo, NCKH của đội ngũ GV phù hợp với kế hoạch chiến lược phát triển của Nhà trường.

Tiếp tục thực hiện nghiêm túc công tác đánh giá năng lực của GV theo các quy định của Nhà trường.

Tiếp tục lập báo cáo tổng kết đánh giá hằng năm về việc thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV.

Tiếp tục rà soát, điều chỉnh chính sách khen thưởng kịp thời, đúng đối tượng, khách quan và công bằng, có hình thức khen thưởng xứng đáng với các danh hiệu.

Tiếp tục rà soát, đề xuất điều chỉnh chính sách khen thưởng, đãi ngộ nhằm khuyến khích GV nỗ lực NCKH.

3.3.7. Đội ngũ nhân viên

Khắc phục tồn tại

Tiếp tục rà soát để án vị trí việc làm và thực hiện công tác quy hoạch đội ngũ nhân viên đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm.

Rà soát và bổ sung các tiêu chí cụ thể về lựa chọn và điều chuyển nhân viên.

Thường xuyên rà soát điều chỉnh bộ tiêu chí đánh giá năng lực của nhân viên chi tiết hơn để công tác đánh giá, xét thi đua khen thưởng chính xác hơn, hợp lý hơn,

phù hợp với từng đối tượng, đồng thời có tác dụng động viên, khuyến khích đội ngũ nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ hỗ trợ, phục vụ công tác đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ ngoại ngữ cho đội ngũ nhân viên nhằm phục vụ tốt nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng trong bối cảnh hiện nay.

Nhanh chóng hoàn thiện quy trình đánh giá kết quả công việc của nhân viên bằng KPI.

Phát huy điểm mạnh

Tiếp tục hoàn thiện và có các chính sách đãi ngộ, khen thưởng và bồi dưỡng chuyên môn phù hợp và xứng đáng cho đội ngũ nhân viên hỗ trợ.

Thường xuyên lập kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhân viên để luôn đảm bảo phẩm chất, năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ phục vụ cho công việc.

Tiếp tục công khai, minh bạch các văn quy định mới cũng như các kế hoạch, thông báo, kết quả và quyết định tuyển dụng đến các đối tượng liên quan.

Tiếp tục rà soát, đề xuất hoàn thiện các chính sách quản lý nguồn nhân lực để phát triển đội ngũ nhân viên một cách toàn diện.

Tiếp tục thực hiện khảo sát nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên. Trên cơ sở đó, xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với đội ngũ nhân viên của từng đơn vị.

Tiếp tục rà soát, điều chỉnh chính sách khen thưởng kịp thời, đúng đối tượng, khách quan và công bằng, có hình thức khen thưởng xứng đáng với các danh hiệu.

3.3.8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Khắc phục tồn tại

Công bố công khai chi tiết thông tin tuyển sinh ngành Kế toán để thí sinh có cái nhìn đầy đủ về CTĐT ThS ngành Kế toán Trường ĐHQN qua nhiều hình thức.

Khi xây dựng chính sách tuyển sinh hàng năm thực hiện lấy ý kiến của đơn vị sử dụng lao động là doanh nghiệp.

Phân tích, đánh giá đầy đủ kết quả thi tuyển sinh hàng năm làm căn cứ điều chỉnh đề thi và nội dung ôn thi.

Phân tích, đánh giá thông tin đối tượng dự thi như độ tuổi, nơi cư trú, ngành nghề... làm căn cứ xây dựng kế hoạch quảng bá tuyển sinh.

Duy trì và phát triển phần mềm quản lý đào tạo SDH để quản lý và giám sát tiến độ học tập của HV sát sao hơn. Phần mềm cần có những cảnh báo khi HV không đạt các yêu cầu theo quy định của quy chế đào tạo.

Xây dựng kế hoạch, thực hiện khảo sát lấy ý kiến phản hồi của HV đầy đủ tất cả các năm, các khóa về hoạt động tư vấn, hỗ trợ học tập của viên chức hỗ trợ HV, đội ngũ phục vụ đào tạo, GV hướng dẫn.

Sắp xếp, bố trí nơi ở riêng trong KTX nhằm tạo điều kiện thuận lợi hơn cho HV cao học. Lên kế hoạch xây dựng các khu nghiên cứu phục vụ HV cao học.

Phát huy điểm mạnh

Tiếp tục thực hiện lấy ý kiến các bên liên quan trong trường như Khoa, Phòng Đào tạo SDH cũng như Ban giám hiệu Nhà trường về chính sách tuyển sinh hàng năm.

Mở rộng thực hiện lấy ý kiến các bên liên quan như HV, doanh nghiệp,... nhằm hoàn thiện tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

Tiếp tục tăng cường công tác giám sát để nắm bắt kịp thời tình hình học tập của HV.

Tăng cường công tác quản lý, phục vụ và duy trì, đảm bảo hệ thống giám sát một cách bao quát, cũng như giúp cho HV dễ dàng theo dõi tiến độ và kết quả học tập của mình.

Thực hiện khen thưởng kịp thời các viên chức hỗ trợ NH có năng lực, kinh nghiệm và nhiệt tình. Việc hỗ trợ HV cao học cần chú ý đến đặc thù đào tạo của cấp học này.

Phát huy hơn nữa vai trò Trung tâm Tư vấn tuyển sinh và Quan hệ Doanh nghiệp trong việc kết nối giữa NH và Doanh nghiệp. Trung tâm cần chú ý hơn đến việc kết nối những công việc bậc cao phù hợp với trình độ của HV cao học.

Tăng cường kiểm tra việc thực hiện các quy định, nội quy trong Nhà trường. Tiếp tục thực hiện các biện pháp đẩy mạnh xây dựng môi trường học tập, làm việc an toàn, thân thiện.

Thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của NH về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan làm cơ sở để đáp ứng nhu cầu và đầu tư hợp lý phục vụ NH một cách tốt nhất.

3.3.9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Khắc phục tồn tại

Nhà trường có kế hoạch cụ thể nhằm đảm bảo sửa chữa kịp thời các trang thiết bị khi bị hỏng hóc, đảm bảo quá trình làm việc, học tập của GV và HV.

Phối hợp, liên hệ, ký kết hợp tác với các thư viện khác nhằm bổ sung hệ thống tài liệu. Xây dựng và triển khai kế hoạch mua sắm nguồn tài liệu, học liệu nước ngoài bổ sung hằng năm

Có kế hoạch dài hạn trong việc phân quyền phần mềm quản lý để các đơn vị có thể dễ dàng kiểm tra, quản lý và tiện theo dõi tài sản đơn vị của mình.

Tăng cường công tác bảo trì – bảo dưỡng, kịp thời phát hiện và sửa chữa các trang thiết bị bị hỏng.

Nâng cấp chất lượng truy cập wifi ở một số khu vực còn yếu.

Xây dựng và triển khai kế hoạch tập huấn, diễn tập các biện pháp ứng phó khẩn cấp với các tai nạn lao động, cháy nổ, phòng cháy chữa cháy, ngộ độc thực phẩm cho viên chức toàn trường hằng năm.

Phát huy điểm mạnh

Tăng cường kinh phí để đầu tư cho trang thiết bị phục vụ đào tạo và NCKH.

Tiếp tục thực hiện thống kê diện tích phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng... để đảm bảo yêu cầu của Bộ GD & ĐT cũng như nhu cầu trong thực tế.

Tăng cường kiểm tra việc thực hiện các quy định, nội quy trong thư viện. Xây dựng văn hóa thư viện nhằm nâng cao hình ảnh thư viện.

Tập huấn cho NH sử dụng các phần mềm, nguồn học liệu của thư viện.

Duy trì công tác đánh giá, nâng cấp cơ sở vật chất, bao gồm các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thực hành.

Tiếp tục thực hiện các hoạt động kiểm kê, định kỳ sửa chữa, bảo dưỡng, đồng thời chú trọng hoạt động đầu tư mới hiện đại hóa hệ thống công nghệ thông tin.

Tiếp tục thực hiện hoạt động thu thập và tổng hợp kết quả về ý kiến phản hồi của NH và các bên liên quan.

Xây dựng và triển khai kế hoạch giám sát, đánh giá việc thực hiện các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn.

3.3.10. Nâng cao chất lượng

Khắc phục tồn tại

Định kỳ thực hiện thu thập thêm thông tin phản hồi và nhu cầu từ các bên liên quan khác như các cơ quan ban hành chính sách ở địa phương và trung ương. Dựa vào các thông tin này sẽ giúp cho Khoa thiết kế và phát triển CTDH phù hợp hơn với yêu cầu thực tiễn.

Định kỳ thực hiện khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ các cơ quan ban hành chính sách về quy trình thiết kế, phát triển CTDH. Dựa vào các thông tin này, sẽ giúp cho Khoa cải tiến quy trình thiết kế và phát triển CTDH phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

Triển khai lấy ý kiến phản hồi của HV về hoạt động dạy và học qua nhiều kênh, đa dạng và có hệ thống hơn.

Chú trọng các nghiên cứu liên quan đến phục vụ đào tạo và chuyển tải nội dung nghiên cứu vào các chuyên đề giảng dạy cho hệ đào tạo ThS.

Nhà trường lên kế hoạch bố trí khu kí túc xá dành riêng cho HV.

Nhà trường đang xây dựng phần mềm khảo sát tích hợp với phần mềm quản lý đào tạo SDH.

Phát huy điểm mạnh

Định kỳ thu thập đa dạng nguồn thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan. Đồng thời, tiếp tục sử dụng những thông tin này để thiết kế và phát triển CTDH phù hợp hơn.

Định kỳ thực hiện việc rà soát, đánh giá và cải tiến quy trình thiết kế và phát triển CTDH.

Thường xuyên rà soát, cải tiến phương pháp giảng dạy, đánh giá. Thường xuyên cập nhật phương pháp giảng dạy, đánh giá trong đề cương các học phần đảm bảo phù hợp với CDR.

Tiếp tục đăng ký đề tài NCKH các cấp, duy trì số lượng và chất lượng bài báo khoa học trên các tạp chí uy tín.

Tập trung phát triển một số bài giảng thành giáo trình để phục vụ nhu cầu của NH.

Xây dựng kế hoạch biên dịch tài liệu nước ngoài sang tiếng Việt nhằm tăng thêm nguồn học liệu cho NH.

Nhà trường tiếp tục nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích như: Phát triển thư viện điện tử để HV và GV có thể tiếp cận nguồn tài liệu nước ngoài, duy tu bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên cơ sở vật chất đáp ứng các nhu cầu để nâng cao CLĐT.

Tiếp tục thực hiện khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan.

Tiếp tục cải tiến CTĐT và các dịch vụ tiện ích đáp ứng tốt hơn nữa nhu cầu của NH và xã hội.

3.3.11. Kết quả đầu ra

Khắc phục tồn tại

Thực hiện việc đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp với các trường khác.

Thực hiện đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình với các trường khác trong nước.

Lên kế hoạch thu thập dữ liệu để đối sánh tỷ lệ HV có việc làm và thay đổi vị trí việc làm (thăng tiến trong công việc) sau tốt nghiệp với các trường trong nước.

Đẩy mạnh việc thu thập phản hồi thông tin việc làm và thay đổi vị trí việc làm (thăng tiến trong công việc) của HV tốt nghiệp.

Tích cực tuyên truyền và định hướng ngay từ đầu khóa học cho HV về tầm quan trọng của NCKH, thông qua seminar và hội thảo khoa học, tiếp tục triển khai mạnh mẽ các hoạt động truyền thông, tư vấn cho HV vai trò của NCKH và phát huy sự ảnh hưởng của các GV trong Khoa có các công trình NCKH giá trị, tạo động lực và truyền đam mê NCKH cho HV.

Tích cực tìm hiểu số liệu NCKH của các ngành học tương ứng ở trong nước và quốc tế để thực hiện đối sánh.

Trường và Khoa sẽ mở rộng đối sánh sự hài lòng của các bên liên quan của CTĐT ngành Kế toán trình độ thạc sĩ với các ngành khác trong Trường và các đơn vị bên ngoài Trường.

Phát huy điểm mạnh

Tiếp tục giám sát chặt chẽ tình hình học tập của HV, tìm hiểu lý do thôi học của HV.

Tiếp tục cải tiến, nâng cấp phần mềm quản lý đào tạo.

Tiếp tục rà soát, nhắc nhở HV chủ động theo dõi kế hoạch học tập và tốt nghiệp đúng hạn.

Phát huy tối đa vai trò của các GV trong việc hướng dẫn và tư vấn HV trong suốt quá trình học tập, kịp thời nắm bắt thông tin để HV ra trường đúng tiến độ.

Tiếp tục đẩy mạnh hợp tác với doanh nghiệp, cựu HV để cung cấp thông tin việc làm kịp thời đến HV.

Tiếp tục thực hiện thống kê các loại hình NCKH của HV.

Tiếp tục có kế hoạch tổ chức seminar khoa học với sự tham gia của các nhà khoa học đến thăm và làm việc tại Trường và bồi dưỡng các công cụ hỗ trợ làm NCKH cho HV như: SPSS, Eviews, R, Stata,... do Trung tâm Đào tạo và Tư vấn Kinh tế và Kế toán hỗ trợ nhằm khơi dậy lòng say mê NCKH trong HV.

Tiếp tục thực hiện khảo sát, lấy ý kiến phản hồi để đánh giá sự hài lòng của các bên liên quan.

Dựa vào kết quả khảo sát, tiếp tục cải tiến chất lượng CTĐT và các dịch vụ hỗ trợ để ngày càng nâng cao sự hài lòng cho các bên liên quan.

3.4. TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Căn cứ vào bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH (Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT), tổng hợp kết quả đánh giá của 11 tiêu chuẩn gồm 50 tiêu chí, Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành Kế toán trình độ ThS nhận thấy cả 50 tiêu chí đều đạt. Kết quả cụ thể của từng tiêu chuẩn và tiêu chí như sau:

Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT ngành Kế toán

Tên cơ sở giáo dục: Trường Đại học Quy Nhơn

Mã: DQN

Tên CTĐT: Thạc sĩ Kế toán

Mã CTĐT: 8340301

Bảng 4.1: Tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT ngành Kế toán trình độ ThS

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼			
<i>Tiêu chuẩn 1</i>								5,00	3	100
Tiêu chí 1.1					5					
Tiêu chí 1.2					5					
Tiêu chí 1.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 2</i>								4,00	3	100
Tiêu chí 2.1				4						
Tiêu chí 2.2				4						
Tiêu chí 2.3				4						
<i>Tiêu chuẩn 3</i>								5,00	3	100
Tiêu chí 3.1					5					
Tiêu chí 3.2					5					
Tiêu chí 3.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 4</i>								4,67	3	100
Tiêu chí 4.1					5					
Tiêu chí 4.2					5					
Tiêu chí 4.3				4						
<i>Tiêu chuẩn 5</i>								5,00	5	100
Tiêu chí 5.1					5					
Tiêu chí 5.2					5					
Tiêu chí 5.3					5					
Tiêu chí 5.4					5					
Tiêu chí 5.5					5					

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼			
<i>Tiêu chuẩn 6</i>								4,71	7	100
Tiêu chí 6.1					5					
Tiêu chí 6.2					5					
Tiêu chí 6.3					5					
Tiêu chí 6.4					5					
Tiêu chí 6.5					5					
Tiêu chí 6.6				4						
Tiêu chí 6.7				4						
<i>Tiêu chuẩn 7</i>								4,60	5	100
Tiêu chí 7.1					5					
Tiêu chí 7.2					5					
Tiêu chí 7.3				4						
Tiêu chí 7.4					5					
Tiêu chí 7.5				4						
<i>Tiêu chuẩn 8</i>								4,20	5	100
Tiêu chí 8.1				4						
Tiêu chí 8.2				4						
Tiêu chí 8.3				4						
Tiêu chí 8.4				4						
Tiêu chí 8.5					5					
<i>Tiêu chuẩn 9</i>								4,60	5	100
Tiêu chí 9.1					5					
Tiêu chí 9.2				4						
Tiêu chí 9.3				4						

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
Tiêu chí 9.4					5					
Tiêu chí 9.5					5					
Tiêu chuẩn 10								5,00	6	100
Tiêu chí 10.1					5					
Tiêu chí 10.2					5					
Tiêu chí 10.3					5					
Tiêu chí 10.4					5					
Tiêu chí 10.5					5					
Tiêu chí 10.6					5					
Tiêu chuẩn 11								4,80	5	100
Tiêu chí 11.1					5					
Tiêu chí 11.2					5					
Tiêu chí 11.3				4						
Tiêu chí 11.4					5					
Tiêu chí 11.5					5					
Đánh giá chung CTĐT								4,70	50	100

Bình Định, ngày 10 tháng 3 năm 2022.

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Đỗ Ngọc Mỹ.

PHẦN IV. PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1. CƠ SỞ DỮ LIỆU KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CTĐT

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 28/01/2022

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập)
Tiếng Việt: TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN
Tiếng Anh: QUY NHON UNIVERSITY
2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục
Tiếng Việt: ĐHQN
Tiếng Anh: QNU
3. Tên trước đây (nếu có): Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn
4. Cơ quan quản lý trực tiếp: BỘ GD&ĐT
5. Địa chỉ: 170 An Dương Vương, Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
6. Thông tin liên hệ: Điện thoại: 0256 3846156 Số fax: 0256 3846089
E-mail: dqn@moet.edu.vn Website: www.qnu.edu.vn
7. Năm thành lập CSGD (theo quyết định thành lập): 21/12/1977 (Quyết định số 1842/QĐ của Bộ trưởng Bộ Giáo dục)
8. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 1978
9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I: 1982
10. Loại hình CSGD:
Công lập ☒ Bán công ☐ Dân lập ☐ Tư thực ☐

II. Thông tin chung về đơn vị thực hiện CTĐT

12. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)
Tiếng Việt: KHOA KINH TẾ VÀ KẾ TOÁN
Tiếng Anh: DEPARTMENT OF ECONOMIC AND ACCOUNTING
13. Tên viết tắt của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:
Tiếng Việt: KTKT
Tiếng Anh: FEA
14. Tên trước đây (nếu có): Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
15. Mã CTĐT: 8340301
16. Tên trước đây của CTĐT (nếu có):

17. Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT: P11.1, 11.2, Tầng 11 - Nhà 15 tầng, 170 An Dương Vương, Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

18. Số điện thoại liên hệ: 0256 3847569 Số fax:

E-mail: fea@qnu.edu.vn

Website: <http://www.fea.qnu.edu.vn>

19. Năm thành lập Khoa/Bộ môn (theo Quyết định thành lập): 2009 (theo Quyết định 1231/QĐ-ĐHQN, ngày 14/10/2009 của Hiệu trưởng Trường ĐHQN).

20. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): 2012

21. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): 2014

III. Giới thiệu khái quát về Khoa Kinh tế & Kế toán

22. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện CTĐT

Tháng 7 năm 1994, Trường Đại học Sư phạm (ĐHSP) Quy Nhơn và Trường Đại học Kinh tế Quốc dân đã ký kết hợp đồng liên kết đào tạo ngành Quản trị kinh doanh. Sự kiện này đã đặt “viên gạch” đầu tiên cho quá trình xây dựng và phát triển các ngành Quản trị kinh doanh, Kế toán, Tài chính – Ngân hàng và Kinh tế. Năm đầu tiên tuyển sinh – tháng 9 năm 1994 – Trường ĐHSP Quy Nhơn đã tuyển được 65 sinh viên chuyên ngành Quản trị kinh doanh Du lịch. Nhiệm vụ quản lý sinh viên của khóa học đầu tiên này được giao cho Khoa Sử - Chính trị.

Ngày 27 tháng 03 năm 2002, Bộ GD&ĐT ra Quyết định số 1247/QĐ - BGD&ĐT-TCCB về việc thành lập Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh. Đây là bước khởi đầu nhằm tạo tiền đề để phát triển Trường ĐHSP Quy Nhơn thành Trường ĐHQN đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực. Cũng trong năm học 2002-2003, Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh chính thức được Bộ GD&ĐT cho phép tuyển sinh ngành Quản trị kinh doanh do Trường ĐHQN cấp bằng. Hai sự kiện này là bước ngoặt lớn đặt nền móng cho quá trình phát triển của Khoa sau này. Những năm tiếp theo, các ngành Kế toán, Tài chính – Ngân hàng và Kinh tế lần lượt ra đời. Ngày 14 tháng 10 năm 2009, Hiệu trưởng Trường ĐHQN - PGS.TS. Nguyễn Hồng Anh - ký Quyết định số 1231/QĐ-ĐHQN, ngày 14/10/2009 thành lập Khoa KT&KT và Khoa Tài chính - Ngân hàng & Quản trị kinh doanh trên cơ sở tách Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh.

Hòa chung vào sự phát triển của Trường ĐHQN, trong suốt 20 năm qua Khoa KT&KT đã từng bước trưởng thành và phát triển mạnh mẽ trong công tác đào tạo, NCKH và hợp tác đào tạo.

Về công tác đào tạo, hiện nay Khoa đang đảm nhận đào tạo 3 ngành: ngành Kế toán đào tạo ở bậc đại học và ThS; ngành Kiểm toán và ngành Kinh tế với hai chuyên ngành Kinh tế đầu tư và Kinh tế phát triển đào tạo ở bậc đại học. Việc đào tạo này đã và đang đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực trong quá trình đổi mới ở khu vực Nam Trung bộ - Tây Nguyên nói riêng và cả nước nói chung. Nhiều cựu sinh viên, HV của Khoa hiện đang nắm giữ các vị trí quan trọng trong các doanh nghiệp, trong các tổ chức.

Về công tác NCKH, GV Khoa KT&KT đã chủ trì và tham gia nhiều đề tài KH&CN các cấp; nhiều bài báo khoa học đã được đăng trên các tạp chí quốc tế và trong nước có uy tín; nhiều giáo trình, sách chuyên khảo, sách tham khảo của các GV trong Khoa đã được xuất bản.

Về quan hệ hợp tác đào tạo, từ khi thành lập đến nay, Khoa KT&KT đã tạo lập được mối quan hệ với nhiều trường đại học, tổ chức trong và ngoài nước có liên quan đến đào tạo và nghiên cứu. Cụ thể, Khoa có quan hệ hợp tác với Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Học viện Tài chính, Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng, Kiểm toán Nhà nước, Hội Kế toán - Kiểm toán Việt Nam, Vụ Chế độ Kế toán – Kiểm toán, Viện kế toán công chứng Anh (ACCA), Sở Khoa học & Công nghệ Bình Định, Sở Công thương Bình Định, Viện Phát triển Kinh tế - Xã hội Bình Định,... Khoa cũng xây dựng đội ngũ cộng tác viên là những người đang công tác ở các doanh nghiệp, công ty kiểm toán, ngân hàng, cơ quan thuế, các Sở và Viện nghiên cứu,... để trao đổi kinh nghiệm làm việc cũng như hỗ trợ trong quá trình thực tập, thực tế cho sinh viên, HV của Khoa.

Công tác phát triển nguồn nhân lực luôn được Khoa đặc biệt quan tâm vì đây là một trong những nhân tố góp phần đáng kể vào việc nâng cao CLĐT. Hiện nay, Khoa có 48 GV, trong đó có 2 PGS.TS, 16 TS, 30 ThS (trong đó có 9 GV đang học nghiên cứu sinh). Đội ngũ GV của Khoa được đào tạo từ nước ngoài như: Mỹ, Pháp, Đức, Cộng hòa Séc, Úc, Đài Loan, Thái Lan,... và các trường uy tín trong nước như: Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, Học viện Tài chính, Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng, điều này đã góp phần đáng kể vào quá trình đổi mới đào tạo trong xu hướng hội nhập quốc tế hiện nay.

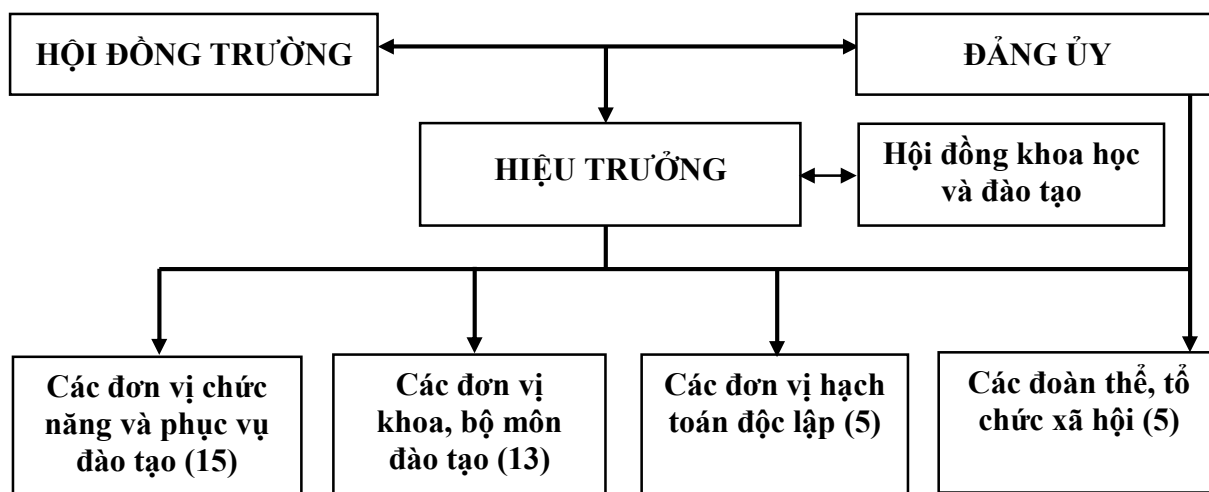
Các danh hiệu thi đua và khen thưởng chính của Khoa KT&KT

- Hằng năm Khoa KT&KT đều đạt danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến và Tập thể Lao động xuất sắc

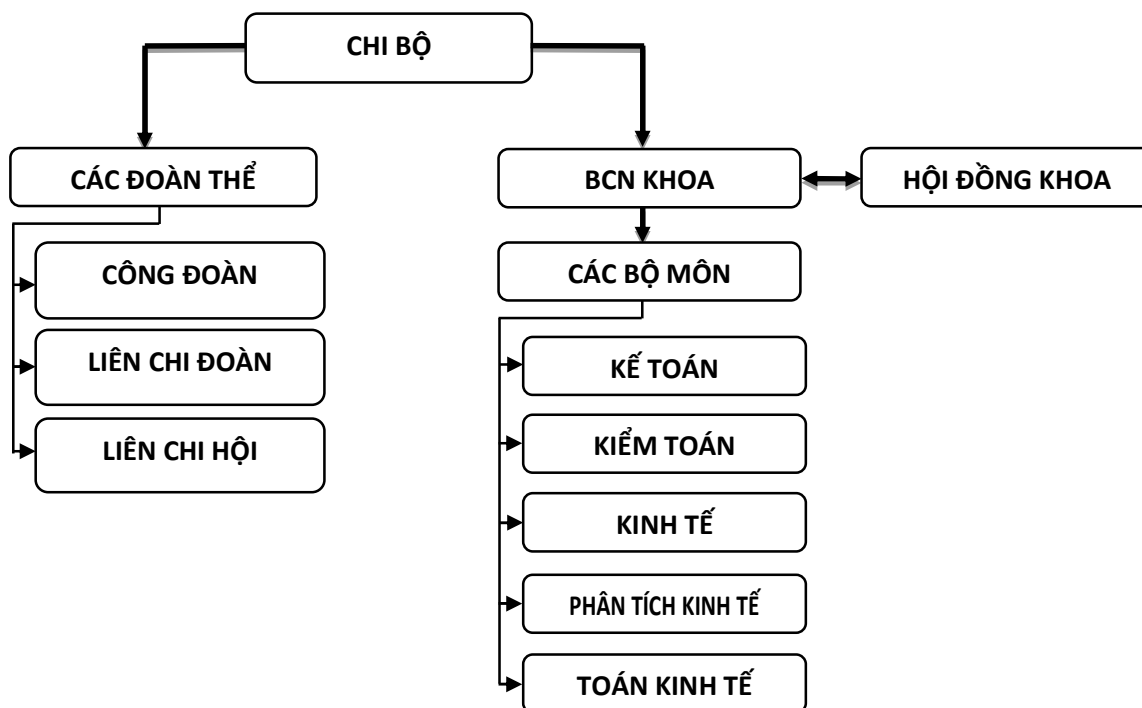
- Nhiều bằng khen của các cá nhân và tập thể Khoa KT&KT các cấp: Bộ, Tỉnh.

23. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT

Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Trường ĐHQN



Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Khoa KT&KT



24. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT.

T T	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
Ban lãnh đạo CSGD						
1	Hiệu trưởng	Đỗ Ngọc Mỹ	1963	PGS.TS	0913422517	dnmy@qnu.edu.vn
2	Phó Hiệu trưởng	Nguyễn Đình Hiền	1963	PGS.TS	0903599502	nguyendinhkien@qnu.edu.vn
3	Phó Hiệu trưởng	Đinh Anh Tuấn	1966	TS	0914046673	dinhanhtuan@qnu.edu.vn
4	Phó Hiệu trưởng	Đoàn Đức Tùng	1975	PGS.TS	0905799386	doanductung@qnu.edu.vn
Đơn vị thực hiện CTĐT						
I. Lãnh đạo chủ chốt của đơn vị						
1	Trưởng khoa	Trần Thị Cẩm Thanh	1976	PGS.TS	0913499523	tranthicamthanh@qnu.edu.vn
2	Phó Trưởng khoa	Đỗ Huyền Trang	1979	TS	0941231579	dohuyentrang@qnu.edu.vn
3	Phó Trưởng khoa	Hoàng Mạnh Hùng	1978	TS	0964136839	hoangmanhhung@qnu.edu.vn

T T	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức đanh, chức vụ	Điện thoại	Email
II. Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội						
1	Chi bộ	Trần Thị Cẩm Thanh	1976	PGS.TS, Bí thư	0913499523	tranthicamthanh@qnu.edu.vn
2	Công đoàn	Đỗ Huyền Trang	1979	TS, Chủ tịch	0941231579	dohuyentrang@qnu.edu.vn
3	Liên Chi đoàn	Đào Quyết Thắng	1987	TS, Bí thư	0918587189	daoquyetthang@qnu.edu.vn
4	Hội sinh viên	Trần Xuân Quân	1991	ThS, Chủ tịch	0795663091	tranxuanquan@qnu.edu.vn
III. Các phòng, viện, trung tâm						
1	Phòng Đào tạo đại học	Lê Xuân Vinh	1967	TS, Trưởng phòng	0914031785	lexuanvinh@qnu.edu.vn
2	Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng	Nguyễn Hữu Tiến	1962	ThS, Trưởng phòng	0914060611	nguyenhuutien@qnu.edu.vn
3	Phòng Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế	Nguyễn Tiến Trung	1979	PGS.TS, Trưởng phòng	0904044157	nguyentientrung@qnu.edu.vn
4	Phòng Công tác chính trị	Cao Kỳ Nam	1986	ThS, Trưởng	0856259842	caokynam@qnu.edu.vn

T T	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
	và sinh viên			phòng		
5	Phòng Cơ sở vật chất	Trần Thanh Thái	1972	TS, Trưởng phòng	0914682645	tranthanhthai@qnu.edu.vn
6	Phòng Kế hoạch - Tài chính	Phan Vũ Hạnh	1969	CN, Trưởng phòng	0913454366	phanvuhanh@qnu.edu.vn
7	Phòng Thanh tra – Pháp chế	Nguyễn Thị Kim Oanh	1972	ThS, Trưởng phòng	0935603630	nguyenthikimoanh@qnu.edu. vn
8	Phòng Tổ chức – Nhân sự	Hà Thanh Hải	1969	TS, Trưởng phòng	0983443902	hathanhhai@qnu.edu.vn
9	Phòng Hành chính – Tổng hợp	Nguyễn Hữu Xuân	1973	TS, Trưởng phòng	0989161119	nguyenhuuxuan@qnu.edu.vn
10	Phòng Đào tạo sau đại học	Hồ Xuân Quang	1972	PGS.TS, Trưởng phòng	0935748777	hoxuanquang@qnu.edu.vn
11	Thư viện	Lê Thanh Hải	1982	ThS, Giám đốc	0987747378	lethanhhai@qnu.edu.vn
12	Trung tâm Tư vấn tuyển sinh và Quan hệ doanh	Nguyễn Khắc Khanh	1982	ThS, Giám đốc	0985554050	nguyenkhackhanh@qnu.edu.v n

T T	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức đanh, chức vụ	Điện thoại	Email
	ngiệp					
13	Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông	Nguyễn Thành Đạt	1978	TS, Giám đốc	0905139393	nguyenthanhdatt@qnu.edu.vn
14	Viện Khoa học giáo dục	Nguyễn Phi Hùng	1967	PGS.TS, Viện trưởng	0931906721	nguyenphihung@qnu.edu.vn
IV. Các bộ môn						
1	Kế toán	Nguyễn Ngọc Tiến	1979	PGS.TS, TBM	0905041179	nguyenngoctien@qnu.edu.vn
2	Kiểm toán	Lê Trần Hạnh Phương	1987	TS, TBM	0986250045	letranhphuong@qnu.edu.v n
3	Kinh tế	Hoàng Thị Hoài Hương	1988	TS, TBM	0914186829	hoangthihoaihuong@qnu.edu. vn
4	Phân tích kinh tế	Đào Nhật Minh	1987	TS, TBM	0935081287	daonhatminh@qnu.edu.vn
5	Toán kinh tế	Trương Thị Thanh Phượng	1985	TS, TBM	0945987068	truongthithanhphuong@qnu.e du.vn

25. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT:

Kế toán

Kiểm toán

Kinh tế

26. Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: 0

27. Số lượng chuyên ngành đào tạo ThS: 01

28. Số lượng ngành đào tạo đại học: 03

29. Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: 0

30. Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác: 0

31. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT:

	Có	Không
Chính quy	☒	☐
Không chính quy	☒	☐
Từ xa	☐	☐
Liên kết đào tạo với nước ngoài	☐	☐
Liên kết đào tạo trong nước	☐	☐

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình): không

32. Tổng số các ngành đào tạo: 03

IV. Cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

33. Thống kê số lượng cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên của Khoa Kinh tế và Kế toán

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Đội ngũ cơ hữu <i>Trong đó:</i>	9	41	50
I.1	Đội ngũ trong biên chế	9	41	50
I.2	Đội ngũ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	0	0	0
II	Các đối tượng khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng)	8	5	13
	Tổng số	17	46	63

34. Thống kê, phân loại giảng viên của Khoa Kinh tế và Kế toán

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	Giảng viên cơ hữu (GV)			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là CB quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ	2	0	0	0	2	0
2	Phó Giáo sư	9	0	0	2	7	0
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	19	9	0	6	4	0
5	Thạc sĩ	31	31	0	0	0	0
6	Đại học	0	0	0	0	0	0
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0
8	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0
	Tổng số	61	40	0	8	13	0

Tổng số GV cơ hữu = Cột (3) - cột (7) – cột (8) = 48 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 96%.

35. Quy đổi số lượng giảng viên của Khoa Kinh tế và Kế toán theo quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	Giáo sư, Viện sĩ	5,0	2	0	0	0	2	0	2
2	Phó Giáo sư	3,0	9	0	0	2	7	0	6
3	Tiến sĩ khoa học	3,0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	2,0	19	9	0	6	4	0	23,2
5	Thạc sĩ	1,0	31	31	0	0	0	0	31
6	Đại học	0,3	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng		61	40	0	8	13	0	62,2

Cách tính: Cột 10 = cột 3*(cột 5 + cột 6 + 0,3*cột 7 + 0,2*cột 8 + 0,2*cột 9)

36. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

[illegible]

4	Tiến sĩ	15	31,25	4	11	0	12	3	0	0
5	Thạc sĩ	31	64,58	4	27	0	28	2	1	0
6	Đại học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng	48	100	9	39	0	40	7	1	0

36.1. Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: **35,7**

36.2. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: $17/48 = 35,42\%$

36.3. Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: $31/48 = 64,58\%$

37. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	21	80
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	50	20
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	17	0
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	9	0
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	3	0
	Tổng	100	100

V. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)

38. Người học bao gồm học sinh, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/thang điểm	Điểm trung bình của SV được tuyển	Số lượng SV quốc tế nhập học (người)
2016-2017	423	271	0,64	271	15	20	0
2017-2018	489	350	0,65	319	15	19,5	1
2018-2019	428	458	0,63	270	15	19,5	0
2019-2020	351	320	0,63	220	15	19	0
2020-2021	571	360	0,60	342	15	21	0

39. Thống kê, phân loại số lượng người học của CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
1. Nghiên cứu sinh					
2. Học viên cao học	88	97	146	58	49
3. Sinh viên đại học	1.274	1.293	1.180	1.059	1.322
Trong đó:					
Hệ chính quy	1.089	1.238	1.125	1.012	1.226
Hệ không chính quy	185	55	55	47	96
4. Sinh viên cao đẳng	118	35	0	0	0
Trong đó:					
Hệ chính quy	118	35	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
5. Học sinh TCCN					
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
6. Khác...					

40. Số sinh viên quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

	Năm học				
	2016- 2017	2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021
Số lượng (người)	1	2	3	3	0
Tỷ lệ (%) trên tổng số người học	0,068	0,140	0,226	0,269	0

41. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu

Các tiêu chí	2016- 2017	2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	14.438,4	14.438,4	14.438,4	14.438,4	14.438,4
2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)	987	1.047	924	812	1.013
3. Người học được ở trong ký túc xá (người)	118	111	113	109	122
4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m ² /người)	4	4	4	4	4

42. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia nghiên cứu khoa học

	Năm học				
	2016- 2017	2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021
Số lượng (người)	37	25	24	21	31
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên	2,5	1,75	1,81	1,88	2,26

43. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2016- 2017	2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án TS					
2. Học viên tốt nghiệp cao học	49	85	90	94	57

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2016- 2017	2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học Trong đó:	506	165	360	257	271
Hệ chính quy	323	147	320	257	259
Hệ không chính quy	183	18	40	0	12
4. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng Trong đó:	12	41	34	4	1
Hệ chính quy	12	41	34	4	1
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
6. Khác...					

(Tính cả những người học đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng)

44. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy của CTĐT:

	Các tiêu chí	Năm học				
		2016- 2017 (Khóa 36)	2017- 2018 (Khóa 37)	2018- 2019 (Khóa 38)	2019- 2020 (Khóa 39)	2020- 2021 (Khóa 40)
1	Số lượng người học tốt nghiệp	137	318	250	215	259
2	Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).	91,95	84,35	72,89	79,34	81,19
3	3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT: A. CSGD/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về					

	Các tiêu chí	Năm học				
		2016- 2017 (Khóa 36)	2017- 2018 (Khóa 37)	2018- 2019 (Khóa 38)	2019- 2020 (Khóa 39)	2020- 2021 (Khóa 40)
	vấn đề này → chuyển xuống câu 4 B. CSGD/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
3.1	3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).		29,9	36,6	53,6	55,2
3.2	3.2. Tỷ lệ người học trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).		34,4	42,9	45,0	43,9
3.3	3.3. Tỷ lệ người học trả lời <i>không</i> học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp		35,7	20,5	1,4	0,7
4	4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. CSGD/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5					

	Các tiêu chí	Năm học				
		2016- 2017 (Khóa 36)	2017- 2018 (Khóa 37)	2018- 2019 (Khóa 38)	2019- 2020 (Khóa 39)	2020- 2021 (Khóa 40)
	B. CSGD/ đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
4.1	4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%).					
	- Sau 6 tháng tốt nghiệp.					
	- Sau 12 tháng tốt nghiệp.	74,07	72,27	74,10	76,01	
4.2	4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).	19,44	18,18	18,01	17,86	
4.3	4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm.	5,6	6,0	6,3	6,5	
5	5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. CSGD/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này. B. CSGD/đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
5.1	5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc,				32,14	37,02

	Các tiêu chí	Năm học				
		2016- 2017 (Khóa 36)	2017- 2018 (Khóa 37)	2018- 2019 (Khóa 38)	2019- 2020 (Khóa 39)	2020- 2021 (Khóa 40)
	có thể sử dụng được ngay (%).					
5.2	5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).				60,73	57,97
5.3	5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).				7,13	5,01

Ghi chú:

- Người học tốt nghiệp là người học có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những người học chưa nhận được bằng tốt nghiệp.
- Người học có việc làm là người học tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm.
- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp.
- Các mục bỏ trống đều được xem là CSGD/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về việc này.

VI. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

45. Số lượng đề tài NCKH và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số	Số lượng					Tổng quy đổi
			2016- 2017	2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0	0	0	0	0	0	0
2	Đề tài cấp Bộ/Tỉnh*	1,0	1	0	0	1	3	5,0
3	Đề tài cấp Trường	0,5	1	1	1	2	5	5,0

	Tổng		2	1	1	3	8	10,0
--	-------------	--	----------	----------	----------	----------	----------	-------------

Cách tính: Cột 9 = cột 3*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh GS Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: 10,0

Tỷ số đề tài NCKH và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên CB cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: $10/48 = 0,21$

46. Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên CB cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	2017	161,5	3,64	3,23
2	2018	11,5	0,27	0,23
3	2019	12,625	0,32	0,25
4	2020	175,0	5,22	3,65
5	2021	513,2	12,47	10,69

47. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	1	7	22	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	1	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số CB tham gia	1	8	22	

48. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số **	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2017	2018	2019	2020	2021	
1	Sách chuyên khảo	2,0	1	0	0	3	0	8
2	Sách giáo trình	1,5	1	3	1	2	2	13,5
3	Sách tham khảo	1,0	1	0	0	0	0	1
4	Sách hướng dẫn	0,5	0	0	0	0	0	0
	Tổng		5	2	10	7	2	22,5

** Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh GS Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 22,5

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên CB cơ hữu: $22,5/48 = 0,47$

49. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng CB cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	4	27	1	0
Từ 4 đến 6 cuốn sách	0	2	0	0
Trên 6 cuốn sách	0	0	0	0
Tổng số CB tham gia	4	29	1	0

50. Số lượng bài của đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số **	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2017	2018	2019	2020	2021	
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	1	4	17	27	23	108
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	9	14	15	16	44	98

3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	1	1	1	0	0	1,5
	Tổng		11	19	33	43	67	207,5

** Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh GS Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 207,5

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên CB cơ hữu: $207,5/48 = 4,32$

51. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế (ISI, Scopus,...)	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	4	3	3
Từ 6 đến 10 bài báo	6	8	0
Từ 11 đến 15 bài báo	1	3	0
Trên 15 bài báo	2	10	0
Tổng số cán bộ tham gia	13	24	3

52. Số lượng báo cáo khoa học do CB cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số **	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2017	2018	2019	2020	2021	
1	Hội thảo quốc tế	1,0	2	14	11	0	5	32
2	Hội thảo trong nước	0,5	13	6	3	2	18	21
3	Hội thảo cấp trường	0,25	2	1	0	0	0	1,25
	Tổng		17	21	14	2	23	54,25

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của CSGD vì đã được tính 1 lần)

**** Hệ số quy đổi:** Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh GS Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 54,25

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên CB cơ hữu: $54,25/48 = 1,13$

53. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

Số lượng CB cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo cấp trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	6	3	4
Từ 6 đến 10 báo cáo	4	4	0
Từ 11 đến 15 báo cáo	0	2	0
Trên 15 báo cáo	0	1	0
Tổng số cán bộ tham gia	10	10	4

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của Trường)

54. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)

55. Nghiên cứu khoa học của người học

55.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	1	0	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số người học tham gia	0	1	0	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

52.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

(*Thông kê các giải thưởng NCKH, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố*)

TT	Thành tích NCKH	Số lượng				
		2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	1	1	2	2	3
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	3	2	6	8	12

VII. Cơ sở vật chất, thư viện

56. Tổng diện tích đất sử dụng của CSGD: 240.112 m².

57. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT: 130.610 m².

58. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau:

- Nơi làm việc: 6.855 m², Nơi học: 36.416 m², Nơi vui chơi giải trí: 18.905m².

59. Diện tích phòng học (tính bằng m²):

- Tổng diện tích phòng học: 25.748 m²

- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 2,3 m²/người

60. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Trung tâm Thông tin – Tư liệu: 5.849

Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT (nếu có): 128

61. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT:

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 4

- Dùng cho người học tập: 50

VIII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Tổng số GV cơ hữu (người): 48

Tỷ lệ GV cơ hữu trên tổng số CB cơ hữu: $48/50 \times 100\% = 96\%$.

Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ TS trở lên trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: $17/48 = 35,42\%$

2. Người học:

Tổng số người học chính quy (người): 1371

Tỷ số người học chính quy trên GV của Khoa: $1371/62,2 = 22,04$

Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào: 84,2%

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 55,2

Tỷ lệ người học trả lời chỉ học được một phần kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 43,9

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo: 76,1%

Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo: 17,86%

Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm: 6,5 triệu VNĐ

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): 37,02

Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): 57,97

6. NCKH và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài NCKH và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên CB cơ hữu: $10/48 = 0,21$

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên CB cơ hữu: $513,2/48 = 10,69$ (triệu đồng)

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên CB cơ hữu: $22,5/48 = 0,47$

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên CB cơ hữu: $207,5/48 = 4,32$

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên CB cơ hữu: $54,25/48 = 1,13$

7. Cơ sở vật chất: Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy: 4 m²/người học.

PHỤ LỤC 2. CÁC QUYẾT ĐỊNH VÀ VĂN BẢN LIÊN QUAN KHÁC

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1234/QĐ-ĐHQN

Quy Nhơn, ngày 14 tháng 10 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Khoa Tài chính - Ngân hàng & Quản trị kinh doanh và Khoa Kinh tế & Kế toán

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

Căn cứ quy định về quyền hạn, trách nhiệm của Hiệu trưởng trường theo chương VI "Điều lệ trường Đại học" ban hành kèm theo Quyết định số 153 ngày 30 tháng 7 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo và Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Kết luận số 403-KL/ĐU ngày 22 tháng 9 năm 2009 của Đảng bộ Quy Nhơn về công tác tổ chức bộ máy Trường Đại học Quy Nhơn nhiệm kỳ 2009 - 2014;
Xét đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức - Cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Khoa Tài chính - Ngân hàng & Quản trị kinh doanh và Khoa Kế toán trên cơ sở tách Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh.

Điều 2. Chức năng, nhiệm vụ của hai Khoa do Hiệu trưởng quy định cụ thể.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Các ông (bà) Trưởng phòng Tổ chức - Cán bộ, Kế hoạch - Tài chính Tổng hợp, Đào tạo Đại học & Sau đại học, Trưởng Khoa Tài chính - Ngân hàng & Quản trị kinh doanh, Trưởng Khoa Kinh tế & Kế toán và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

Số: 2057/QĐ-ĐHQN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bình Định, ngày 25 tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và các nhóm chuyên trách chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Kế toán

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

Căn cứ Quyết định số 221/2003/QĐ-TTg ngày 30/10/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn thành Trường Đại học Quy Nhơn;

Căn cứ nhiệm vụ và quyền hạn của hiệu trưởng cơ sở giáo dục đại học được quy định tại Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Công văn 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài CTĐT;

Theo đề nghị của Trường phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng và Trường khoa Kinh tế và Kế toán,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Kế toán gồm các ông (bà) có tên trong danh sách kèm theo.

Giúp việc cho Hội đồng tự đánh giá có Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Kế toán theo Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và các văn bản hướng dẫn tự đánh giá chương trình đào tạo của Cục Quản lý chất lượng.

Điều 3. Các ông (bà) Trường phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng, Trường khoa Kinh tế và Kế toán, các Trường đơn vị liên quan và các ông (bà) có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KTBDCL.



HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Đỗ Ngọc Mỹ



**DANH SÁCH HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NGÀNH KẾ TOÁN**

(Kèm theo Quyết định số 2057/QĐ-ĐHQN ngày 25 tháng 8 năm 2021 của Hiệu trưởng
Trường Đại học Quy Nhơn)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Ông Đỗ Ngọc Mỹ	PGS.TS, Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	Ông Đoàn Đức Tùng	PGS.TS, Phó Hiệu trưởng	Phó chủ tịch
3	Bà Trần Thị Cẩm Thanh	PGS.TS, Trưởng khoa Khoa Kinh tế & Kế toán	Phó chủ tịch
4	Bà Đỗ Huyền Trang	TS, Phó Trưởng khoa Khoa Kinh tế & Kế toán	Thư ký
5	Ông Nguyễn Quang Ngoạn	PGS.TS, Chủ tịch Hội đồng Trường	Thành viên
6	Ông Lê Xuân Vinh	TS, Trưởng phòng Phòng Đào tạo đại học, đại diện Hội đồng Khoa học và Đào tạo	Thành viên
7	Ông Hồ Xuân Quang	PGS.TS, Trưởng phòng Phòng Đào tạo sau đại học	Thành viên
8	Ông Nguyễn Hữu Tiến	ThS, Trưởng phòng Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng	Thành viên
9	Ông Hà Thanh Hải	TS, Trưởng phòng Phòng Tổ chức - Nhân sự	Thành viên
10	Ông Lê Công Trình	PGS.TS, Trưởng khoa Khoa Toán - Thống kê	Thành viên
11	Bà Nguyễn Thị Khánh Linh	ThS, Phó Trưởng phòng Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng	Thành viên
12	Ông Hoàng Mạnh Hùng	TS, Phó Trưởng khoa Khoa Kinh tế & Kế toán	Thành viên
13	Bà Trương Thị Thanh Phương	TS, Trưởng bộ môn Khoa Kinh tế & Kế toán	Thành viên
14	Bà Lê Trần Hạnh Phương	TS, Trưởng bộ môn Khoa Kinh tế & Kế toán	Thành viên
15	Ông Nguyễn Ngọc Tiến	PGS.TS, Giảng viên Khoa Kinh tế & Kế toán	Thành viên
16	Ông Đào Nhật Minh	TS, Giảng viên Khoa Kinh tế & Kế toán	Thành viên
17	Bà Phạm Thị Khoa	Học viên Lớp cao học Kế toán K23B, Khoa Kinh tế & Kế toán	Thành viên

(Danh sách gồm có 17 người). *ph*

le.

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ

(Kèm theo Quyết định số 2057/QĐ-ĐHQN ngày 25 tháng 8 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Bà Đỗ Huyền Trang	TS, Phó Trưởng khoa Khoa Kinh tế & Kế toán	Trưởng Ban thư ký
2	Ông Nguyễn Thành Chiến	ThS, Chuyên viên Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng	Thành viên hỗ trợ
3	Bà Ngô Nữ Mai Quỳnh	ThS, Giảng viên Khoa Kinh tế & Kế toán	Thành viên
4	Bà Trần Thị Quanh	ThS, Giảng viên Khoa Kinh tế & Kế toán	Thành viên
5	Bà Lê Mộng Huyền	ThS, Giảng viên Khoa Kinh tế & Kế toán	Thành viên
6	Ông Đào Quyết Thắng	TS, Giảng viên Khoa Kinh tế & Kế toán	Thành viên
7	Bà Lương Thị Thúy Diễm	ThS, Giảng viên Khoa Kinh tế & Kế toán	Thành viên

(Danh sách gồm có 07 người).





DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH

(Kèm theo Quyết định số 2057/QĐ-ĐHQN ngày 25 tháng 8 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
Nhóm 1			
1.	Ông Nguyễn Ngọc Tiến	TS, Giảng viên, Khoa Kinh tế & Kế toán	Trưởng nhóm
2.	Bà Ngô Nữ Mai Quỳnh	ThS, Giảng viên, Khoa Kinh tế & Kế toán	Thư ký
3.	Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng	TS, Giảng viên, Khoa Kinh tế & Kế toán	Thành viên
4.	Bà Lê Thị Thanh Mỹ	TS, Giảng viên, Khoa Kinh tế & Kế toán	Thành viên
5.	Ông Trần Xuân Quân	ThS, Giảng viên, Khoa Kinh tế & Kế toán	Thành viên
Nhóm 2			
1.	Ông Hoàng Mạnh Hùng	ThS, Phó trưởng khoa Kinh tế & Kế toán	Trưởng nhóm
2.	Bà Trần Thị Quanh	ThS, Giảng viên, Khoa Kinh tế & Kế toán	Thư ký
3.	Bà Lê Nữ Như Ngọc	ThS, Giảng viên, Khoa Kinh tế & Kế toán	Thành viên
4.	Bà Lê Vũ Tường Vy	ThS, Giảng viên, Khoa Kinh tế & Kế toán	Thành viên
5.	Ông Lê Văn Tân	ThS, Giảng viên, Khoa Kinh tế & Kế toán	Thành viên
Nhóm 3			
1.	Bà Trương Thị Thanh Phương	TS, Trưởng bộ môn, Khoa Kinh tế & Kế toán	Trưởng nhóm
2.	Bà Lê Mộng Huyền	ThS, Giảng viên, Khoa Kinh tế & Kế toán	Thư ký
3.	Bà Bùi Thị Thanh Hiền	ThS, Giảng viên, Khoa Kinh tế & Kế toán	Thành viên
4.	Ông Đàm Đình Mạnh	ThS, Giảng viên, Khoa Kinh tế & Kế toán	Thành viên
5.	Bà Nguyễn Thị Kim Lê	Chuyên viên, Khoa Kinh tế & Kế toán	Thành viên
Nhóm 4			
1.	Ông Đào Nhật Minh	TS, Giảng viên, Khoa Kinh tế & Kế toán	Trưởng nhóm
2.	Ông Đào Quyết Thắng	TS, Giảng viên, Khoa Kinh tế & Kế toán	Thư ký
3.	Bà Ngô Thị Thanh Thúy	ThS, Giảng viên, Khoa Kinh tế & Kế toán	Thành viên
4.	Bà Nguyễn Văn Trâm	ThS, Giảng viên, Khoa Kinh tế & Kế toán	Thành viên
5.	Bà Trương Thị Hoàng Hoa	Chuyên viên, Khoa Kinh tế & Kế toán	Thành viên
Nhóm 5			
1.	Bà Lê Trần Hạnh Phương	TS, Trưởng bộ môn Khoa Kinh tế & Kế toán	Trưởng nhóm
2.	Bà Lương Thị Thúy Diễm	ThS, Giảng viên Khoa Kinh tế & Kế toán	Thư ký
3.	Bà Trần Thị Yến	ThS, Giảng viên Khoa Kinh tế & Kế toán	Thành viên
4.	Bà Sừ Thị Thu Hằng	TS, Giảng viên Khoa Kinh tế & Kế toán	Thành viên
5.	Ông Cao Tấn Bình	ThS, Giảng viên Khoa Kinh tế & Kế toán	Thành viên

(Danh sách gồm có 25 người). 

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2204/KH-ĐHQN

Bình Định, ngày 08 tháng 9 năm 2021

KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ NGÀNH KẾ TOÁN

1. Mục đích tự đánh giá

- Giúp Nhà trường và Khoa Kinh tế và Kế toán tự rà soát, xem xét, đánh giá thực trạng chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Kế toán, từ đó xây dựng và triển khai các kế hoạch hành động cụ thể nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng chương trình đào tạo, điều chỉnh mục tiêu theo hướng cao hơn cho giai đoạn tiếp theo.

- Là điều kiện cần thiết để Trường đăng ký với tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục tiến tới đánh giá ngoài và đề nghị công nhận chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Kế toán đạt tiêu chuẩn chất lượng.

- Thể hiện tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của Trường trong hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu đã được xác định.

2. Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá tất cả các hoạt động thực hiện chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Kế toán của Khoa Kinh tế & Kế toán theo Bộ Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, giai đoạn 2016-2021 (từ năm học 2016-2017 đến 2020-2021).

3. Công cụ tự đánh giá

- Quy định tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Công văn số 1074/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục Khảo thí và KĐCLGD về việc hướng dẫn sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH;

- Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài CTĐT; Công văn số 774/QLCL-KĐCLGD ngày 10/6/2021 của Cục Khảo thí và KĐCLGD về việc điều chỉnh một số phụ lục của công văn 2085 /QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020.

- Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 về việc thay thế Tài liệu đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH ban hành kèm theo Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD; Tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT (Kèm theo Công văn số

1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng).

4. Hội đồng tự đánh giá (TĐG), Ban Thư ký và các nhóm công tác chuyên trách

Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Kế toán, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách được thành lập theo Quyết định số 2057/QĐ-ĐHQN ngày 25 tháng 08 năm 2021 của Hiệu trưởng trường Đại học Quy Nhơn. Hội đồng TĐG gồm có 17 thành viên, Ban thư ký gồm có 7 thành viên, các nhóm công tác chuyên trách gồm có 25 thành viên (danh sách kèm theo Quyết định số 2057/QĐ-ĐHQN).

5. Phân công nhiệm vụ

TT	Nội dung	Bộ phận thực hiện	Thời gian	Ghi chú
1	Phụ trách Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo; Phụ trách Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo; Phụ trách Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học.	Nhóm 1	Tháng 9-11/2021	
2	Phụ trách Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học; Phụ trách Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học.	Nhóm 2	Tháng 9-11/2021	
3	Phụ trách Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên; Phụ trách Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên.	Nhóm 3	Tháng 9-11/2021	
4	Phụ trách Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học; Phụ trách Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị.	Nhóm 4	Tháng 9-11/2021	
5	Phụ trách Tiêu chuẩn 10: Năng cao chất lượng; Phụ trách Tiêu chuẩn 11: Kết quả	Nhóm 5	Tháng 9-11/2021	

	đầu ra.			
--	---------	--	--	--

6. Kế hoạch huy động các nguồn lực

Để chuẩn bị cho hoạt động tự đánh giá, Hội đồng tự đánh giá cần huy động và sử dụng các nguồn lực sau:

TT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các loại nguồn lực cần được huy động/cung cấp	Thời gian	Ghi chú
1	1, 2, 3	- Rà soát, thu thập và hoàn chỉnh các minh chứng theo Công văn số: 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng đáp ứng yêu cầu các tiêu chuẩn 1, 2 và 3; - Nhóm 1 viết các báo cáo của từng tiêu chí (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết); - Trưởng nhóm 1 tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn 1, 2 và 3.	-Đơn vị phối hợp cung cấp minh chứng: Phòng Đào tạo sau đại học, Phòng Khảo thí & BDCL, Phòng Hành chính tổng hợp, TT CNTT & Truyền thông, Giảng viên, Đơn vị tuyển dụng, cựu học viên, học viên.... -Thành viên quản lý Website của Khoa, của Trường	Tháng 9-11/2021	
2	4, 5	- Rà soát, thu thập và hoàn chỉnh các minh chứng theo Công văn số: 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng đáp ứng yêu cầu các tiêu chuẩn 4 và 5; - Nhóm 2 viết các báo cáo của từng tiêu chí (thu thập thông tin bổ sung nếu cần	-Đơn vị phối hợp cung cấp minh chứng: Phòng Đào tạo sau đại học, Phòng Khảo thí & BDCL, Phòng Công tác chính trị & Sinh viên, TT CNTT & Truyền thông, Ban tuyển sinh Trường, Giảng viên, Đơn vị	Tháng 9-11/2021	

		thiết); - Trưởng nhóm 2 tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn 4 và 5.	tuyển dụng, cựu học viên, học viên....		
3	6, 7	- Rà soát, thu thập và hoàn chỉnh các minh chứng theo Công văn số: 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng đáp ứng yêu cầu các tiêu chuẩn 6 và 7; - Nhóm 3 viết các báo cáo của từng tiêu chí (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết); - Trưởng nhóm 3 tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn 6, 7.	- Đơn vị phối hợp cung cấp minh chứng: Phòng Tổ chức – Nhân sự, Phòng KHCN & HTQT, Giảng viên, ...	Tháng 9-11/2021	
4	8, 9	- Rà soát, thu thập và hoàn chỉnh các minh chứng theo Công văn số: 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng đáp ứng yêu cầu các tiêu chuẩn 8 và 9; - Nhóm 4 viết các báo cáo của từng tiêu chí (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết); - Trưởng nhóm 4 tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn 8 và 9.	- Đơn vị phối hợp cung cấp minh chứng: Phòng Đào tạo sau đại học, Phòng Khảo thí & BDCL, Phòng Cơ sở vật chất, Giảng viên, Đơn vị tuyển dụng, cựu học viên, học viên....	Tháng 9-11/2021	

5	10, 11	- Rà soát, thu thập và hoàn chỉnh các minh chứng theo Công văn số: 1669/QLCL-KDCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng đáp ứng yêu cầu các tiêu chuẩn 10 và 11; - Nhóm 5 viết các báo cáo của từng tiêu chí (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết); - Trưởng nhóm 5 tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn 10 và 11.	- Đơn vị phối hợp cung cấp minh chứng: Phòng Đào tạo sau đại học, Phòng Khảo thí & BDCL, Giảng viên, Đơn vị tuyển dụng, cựu học viên, học viên....	Tháng 9-11/2021	
---	--------	--	--	-----------------	--

7. Thời gian biểu

Thời gian	Các hoạt động
01/9 – 14/9/2021	1. Phổ biến chủ trương triển khai tự đánh giá đến toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên tham gia thực hiện CTĐT. 2. Tổ chức hội thảo/hội nghị về chuyên môn, nghiệp vụ triển khai tự đánh giá cho các cán bộ chủ chốt liên quan. 3. Hội đồng đồng tự đánh giá CTĐT để thông qua: • Bản kế hoạch tự đánh giá CTĐT; • Dự thảo đề cương báo cáo tự đánh giá (dựa trên cơ sở tài liệu hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và điều kiện cụ thể của đơn vị thực hiện CTĐT); • Trình Thủ trưởng cơ sở giáo dục đề nghị phê chuẩn kế hoạch tự đánh giá.
15/9 - 13/10/2021	1. Công bố kế hoạch tự đánh giá đã được phê duyệt, thông báo phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách giúp việc cho Hội đồng. 2. Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng.

	3. Mã hoá các thông tin và minh chứng thu được. 4. Mô tả thông tin và minh chứng thu được. 5. Phân tích, lý giải nội hàm của các minh chứng để xem xét sự phù hợp của minh chứng với các yêu cầu trong từng tiêu chí của tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT.
14/10 - 30/11/2021	1. Các nhóm công tác chuyên trách viết các báo cáo của từng tiêu chí (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết). 2. Trưởng các nhóm chuyên trách tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết)
01/12 - 07/12/2021	Hội đồng tự đánh giá CTĐT: • Xem xét các báo cáo của từng tiêu chuẩn, tiêu chí do các nhóm chuyên trách dự thảo; • Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo tự đánh giá; • Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được; • Xác định các thông tin cần thu thập bổ sung; • Thư ký Hội đồng tập hợp các báo cáo tiêu chuẩn thành dự thảo báo cáo tự đánh giá CTĐT
08/12 - 21/12/2021	1. Hội đồng tự đánh giá CTĐT xem xét dự thảo báo cáo tự đánh giá và đề xuất những chỉnh sửa (nếu cần). 2. Hội đồng tự đánh giá CTĐT họp với các bộ môn, phòng, ban,... để thảo luận về báo cáo tự đánh giá, xin ý kiến góp ý
22/12 - 05/01/2021	1. Công bố bản báo cáo tự đánh giá (đã chỉnh sửa sau góp ý của các bộ môn, phòng, ban) trong nội bộ Trường và Khoa Kinh tế & Kế toán 2. Các bộ môn, phòng ban, cán bộ, giảng viên, nhân viên, người học, đóng góp ý kiến phản biện về báo cáo tự đánh giá
06/01 - 19/01/2021	1. Hội đồng tự đánh giá CTĐT họp để tiếp tục bổ sung và hoàn thiện báo cáo tự đánh giá theo các ý kiến phản biện; 2. Hội đồng tự đánh giá CTĐT thông qua báo cáo tự đánh giá lần cuối và nộp báo cáo cho thủ trưởng cơ sở giáo dục để xem xét.
20/01 - 27/01/2021	1. Trường gửi báo cáo tự đánh giá và công văn cho cơ quan chủ quản, Bộ Giáo dục và Đào tạo. 2. Trường/Khoa bảo quản báo cáo tự đánh giá, lưu giữ các thông tin minh

	chứng theo thứ tự mã minh chứng đã ghi trong báo cáo tự đánh giá, sẵn sàng để hợp đồng với tổ chức KĐCLGD để thẩm định báo cáo tự đánh giá trước khi đánh giá ngoài.
--	--

Đề nghị các đơn vị và cá nhân có liên quan thực hiện nghiêm túc, đầy đủ Kế hoạch này./.

Nơi nhận:

- Hiệu trưởng (để báo cáo);
- Hội đồng TĐG CTĐT thạc sĩ ngành Kế toán; Ban Thư ký và các nhóm công tác chuyên trách;
- Các đơn vị liên quan;
- Lưu: VT, VP, Khoa KTKT, KTBĐCL.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS. Đoàn Đức Tùng